

Tác giả: Alice A. Bailey

**ĐIỂM ĐẠO,
NHÂN LOẠI
VÀ THÁI DƯƠNG
(Initiation, Human and Solar)**

Đánh máy và hoàn chỉnh ngày 26/07/2020



Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

NỘI DUNG

NỘI DUNG	3
ĐỨC PHẬT ĐÃ DẠY	8
LỜI NÓI ĐẦU	9
CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI	12
CHƯƠNG I	13
NHẬN XÉT MỞ ĐẦU	13
Chủ Nghĩa Giáo Điều Và Điểm Đạo.....	13
Ba Sự Kiện Căn Bản Cần Được Nhận Thức	14
Năm Điểm Cần Nhớ	16
Chương 2	22
ĐỊNH NGHĨA ĐIỂM ĐẠO	22
Định Nghĩa Bốn Thuật Ngữ.....	22
Các Khía Cạnh Của Điểm Đạo	25
Nơi chốn và hiệu quả của điểm đạo	29
Sự Nhất Quán, Kết quả của Điểm Đạo	32
Chương 3	34
CÔNG VIỆC CỦA THÁNH ĐOÀN	34
Phát triển ngã thức trong mọi sinh linh.....	34
Phát triển tâm thức trong ba giới thấp	35
Truyền Đạt Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế.....	37
Nêu Gương Cho Nhân Loại.....	38
Chương 4	42
SỰ THÀNH LẬP THÁNH ĐOÀN	42
Sự Xuất Hiện Của Thánh Đoàn Trên Hành Tinh	42
Hiệu Quả Trước Mắt	44

Việc Mở ra Cửa Điểm Đạo	48
Chương 5	52
BA NGÀNH CỦA THÁNH ĐOÀN	52
Công việc của Đức Bàn Cổ.	57
Công việc của Đức Chưởng Giáo Thế Gian, Đức Christ	59
Công việc của Đức Văn Minh, là Đức Mahachohan.	60
Chương 6	66
HUYỀN GIAI CÁC CHÂN SƯ	66
Các phân bộ	66
Một số Chân sư và Công việc của các Ngài	70
Công việc hiện nay	77
Chương 7	80
CON ĐƯỜNG DỰ BỊ	80
Chuẩn bị cho Điểm đạo	80
Phương pháp giảng huấn.	82
Chân sư và Đệ tử	84
Chương 8	89
CON ĐƯỜNG ĐỆ TỬ	89
Mô tả người đệ tử	89
Công việc phải thực hiện.	91
Các quan hệ tập thể.	93
Chương 9	101
CON ĐƯỜNG ĐIỂM ĐẠO	101
Hai cuộc điểm đạo đầu tiên.	101
Hai cuộc điểm đạo tiếp theo.	105
Các cuộc Điểm đạo cuối cùng.	109
Chương 10	114
TÍNH ĐẠI ĐỒNG CỦA ĐIỂM ĐẠO	114
Điểm đạo trên các hành tinh khác nhau	114
Điểm đạo và các Thiên thần	117
Những ảnh hưởng vũ trụ và các cuộc điểm đạo trong thái dương hệ.	118
Chương 11	121
CÁC ĐĂNG THAM DỰ VÀO CÁC BÍ NHIỆM	121

Sự Chứng Thực Của Điểm Đạo	121
Các Đấng Hành Tinh	125
Các vị Trưởng Ngành	131
Chương 12	135
HAI SỰ KHẢI THỊ	135
Sự hiển lộ “Bản tính Thiêng liêng”	136
Sự Tiết Lộ Linh thị	143
Chương 13	151
CÁC ĐIỂM ĐẠO THẦN TRƯỢNG	151
Mục đích của các Quyền Trượng.	155
Hiệu Quả của việc Áp Thần Trượng.	160
A. Trên các thể của Điểm đạo đồ	160
B. Trên thể nguyên nhân hay Chân Ngã thể	161
C. Trên các luân xa.	164
CHƯƠNG 14	168
THỰC HIỆN TUYÊN THỆ	168
Công việc của Huyền giai trong cuộc Điểm đạo.	168
Hai loại Tuyên thệ.	172
Tuyên thệ Điểm đạo.	173
Chương 15	176
TRUYỀN THỤ LINH TỬ	176
Linh tử Thái dương.	176
Việc sử dụng các Linh tử.	182
Chương 16	190
TRUYỀN THỤ CÁC BÍ NHIỆM	190
Bí nhiệm Thất phân.	190
Ba Bí nhiệm Thái dương	195
Sự Khải thị Tuần tự các Bí nhiệm.	195
Chương 17	204
CÁC LOẠI ĐIỂM ĐẠO KHÁC NHAU	204
Các cuộc Điểm đạo Chính yếu và Thứ yếu.	204
Ngày Cơ hội.	210
Chương 18	214
BẢY CON ĐƯỜNG	214

1. Con Đường Phụng Sự trên Địa Cầu. -----	215
2. Con Đường Công Tác Từ Lực.-----	215
3. Con Đường Đào Tạo các Hành Tinh Thượng Đế.-----	216
4. Con Đường đến Sirius.-----	217
5. Con Đường của Cung. -----	217
6. Con Đường mà chính Đức Thái Dương Thượng Đế đang đi.----	219
7. Con Đường Địa Vị Chúa Con Tuyệt Đối (Absolute Sonship). ----	220

Chương 19-----222

CÁC QUI LUẬT DÀNH CHO CÁC ỨNG VIÊN ĐIỂM ĐẠO-----222

CÁC QUI LUẬT DÀNH CHO ỨNG VIÊN -----222

Qui luật 1.-----222

Người đệ tử hãy tìm trong chốn sâu thẳm của tâm hồn mình. Nếu ở đó có ngọn lửa cháy sáng, sưởi ấm cho huynh đệ y chứ không sưởi ấm cho chính y, thì đã đến lúc y xin được đứng trước Cửa Đạo.

----- 222

Qui luật 2.-----223

Khi đã thỉnh cầu dưới ba hình thức, bấy giờ người đệ tử hãy rút ra khỏi sự thỉnh cầu đó, và quên là nó đã được làm. ----- 223

Qui luật 3.-----224

Lời kêu gọi phải có ba phần, và phải phát ra trong thời gian lâu dài. Người đệ tử hãy thốt lên lời kêu gọi bằng qua sa mạc, qua biển cả và qua những ngọn lửa chia cách y với cánh cửa bị che kín và ẩn giấu.----- 224

Qui luật 4.-----225

Người đệ tử hãy trông nom cho ngọn lửa thiêng phát triển, hãy nuôi dưỡng các sinh linh hạ đẳng, và như thế giữ cho bánh xe quay mãi. ----- 225

Qui luật 5.-----225

Ứng viên hãy thấy rằng Thái Dương Thiên Thần làm lu mờ ánh sáng của các nguyệt thần, chỉ còn lại nguồn sáng duy nhất trên bầu trời tiểu vũ trụ.----- 225

Qui luật 6.-----226

Những ngọn lửa thanh luyện cháy lờ mờ và yếu ớt khi giới thứ ba bị hy sinh cho giới thứ tư. Do đó, đệ tử hãy cố giữ đừng lấy mạng sống, và y hãy nuôi dưỡng phần thấp nhất bằng sản phẩm của giới thứ hai.----- 226

Qui luật 7.-----228

Người đệ tử hãy chuyển sự chú ý của y đến việc phát ra các âm thanh vốn vang dội trong những hành lang mà Chân sư tản bộ. Y chớ nên phát ra những nốt thấp kém vốn đánh thức sự rung động

bên trong các phòng Áo ảnh. -----	228
Qui luật 8. -----	230
Khi người đệ tử đến gần Cửa Điểm Đạo, Bảy Cái Lớn phải được đánh thức và mang lại sự đáp ứng từ bảy cái nhỏ trên vòng kép. -----	230
Qui luật 9. -----	232
Người đệ tử hãy tự hòa nhập vào nhóm gồm các bản ngã khác của y . Hãy để cho chỉ một màu sắc hòa hợp họ, và tính thống nhất của họ xuất hiện. Chỉ khi nào nhóm được biết và được cảm nhận thì năng lượng mới có thể được phát ra một cách khôn ngoan. -----	232
Qui luật 10 -----	233
Đạo quân Âm thanh, là hàng ngũ đông đảo các thiên thần, đang làm việc không ngừng. Người đệ tử hãy chú tâm xem xét các phương pháp của họ; y hãy học các qui luật mà Đạo quân này dùng làm việc bên trong các bức màn Áo ảnh. -----	233
Qui luật 11. -----	234
Người đệ tử hãy chuyển lửa từ tam giác thấp lên tam giác cao, và bảo tồn những gì được tạo ra nhờ lửa của điểm trung gian. -----	234
Qui luật 12. -----	236
Người đệ tử hãy học cách dùng bàn tay trong việc phụng sự; y hãy tìm nơi đối bàn chân mình dấu hiệu của vị sứ giả, và hãy học cách thấy bằng con mắt nhìn ra ngoài từ giữa hai mắt kia. -----	236
Qui luật 13. -----	238
Có bốn điều người đệ tử phải học và hiểu trước khi y có thể được cho thấy bí nhiệm sâu kín nhất: thứ nhất, các định luật về những gì phát quang; hai là năm ý nghĩa của sự từ hóa; ba là sự chuyển hóa hay là bí nhiệm thất truyền của khoa luyện kim; và sau hết là chữ đầu tiên của Linh từ đã được truyền thụ, hay là danh xưng ẩn giấu của Chân nhân. -----	238
Qui luật 14. -----	238
Lắng nghe, tiếp xúc, thấy, áp dụng, biết. -----	239
 VẤN ĐÁP GIÁO HUẤN NỘI MÔN-----	240
 NGŨ GIẢI -----	245



[vi]

ĐỨC PHẬT ĐÃ DẠY

Rằng chúng ta không được tin vào một điều gì chỉ do nghe người khác nói, cũng không được tin vào các truyền thống cũ chỉ vì chúng được truyền lại từ thời xa xưa, cũng không được tin vào những lời đồn đại, không tin vào các tác phẩm của các bậc hiền triết chỉ vì đã do các vị hiền triết viết ra, cũng đừng tin vào các tượng tượng rằng chúng ta có thể nghi là đã được một vị Thiên Thần truyền cảm hứng cho chúng ta (nghĩa là, nguồn cảm hứng tinh thần được dự đoán), đừng tin vào các suy đoán do chính chúng ta tình cờ giả định, cũng đừng tin vào những gì có vẻ là một quy luật tất yếu tương tự, cũng không tin chỉ vì nó mang thẩm quyền của các tôn sư hoặc các chân sư của chúng ta. Nhưng chúng ta hãy tin khi tác phẩm, giáo lý, hay lời giáo huấn được chứng thực của lý trí và ý thức của chính chúng ta. Rồi Ngài kết luận rằng: “Ta dạy các người chớ tin chỉ vì người đã nghe về những điều đó, mà một khi người đã tin vào ý thức của người, thì hãy hành động theo và thật viên mãn”.

(GLBN III, 401)



Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

[vii]

LỜI NÓI ĐẦU

Điểm đạo là một chủ đề có sức hấp dẫn rất lớn đối với các nhà tư tưởng của tất cả mọi trường phái, và ngay đến những người còn hoài nghi và chỉ trích, họ cũng muốn tin rằng sự thành đạt tối hậu này có thể xảy ra. Với những người không tin có thể có một mục tiêu như thế thì sách này cố gắng hiến cho họ những gì đáng được xem là một giả thuyết thú vị. Còn những người kỳ vọng rằng đó là sự kết thúc hoàn hảo của tất cả những điều họ cố gắng, thì xin hiến cho họ sách này, ước mong nó sẽ là một sự giúp đỡ và nguồn hứng khởi.

Hiện nay trong các nhà tư tưởng ở Đông Phương có nhiều quan điểm rất khác nhau về chủ đề quan trọng này. Có những người nghĩ rằng nó chưa đủ mức quan trọng tức thời để thu hút sự chú ý của họ, và cho rằng nếu một người bình thường chăm lo làm bốn phận và hết lòng tận tụy với công việc đang đảm trách thì đến đúng lúc y sẽ đạt đến đích. Điều này hiển nhiên là đúng, thế nhưng, bởi vì việc tăng thêm khả năng phụng sự và sự phát triển các năng lực dùng để trợ giúp nhân loại vốn là phần thưởng cho những người nào sẵn lòng nỗ lực lớn lao hơn, và đáp ứng được các đòi hỏi gặt gao của điểm đạo, nên có lẽ sách này có thể khuyến khích một số người tiến tới mức thành đạt, mà nếu không, thì hẳn họ đã trôi giạt chậm chạp về phía mục tiêu. Bấy giờ họ sẽ trở thành người ban ra, chứ không phải là người thọ lãnh sự giúp đỡ.

Lại có những người cho rằng nhiều giáo lý từ trước đến nay được đưa ra trong các loại sách về điểm đạo [viii] là sai lầm. Người ta đã cho thấy điểm đạo có vẻ khá dễ đạt được, và không cần sự chính xác về tính cách như đã được dự kiến.

Các chương sau có thể dùng để cho thấy rằng lời chỉ trích đó không phải là không xác đáng. Điểm đạo là điều rất khó đạt, và đòi hỏi trọn cả phạm tính phải có giới luật nghiêm ngặt, và một cuộc sống hiến dâng trong khiêm tốn và từ bỏ. Đồng thời phải nhớ rằng giáo huấn trước đây căn bản vẫn đúng, dù việc lý giải đã làm giảm đi giá trị của điểm đạo.

Ngoài ra, có một số người quan tâm, nhưng họ cảm thấy các khả năng điểm đạo còn quá cao xa đối với họ, nên họ không nhất thiết phải chú tâm vào các khả năng đó trong giai đoạn tiến hóa của họ hiện nay. Sách này nhằm nêu rõ rằng, ở ngay vị thế hiện tại, một người bình thường có thể bắt đầu lập đức hạnh và đặt nền móng cho những hiểu biết cần thiết, ngay cả trước khi họ có thể bước vào Con Đường Đệ Tử. Hiện nay có thể làm công việc chuẩn bị thích hợp, và những người nam và nữ ở khắp nơi – nếu muốn – họ có thể tự chuẩn bị điều kiện của tư cách người đệ tử và bước vào Con Đường Dự Bị.

Hàng trăm, hàng ngàn người ở Đông Phương và Tây Phương đang tiến bước hướng tới mục tiêu này, và do thống nhất về mặt lý tưởng, cùng chung nguyện vọng và nỗ lực, họ sẽ gặp nhau trước Cửa Đạo duy nhất. Chùng ấy họ sẽ nhìn nhau là huynh đệ, chỉ bị phân cách do ngôn ngữ, và có vẻ khác biệt do tín ngưỡng, nhưng trong nền tảng, họ cùng nắm giữ một Chân Lý duy nhất, và phụng sự cùng một Đấng Thượng Đế.

Alice A. Bailey.

New York 1922

[xiv]

ĐỒ HÌNH III			
Bảy cõi của Thái Dương hệ chúng ta			
CỐI HỒNG TRẦN VŨ TRỤ	I		
	Cối Thiêng Liêng Cối Tối Đại Niết Bàn (ADI) hay cõi của Thượng Đế Cối Dĩ Thái Vũ trụ thứ nhất		
	II		
	Cối Chân Thần Cối Đại Niết Bàn (ANUPADAKA) Cối Dĩ Thái Vũ trụ thứ nhì		
	Hoạt Động	Minh Triết	
	III		
	Cối Tinh Thần Cối Atma Cối Dĩ Thái Vũ trụ thứ ba		
	IV		
	Trực Giác Cối Bồ Đề Cối Dĩ Thái Vũ trụ thứ tư		
	V		
	Trí Cối Trí Chất Khí Vũ Trụ		
	Trí tuệ - Nguyên tử thường tồn thượng trí		
	△ Chân ngã (Linh hồn)		
	◦ Nguyên tử thường tồn hạ trí		
	VI		
	Tinh cảm Cối Cảm Dục Chất Lồng Vũ Trụ		
	◦ Nguyên tử thường tồn cảm dục		
	VII		
	Hồng Trần	Nguyên tử thường tồn hồng trần	Dĩ thái 1
	Cối Trần		Dĩ thái 2
	Chất Đặc Vũ Trụ		Dĩ thái 3
			Dĩ thái 4
			Chất hơi
			Chất lỏng
			Chất đặc
Cấu tạo của con người			

Chân Thần
Tam Thượng Thế Tinh Thần
Phạm Ngã

[xv]

CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI

Cấu tạo của con người, như được xem xét trong những trang sau đây, cơ bản gồm có ba phần như sau:

I. Chân Thần, hay Tinh thần thuần khiết (pure Spirit), hay là Cha ở trên Trời (Father in Heaven).

Trạng thái này phản ánh ba trạng thái của Thượng Đế:

1. Ý Chí hay Quyền Lực Đức Chúa Cha.
2. Bác ái-Minh triết Đức Chúa Con.
3. Thông Tuệ-Linh Hoạt Chúa Thánh Thần.

và chỉ được tiếp xúc với trạng thái này vào những lần điểm đạo cuối cùng, khi hành giả gần đến mức cuối cuộc hành trình và trở nên hoàn thiện. Chân Thần lại tự phản ánh trong

II. Chân Nhân (Ego), Chân Ngã (Higher Self), hay là cái Ta cao siêu (Individuality)

Trạng thái này có tiềm năng là

1. Ý Chí Tinh thần Linh thể
(Atma).
2. Trực giác Bồ đề.
Bác ái-Minh triết, nguyên khí Christ.
3. Thượng Trí hay Trí trù tượng Thượng trí.

Trong những người tiến hóa cao, Chân Nhân bắt đầu phát lộ quyền lực của mình, và ngày càng tăng trên Đường Dự Bị, cho đến trước lần điểm đạo thứ ba thì Chân Ngã hoàn toàn chế ngự được phàm ngã, và trạng thái cao nhất bắt đầu phát lộ năng lượng.

Chân Nhân tự phản ánh trong

III. Phàm Ngã, hay phàm nhân, con người hồng trần

Trạng thái này cũng tam phân:-

1. Thể trí Hạ trí.
2. Thể tình cảm Thể cảm dục.
3. Thể hồng trần Thể xác và dĩ thái.

Do đó, mục đích của cuộc tiến hóa là làm cho con người ý thức được trạng thái Chân Ngã để chế ngự phàm tính.

[1]

CHƯƠNG I

NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

Trong các phần sau đây, trước khi bàn đến chủ đề Điểm Đạo, về các con đường mở ra trước bậc đã hoàn thiện, và về Thánh Đoàn Huyền Linh, chúng ta nên xác định một số vấn đề dường như thiết yếu cho việc nghiên cứu kỹ và hiểu thấu đáo các ý tưởng được trình bày.

Chủ Nghĩa Giáo Điều Và Điểm Đạo

Phải nhìn nhận rằng trong sách này có đưa ra những sự kiện và những điều minh định mà độc giả chưa thể có được bằng chứng. Vì e ngại có thể bị qui kết là tự xưng mình có uy tín hay thẩm quyền cá nhân nào đó về các kiến thức hàm chứa trong sách, nên tác giả dứt khoát từ bỏ mọi khẳng định hay tuyên bố thuộc loại này. Tác giả không thể làm sao khác hơn là trình bày những điều đó như các sự kiện có thực. Tuy nhiên, tác giả muốn khuyên những ai nhận thấy sách này có phần nào giá trị, là chớ nên bất bình vì bất cứ điều gì có vẻ giáo điều trong lối trình bày, cũng như đừng để cho sự bất toàn của phạm ngữ của tác giả ngăn cản việc cứu xét một cách cởi mở, vô tư bức thông điệp mà tên tuổi của tác giả tình cờ được gắn vào. Trong các vấn đề tinh thần, thì danh xưng, những lời chỉ trích cá nhân, và tiếng nói của [2] thẩm quyền từ bên ngoài đều không có gì quan trọng. Chỉ có những điều nào được bảo đảm bởi các nhận thức và định hướng nội tâm mới là sự hướng dẫn an toàn. Bởi vậy, dù cho độc giả có đón

nhận thông điệp chứa trong các trang sách này như là lời kêu gọi tinh thần dưới một hình thức lý tưởng, hoặc là việc trình bày các sự kiện giả định, hay là một luận thuyết do một môn sinh thảo ra và trao cho các bạn đồng môn xem xét, thì cũng chẳng sao. Sách này được hiến cho mỗi độc giả để xem nó có khơi dậy được sự ứng đáp nào trong tâm họ, hay nó có thể mang lại cho họ những nguồn ánh sáng và cảm hứng nào không.

Trong thời đại hiện nay, khi các hình thức cũ đang tan rã và hình thức mới được tạo nên, chúng ta cần có tính thích nghi. Chúng ta phải tránh nguy cơ của sự kết tinh bằng thái độ uyển chuyển và cởi mở. “Trật tự cũ đã thay đổi”, nhưng đó chính yếu là một sự thay đổi kích thước và chiều hướng, chứ không phải ở bản chất hay nền tảng. Những điều cơ bản vẫn luôn luôn đúng. Mỗi thế hệ có phận sự bảo tồn các tinh hoa của hình thức cũ đã được mền yêu, nhưng cũng phải khôn ngoan mà phát triển và làm cho chúng thêm phong phú. Mỗi chu kỳ phải góp thêm thành quả của mình trong các nỗ lực khoa học, các công trình khảo cứu sâu rộng hơn, và loại bỏ những gì đã lỗi thời, không còn giá trị. Mỗi thời đại phải thêm vào đó những sản phẩm, những thành tựu vẻ vang trong giai đoạn của mình, và loại trừ những cặn bã của quá khứ có thể làm lu mờ các đường lối thiêng liêng. Trên hết mọi sự, mỗi thế hệ được ban cho niềm vui khi thể hiện sức mạnh của các nền tảng cũ, và có cơ hội xây dựng trên đó một cấu trúc mới đáp ứng được các nhu cầu của sự sống nội tại đang tiến hóa.

Ba Sự Kiện Căn Bản Cần Được Nhận Thức

Những ý tưởng được minh định ở đây có sự chứng thực

của chúng qua một số sự kiện đã được phát biểu trong các tác phẩm huyền bí hiện nay vẫn còn. Có ba sự kiện, được kể ra như sau:

a. Để tạo nên mặt trời và bảy hành tinh thánh thiện hợp thành thái dương hệ chúng ta, Thái Dương Thượng Đế sử dụng vật chất đã thấm nhuần một số phẩm tính nào đó. Trong cuốn sách *Các Đấng Hóa Thân (Avatars)* của bà Besant, (mà một số [3] người trong chúng ta cho là có giá trị nhất trong tất cả các tác phẩm của bà, vì nó gợi ý nhiều nhất), bà Besant khẳng định rằng “Thái dương hệ của chúng ta được kiến tạo bằng loại vật chất đã hiện hữu, bằng loại vật chất đã được phú cho một số đặc tính ...” (trang 48 bản tiếng Anh). Vì thế chúng ta suy ra rằng vật chất này hàm chứa một số năng lực tiềm ẩn bị buộc phải biểu lộ theo một cách đặc thù, theo luật Nhân Quả, cũng như mọi thứ khác trong vũ trụ.

b. Toàn cuộc biểu hiện có bản chất thất phân, và Ánh Sáng Trung Ương mà chúng ta gọi là Thượng Đế, Cung (Ray) duy nhất của Thiên Tính, trước nhất biểu hiện thành Tam Vị Nhất Thể (Triplcity), rồi sau đó là Thất Nguyên (Septenary). Đấng Thượng Đế Duy Nhất biểu lộ thành Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và cả ba vị này lại được phản ánh qua Bảy Tinh Quân trước Thánh Tòa, hay là bảy Hành Tinh Thượng Đế. Các môn sinh huyền bí học không có nguồn gốc Thiên Chúa giáo có thể gọi các Đấng này là Cung Duy Nhất, thể hiện qua ba Cung chính và bốn Cung phụ, tạo thành một Thất Nguyên thiêng liêng. Cung Tổng Hợp hòa trộn tất cả là Cung Bác ái-Minh triết vĩ đại, bởi vì quả thật: “Thượng Đế là Bác Ái”. Đây là Cung màu chàm và là Cung hòa hợp. Đây là Cung mà vào cuối đại chu kỳ sẽ hấp thu các Cung kia khi đã thành tựu được sự hoàn thiện tổng hợp. Đây là sự biểu hiện

trạng thái thứ hai của Sự sống Thượng Đế. Chính trạng thái này, là trạng thái Kiến Tạo Hình Thể, khiến cho thái dương hệ chúng ta trở thành hệ thống cụ thể nhất trong ba hệ thái dương chính yếu. Trạng thái Bác ái hay Minh triết thể hiện qua việc kiến tạo hình hài, vì “Thượng Đế là Bác ái”, và trong Thượng Đế Bác ái này, chúng ta “sống, vận động và hiện tồn”, và sẽ tiếp tục như thế cho đến cuối cuộc biểu lộ vô tận.

c. Bảy cõi của Sự Biểu Lộ Thiên Liêng, hay bảy cõi chính của thái dương hệ chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi vũ trụ thấp nhất. [4] Tương tự như vậy, bảy Cung mà chúng ta nghe nói nhiều, và nắm giữ rất nhiều tầm quan trọng và bí nhiệm, chỉ là bảy cung phụ của một Cung vũ trụ. Chính mười hai Huyền Giai sáng tạo chỉ là các nhánh phụ của một Huyền Giai vũ trụ. Chúng tạo thành một hợp âm trong bản giao hưởng vũ trụ. Khi hợp âm vũ trụ thất phân đó, mà trong đó chúng ta chỉ là một phần rất nhỏ, ngân vang trong sự hoàn thiện tổng hợp, thì chừng đó và chỉ chừng đó, chúng ta mới hiểu được các lời trong Thánh Thư Job: “Những ngôi sao mai đã cùng hòa ca”. Hiện nay sự bất hòa vẫn còn vang rền, và sự xung khắc vẫn còn nổi lên từ nhiều thái dương hệ, nhưng qua những chu kỳ lâu dài, một sự hài hòa sẽ tuần tự kết thành, rồi sẽ đến ngày mà (nếu chúng ta có thể dùng thời gian để nói về các chu kỳ vĩnh cửu) âm thanh của vũ trụ hoàn thiện sẽ vang dội đến tận những ranh giới ngoài cùng của các chòm sao xa xôi nhất. Bấy giờ người ta sẽ biết được bí nhiệm của “ca khúc phối ngẫu của các cõi trời”.

Năm Điểm Cần Nhớ

Độc giả được yêu cầu phải nhớ và cân nhắc một số ý tưởng trước khi tiến hành nghiên cứu về Điểm Đạo. Vì sự vô

cùng phức tạp của vấn đề nên chúng ta hoàn toàn không thể làm gì hơn là đạt đến một ý niệm tổng quát về cơ tiến hóa; bởi vậy có thái độ giáo điều cũng chỉ vô ích. Chúng ta chỉ có thể cảm nhận một phần của cái toàn thể kỳ diệu, hoàn toàn vượt quá nhận thức của chúng ta, – một toàn thể mà ngay đến vị Thiên Thần cao cả nhất, hay một Đấng Trọn Lành, cũng chỉ mới bắt đầu ý thức được. Khi chúng ta nhận ra sự thật là hiện nay, một người bình thường chỉ hoàn toàn có ý thức trên cõi hồng trần, có ý thức gần đầy đủ trên cõi cảm dục, và chỉ đang phát triển tâm thức trên cõi trí tuệ, thì hiển nhiên là y chỉ hiểu được những điều cơ bản của các dữ kiện vũ trụ. Khi chúng ta nhận biết thêm rằng *có ý thức* trên một cõi và *chế ngự* được cõi đó là hai điều kiện rất khác nhau, thì rõ ràng là còn biết bao lâu nữa chúng ta mới có thể thấu hiểu được nhiều hơn cái xu hướng tổng quát của hệ thống vũ trụ.

[5]

Chúng ta cũng phải nhận ra mối nguy ẩn trong giáo điều và các sự kiện hẹp hòi bảo thủ trong sách vở, và biết rằng chúng ta chỉ được an toàn khi có ý thức linh động và nhìn vấn đề dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Chẳng hạn, một sự kiện xét theo lập trường của nhân loại (từ “sự kiện” (“fact”) được dùng theo nghĩa khoa học, tức là điều đã được chứng minh, không còn gì nghi ngờ, thắc mắc) thì có thể không phải là một sự kiện theo lập trường của một vị Chân Sư. Đối với Ngài, nó có thể chỉ là một phần của một sự kiện lớn hơn, chỉ là một bộ phận của cái toàn thể. Vì tầm nhìn của Ngài thấu đến bề đo thứ tư và thứ năm, nên nhận thức của Ngài về giá trị của thời gian trong vĩnh cửu phải đúng đắn hơn chúng ta. Ngài thấy các sự vật từ trên xuống dưới, và ở cương vị của một người thấy thời gian không tồn tại.

Một nguyên lý biến dịch chưa thể giải thích được vẫn tồn tại trong Trí Thượng Đế, hay Thượng Đế của thái dương hệ chúng ta, và chi phối mọi hành động của Ngài. Chúng ta chỉ thấy các hình thể hằng thay đổi, và thoáng thấy sự sống thường hằng tiến hóa bên trong các hình thể đó, nhưng vẫn chưa tìm ra manh mối của cái nguyên lý tác động xuyên qua chiếc kính vạn hoa luôn luôn biến chuyển gồm các thái dương hệ, các cung, các huyền giai, hành tinh, cõi, hệ thống, các vòng tuần hoàn, các giống dân chính và các giống dân phụ. Tất cả đều đan vào nhau, liên kết nhau, xuyên thấu lẫn nhau, khiến chúng ta hoàn toàn sững sờ trước mô hình kỳ diệu của chúng bày ra trước mắt. Chúng ta biết rằng giới nhân loại chúng ta có một vị thế nào đó trong đại cuộc. Thế nên tất cả những gì chúng ta có thể làm là nắm lấy bất cứ dữ liệu nào có vẻ ảnh hưởng đến phúc lợi của chính chúng ta, liên quan đến cuộc tiến hóa của chính chúng ta, và từ việc nghiên cứu về con người trong tam giới ⁽¹⁾, tìm cách thấu hiểu phần nào về đại vũ trụ. Chúng ta không biết cách nào mà một có thể trở thành ba, ba trở thành bảy, và cứ thế mà tiếp diễn đến mức biến phân vô tận. Với tầm mắt của nhân loại thì sự đan kết cấu thành thái dương hệ thật phức tạp không thể tưởng, mà chìa khóa thì dường như chưa thể tìm thấy trong thời gian tới. Từ tầm nhìn của một vị Chân Sư, chúng ta thấy tất cả đều đang diễn biến trong một trình tự chuẩn mực. Theo quan điểm thiêng liêng, ta sẽ thấy toàn thể [6] đang vận hành một cách nhất quán hài hòa, tạo nên một hình thể chính xác về mặt hình thức. Browning đã thấu được một phần chân lý này khi ông viết:

¹ Tam giới: Ba cõi thấp của thái dương hệ: cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi trí.

“Tất cả đều biến đổi, tuy nhiên, lại thường tồn”... và ông tiếp

“Chân lý ở nội tâm, và ở ngoại cảnh, đều là chân lý, trong đó cái giả tạm thì biến đổi, còn chân lý thì thường tồn.”

“Chân lý liên tục biểu hiện, luôn luôn ở một mức cao hơn cách phô bày trước đó...”

Chúng ta cũng phải nhớ rằng vượt quá một giới hạn nào đó thì là không an toàn mà cũng không khôn ngoan khi truyền đạt các sự kiện về thái dương hệ. Nhiều điều còn phải được giữ kín ở cấp nõi môn. Biết quá nhiều còn nguy hiểm hơn là biết quá ít. Kiến thức bao hàm trách nhiệm và quyền lực, – hai điều mà nhân loại còn chưa sẵn sàng. Thế nên chúng ta chỉ có cách là nghiên cứu và liên hệ lại với mức độ minh triết và phán đoán đúng đắn có được nơi mình, sử dụng phần kiến thức có thể nhận được cho lợi ích của những người mà ta tìm cách giúp đỡ, và nhận biết rằng, khi sử dụng kiến thức một cách khôn ngoan, chúng ta sẽ càng ngày càng có khả năng tiếp nhận nguồn minh triết ẩn tàng. Song song với việc áp dụng khôn ngoan các kiến thức và nhu cầu của môi trường chung quanh, còn phải phát triển tính dè dặt cẩn trọng và dùng khả năng phân biện. Khi chúng ta có thể sử dụng khôn ngoan, thận trọng giữ gìn các hiểu biết, và phân biện đúng đắn, thì đó là bảo đảm chắc chắn nhất đối với các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng chúng ta đã sẵn sàng cho một sự thiên khai mới.

Chúng ta phải chấp nhận sự kiện rằng việc nghiên cứu luật tương ứng hay tương đồng là phương cách duy nhất để có thể tìm ra manh mối bí nhiệm của các cung, các hệ thống, và các huyền giai. đó là sợi chỉ duy nhất có thể giúp chúng ta

tìm đường qua mê lộ, và [7] là tia sáng duy nhất chiếu xuyên qua sự tối tăm của bức màn vô minh bao phủ chúng ta. H.P. Blavatsky đã nói như thế trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, nhưng cho đến nay các môn sinh vẫn chưa cố gắng bao nhiêu để lợi dụng được manh mối đó. Khi nghiên cứu Luật này, chúng ta cần nên nhớ rằng có sự tương ứng vốn ở trong nền tảng chứ không ở sự thể hiện của các chi tiết bề ngoài, như chúng ta tưởng mình thấy được theo quan điểm hiện nay. Một lẽ là yếu tố thời gian làm chúng ta lạc hướng; chúng ta sai lầm khi cố ấn định rõ những thời khoảng hoặc giới hạn, mà trong cuộc tiến hóa, thì tất cả đều tiến triển thông qua sự hòa hợp, với một diễn trình luôn luôn chòng chéo và pha trộn lẫn nhau. Người môn sinh bình thường chỉ có thể nhận ra các điểm tương đồng cơ bản và những điều tổng quát mà thôi. Ngay khi y toan giản lược các điều đó thành những sơ đồ và bảng biểu chi tiết, là y bước vào các lĩnh vực dễ bị sai lầm, đi quanh co qua đám sương mù mà cuối cùng sẽ lạc lối trong đó.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu luật tương đồng một cách khoa học, kiến thức của chúng ta sẽ tăng dần, và khi từ từ được tích lũy, các sự kiện sẽ dần dà hợp thành một hình thể ngày càng rộng lớn, chứa đựng nhiều chân lý. Bấy giờ người môn sinh sẽ nhận biết rằng, sau tất cả các cố gắng nghiên cứu, ít ra y cũng có được một ý niệm tổng quát về hình tư tưởng của Thượng Đế, để có thể gắn vào đó các chi tiết y hoạch đặc qua nhiều kiếp luân hồi. Điều này đưa chúng ta đến điểm chót cần được xem xét trước khi đi vào chính chủ đề, đó là:

Sự phát triển của con người chỉ là chuyển từ một trạng thái tâm thức này sang một trạng thái khác. đó là một loạt

những sự mở rộng, một sự tăng trưởng khả năng *ý thức* vốn là đặc tính quan trọng nhất của Chủ Thể Tư Tưởng nội tâm. Đó là sự tiến triển từ mức tâm thức được an trú trong phạm ngã, bản ngã thấp, hay con người, đến mức tâm thức được an trú vào Chân Ngã, Chân Nhân, hay linh hồn, rồi đến một sự an trú vào Chân Thần, hay Tinh thần, mãi cho đến cuối cùng là tâm thức [8] Thiêng Liêng. Trong quá trình phát triển của con người, trước hết, năng lực *ý thức* mở rộng vượt qua những giới hạn giữ nó lại trong các giới thấp của thiên nhiên (khoáng chất, thực vật, và động vật), đến ba cõi tiến hóa của của phạm ngã, đến hành tinh mà y có vai trò trong đó, rồi đến thái dương hệ mà hành tinh này quay trong đó, cho đến cuối cùng nó vượt khỏi chính thái dương hệ và trở thành tâm thức vũ trụ.



[9]

Chương 2

ĐINH NGHĨA ĐIỂM ĐẠO

Điểm đạo là một vấn đề ngày càng được công chúng biết đến nhiều hơn. Chẳng còn mấy thế kỷ nữa, các bí nhiệm thời cổ sẽ được phục hồi, và một tổ chức nội môn sẽ tồn tại trong Giáo Hội – Giáo Hội của thời kỳ mà hạt nhân của nó đã đang thành hình – trong đó cuộc điểm đạo thứ nhất trở nên công truyền; chỉ theo ý nghĩa này, là chẳng bao lâu nữa cuộc điểm đạo thứ nhất sẽ là thánh lễ cao nhất của Giáo Hội, được thực hiện ở ngoại môn, như là một trong các bí nhiệm được truyền đạt vào những thời kỳ nhất định, với sự tham dự của những người có liên quan. Nó cũng sẽ giữ vai trò tương tự trong nghi thức của các hội viên Tam Điểm. Trong cuộc lễ này, những người đã sẵn sàng cho cuộc điểm đạo lần thứ nhất sẽ được công khai nhận vào Huyền Giai (Lodge) bởi một trong các thành viên của Huyền Giai, được chính Đấng Điểm Đạo ủy quyền cho làm như thế.

Định Nghĩa Bốn Thuật Ngữ

Chúng ta muốn nói đến điều gì khi đề cập đến Điểm Đạo, đến minh triết, đến tri thức và đến con đường Dự Bị? Chúng ta dùng các từ này quá dỗi hời hợt mà không xem xét đúng mức ý nghĩa của chúng. Chẳng hạn, hãy chọn thuật ngữ được đề cập trước tiên. Có biết bao nhiêu định nghĩa và giải thích đã được đưa ra về phạm vi, các bước chuẩn bị, về công việc phải làm giữa các cuộc điểm đạo, với các kết quả và hiệu quả. Điều trước hết, mà một môn sinh dù tầm thường

nhất cũng thấy rõ, là vấn đề này rộng lớn đến nỗi muốn bàn về nó một cách thỏa đáng [10] thì cần phải có khả năng viết theo quan điểm của một điểm đạo đồ; nếu không thì bất cứ điều gì nói ra, dù hữu lý, hợp lý, thú vị, hoặc nhiều gợi ý, vẫn không đủ sức thuyết phục.

Từ *Điểm Đạo (Initiation)* do hai từ La tinh, *in*, là nhập vào, và *ire*, là đi; do đó, nó có nghĩa là *khởi sự*, hay nhập vào một điều gì. Trong trường hợp chúng ta đang nghiên cứu, nó biểu thị nghĩa rộng nhất là *việc nhập vào đời sống tinh thần*, hay *nhập vào một giai đoạn mới của cuộc sống này*. Đó là bước đầu tiên, và những bước tiếp theo trên Thánh đạo. Thế nên, theo sát nghĩa, một người đã được điểm đạo lần thứ nhất là người đã thực hiện bước đầu tiên vào giới tinh thần, đã dứt khoát ra khỏi giới nhân loại để nhập vào giới siêu nhân loại. Giống như y đã chuyển từ giới động vật sang giới nhân loại vào lúc biệt ngã hóa, cũng thế, y đã nhập vào cuộc sống tinh thần, và lần đầu tiên y có quyền được gọi là một “người tinh thần” theo nghĩa chuyên môn của từ này. Y đang đi vào giai đoạn thứ năm hay giai đoạn cuối cùng của cuộc tiến hóa năm giai đoạn của chúng ta hiện nay. Sau khi đã lần mò tìm đường đi qua phòng Vô Minh trong nhiều thời đại, và đã học hỏi trong Phòng Học Tập, nay y đang đi vào đại học, hay Phòng Minh Triết. Khi y đã trải qua trường này, y sẽ tốt nghiệp với trình độ là một Chân Sư Từ Bi.

Tương cũng hữu ích nếu trước hết chúng ta nghiên cứu sự khác biệt hay sự liên quan giữa *Kiến Thức*, *Hiểu biết*, và *Minh triết*. Dù rằng trong ngôn ngữ thông thường, chúng thường được dùng thay đổi lẫn nhau, nhưng chúng không giống nhau khi dùng theo nghĩa chuyên môn.

Kiến Thức là sản phẩm của Phòng Học Tập. Có thể định nghĩa từ này là toàn thể những phát minh và kinh nghiệm

của con người, những gì có thể được nhận biết bằng năm giác quan, có thể dùng [11] trí năng của con người để liên hệ, giải đoán và định nghĩa. Đó là những điều mà ta cảm thấy chắc chắn trong trí và có thể biết được qua thí nghiệm. Đó là toàn bộ các nghệ thuật và khoa học, bao gồm tất cả những gì liên quan đến việc kiến tạo và phát triển phương diện hình tướng của sự vật. Vì thế *kiến thức* liên quan đến khía cạnh vật chất của cuộc tiến hóa, vật chất trong thái dương hệ, trong hành tinh này, trong ba cõi tiến hóa của nhân loại, và trong các thể của con người.

Minh triết là sản phẩm của Phòng Minh triết. Nó liên quan đến sự phát triển của sự sống bên trong hình thể, đến sự tiến bộ của tinh thần thông qua các vận cụ vô thường, và đến những sự mở rộng tâm thức nối tiếp nhau từ kiếp này sang kiếp khác. Nó liên quan đến khía cạnh sự sống của sự tiến hóa. Vì nó liên quan đến bản thể của sự vật chứ không phải với chính sự vật, nên nó là sự thấu hiểu chân lý bằng trực giác, độc lập với khả năng lý luận, và là nhận thức bẩm sinh có thể phân biệt đúng với sai, chân với giả. Minh triết còn hơn thế, bởi vì đó cũng là khả năng của Chủ Thể Tư Tưởng có thể ngày càng thâm nhập vào thể trí của Thượng Đế, nhận thức ý nghĩa sâu sắc đích thực của hoạt cảnh vĩ đại của vũ trụ, hình dung được mục tiêu, và ngày càng hài hòa với mức độ cao hơn. Đối với mục đích hiện nay của chúng ta (là nghiên cứu phần nào về Thánh đạo và các giai đoạn khác nhau trong đó), có thể mô tả minh triết là nhận thức được “Thiên Giới ở nội tâm” và hiểu được “Thiên Giới ở ngoại cảnh” trong thái dương hệ. Cũng có thể nói đó là sự dần dần hòa hợp các đường lối của nhà thần bí và nhà huyền bí – là việc xây dựng ngôi đền minh triết trên nền tảng kiến thức.

Minh triết là khoa học về tinh thần, giống như kiến thức

là khoa học về vật chất. Kiến thức thì có tính phân cách và khách quan, trong khi minh triết thì có tính tổng hợp và chủ quan. Kiến thức thì chia ra, còn minh triết thì thống nhất. Kiến thức thì phân hóa [12] trong khi minh triết thì hợp nhất.

Vậy thì từ *hiểu biết* có ý nghĩa gì?

Có thể định nghĩa *hiểu biết* là năng lực của Chủ Thể Tư Tưởng trong Thời Gian để hoạch đắc kiến thức làm nền tảng cho minh triết, giúp y có thể làm cho các sự vật sắc tướng thích ứng với sự sống tinh thần, có thể đón nhận các chớp lóe của sự cảm hứng đến với y từ Phòng Minh triết, và liên kết chúng với các sự kiện của Phòng Học Tập. Toàn bộ ý niệm này có thể được diễn đạt như sau:

Minh triết liên quan đến Đại Ngã duy nhất, còn kiến thức thì liên quan đến phi ngã, trong khi sự hiểu biết là quan điểm của Chân Ngã hay Chủ Thể Tư Tưởng, hay là mối quan hệ giữa chúng.

Trong Phòng Vô Minh, thì hình hài kiểm soát, và phương diện vật chất của các sự vật có ưu thế. Ở đó con người được an trụ trong phàm ngã hay bản ngã thấp. Trong Phòng Học Tập, Chân Nhân hay Chân Ngã phấn đấu để thống trị hình tướng cho đến khi dần dần đạt được một mức thăng bằng, khi đó con người hoàn toàn không còn bị bên nào kiểm soát. Về sau, Chân Nhân ngày càng chế ngự, cho đến khi, trong Phòng Minh triết, nó thống trị trong ba cõi thấp, và thiên tính vốn có ngày càng tăng mức độ ưu thế.

Các Khía Cảnh Của Điểm Đạo

Điểm Đạo, hay quá trình của việc trải qua sự mở rộng tâm thức, là một phần của diễn trình phát triển tiến hóa bình thường, được xem xét trên một qui mô lớn. Khi được xem xét từ quan điểm cá nhân, nó đã bị thu hẹp xuống tới thời khắc

mà trong đó đơn vị tiến hóa hiểu rõ ràng (nhờ nỗ lực của chính y và nhờ những lời khuyên bảo, gợi ý của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại), y đã có một phạm vi kiến thức có [13] một bản chất nội tâm, theo quan điểm cõi trần. Điều đó có bản chất của kinh nghiệm mà trong đó một học sinh trong một trường học thành lĩnh nhận thức rằng y đã làm chủ một bài học, đã có cơ sở hợp lý của chủ đề và phương pháp của tiến trình, để sử dụng một cách thông minh. Những khoảnh khắc nhận thức sáng suốt này đi theo Chân Thần đang tiến hóa trong suốt cuộc hành hương lâu dài của nó. Điều đã bị diễn giải có phần sai lầm ở giai đoạn ý thức này là, vào các thời kỳ khác nhau, sự chú trọng được đặt vào những trình độ mở rộng khác nhau, và Thánh Đoàn luôn luôn cố gắng đưa nhân loại đến mức mà các đơn vị của nhân loại sẽ có một ý tưởng nào đó về bước kế tiếp cần thực hiện.

Mỗi cuộc điểm đạo đánh dấu việc người môn sinh chuyển đến một lớp cao hơn trong Phòng Minh triết, đánh dấu một sự chói rạng hơn của ngọn lửa nội tâm, và chuyển từ một điểm an trụ này đến một điểm an trụ khác, bao gồm sự nhận thức về một sự hợp nhất ngày càng tăng với mọi chúng sinh, và tính duy nhất căn bản của bản ngã với mọi bản ngã. Nó mang lại một chân trời không ngừng rộng mở, cho đến khi nó bao gồm phạm vi sáng tạo; đó là một năng lực ngày càng tăng để thấy và nghe trên mọi cõi. Đó là một ý thức tăng dần về Thiên Cơ cho thế giới, và một khả năng ngày càng đi vào các kế hoạch đó và xúc tiến chúng. Đó là nỗ lực trong trí trù tượng để vượt qua một kỳ thi. Đó là một lớp danh dự trong trường của Chân Sư, ở trong tầm thành đạt của những linh hồn nào mà nghiệp quả của họ cho phép, và có đủ nỗ lực để hoàn tất mục tiêu.

Điểm Đạo đưa đến ngọn núi mà nhờ đó có thể có được

linh thị, một linh thị về Hiện Tại vĩnh cửu, trong đó, quá khứ, hiện tại và tương lai tồn tại như là một; một linh thị về hàng loạt các giống dân với sợi chỉ vàng tộc hệ xuyên suốt nhiều mẫu người; một linh thị về khối cầu vàng kết hợp mọi cuộc tiến hóa của thái dương hệ chúng ta, là thiên thần, con người, động vật, thực vật, khoáng chất và tinh linh, và qua đó chúng ta có thể thấy rõ sự sống rung động đang đập theo nhịp điệu đều đặn; [14] một linh thị về hình tư tưởng của Thượng Đế trên cõi nguyên hình, một linh thị tăng trưởng từ cuộc điểm đạo này đến cuộc điểm đạo khác cho đến khi nó bao trùm toàn bộ thái dương hệ.

Điểm Đạo đưa đến một dòng suối mà một khi đã nhập vào, nó cuốn một người tiến tới trước, cho đến khi nó mang y đến chân của vị Chúa Tể Thế giới, tới chân của Cha của y trên Trời, tới chân của Thượng Đế Ba Ngôi.

Điểm Đạo đưa đến hang động sâu thẳm, bên trong các bức tường bao bọc nó, chúng ta biết được các cặp đối lập, và bí mật của điều thiện và điều ác được tiết lộ. Nó dẫn tới Thập Giá và đến sự hy sinh hoàn toàn vốn phải xảy ra trước khi đạt mức giải thoát hoàn bích, và điểm đạo đồ thoát khỏi mọi ràng buộc của thế gian, và không còn gì giữ y lại trong ba cõi thấp. Điểm Đạo đưa y đi qua Phòng Minh triết và tuân tự đặt vào tay y chìa khóa của mọi hiểu biết về thái dương hệ và vũ trụ. Nó tiết lộ bí nhiệm che giấu ở tâm của thái dương hệ. Nó đưa y từ một trạng thái tâm thức này đến trạng thái tâm thức khác. Mỗi lần đi vào một trạng thái thì chân trời mở rộng, tầm mắt mở mang, và sự thông hiểu bao gồm ngày càng nhiều, cho đến khi sự mở rộng đạt đến một mức mà bản ngã bao trùm mọi bản ngã, kể cả mọi thứ “vận động hoặc không vận động” như được diễn đạt trong một Thánh Kinh cổ xưa.

Điểm Đạo hàm ý nghi lễ. Chính khía cạnh này đã được

chú trọng trong thể trí của con người, có lẽ một chút ngoại trừ ý nghĩa đích thực. Chủ yếu thì nó hàm ý năng lực thấy, nghe và hiểu, và tổng hợp, và liên kết kiến thức với nhau. Tất nhiên Điểm Đạo không hàm ý việc phát triển các quan năng thần thông, mà nó đòi hỏi phải có sự thấu hiểu nội tâm để nhìn thấy giá trị nằm dưới hình thể, và nhận ra mục đích của các tình huống đang tràn lan. Đó là năng lực cảm nhận bài học phải được học từ bất kỳ diễn biến và sự kiện được đưa ra, và nhờ các thấu hiểu, nhận thức này, nó tạo ra một sự tăng trưởng và mở rộng hàng giờ, hàng tuần, [15] hàng năm. Tiến trình mở rộng dần dần này – kết quả của sự nỗ lực rõ rệt, và việc suy tư và sinh hoạt tích cực, chân chính của chính người tìm đạo, chứ không phải việc thực hiện một nghi thức huyền bí của một huấn sư huyền bí nào đó – dẫn tới điều mà người ta có thể gọi là một bước ngoặt.

Ở bước ngoặt này, vốn cần có sự giúp đỡ của một Chân Sư, một động tác điểm đạo nhất định được thực hiện, (tác động vào một bí huyệt cụ thể) tạo ra một kết quả ở một thể nào đó. Nó nâng âm điệu của các nguyên tử đến một cao độ nhất định, và giúp đạt đến một tốc độ nhịp điệu mới.

Nghi lễ điểm đạo này đánh dấu một mức độ thành đạt. Nó không mang lại sự thành đạt như thường bị hiểu sai như thế. Nó chỉ đánh dấu sự công nhận của các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng người đệ tử đã đạt đến một trình độ tiến hóa nào đó, và cho y hai điều:

1. Một sự mở rộng tâm thức cho phép phàm ngã nhập vào minh triết mà Chân Nhân đạt được, và trong các cuộc điểm đạo cao, là vào tâm thức của Chân Thần.

2. Một khoảng thời gian giác ngộ ngắn ngủi, trong đó điểm đạo đồ nhìn thấy giai đoạn sắp tới của Thánh đạo phải bước lên, và trong đó y hữu thức tham dự vào kế hoạch tiến

hóa vĩ đại.

Sau khi điểm đạo, công việc cần thiết chủ yếu là phải làm sao cho việc mở rộng tâm thức ấy thành một phần lợi thế cho việc sử dụng thực tế của phàm ngã, và trong việc chủ trì phần đó của thánh đạo còn chưa được vượt qua.

Nơi chốn và hiệu quả của điểm đạo

Lễ điểm đạo diễn ra trên ba phân cảnh cao của cõi trí, và trên ba cõi cao hơn, tùy theo cuộc điểm đạo. Ở các cuộc điểm đạo trên cõi trí, ngôi sao năm cánh chiếu sáng bên trên [16] đầu của điểm đạo đồ. Điều này liên quan đến các cuộc điểm đạo đầu tiên được trải qua trong thể nguyên nhân. Người ta đã nói rằng hai cuộc điểm đạo đầu tiên diễn ra trên cõi cảm dục, nhưng điều này không đúng, và phát biểu này đã gây ra một sự hiểu lầm. Hai cuộc điểm đạo này được cảm nhận sâu sắc liên quan đến thể cảm dục và thể xác, và thể hạ trí, và ảnh hưởng việc kiểm soát chúng. Ảnh hưởng chủ yếu được cảm thấy trong các thể này, nên điểm đạo đồ có thể giải thích chúng như đã xảy ra trên các cõi có liên quan, vì tính chất sống động của hiệu quả và sự kích thích của hai cuộc điểm đạo đầu tiên thể hiện phần lớn trong thể cảm dục. Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng các cuộc điểm đạo chính được diễn ra trong thể nguyên nhân, hoặc – bị tách ra khỏi thể đó – trên cõi bồ đề hay cõi niết bàn (atmic). ở hai cuộc điểm đạo sau cùng giải thoát con người ra khỏi tam giới, giúp y có thể hoạt động trong thể sinh lực của Thượng Đế, và vận dụng mãnh lực đó, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, nó giáng xuống trên y, hợp nhất trong y, và y được thấy ở chính trung tâm của nó. Sự giáng xuống này được mang lại bởi tác động của Đấng Điểm Đạo, Ngài vận dụng Quyền Lực Trượng, và đặt một người tiếp xúc với trung tâm trong Cơ Thể của Hành

Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó, và y ý thức điều này. Hai cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy diễn ra trên cõi Bồ đề và Niệt bàn, ngôi sao năm cánh “cháy sáng rực từ bên trong chính nó”, nói theo cụm từ nội môn, và trở thành ngôi sao bảy cánh: nó giáng xuống trên điểm đạo đồ và y nhập vào trong ngọn lửa.

Ngoài ra, bốn cuộc điểm đạo, trước cuộc điểm đạo của bậc Chân Sư, lần lượt đánh dấu sự đạt được những tỷ lệ vật chất nguyên tử nhất định trong các thể – chẳng hạn như, vào cuộc điểm đạo thứ nhất đạt được $\frac{1}{4}$ vật chất nguyên tử, vào cuộc điểm đạo thứ hai đạt được $\frac{1}{2}$, vào cuộc điểm đạo thứ ba đạt được $\frac{3}{4}$, và cứ thế cho đến mức hoàn toàn bằng vật chất nguyên tử. Vì bồ đề là nguyên khí thống nhất (hay tác nhân thống nhất tất cả) nên ở cuộc điểm đạo thứ năm, [17] vị Chân Sư bỏ đi các hiện thể thấp, và ở trong thể bồ đề của Ngài. Ngài tạo ra thể biểu lộ của Ngài từ đó.

Có thể nói mỗi cuộc điểm đạo ban cho sự kiểm soát nhiều hơn trên (on) các cung, dù rằng cách diễn đạt này không đầy đủ ý nghĩa. Ngôn từ rất thường gây nhầm lẫn. Ở cuộc điểm đạo thứ năm, khi vị adepts trở thành Chân Sư (Master) trong tam giới, Ngài đã ít nhiều chế ngự (tùy theo đường lối phát triển của Ngài) năm cung đang biểu lộ đặc biệt vào lúc Ngài được điểm đạo. Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, – nếu Ngài được điểm đạo cấp cao hơn – Ngài sẽ có quyền năng đối với một cung khác, và ở cuộc điểm đạo thứ bảy, Ngài có quyền năng vận dụng tất cả các cung. Cuộc điểm đạo thứ sáu đánh dấu trình độ thành đạt của Đức Christ, và giúp Ngài chế ngự được cung tổng hợp của thái dương hệ. Chúng ta cần nên nhớ rằng cuộc điểm đạo ban cho điểm đạo đồ *quyền năng trên (on) các cung* chứ không phải *quyền năng ảnh hưởng đến (over) các cung*, vì điều này đánh dấu sự khác biệt

rất rõ ràng. Tất nhiên là mỗi điểm đạo đồ đều có cung nguyên thủy hay cung tinh thần là một trong ba cung chính, và cung Chân Thần là cung mà sau một thời gian lâu dài y mới đạt được quyền năng của nó. Cung bác ái, hay cung tổng hợp của thái dương hệ, là cung cuối cùng y đạt được.

Các vị rời địa cầu sau cuộc điểm đạo thứ năm, hay là các vị không trở thành Chân Sư trong thể xác hồng trần, thì nhận những cuộc điểm đạo kế tiếp ở các nơi khác trong thái dương hệ. Tất cả đều ở trong tâm thức của Thượng Đế. Một sự kiện trọng đại cần ghi nhớ là các cuộc điểm đạo của hành tinh hay của thái dương hệ, chỉ là những cuộc điểm đạo chuẩn bị cho việc thu nhận vào Huyền Giai vĩ đại hơn trên Sirius. Hội Tam Điểm đã giữ gìn khá cẩn mật các biểu tượng này, và khi phối hợp những phương pháp của Hội Tam Điểm với những điều đã truyền dạy cho chúng ta về các giai đoạn của Thánh đạo, chúng ta sẽ hình dung được gần đúng vấn đề. Chúng ta hãy mở rộng đôi chút:

Bốn cuộc điểm đạo đầu tiên của thái dương hệ tương ứng với “bốn cuộc điểm đạo ở Ngưỡng Cửa”, trước [18] cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất. Cuộc điểm đạo thứ năm tương ứng với lần điểm đạo thứ nhất cấp vũ trụ, cuộc điểm đạo “tập sự nhập môn” trong Hội Tam Điểm, khiến một vị Chân Sư thành một người “tập sự nhập môn” (“entered apprentice”) vào Huyền Giai trên Sirius. Cuộc điểm đạo thứ sáu tương ứng với cấp hai trong Hội Tam Điểm, trong khi cuộc điểm đạo thứ bảy khiến Bậc Toàn Thiện (Adept) trở thành một Chân Sư Tam Điểm của Huyền Giai trên Sirius,

Như vậy, một Chân Sư là vị đã có bảy cuộc điểm đạo cấp hành tinh, năm cuộc điểm đạo cấp thái dương hệ, và cuộc điểm đạo thứ nhất của Sirius hay vũ trụ.

Sự Nhất Quán, Kết quả của Điem Đạo

Một điem chúng ta cần phải thấu triệt là mỗi cuộc điem đạo kế tiếp đều mang lại một sự thống nhất hoàn toàn hơn của phàm ngã và Chân Nhân, và trên các cấp độ cao hơn nữa, là với Chân Thần. Toàn bộ cuộc tiến hóa của tinh thần con người là một sự nhất quán ngày càng tăng tiến. Trong sự nhất quán giữa Chân Ngã và Phàm ngã có ẩn bí nhiệm của Thiên Chúa Giáo về sự Chuộc Tội. Một sự thống nhất xảy ra vào lúc biệt ngã hóa, khi con người trở thành một thực thể hữu thức, có lý trí, khác với loài vật. Khi cuộc tiến hóa tiếp diễn, những sự nhất quán kế tiếp nhau xảy ra.

Sự nhất quán trên mọi cấp độ – xúc cảm, trực giác, tinh thần và Thiêng liêng – cốt ở sự hoạt động liên tục, hữu thức. Trong mọi trường hợp, trước đó luôn luôn có sự đốt cháy, bởi ngọn lửa nội tâm, và sự hủy diệt, qua sự hy sinh, tất cả các yếu tố chia rẽ. Chúng ta tiến đến sự hợp nhất bằng cách hủy diệt những gì thấp thỏi, và tất cả những gì tạo thành chướng ngại. Để minh giải, hãy xét tấm mạng ngăn cách thể dĩ thái và thể tinh cảm. Khi tấm mạng này đã bị đốt cháy bởi ngọn lửa nội tại, sự liên giao giữa các thể của phàm ngã trở nên liên tục, toàn diện, và ba thể hoạt động như một. Trên các mức độ cao hơn, chúng ta [19] cũng có tình trạng hơi tương tự, dù rằng không giống trong từng chi tiết. Cõi trực giác (bồ đề) tương ứng cõi xúc cảm, và bốn phân cảnh cao của cõi trí tương ứng với thể dĩ thái. Việc hủy diệt thể nguyên nhân vào cuộc điem đạo thứ tư (gọi theo khoa biểu tượng là “Thập Giá Hình”) là một tiến trình tương tự với sự đốt cháy tấm mạng, đưa đến việc thống nhất các thể của phàm ngã. Sự tan rã này là một phần của cuộc điem đạo bậc La Hán, và đưa đến sự hợp nhất giữa Chân Nhân và Chân Thần, tự biểu lộ trong

Tam Thượng Thế. Đó là sự nhất quán hoàn hảo.

Như vậy, toàn thể tiến trình này có mục đích làm cho hành giả hữu thức hợp nhất:

Thứ nhất, Với chính y, và với những người đang lâm phạm với y.

Thứ hai, với Chân Ngã của y, và do đó, với mọi Chân Ngã.

Thứ ba, Với Tinh thần của y, hay “Cha Trên Trời”, và như vậy với mọi Chân Thần.

Thứ tư, với Thượng Đế, Đấng Ba trong Một và Đấng Một trong Ba.

Hành giả trở thành một con người có ý thức, nhờ phương tiện (instrumentality) của các Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame), qua sự hy sinh bền bỉ các Ngài.

Hành giả trở thành một Chân Nhân hữu thức, với tâm thức của Chân Ngã ở cuộc điểm đạo thứ ba, nhờ phương tiện của Chân Sư và của Đức Christ, và sự hy sinh của các Ngài trong việc lấy xác phàm để giúp đỡ thế gian.

Hành giả hợp nhất với Chân Thần vào cuộc điểm đạo thứ năm, nhờ phương tiện của vị Chúa Tế Thế Gian, Đấng Trông Nom Cô Độc, Đấng Đại Hy Sinh.

Hành giả trở nên hợp nhất với Thượng Đế nhờ phương tiện của *Đấng Bất Khả Tư Nghị*. [20]



Chương 3

CÔNG VIỆC CỦA THÁNH ĐOÀN

Dù rằng chủ đề Thánh Đoàn huyền linh của hành tinh có tầm quan trọng rất sâu xa đối với người bình thường, nhưng người ta sẽ không bao giờ hiểu được thực nghĩa của vấn đề nếu chưa nhận thức được ba điều có liên quan với nó. Thứ nhất, Toàn thể Huyền Giai của các Đấng thiêng liêng tiêu biểu cho một sự tổng hợp các mãnh lực hay năng lượng được hữu thức vận dụng để đẩy mạnh cuộc tiến hóa của hành tinh. Khi tìm hiểu thêm, chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Thứ hai, các mãnh lực này thể hiện trong hệ hành tinh của chúng ta qua các Đấng cao cả hợp thành Thánh Đoàn, liên kết hệ thống này và tất cả những gì mà nó chứa đựng với Huyền Giai vĩ đại hơn mà chúng ta gọi là Huyền Giai Thái Dương. Thánh Đoàn của chúng ta chỉ là kiểu mẫu thu nhỏ của sự tổng hợp lớn hơn của các Thực Thể hữu ngã thức này, các Ngài vận dụng, kiểm soát và thể hiện qua mặt trời và bảy hành tinh thánh thiện, cũng như qua các hành tinh khác, lớn hơn và nhỏ hơn, mà thái dương hệ của chúng ta được tạo thành từ đó. Thứ ba, Thánh Đoàn với các mãnh lực này có bốn đường lối hoạt động chủ yếu:

Phát triển ngã thức trong mọi sinh linh

Thánh Đoàn tìm cách tạo những điều kiện thích hợp cho sự phát triển ngã thức trong tất cả chúng sinh. Nơi con người, cơ bản là các Ngài thực hiện điều này bằng công tác sơ khởi nhằm hòa hợp ba trạng thái cao của tinh thần với bốn trạng

thái thấp; bằng cách nêu gương phụng sự, hy sinh, từ bỏ, và qua những dòng ánh sáng liên tục [21] (hiểu theo nghĩa huyền linh) phát ra từ Thánh Đoàn. Trên hành tinh chúng ta, Thánh Đoàn có thể được xem là toàn bộ các mảnh lược của giới thứ năm trong thiên nhiên. Chúng ta nhập vào giới này bằng cách phát triển đầy đủ và kiểm soát nguyên khí thứ năm là trí tuệ, và chuyển hóa nó thành minh triết, theo sát nghĩa là áp dụng trí thông minh vào mọi trạng thái, qua việc sử dụng một cách hữu thức và đầy đủ năng lực bác ái có phân biệt.

Phát triển tâm thức trong ba giới thấp

Như được biết rõ, năm giới tiến hóa của thiên nhiên trên cung tiến hóa thăng thượng có thể được định nghĩa như sau: – giới khoáng thạch, giới thực vật, giới động vật, giới nhân loại, và giới tinh thần. Tất cả các giới này đều thể hiện một loại tâm thức nào đó, và công tác của Thánh Đoàn là phát triển các loại tâm thức này cho đến mức hoàn thiện, qua việc điều chỉnh nghiệp quả, qua tác dụng của thần lực, và qua việc cung cấp các điều kiện đúng đắn. Chúng ta có thể có được một ý tưởng nào đó về công việc này nếu tóm tắt sơ lược các trạng thái tâm thức khác nhau phải được phát triển trong các giới khác nhau.

Trong *giới khoáng thạch*, công tác của Thánh Đoàn hướng về việc phát triển hoạt động phân biệt và chọn lọc. Một đặc tính của mọi vật chất là một loại hoạt động nào đó, và ngay khi hoạt động đó được hướng về việc kiến tạo hình thể, dù là loại sơ cấp nhất, thì khả năng phân biệt sẽ biểu lộ. Điều này được các nhà khoa học ở khắp nơi thừa nhận, và khi công nhận như vậy, họ đang tiến gần đến các khám phá của Minh triết Thiêng liêng.

Trong *giới thực vật*, ngoài khả năng phân biệt này, còn có thêm khả năng đáp ứng với cảm giác, và tình trạng sơ đẳng của trạng thái thứ hai của thiên tính sẽ được nhìn thấy, giống như trong giới khoáng thạch, một [22] phản ánh thô sơ của trạng thái thứ ba là trạng thái hoạt động đang làm cho nó được cảm nhận

Trong *giới động vật*, hoạt động và cảm xúc thô sơ này gia tăng, và có những dấu hiệu (tạm gọi như vậy) của trạng thái thứ nhất, hay là trạng thái ý chí và mục đích còn phôi thai, chúng ta có thể gọi nó là bản năng di truyền, nhưng thật ra thì nó thể hiện như là mục đích trong thiên nhiên.

H.P. Blavatsky đã nói rất đúng rằng con người là đại vũ trụ đối với ba giới thấp vì nơi con người, ba đường lối phát triển này được tổng hợp và đến mức thành tựu mỹ mãn. Con người thật sự và quả thật là sự thông tuệ, được biểu hiện một cách tích cực và kỳ diệu. Y là bác ái và minh triết mới chớm nở, mặc dù cho đến nay chúng chỉ là mục tiêu nỗ lực của y, và y có ý chí sơ khởi còn phôi thai, năng động,, vốn sẽ phát triển đầy đủ sau khi y đã nhập vào giới thứ năm.

Trong giới thứ năm, tâm thức sẽ được phát triển là tâm thức tập thể, và tâm thức này tự biểu lộ trong sự khai mở hoàn mãn của năng lực bác ái minh triết. Con người chỉ lặp lại, trên một vòng xoắn cao, công việc của ba giới thấp, vì trong giới nhân loại, y biểu lộ trạng thái thứ ba là thông tuệ hoạt động. Trong giới thứ năm, mà con người được nhập vào ở cuộc điểm đạo thứ nhất, và bao gồm cả khoảng thời gian mà y nhận năm cuộc điểm đạo đầu tiên, và khoảng thời gian mà y hoạt động như một Chân Sư, là một thành phần của Thánh Đoàn, thì bác ái-minh triết, hay trạng thái thứ hai đạt mức thành tựu viên mãn. Ở các cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, trạng thái thứ nhất hay ý chí chiếu rạng, và từ địa vị một

Chân Sư Từ Bi và một vị Chúa Bác ái, vị cao đồ trở thành một Đấng cao cả hơn nữa. Ngài nhập vào trạng thái tâm thức còn cao hơn tâm thức tập thể, và trở nên có ý thức về Thượng Đế (God-conscious). Ngài có được ý chí vĩ đại hay Thiên ý.

Tăng cường các thuộc tính khác nhau của thiên tính, chăm sóc hạt giống ngã thức trong mọi chúng sinh, là [23] công việc của các Đấng đã thành đạt, đã nhập vào giới thứ năm, và ở đó các Ngài đã có quyết định vĩ đại, và sự từ bỏ phi thường khiến các Ngài ở lại trong hệ hành tinh, và như vậy hợp tác với các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế trên cõi trần.

Truyền Đạt Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế

Các Ngài tác động như tác nhân truyền đạt ý chí của Hành Tinh Thượng Đế cho con người và chư thần hay các thiên thần, và ý chí của Thái Dương Thượng Đế truyền đạt thông qua Hành Tinh Thượng Đế. Mỗi hệ hành tinh, mà hệ hành tinh của chúng ta là một trong số đó, là một bí huyết trong cơ thể Thượng Đế, và đang biểu lộ một hình thức năng lượng hay thần lực nào đó. Mỗi bí huyết biểu lộ loại thần lực cụ thể của nó, được thể hiện theo ba cách, như vậy tạo ra một cách phổ biến ba trạng thái trong biểu lộ. Một trong những nhận thức quan trọng mà người nhập vào giới thứ năm có được là nhận thức loại thần lực đặc biệt mà Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta thể hiện. Môn sinh khôn ngoan sẽ suy gẫm kỹ lời phát biểu này, vì nó mang manh mối của nhiều sự kiện có thể được thấy trên thế giới ngày nay. Bí quyết tổng hợp đã bị thất truyền, và chỉ khi nào con người tìm lại được kiến thức mà họ đã có trong các chu kỳ trước (đã bị thu hồi do lòng nhân từ vào thời Atlantis), về loại năng lượng mà hệ thống của chúng ta cần phải thể hiện, thì các vấn

đề của thế giới sẽ tự chúng điều chỉnh, và nhịp điệu của thế giới sẽ được ổn định. Cho đến nay, điều này không thể xảy ra, vì đây là một loại kiến thức nguy hiểm, và hiện nay nhân loại nói chung chưa có ý thức tập thể nên chưa có thể được tín nhiệm để làm việc, suy tư, hoạch định và hành động vì tập thể. Cho đến nay, con người quá ích kỷ, nhưng không có lý do để nản lòng vì sự kiện này, tâm thức tập thể đã phần nào nhiều hơn một viễn tưởng, trong khi tình huynh đệ và sự nhận thức về các nghĩa vụ của nó đang bắt đầu thấm nhuần [24] tâm thức của con người ở khắp nơi. Đây là công việc của Thánh Đoàn Ánh sáng, – để thể hiện cho con người ý nghĩa đích thực của tình huynh đệ, và để nuôi dưỡng trong họ sự đáp ứng với lý tưởng vốn tiềm tàng trong tất cả mọi người.

Nêu Gương Cho Nhân Loại

Điều cơ bản mà mọi người cần biết và nhận thức là Thánh Đoàn này gồm những vị đã chiến thắng vật chất, và đã đạt được mục đích bằng chính các giai đoạn giống hệt mà các cá nhân đang dần bước hiện nay. Các nhân vật tinh thần này, các cao đồ và Chân Sư này đã phấn đấu và chiến đấu đến mức thắng lợi, và đã chế ngự được cơn giận, và tranh đấu trong chướng khí, sương mù, hiểm nguy, gian nan, đau buồn và thống khổ của cuộc sống hằng ngày. Các Ngài đã bước qua mọi giai đoạn của con đường đau khổ, đã trải qua mọi kinh nghiệm, đã khắc phục được mọi khó khăn, và đã chiến thắng. Tất cả các vị Huynh Trưởng này của nhân loại đã trải qua thập giá hình của bản ngã cá nhân, và biết rằng sự từ bỏ hoàn toàn mọi thứ là số phận của mỗi người chí nguyện vào lúc này. Không có giai đoạn thống khổ nào, không có sự hy sinh đau đớn nào, không có con đường gian khổ nào vào thời của các Ngài mà các Ngài đã không trải qua, do thế các Ngài

mới có quyền phụng sự, và phương pháp kêu gọi của các Ngài mới có sức mạnh. Vì thấu hiểu được cái tinh túy của sự đau đớn, và hiểu được ý nghĩa sâu sắc của tội lỗi và khổ đau, nên các Ngài có những phương pháp có thể đáp ứng một cách tốt đẹp các nhu cầu của cá nhân, đồng thời, do nhận thức được sự giải thoát phải đạt qua sự đau thương, hình phạt, thống khổ, và hiểu được sự tự do chỉ đến do sự hy sinh hình tướng, nhờ các loại lửa thanh luyện, nên các Ngài có đủ khả năng hành động cương quyết, vẫn kiên trì ngay cả khi hình tướng có thể dường như đã trải qua đầy đủ đau khổ, và một tình thương để thắng lướt mọi [25] trở ngại, vì nó được dựa trên sự kiên nhẫn và kinh nghiệm. Những vị Huynh Trưởng này của nhân loại được đặc trưng bởi một (1) *lòng bác ái* không dòi dôi, và luôn luôn hành động vì lợi ích của tập thể; bởi một (2) *tri thức* đã hoạch đắc qua vô số kiếp sống, trong đó các Ngài đã đi hết con đường của các Ngài từ đáy của sự sống và của sự tiến hóa gần như tới đỉnh; bởi một (3) *kinh nghiệm* được dựa trên chính thời gian và vô số phản ứng và những tương tác của phạm ngã; bởi một (4) *sự can đảm* vốn là kết quả của kinh nghiệm đó, đã được tạo nên qua nhiều thời đại nỗ lực, thất bại, rồi tiếp tục nỗ lực cho đến rốt cuộc đã chiến thắng, và nay có thể được dùng để phụng sự nhân loại; bởi một (5) *chủ đích* được soi sáng và thông minh, hợp tác, tự thích ứng với tập thể và kế hoạch của Thánh Đoàn, và như thế phù hợp với mục đích của Hành Tinh Thượng Đế; và cuối cùng các Ngài được nhận ra bởi một kiến thức về (6) *quyền năng của âm thanh*. Sự kiện cuối cùng này là cơ sở của câu châm ngôn nói rằng, mọi nhà huyền bí được phân biệt bởi các đặc điểm: tri thức, ý chí năng động, can đảm, và sự im lặng. “Hiểu biết, quyết chí, can đảm, và im lặng”. Nhờ hiểu biết thiên cơ rất rõ, và có tầm nhìn giác ngộ, rõ ràng, các Ngài

có thể tập trung ý chí của các Ngài một cách quả quyết và không hề lay chuyển vào công cuộc sáng tạo vĩ đại bằng quyền năng của âm thanh. Điều này đưa đến sự im lặng của các Ngài khi kẻ thường nhân nói, các Ngài nói khi kẻ thường nhân im lặng.

Khi mọi người đã thấu hiểu bốn sự kiện vừa được trình bày, và các sự kiện đó trở nên các chân lý được công nhận trong tâm thức của nhân loại, bấy giờ mới mong vẫn hồi một chu kỳ thái bình, yên ổn, và công chính mà tất cả các Thánh Kinh trên thế giới đã tiên tri. Bấy giờ Ngôi Mặt Trời công chính sẽ lộ dạng với sự chữa trị trong đôi cánh của Ngài, và sự bình an trải qua sự hiểu biết sẽ ngự trị trong tâm hồn mọi người. [26]

Khi bàn về vấn đề công tác của Thánh Đoàn huyền bí, trong một quyển sách dành cho công chúng, thì có nhiều điều không thể nói ra. Kẻ thường nhân thì quan tâm và lòng hiếu kỳ của y được gọi lên liên quan tới các Nhân Vật này, nhưng con người chưa sẵn sàng để được biết nhiều hơn thông tin tổng quát nhất. Với những người từ lòng hiếu kỳ chuyển sang mong muốn và tìm cách hiểu biết thực tính của chân lý, thì họ sẽ được cho biết thêm, khi chính họ đã thực hiện công việc và sự nghiên cứu cần thiết. Cần có sự nghiên cứu, và thái độ trí tuệ mà hy vọng sách này sẽ khơi dậy có thể tóm tắt bằng những lời như sau: – Các phát biểu này có vẻ thú vị và chúng có thể là đúng. Các tôn giáo của mọi quốc gia, kể cả Thiên Chúa giáo, đều đưa ra những chỉ dẫn dường như chứng minh các ý tưởng này. Vậy chúng ta hãy chấp nhận các ý tưởng này như một giả thuyết hiện hành về sự tuyệt đích của quá trình tiến hóa nơi con người, và công việc của y để đạt đến sự hoàn hảo. Do đó, chúng ta hãy tìm kiếm chân lý như là một thực tế trong tâm thức của chính chúng ta. Mọi

tín ngưỡng tôn giáo đều đưa ra lời hứa hẹn rằng những ai thiết tha tìm kiếm điều gì thì sẽ tìm thấy điều đó; bởi vậy, chúng ta hãy tìm kiếm. Nếu khi khảo xét, chúng ta thấy ra rằng tất cả những phát biểu này chỉ là những mơ mộng hão huyền, không chút gì lợi ích, chỉ đưa chúng ta vào chốn tối tăm, thì tuy vậy thời gian cũng không đến nỗi mất đi, vì chúng ta hẳn sẽ xác định được nơi nào khỏi phải tìm kiếm. Mặt khác, nếu trong khi tìm kiếm, chúng ta thấy có sự chứng thực đến dần dần, và ánh sáng ngày càng chiếu sáng rõ hơn, thì chúng ta hãy tiếp tục cố gắng cho đến ngày rạng đông, khi ánh sáng chiếu vào trong bóng tối sẽ khai sáng tâm hồn và trí não, và người tìm chân lý sẽ thức tỉnh với nhận thức rằng toàn bộ khuynh hướng tiến hóa đã là để đưa y đến sự mở rộng tâm thức và khai ngộ này, và sự thành đạt của tiến trình điểm đạo và việc nhập vào giới thứ năm không phải là điều hão huyền hay ảo ảnh rồ dại, mà là một sự kiện được thiết lập trong tâm thức. Mỗi người phải tự mình xác định sự kiện này. Người [27] đã hiểu biết có thể nói một sự kiện là thế này thế kia, nhưng lời quả quyết của một người khác và việc phát biểu một lý thuyết không giúp gì ngoại trừ cung cấp cho người tìm chân lý một dấu hiệu xác nhận. Mỗi linh hồn phải xác định cho chính y, và phải tìm thấy điều đó trong chính y, luôn luôn nhớ rằng Thiên giới vốn ở nội tâm, và chỉ những điều nào được nhận thức trong tâm thức mỗi cá nhân như là những chân lý thì mới có giá trị đích thực. Trong khi chờ đợi, có thể đưa ra ở đây những gì mà nhiều người đã biết, và đã xác định trong chính họ là những chân lý có bản chất không thể chối cãi đối với họ; bấy giờ độc giả sáng suốt sẽ có cơ hội và trách nhiệm để xác định cho chính y chúng là giả dối hay chân lý. [28]



Chương 4

SỰ THÀNH LẬP THÁNH ĐOÀN

Sự Xuất Hiện Của Thánh Đoàn Trên Hành Tinh

Sách này không bàn về những bước đã đưa đến việc thành lập Thánh Đoàn trên hành tinh chúng ta, hoặc xem xét các điều kiện trước khi có sự giáng lâm của các Đấng cao cả này. Chúng ta có thể nghiên cứu những điều nói trên trong các sách huyền môn khác ở phương Tây và trong các Thánh Kinh phương Đông. Đối với mục đích của chúng ta, chỉ cần nói là vào giữa kỷ nguyên Lemuria, cách đây khoảng 18 triệu năm, đã xảy ra một biến cố vĩ đại, trong số những điều khác, biểu thị các phát triển sau đây: – đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu chúng ta, một trong bảy vị Tinh Quân trước Thánh Tòa, đã lâm phạm, và, dưới hình tướng của Đức Sanat Kumara, Đấng Thái Cổ, là vị Chúa Tể Thế giới, đã giáng lâm xuống hành tinh bằng vật chất hồng trần trọng trược này, và đã ở lại với chúng ta kể từ đó. Do bản chất cực kỳ thanh khiết của Ngài, và do sự kiện là Ngài tương đối vô nhiễm (sinless) (theo quan điểm của nhân loại), và do đó, không thể đáp ứng với bất cứ điều gì trên cõi hồng trần trọng trược. Ngài không thể khoác lấy một xác phạm trọng trược như chúng ta, nên Ngài phải hoạt động trong thể dĩ thái của Ngài. Ngài là Đấng cao cả nhất trong các Đấng Hóa Thân hay các Đấng Giáng Lâm, vì Ngài là một phản ánh trực tiếp của Đấng cao cả sẽ sống, thờ, và hoạt động suốt mọi cuộc tiến hóa trên hành tinh này, giữ vạn vật trong hào quang hay là phạm vi ảnh hưởng

từ lực của Ngài. Trong Ngài, chúng ta sống, vận động, tồn tại, và không ai trong chúng ta có thể vượt qua phạm vi hào quang của Ngài. Ngài là Đấng Đại Hy Sinh, đã rời bỏ sự vinh quang của các chốn cao siêu của Ngài, và vì [29] những đứa con nhân loại đang tiến hóa, Ngài đã khoác lên mình Ngài một hình tướng hồng trần, và được làm giống như con người. Ngài là Đấng Trông Nom Im Lặng liên quan trực tiếp với nhân loại chúng ta, dù rằng đứng ra, chính đức Hành Tinh Thượng Đế trên cõi tâm thức cao của Ngài mà Ngài đang hoạt động, mới là Đấng Trông Nom Im Lặng đích thực có liên quan đến hệ hành tinh này. Có lẽ có thể nói rằng: – Đấng Chúa Tế Thế gian, Đấng Điểm Đạo Độc Nhất có cùng vị thế liên quan với Hành Tinh Thượng Đế, giống như sự biểu lộ ở cõi trần của một Chân Sư đối với Chân Thần của Chân Sư đó trên cõi Chân Thần. Trong cả hai trường hợp, trạng thái tâm thức trung gian của Chân Nhân hay Chân Ngã đã bị thay thế, và những gì chúng ta thấy và biết là sự biểu lộ tự tạo *trực tiếp* của chính tinh thần thuần khiết. Đó là sự hy sinh. Ở đây, phải nhớ rằng trong trường hợp của Đức Sanat Kumara có một mức độ khác biệt vô cùng lớn lao, vì trình độ tiến hóa của Ngài cao hơn nhiều trình độ tiến hóa của một vị cao đồ, giống như trình độ tiến hóa của một cao đồ cao hơn một người thú. Điều này sẽ được trình bày chút ít trong phần kế tiếp của chủ đề của chúng ta.

Cùng với sự giáng lâm của Đấng Thái Cổ, có một nhóm các Đấng khác tiến hóa rất cao, tiêu biểu cho nhóm nghiệp quả cá nhân của chính Đấng Thái Cổ, và những Đấng là thành quả của bản chất tam phân của Hành Tinh Thượng Đế. Có thể nói các Ngài hiện thân cho những thần lực xuất phát từ các trung tâm đầu, tim và cổ họng, và các Ngài đã đến cùng với Đức Sanat Kumara để hình thành những tiêu điểm

thần lực của hành tinh để trợ giúp vào kế hoạch vĩ đại nhằm khai mở ngã thức cho mọi chúng sinh. Vị trí của các Ngài đã dần dần được lấp đầy bởi những người con của nhân loại có đủ điều kiện, dù rằng cho đến thời gian gần đây, có rất ít người từ nhân loại trực tiếp trên địa cầu của chúng ta. Các vị hiện nay là nhóm nội môn chung quanh Đức Chúa Tể Thế Gian, đã được tuyển chọn chủ yếu từ những hàng ngũ của những vị đã được điểm đạo trong dãy nguyệt cầu (chu kỳ tiến hóa [30] trước chu kỳ của chúng ta), hoặc những vị đã đến từ các hệ thống hành tinh khác, trên một số dòng năng lượng thái dương, được xác định theo chiêm tinh, tuy nhiên, số người đã chiến thắng trong chính nhân loại chúng ta đang gia tăng số lượng một cách nhanh chóng, và giữ mọi chức vụ thứ yếu dưới nhóm nội môn trung ương gồm Sáu Vị, cùng với đức Chúa Tể Thế Gian hợp thành trung tâm nỗ lực của Thánh Đoàn.

Hiệu Quả Trước Mắt

Kết quả sự giáng lâm của các Ngài, cách đây hàng nhiều triệu năm, thật là kỳ diệu, và các hiệu quả của việc đó vẫn còn đang được cảm nhận. Có thể kể ra các hiệu quả này như sau:- Đức Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài đã có thể dùng một phương pháp trực tiếp hơn nhằm tạo ra những kết quả mà Ngài muốn, để thực hiện kế hoạch của Ngài. Như được biết rõ, hệ hành tinh với bầu trọng trực và các bầu nội tạng (inner) tinh anh hơn của nó, đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng giống như thể xác và các thể tinh anh hơn đối với con người. Vì thế, có thể nói theo lối minh họa rằng, sự lâm phạm của đức Sanat Kumara tương tự như sự nắm giữ chắc chắn sự kiểm soát tự giác (self-conscious) mà Chân Nhân của một người thể hiện trên các thể của y, khi đã

đạt được một giai đoạn tiến hóa cần thiết. Người ta nói rằng bên trong đầu của mỗi người có bảy trung tâm lực, được liên kết với các bí huyết khác trong cơ thể, và qua đó mà thần lực của Chân Nhân được truyền đi và luân chuyển, để thực hiện kế hoạch. Sanat Kumara, với sáu vị Kumaras kia, cũng giữ một vị thế tương tự. Nhóm trung ương gồm bảy Đấng này giống như bảy trung tâm trong đầu đối với toàn cơ thể. Các Ngài là các tác nhân chỉ đạo, và là các tác nhân truyền năng lượng, thần lực, chủ đích và ý chí của Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài. Bí huyết đầu này của hành tinh hoạt động trực tiếp qua các bí huyết tim và cổ họng, và nhờ đó mà kiểm soát mọi bí huyết còn lại. Đây là một cố gắng dùng minh họa để trình bày mối quan hệ [31] của Thánh Đoàn với nguồn cội hành tinh của nó, và cũng là sự tương đồng mức độ cao giữa phương pháp hoạt động của một vị Hành Tinh Thượng Đế và của con người, là tiểu vũ trụ.

Giới thứ ba của thiên nhiên, là giới động vật, đã đạt đến một trình độ tiến hóa tương đối cao, và người thú đã chiếm hữu trái đất; y là một sinh vật có một thể xác cường tráng, một thể cảm dục (hay thể cảm giác và xúc cảm) đã được điều hợp, và một mầm mống trí tuệ thô sơ mà một ngày kia có thể hình thành một hạt nhân của thể trí. Nếu để cho tự phát triển qua nhiều thời đại lâu dài, người thú cuối cùng cũng được tiến hóa ra khỏi giới động vật thành giới nhân loại, và sẽ trở thành một thực thể có lý trí, hoạt động, có ngã thức, nhưng tiến trình này có thể tỏ ra chậm chạp biết bao khi chúng ta nghiên cứu các thổ dân trong rừng ở Nam Phi, người Vedda ở Tích Lan và người Ainu nhiều lông lá ở Nhật.

Việc Đức Hành Tinh Thượng Đế quyết định khoác lấy một hiện thể hồng trần đã tạo nên một sức kích thích phi thường trong diễn trình tiến hóa, và bằng sự xâm phạm của

Ngài và các phương pháp phân phối thần lực mà Ngài sử dụng, Ngài đã mang lại, trong một chu kỳ thời gian ngắn ngủi, những điều mà nếu làm khác đi thì hẳn đã chậm chạp không tương nổi. Mâm mống trí tuệ trong người thú đã được kích thích. Con người hạ đẳng có bốn thành phần:

a. Thể xác trong hai khả năng của nó, là thể dĩ thái và thể trọng trực,

b. Sinh khí, sinh lực, hay prana,

c. Thể cảm dục hay tình cảm,

d. Mâm mống trí tuệ phôi thai,

đã được phối kết, được kích thích, và trở thành một vật chứa đựng thích hợp cho các thực thể có ngã thức giáng nhập, là các Tam Thượng Thể tinh thần (là phản ánh của ý chí tinh thần, trực giác hay minh triết, và thượng trí) từ lâu đã đang chờ đợi một cơ hội thích hợp như thế. Như vậy, giới thứ tư hay giới nhân loại đã [32] ra đời, và đơn vị, hay con người, có ngã thức hay có lý trí, đã bắt đầu sự nghiệp của y.

Một kết quả khác nhờ sự giáng lâm của Thánh Đoàn là một sự phát triển tương tự, dù ít được nhận biết, trong tất cả các giới của thiên nhiên. Ví dụ như trong giới khoáng thạch, một số khoáng chất hay nguyên tố đã nhận được một sự kích thích nhiều hơn, và trở nên có tính phóng xạ, và một sự biến đổi hóa học bí nhiệm đã diễn ra trong giới thực vật. Điều này đã tạo điều kiện dễ dàng cho tiến trình nối kết giữa các giới thực vật và động vật, cũng như tính phóng xạ của các khoáng chất là phương pháp bắc cầu giữa các giới khoáng thạch và thực vật. Khi đến lúc, các nhà khoa học sẽ đi đến mức thừa nhận rằng mỗi giới của thiên nhiên đều được liên kết và được nhập vào khi các đơn vị của giới đó trở nên có tính phóng xạ. Tuy nhiên, chúng ta không cần phải đi lạc theo những đường lối này. Một gợi ý cũng đủ cho những người có mắt thấy

được, và có trực giác để hiểu được ý nghĩa được truyền đạt, bởi những thuật ngữ vốn bị hạn chế do chúng chỉ có một ngụ ý thuần vật chất.

Vào thời Lemuria ⁽²⁾, sau sự giáng lâm vĩ đại của các Thực Thể tinh thần xuống thế gian, công việc mà các Ngài đã trừ định thực hiện đã được hệ thống hóa. Các chức vụ được phân bổ, và các diễn trình tiến hóa trong mọi bộ phận của thiên nhiên đều được đặt dưới sự hướng dẫn khôn ngoan, hữu thức của Huynh Đệ Đoàn nguyên thủy này. Huyền Giai của các Huynh đệ Ánh sáng này vẫn còn tồn tại, và công việc vẫn tiếp diễn đều đặn. Tất cả các Ngài đều hiện diện trên cõi hồng trần, hoặc là trong các thể xác trọng trược, như nhiều vị Chân Sư sử dụng, hoặc trong các thể dĩ thái, như các vị phù trợ cao cả hơn và đức Chúa Tể Thế Gian đang dùng. Có giá trị cho con người khi nhớ rằng các Ngài đang hiện diện ở cõi trần, và tâm niệm rằng các Ngài đang sống với chúng ta trên hành tinh này, kiểm soát các vận mệnh của nó, hướng dẫn các công việc của nó, và đưa các trường tiến hóa của nó tiếp tục tiến đến một sự hoàn thiện tối hậu. [33]

Tổng hành dinh của Thánh Đoàn này ở tại Shamballa, một trung tâm trong sa mạc Gobi, mà các cổ thư gọi là “Bạch Đảo”. Trung tâm này hiện hữu trong chất dĩ thái, và khi nhân loại trên địa cầu đã phát triển được nhãn thông dĩ thái thì người ta sẽ nhận ra vị trí của trung tâm này, và thừa nhận tính xác thực của nó. Nhãn quan này đang được phát triển nhanh chóng, như chúng ta có thể thấy qua báo chí và các sách vở hiện nay, tuy nhiên, vị trí của Shamballa sẽ là một trong những thánh địa dĩ thái được hiển lộ sau cùng, vì nó

² Lục địa mà một số người cho là đã có nền văn minh rất xa xưa, và hiện bị Ấn Độ Dương bao phủ (Tự điển Webster) – ND

tồn tại trong chất dĩ thái thứ nhì. Nhiều vị Chân Sư mang xác phàm ở trong dãy Hy Mã Lạp Sơn, ở một nơi ẩn dật được gọi là Shigatse, cách xa những nơi sinh hoạt của con người, nhưng phần đông các Ngài ở rải rác trên khắp thế giới, ở nhiều nơi khác nhau trong các quốc gia khác nhau, ẩn danh và không ai nhận biết, dù vậy, ở những nơi này, mỗi Vị tạo thành một tiêu điểm cho năng lượng của Đức Chúa Tể Thế Gian, và tỏa chiếu chung quanh Ngài nguồn bác ái và minh triết của Thượng Đế.

Việc Mở ra Cửa Điểm Đạo

Bàn về lịch sử của Thánh Đoàn qua những thời kỳ hoạt động lâu dài của các Ngài, chúng ta không thể làm gì hơn là đề cập đến một số biến cố nổi bật của quá khứ và nêu lên một số kết quả. Nhiều thời đại ngay sau khi Thánh Đoàn được thành lập, công việc thật chậm chạp, và gây nản lòng. Nhiều ngàn năm đến rồi đi, và các giống dân xuất hiện và biến mất khỏi địa cầu, trước khi có thể giao phó ngay cả loại công việc được thực hiện bởi các điểm đạo đồ cấp một cho những người con của nhân loại đang tiến hóa. Nhưng vào giữa căn chủng thứ tư, là giống dân Atlantis, một biến cố đã xảy ra đòi hỏi một sự thay đổi, hay sự cách tân trong phương pháp của Thánh Đoàn. Một số thành viên của Thánh Đoàn đã được gọi đi đến công tác cao hơn ở một nơi khác trong thái dương hệ, và điều này, do [34] cần thiết, đã đưa vào Thánh Đoàn một số người tiến hóa cao của gia đình nhân loại. Để cho người khác có thể nhận địa vị của các Ngài, tất cả các thành viên cấp thấp của Thánh Đoàn đều được nâng lên một cấp, để tạo chỗ trống cho các chức vụ thứ yếu. Vì thế, đã có ba điều đã được quyết định trong Phòng Hội đồng của Đức Chúa Tể Thế Gian.

1. Đóng cánh cửa mà người thú vượt qua để vào giới

nhân loại, trong một thời gian không cho phép có thêm Chân Thần trên cõi cao có được các hạ thế. Điều này giới hạn số lượng của giới thứ tư hay nhân loại, ở mức giới hạn lúc đó của nó.

2. Mở ra một cánh cửa khác, và cho phép các thành viên của gia đình nhân loại, những ai tự nguyện tuân thủ giới luật cần thiết, và thực hiện sự nỗ lực kỳ diệu cần có, để nhập vào giới thứ năm hay giới tinh thần. Bằng cách này, các hàng ngũ của Thánh Đoàn có thể được lấp đầy bởi những thành viên nào của nhân loại thuộc địa cầu có đủ điều kiện. Cửa này được gọi là Cửa Điểm Đạo, và vẫn còn mở ra theo các điều kiện như Đức Chúa Tể Thế Gian đã ấn định vào thời Atlantis. Các điều kiện đó sẽ được đưa ra trong chương cuối cùng của sách này. Cánh cửa giữa giới nhân loại và giới động vật sẽ lại được mở ra trong đại chu kỳ tới, hay một số sách khác gọi là “Vòng tuần hoàn” (“round”), nhưng vì điều này còn phải đợi đến nhiều triệu năm nữa, nên chúng ta khỏi phải bận tâm.

3. Cũng có quyết định làm cho đường ranh giới giữa hai thế lực vật chất và tinh thần được phân định rõ ràng, tính nhị nguyên cố hữu của toàn cuộc biểu lộ đã được chú trọng, nhằm mục tiêu trước mắt là để dạy cho những người nào muốn tự giải thoát họ ra khỏi các giới hạn của giới thứ tư, hay giới nhân loại, và như thế chuyển sang giới thứ năm hay giới tinh thần. Vấn đề thiện hay ác, ánh sáng hay bóng tối, đúng hay sai, đã được phát biểu rõ ràng chỉ vì lợi ích của nhân loại, và để giúp con người có thể dẹp bỏ được các chướng ngại giam hãm [35] tinh thần, và nhờ đó đạt được sự tự do tinh thần. Vấn đề này không có trong các giới dưới nhân loại, cũng không có đối với các bậc siêu nhân. Con người phải học qua kinh nghiệm và đau khổ sự thật về tính nhị nguyên của toàn thể cuộc hiện tồn. Khi đã học như thế, y

bền chọn những gì liên quan đến trạng thái tinh thần hữu thức viên mãn của thiên tính, và học cách tập trung chính y vào trạng thái này. Khi đã đạt được sự giải thoát như thế, y thực sự nhận ra rằng vạn vật là một, rằng vật chất và tinh thần là một thể thống nhất, không có gì tồn tại ngoại trừ những gì được tìm thấy bên trong tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế, và – ở những chu kỳ rộng lớn hơn – trong tâm thức của Thái Dương Thượng Đế.

Như thế, Thánh Đoàn đã lợi dụng năng lực phân biện của thể trí, vốn là đặc tính rõ rệt của nhân loại, để giúp con người, nhờ cân bằng các cặp đối lập, có thể đạt đến mục tiêu của y, và tìm thấy con đường trở về nguồn cội mà y đã từ đó đi ra.

Quyết định này đã đưa đến cuộc chiến đấu rộng lớn, là đặc trưng của nền bản minh Atlantis, và lên đến tột đỉnh trong cuộc hủy diệt được gọi là trận đại hồng thủy, mà mọi Thánh Kinh trên thế giới đã đề cập. Các lực lượng ánh sáng và các lực lượng bóng tối đã được dàn trận chống lại nhau, và điều này là để trợ giúp nhân loại. Cuộc tranh đấu vẫn còn tiếp diễn, và Thế Chiến mà chúng ta đã vừa trải qua là một sự tái phát của nó. Trên mỗi phương diện của Thế Chiến đó đều có hai nhóm, những người chiến đấu cho một lý tưởng khi họ đã thấy nó, và lý tưởng cao nhất mà họ biết, và những người đấu tranh vì các quyền lợi vật chất ích kỷ. Trong cuộc chiến của những lý tưởng gia có ảnh hưởng, hay những kẻ duy vật, nhiều người bị cuốn vào, đã chiến đấu một cách mù quáng và thiếu hiểu biết, và do thế đã bị chìm đắm trong nghiệp quả và thảm họa của nhân loại.

Ba quyết định này của Thánh Đoàn đang và sẽ có một hiệu quả sâu xa lên nhân loại, nhưng đang đạt được kết quả mong muốn, và [36] diễn trình tiến hóa được thúc đẩy mau

chóng, và một hiệu quả quan trọng sâu xa trên trạng thái trí tuệ của con người có thể được nhìn thấy.

Ở đây cũng nên nêu ra rằng, một số đông các sinh linh, mà người Thiên Chúa giáo gọi là thiên thần, và người Đông phương gọi là chư thần ⁽³⁾, đang hoạt động với tư cách là thành viên của Thánh Đoàn. Nhiều vị này đã trải qua giai đoạn nhân loại cách đây nhiều kỷ nguyên, hiện làm việc trong các hàng ngũ của cuộc tiến hóa vĩ đại song song với trường tiến hóa nhân loại, và được gọi là trường tiến hóa thiên thần. Ngoài những nhân tố khác, cuộc tiến hóa này bao gồm các vị thần kiến tạo phương diện ngoại cảnh của hành tinh, và qua các vị thần kiến tạo này, các mãnh lực tạo nên mọi hình thể mà chúng ta đã biết hoặc còn xa lạ. Do đó, các thiên thần hợp tác với nỗ lực của Thánh Đoàn quan tâm đến phương diện hình tướng, trong khi các thành viên khác của Thánh Đoàn thì chăm lo việc phát triển tâm thức bên trong hình tướng. [37]



³ Là “Chư Thiên” theo thuật ngữ Phật Giáo – ND

Chương 5

BA NGÀNH CỦA THÁNH ĐOÀN

Chúng ta đã bàn về chủ đề sự thành lập của Thánh Đoàn trên địa cầu, và đã thấy bằng cách nào Huyền giai này ra đời, cũng như đề cập đến một số cuộc khủng hoảng đã xảy ra, và vẫn còn ảnh hưởng đến các biến cố hiện nay. Khi bàn về công việc và những mục đích của các thành viên trong Thánh Đoàn, chúng ta sẽ không thể nêu rõ các mục đích này đã là những gì, và cũng không thể xét chi tiết về các nhân vật nào đã chủ động công việc trong nhiều ngàn năm qua, từ khi có Thánh Đoàn.

Nhiều Đấng cao cả đã đến từ các nguồn hành tinh và thái dương, và một hay hai lần đến từ các nguồn vũ trụ, thỉnh thoảng các Ngài cũng trợ giúp và lưu lại hành tinh này một thời gian ngắn. Với năng lượng lưu chuyển qua các Ngài, cùng với kinh nghiệm minh triết sâu xa, các Ngài đã kích thích các trường tiến hoá của địa cầu, và đưa các mục đích của Hành Tinh Thượng Đế mau đến gần mức hoàn tất. Sau đó, các Ngài ra đi và địa vị của các Ngài được thay thế bởi các thành viên nào của Thánh Đoàn đồng ý nhận một cuộc rèn luyện và phát triển tâm thức đặc biệt. Đến lượt các vị trọn lành và Chân sư này lại được các điểm đạo đồ thay thế, và do đó những người đệ tử và những người nam, nữ tiến hoá cao luôn luôn có cơ hội nhập vào hàng ngũ của Thánh Đoàn, và do đó đã luôn luôn có sự luân chuyển sự sống và tính khí mới, và sự giáng lâm của những vị thuộc về một thời kỳ hay thời đại đặc biệt.

Một số các tên tuổi lớn vào các thời kỳ gần đây được lịch sử biết đến, [38] như Shri Sankaracharya, Vyasa, Mahommet, Jesus ở Nazareth, và Krishna, xuống đến các điểm đạo đồ cấp thấp hơn như Paul ở Tarsus, Luther, và một số trí tuệ nổi bật trong lịch sử Âu châu. Luôn luôn những người nam và nữ này đã là các tác nhân cho việc thực hiện mục đích của nhân loại, cho việc mang lại các điều kiện tập thể, và cho việc thúc đẩy sự tiến hoá của nhân loại. Đôi khi họ đã xuất hiện như mãnh lực nhân ái, mang theo cùng họ hoà bình và sự hài mãn. Thường hơn thì họ đã đến với tư cách các tác nhân hủy diệt, phá vỡ các hình thức cũ kỹ của tôn giáo và chính quyền, để cho sự sống bên trong hình tướng đang kết tinh mau chóng có thể được giải phóng và tạo cho sự sống đó một vận cụ mới mẻ, tốt đẹp hơn.

Nhiều điều trình bày ở đây đã được biết rõ, và đã được đưa ra trong những cuốn sách huyền bí khác nhau. Nhưng trong việc phát biểu một cách khôn ngoan và thận trọng các sự kiện được thu thập, và mối quan hệ của chúng với những điều có thể là mới đối với một số môn sinh, thì cuối cùng chúng ta sẽ có được sự thấu hiểu tổng hợp về Thiên Cơ vĩ đại, và một sự nhận thức khôn ngoan đồng nhất về công tác của đoàn thể vĩ đại gồm các linh hồn đã được giải thoát mà, trong sự từ bỏ hoàn toàn, các Ngài đang đứng yên lặng ở đằng sau diễn trường thế giới. Bằng quyền năng ý chí của các Ngài, sức mạnh của việc tham thiền của các Ngài, minh triết trong các kế hoạch của các Ngài, và kiến thức khoa học về năng lượng của các Ngài, các Ngài lèo lái những dòng thần lực, và kiểm soát những tác nhân kiến tạo hình thể đang tạo ra tất cả những gì thấy được và không thấy được, chuyển động và bất động trong trường sáng tạo thuộc ba cõi thấp. Những điều trên, cùng với kinh nghiệm bao la của các Ngài,

khiến các Ngài đủ điều kiện làm các tác nhân phân phối năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế.

Như đã trình bày, đứng đầu các sự vụ, chi phối và điều động mọi sinh linh và toàn cuộc tiến hoá, có Đấng THÁNH ĐẾ (the KING), Chúa Tể Hoàn Cầu, Sanat Kumara, Đấng Vĩnh cửu Thanh xuân, và Nguồn cội của Ý chí (biểu hiện thành Bác ái) của Hành Tinh Thượng Đế. Cộng tác với Ngài ở vai trò cố vấn có ba Đấng [39] được gọi là Pratyeka Buddha, hay là các vị Hoạt Động Phật. Cả bốn Vị đều là hiện thân của ý chí hoạt động thông minh đầy yêu thương. Các Ngài là sự thành tựu viên mãn của trí thông tuệ và, trong một thái dương hệ trước đây, đã thành đạt những điều mà hiện nay con người đang nỗ lực làm cho hoàn thiện. Trong các chu kỳ ban đầu của thái dương hệ này, các Ngài đã bắt đầu thể hiện lòng bác ái thông minh, và theo quan điểm của con người bình thường, các Ngài là bác ái hoàn toàn và trí thông minh toàn vẹn, dù rằng theo lập trường của Đấng đang bao gồm ngay cả hệ hành tinh của chúng ta trong thể biểu lộ của Đấng này, thì trạng thái bác ái đó cho đến nay vẫn còn trong quá trình phát triển, và ý chí đó chỉ mới phôi thai. Trong một thái dương hệ khác, trạng thái ý chí sẽ đến mức thành tựu, cũng như bác ái sẽ hoàn thành trong thái dương hệ này.

Ở chung quanh Đức Chúa Tể Hoàn Cầu nhưng ẩn tàng và thuộc về nội môn, có thêm ba vị Kumara khác nữa, hợp thành bảy Đấng của sự biểu hiện của hành tinh này.

Công việc của các Ngài đối với chúng ta tất nhiên là còn bí ẩn. Ba vị Phật công truyền, hay các vị Kumara, là tổng thể của hoạt động hay là năng lượng hành tinh, và ba vị Kumara bí truyền hiện thân cho các loại năng lượng mà cho đến nay chưa thể hiện đầy đủ trên hành tinh chúng ta. Mỗi một trong sáu vị Kumara này là một phản ánh của, và là tác nhân phân

phối cho, năng lượng và mãnh lực của một trong sáu Hành Tinh Thượng Đế khác, sáu Đấng Tinh Quân (spirits) còn lại trước Ngôi Thượng Đế (the Throne). Chỉ có Đức Sanat Kumara, trong hệ thống này, là tự lực và tự túc, vốn là hóa thân hồng trần của một trong các Vị Hành Tinh Thượng Đế, vị này ta chưa được phép tiết lộ, vì đó là một trong những bí mật của điểm đạo. Mãnh lực sự sống của một trong sáu cung đi qua mỗi Vị, và khi cứu xét về các Ngài, chúng ta có thể tóm tắt công việc và địa vị của các Ngài như sau:

1. Mỗi vị tiêu biểu cho một trong sáu loại năng lượng, mà Đức Chúa Tể Hoàn Cầu là Đấng tổng hợp và là Đấng hiện thân của loại năng lượng thứ bảy hoàn thiện, là loại của hành tinh chúng ta. [40]

2. Mỗi vị được phân biệt bởi một trong sáu màu, mà Đức Chúa Tể Hoàn Cầu là Đấng biểu lộ màu sắc đầy đủ của hành tinh, còn sáu màu kia là màu phụ.

3. Thế nên, công việc của các Ngài, không chỉ liên quan đến sự phân phối thần lực, mà còn liên quan đến việc chuyển các Chân nhân (Egos) từ các hệ thống hành tinh khác vào hệ thống của chúng ta để thu thập kinh nghiệm địa cầu.

4. Mỗi Ngài có liên giao trực tiếp với một trong các hành tinh thánh thiện.

5. Tùy theo các điều kiện chiêm tinh, và tùy theo sự xoay chuyển của bánh xe sự sống của hành tinh, mà vị này hay vị khác trong các vị Kumara này sẽ hoạt động tích cực. Ba vị Hoạt Động Phật thành thạo thay đổi, và lần lượt ở ngoại môn hay nội môn tùy theo trường hợp. Chỉ có Đấng Thánh Đế (the King) là vẫn kiên trì một cách vững vàng và trông chừng trong hóa thân vật chất tích cực của Ngài.

Ngoài các Đấng chủ trì chính yếu kể trên trong Đại Hội Đồng ở Shamballa, còn có một nhóm bốn Vị là các đại diện

trên địa cầu của Tứ Đại Thiên Vương (the four Maharajas), hoặc là bốn vị Nghiệp Quả Tinh Quân trong thái dương hệ, các Ngài đặc biệt quan tâm đến cuộc tiến hoá của giới nhân loại hiện nay. Bốn Vị này có liên quan đến:-

1. Sự phân phối nghiệp quả hay vận mệnh của con người, khi nó ảnh hưởng đến các cá nhân, và thông qua các cá nhân, ảnh hưởng đến các nhóm.

2. Việc trông nom và sắp xếp các tiên thiên ký ảnh. Các Ngài có liên quan đến những Phòng Ký Ảnh (Halls of Records) hay “việc lưu trữ sổ bộ,” theo cách nói trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo. Trong giới này, người ta gọi các Ngài là các thiên thần ký ảnh (recording angels).[41]

3. Việc tham dự vào các hội đồng thái dương hệ. Chỉ có các Ngài, trong chu kỳ thế giới này, mới có quyền vượt ra ngoài biên giới của hệ hành tinh và tham dự các hội đồng của Thái Dương Thượng Đế. Bằng cách này, các Ngài thật sự là những Đấng trung gian của hành tinh, đại diện cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và tất cả những gì liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế trong hệ thống lớn hơn nữa mà Ngài chỉ là một phần trong đó.

Cộng tác với các Nghiệp Quả Tinh Quân này là những nhóm đông đảo các điểm đạo đồ và các thiên thần, chăm lo việc điều chỉnh đúng đắn:-

1. Nghiệp quả của thế giới,
2. Nghiệp quả của giống dân,
3. Nghiệp quả của quốc gia,
4. Nghiệp quả của nhóm,
5. Nghiệp quả của cá nhân,

và chịu trách nhiệm với Hành Tinh Thượng Đế về việc vận dụng đúng đắn các mãnh lực và các tác nhân xây dựng, để mang những Chân nhân phù hợp thuộc các cung khác nhau

giáng trần hợp thời, đúng lúc.

Chúng ta ít có liên quan đến tất cả các nhóm này, vì chỉ có các điểm đạo đồ cấp ba và các vị còn cao cả hơn nữa mới tiếp xúc với các nhóm đó.

Các nhân sự còn lại của Thánh Đoàn được chia làm ba nhóm chính và bốn nhóm phụ, như sẽ được thấy khi tham khảo biểu đồ được thêm vào, mỗi nhóm được chủ trì bởi một trong những Đấng mà chúng ta gọi là ba vị Chúa (Lords) Cao Cả.

Công việc của Đức Bàn Cổ.

Đức Bàn Cổ chủ trì nhóm thứ nhất. Ngài được gọi là Đức Bàn Cổ Vaivasvata, và là vị Bàn Cổ của căn chủng thứ năm. Ngài [42] là con người lý tưởng hay tư tưởng gia lý tưởng, ấn định kiểu mẫu cho giống dân Aryan của chúng ta, đã chủ trì các vận mệnh của giống dân này từ lúc nó bắt đầu cách đây gần một trăm ngàn năm. Các vị Bàn Cổ khác đã đến và đã ra đi, và địa vị của Ngài sẽ do một vị khác thay thế, trong một tương lai tương đối gần. Bấy giờ Ngài sẽ chuyển sang một loại công tác khác cao cả hơn. Đức Bàn Cổ vốn là kiểu mẫu nguyên thủy của căn chủng thứ tư, đang hợp tác chặt chẽ với Ngài, và Vị này có trung tâm ảnh hưởng ở Trung Quốc. Ngài là vị Bàn Cổ thứ hai của căn chủng thứ tư, và đã thay thế Đức Bàn Cổ trước vào các giai đoạn cuối cùng của cuộc hủy diệt Châu Atlantis. Ngài còn tại vị để thúc đẩy sự phát triển của kiểu mẫu chủng tộc này, và để đưa nó đến sự biến mất cuối cùng của nó. Nhiệm kỳ của các vị Bàn Cổ có những khoảng giao nhau, nhưng hiện nay trên địa cầu không còn đại diện nào của căn chủng thứ ba. Đức Bàn Cổ Vaivasvata ở trong vùng núi Hy-mã-lạp-son, và đã qui tụ chung quanh Ngài ở Shigatse một số người có liên quan trực

tiếp với các sự vụ của giống dân Aryan ở Ấn Độ, Âu Châu và Mỹ Châu, và những người mà sau này sẽ liên quan với căn chủng thứ sáu sắp đến. Các kế hoạch được chuẩn bị cho nhiều thời đại tới đây, các trung tâm năng lượng được hình thành hàng ngàn năm trước khi chúng được cần đến, và với sự tiên tri sáng suốt của các Đấng Thiêng Liêng này, không có điều gì là kết cuộc bất ngờ, mà tất cả đều chuyển động trong các chu kỳ trật tự, theo qui luật và định luật, dù rằng ở bên trong các giới hạn nghiệp quả.

Công việc của Đức Bàn Cổ phần lớn liên quan đến việc cai trị, đến chính trị của hành tinh, và đến việc thành lập, điều hành và giải tán các kiểu mẫu và hình thể các giống dân. Ý chí và chủ đích của Hành Tinh Thượng Đế được giao phó cho Ngài. Ngài biết mục tiêu trước mắt của chu kỳ tiến hoá mà Ngài phải chủ trì là gì, và công tác của Ngài bận tâm đến việc thực hiện hoàn tất ý chí này. Ngài cộng tác chặt chẽ với các thiên thần kiến tạo nhiều hơn vị Huynh đệ của Ngài là Đức Christ, vì Ngài được [43] giao cho việc ấn định kiểu mẫu của giống dân, việc tách riêng ra các nhóm mà từ đó các chủng tộc sẽ phát triển, việc điều động các thần lực để dời chuyển vỏ địa cầu, việc nâng cao và hạ thấp các lục địa, hướng dẫn trí tuệ của các chính khách ở khắp nơi để việc quản trị nhân loại sẽ tiến triển như mong muốn, và mang lại các điều kiện để tạo nên những gì cần thiết cho việc phát triển một kiểu mẫu nào đó. Một công cuộc như thế nay chúng ta có thể thấy đang diễn ra ở Bắc Mỹ và Úc Châu.

Năng lượng lưu chuyển qua Ngài phát xuất từ bí huyết đầu của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và truyền đến Ngài qua não bộ của Đức Sanat Kumara, là Đấng hội tụ tất cả năng lượng hành tinh trong chính Ngài. Ngài làm việc bằng một lối tham thiền mạnh mẽ, được điều khiển trong bí huyết đầu,

và tạo nên các kết quả của Ngài nhờ Ngài hoàn toàn nhận thức những điều phải thành tựu, nhờ một năng lực hình dung những điều phải thực hiện để mang lại thành tựu, và nhờ một khả năng truyền chuyển năng lượng sáng tạo và hủy diệt đến các vị phụ tá của Ngài. Và tất cả những điều này được hoàn thành nhờ quyền năng của âm thanh phát ra một cách rõ ràng.

Công việc của Đức Chưởng Giáo Thế Gian, Đức Christ

Đức Chưởng Giáo là vị Lãnh Đạo chủ trì nhóm thứ hai. Ngài là Đấng Cao Cả mà người Thiên Chúa giáo gọi là Đức Christ; ở Đông phương, Ngài cũng được biết dưới danh hiệu Đức Bồ-Tát, Đức Di Lạc, và là Đấng mà người tín đồ Hồi giáo thuần thành tìm kiếm, dưới danh xưng Imam Mahdi. Chính Ngài đã chủ trì các vận mệnh của sự sống kể từ khoảng 600 năm trước Công nguyên, và chính Ngài trước đây đã giáng lâm giữa nhân loại, và là Đấng đang được mong chờ trở lại.

Ngài là vị Chúa vĩ đại của Bác Ái và Từ Bi, cũng như vị tiên nhiệm của Ngài, Đức Phật, đã là vị Chúa Minh Triết. [44] Năng lượng của trạng thái thứ hai, trực tiếp từ luân xa tim của Hành Tinh Thượng Đế, qua tim của Sanat Kumara, đến Ngài và lưu chuyển thông qua Ngài. Ngài làm việc bằng việc tham thiền được tập trung trong luân xa tim. Ngài là Đức Chưởng Giáo Thế Gian, là Chân sư của các Chân sư, và là Huấn sư của các Thiên thần, và Ngài được giao phó việc hướng dẫn vận mệnh tinh thần của nhân loại, và việc phát triển sự nhận thức trong mỗi người rằng y là con của Thượng Đế và là con của Đấng Chí Tôn (the Most High).

Giống như Đức Bàn Cổ chăm lo việc cung ứng kiểu mẫu và các hình hài mà qua đó tâm thức có thể tiến hoá và thu thập kinh nghiệm, nhờ đó mang lại ý nghĩa sâu xa nhất của

cuộc hiện tồn, thì cũng thế, Đức Chương Giáo Thế Gian hướng cái tâm thức nội tại đó vào trong trạng thái sự sống hay tinh thần của nó, tìm cách tăng cường cho nó bên trong hình hài, sao cho, vào đúng lúc, hình hài này có thể bị loại bỏ, và tinh thần được giải phóng có thể quay về nguồn cội của mình. Kể từ khi Ngài rời trần thế, như được tường thuật gần đúng trong câu chuyện Thánh Kinh (mặc dù có nhiều chi tiết sai lầm), Ngài đã luôn ở kề cận những người con của nhân loại; Ngài chưa hề bao giờ thực sự ra đi, mà chỉ có vẻ như vậy thôi, và những ai biết cách đều có thể tìm thấy Ngài trong thánh thể hồng trần, trú ngụ trong dãy Hy-mã-lạp-son, và đang làm việc trong sự cộng tác chặt chẽ với hai vị Huynh đệ Cao cả của Ngài, là Đức Bàn Cổ (Manu) và Đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan). Hằng ngày, Ngài ban phước lành cho thế gian, và hằng ngày, vào lúc mặt trời lặn, Ngài đứng dưới gốc thông lớn trong vườn, đưa tay ban phước lành cho tất cả những ai chân thành và thiết tha tìm đạo.

Ngài biết tất cả những người tìm chân lý, và dù họ có thể còn chưa biết được Ngài, nhưng ánh sáng mà Ngài ban rải vẫn kích thích đạo tâm, nuôi dưỡng điểm linh quang của sự sống đang phấn đấu, và thôi thúc người chí nguyện tiến lên cho đến khi ngày trọng đại hé rạng, khi họ đứng đối diện với Đấng, mà bằng việc được “thăng hoá” (“lifted up”) (hiểu theo nghĩa nội môn), đang hấp dẫn mọi người đến với Ngài, là Đấng Điểm Đạo các bí nhiệm thiêng liêng. [45]

Công việc của Đức Văn Minh, là Đức Mahachohan.

Vị Lãnh Đạo của nhóm ba là Đức Mahachohan. Thời gian Ngài cai trị nhóm này lâu hơn thời gian của hai vị Huynh đệ của Ngài, và Ngài có thể giữ chức vụ với nhiệm kỳ qua nhiều căn chủng. Ngài là toàn bộ trạng thái thông tuệ.

Đức Văn Minh hiện nay không phải là vị đầu tiên giữ chức vụ này khi thành lập Thánh Đoàn vào thời kỳ Lemuria – bảy giờ chức vụ này được đảm nhận bởi một trong các vị Kumaras, hay là các Hoả Chân Quân (Lords of the Flame), đã lâm phạm cùng với Sanat Kumara – mà Ngài nhận chức vụ này trong khoảng phụ chủng thứ nhì của căn chủng Atlantis. Ngài đã đạt quả vị Chân sư trên dãy nguyệt cầu, và chính qua phương tiện của Ngài mà một số đông nhân loại tiến hoá cao hiện nay đã lâm phạm vào khoảng giữa căn chủng Atlantis. Các mối quan hệ nghiệp quả với Ngài đã là một trong những nguyên nhân tiên định, nhờ đó khiến cho tình huống bất ngờ này có thể xảy ra.

Công việc của Ngài liên quan đến việc thúc đẩy và tăng cường mối quan hệ giữa tinh thần và vật chất, giữa sự sống và sắc tướng, giữa cái ngã và cái phi-ngã, tất cả kết thành những gì chúng ta gọi là nền văn minh. Ngài vận dụng các mãnh lực của thiên nhiên, và phần lớn là nguồn phát ra điện năng như hiện chúng ta biết. Ngài là phản ánh của trạng thái thứ ba hay trạng thái sáng tạo, nên năng lượng từ Hành Tinh Thượng Đế lưu chuyển đến Ngài từ bí huyệt cổ họng, và bằng nhiều cách, chính Ngài đã giúp cho công việc của các vị Huynh đệ Ngài có thể thực hiện được. Những kế hoạch và ý muốn của các Vị này đều được chuyển đến Ngài, và những chỉ thị truyền qua Ngài đến với một số lớn các tác nhân thiên thần.

Như vậy, bạn có Ý chí, Bác ái và Thông tuệ được tiêu biểu trong ba vị Chúa cao cả này; bạn có ngã, phi ngã và mối liên hệ giữa ngã-phi ngã được tổng hợp trong tính thống nhất của cuộc biểu hiện; bạn có chính quyền, tôn giáo và văn minh của nhân loại tạo thành một tổng thể cố kết; và bạn có sự biểu hiện hồng trần, trạng thái bác ái hay ý muốn, và trí tuệ [46]

của Hành Tinh Thượng Đế thể hiện thành thế giới khách quan. Có sự hợp tác và thống nhất hết sức chặt chẽ giữa ba Đấng này, và mỗi biện pháp, kế hoạch và biến cố đều có trong sự tiên tri kết hợp của các Ngài. Hằng ngày các Ngài tiếp xúc với Đức Chúa Tể Hoàn Cầu ở Shamballa, và toàn bộ việc hướng dẫn các sự vụ đều ở trong tay các Ngài, và trong tay Đức Bàn Cổ của căn chủng thứ tư. Đức Chương Giáo giữ chức vụ này đối với cả căn chủng thứ tư và căn chủng thứ năm.

Mỗi vị trưởng ngành này điều hành một số các phòng ban phụ thuộc, và ngành của Đức Mahachohan được chia làm năm phân ngành, nhằm bao gồm bốn trạng thái thứ yếu trong việc quản trị của Thánh Đoàn.

Dưới quyền của Đức Bàn Cổ có các vị nhiếp chính (regents) của các khu vực khác nhau trên thế giới, ví dụ như Chân sư Jupiter, vị kỳ cựu nhất trong các Chân sư hiện đang làm việc trong thế xác cho nhân loại, là vị nhiếp chính cho Ấn Độ, và Chân sư Rakoczi, là vị nhiếp chính cho Âu Châu và Mỹ Châu. Ở đây, chúng ta cần phải nhớ rằng, mặc dù Chân sư R., chẳng hạn, thuộc về cung bảy, và như thế ở dưới bộ môn thuộc năng lượng của Đức Mahachohan, nhưng trong công việc của Thánh Đoàn, Ngài có thể và lại giữ chức vụ tạm thời dưới quyền Đức Bàn Cổ.

Các vị nhiếp chính này nắm quyền cai trị các lục địa và các quốc gia, và bằng cách đó hướng dẫn vận mệnh của họ, cho dù họ không hề biết. Các Ngài ghi khắc và truyền cảm hứng cho các chính khách và các nhà cai trị; các Ngài tuôn đổ năng lượng trí tuệ trên các nhóm chính quyền, nhờ đó mang lại các kết quả mong muốn ở nơi nào có sự cộng tác và trực giác bén nhạy của các tư tưởng gia.

Đức Chương Giáo chủ trì vận mệnh của các tôn giáo lớn

qua trung gian của một nhóm các Chân sư và điểm đạo đồ điều khiển các hoạt động của các trường phái tư tưởng khác nhau này. Chẳng hạn như Chân sư Jesus, Vị truyền cảm hứng và đứng đầu các giáo hội Thiên Chúa giáo ở khắp nơi, [47] hiện đang làm việc dưới quyền Đức Christ cho sự thịnh vượng của Thiên Chúa giáo, dù Ngài là một Chân sư cung sáu trong ngành của Đức Mahachohan; các Chân sư khác cũng giữ các địa vị tương tự đối với các tôn giáo lớn ở Đông phương, và các trường phái tư tưởng khác nhau ở Tây phương.

Trong ngành của Đức Mahachohan, một số lớn các Chân sư, trong năm phân bộ, làm việc liên quan với trường tiến hoá thiên thần, và với trạng thái thông tuệ nơi con người. Các phân bộ của các Ngài đi theo các phân bộ của bốn cung thuộc tính thứ yếu:—

1. Cung điều hoà hay mỹ lệ.
2. Cung khoa học hay kiến thức cụ thể.
3. Cung sùng tín hay lý tưởng trừu tượng.
4. Cung định luật nghi lễ hay pháp thuật,

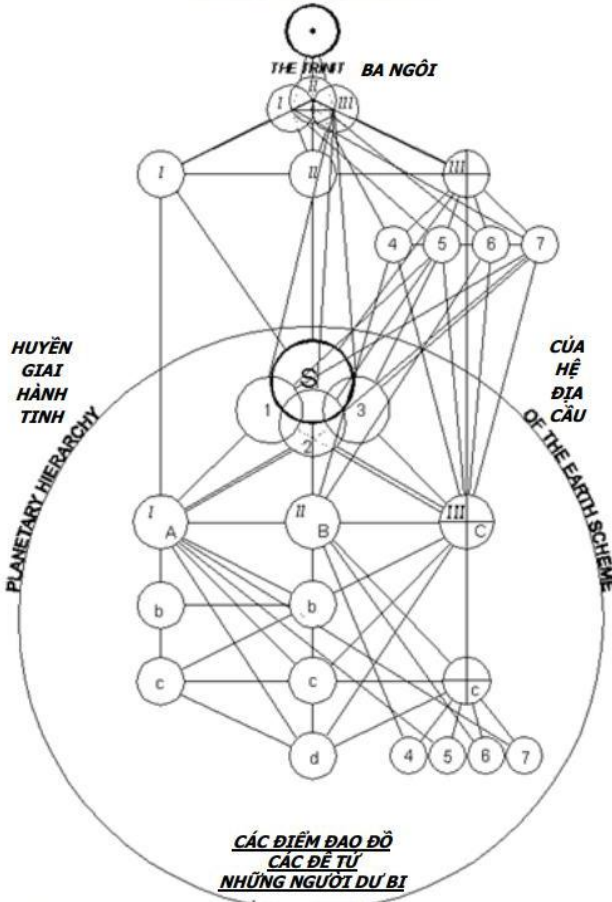
cũng như ba vị trưởng ngành đại diện cho ba cung chính yếu:—

- I. Ý chí hay quyền lực.
- II. Bác ái hay minh triết.
- III. Thông tuệ linh hoạt, hay thích nghi.

Bốn cung hay bốn thuộc tính của trí tuệ (mind), cùng với cung ba thông tuệ (intelligence), được Đức Mahachohan tổng hợp lại, cấu thành toàn bộ nguyên khí thứ năm là nguyên khí trí tuệ hay manas. [48]

BIỂU ĐỒ XIII

CÁC HUYỀN GIAI THÁI DƯƠNG VÀ HÀNH TINH
THÁI DƯƠNG THƯƠNG ĐẾ



"Sơ đồ này phác họa một phần Thánh Đoàn ở thời điểm hiện tại, và chỉ đưa ra các Nhân Vật nổi bật, liên quan đến cuộc tiến hóa của nhân loại. Một sơ đồ tương tự theo quan điểm của trường tiến hóa thiên thần sẽ được sắp xếp khác đi."

(Các đường nối biểu thị các dòng thần lực)

CHÌA KHÓA CHO BIỂU ĐỒ CỦA CÁC HUYỀN GIAI THÁI
DƯƠNG VÀ HÀNH TINH

Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

Huyền Giai Thái Dương

Thái Dương Thượng Đế

Ba Ngôi Thái Dương Thượng Đế

- I. Ngôi Chúa Cha Ý Chí
 II. Ngôi Chúa Con Bác Ái – Minh Triết
 III. Ngôi Chúa Thánh Thần Thông Tuệ Linh hoạt

Bảy Cung

Ba Cung Trạng thái

Bốn Cung Thuộc tính

- I. Ý Chí hay Quyền Năng ... II. Bác Ái-Minh triết ... III. Thông Tuệ Linh hoạt
4. Hải Hòa hay Mỹ Lệ
 5. Kiên Thúc Cự Thê
 6. Sùng Tín hay Lý tưởng
 7. Huyền Thuật Nghi Lễ

Huyền Giai Hành Tinh

S. Sanat Kumaras, Đấng Chương Quản Địa Cầu (Đấng Điểm đạo Độc Tôn)

Ba Đức Kumaras (Các Hoạt Động Phật)

1 2 3

Phản ảnh của ba cung chính và bốn cung phụ

Ba Vị Lãnh Đạo Bộ Môn (Departmental Heads)

I. Trạng thái Ý Chí ... II. Trạng thái Bác Ái-Minh triết ... III. Trạng thái Thông Tuệ

- | | | |
|--|--|--|
| <p>A. Đức Bàn Cổ
 b. Chân Sư Jupiter
 c. Chân Sư M</p> | <p>B. Đức Bồ Tát (Đức Christ)
 b. Một Chân Sư người Âu
 c. Chân Sư K.H.
 d. Chân Sư D.K.</p> | <p>C. Đức Mahachohan

 c. Chân Sư thành Venice
 4. Chân Sư Serapis
 5. Chân Sư Hilarion
 6. Chân sư Jesus.
 7. Chân Sư R.</p> |
|--|--|--|

Bốn cấp đẳng cấp đệ tử được điểm đạo
 Các cấp đẳng đệ tử chưa điểm đạo
 Hành giả trên đường dự bị

Thường nhân đủ mọi trình độ

(ĐĐNLVTD, 49)

Chương 6

HUYỀN GIAI CÁC CHÂN SƯ

Các phân bộ

Chúng ta đã xem xét ít nhiều về các chức vụ cao nhất trong các hàng ngũ của Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta. Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến những điều có thể gọi là hai phân bộ gồm các thành viên còn lại. Thực sự, các vị này hình thành hai Huyền giai (Lodges) bên trong tổ chức rộng lớn này:-

1. — Giai (— Lodge), gồm các điểm đạo đồ trên mức điểm đạo thứ năm, và một nhóm các thiên thần.

2. Thanh Giai (Blue Lodge), gồm tất cả các điểm đạo đồ được ba, bốn, năm lần điểm đạo.

Dưới hai Huyền Giai này có một nhóm đông đảo các điểm đạo đồ được một và hai lần điểm đạo, rồi đến các cấp đệ tử. Các đệ tử được xem như có liên kết với Huyền giai nhưng không thực sự là thành viên của Huyền giai này. Cuối cùng là những người ở giai đoạn dự bị, và họ hy vọng được liên kết với Huyền giai qua nỗ lực kiên cường.

Từ một quan điểm khác, chúng ta có thể xem các thành viên của Huyền giai như gồm trong bảy nhóm, mỗi nhóm tiêu biểu cho một loại thuộc năng lượng hành tinh thất phân xuất phát từ Hành Tinh Thượng Đế. Trước hết sự phân chia làm ba được đưa ra, như bạn luôn luôn có trong cuộc tiến hoá

bộ ba chủ yếu (biểu hiện qua ba ngành) rồi đến bảy, bộ bảy này được biểu lộ như là một biến phân gồm ba phần và một thất phân. Các môn sinh cần phải ghi nhớ rằng tất cả mọi điều được truyền đạt ở đây đều nói về công việc của Thánh Đoàn, liên quan [51] đến giới thứ tư hay giới nhân loại, và đặc biệt đề cập đến các Chân sư có hoạt động liên hệ đến nhân loại. Nếu bàn đến cuộc tiến hoá thiên thần, thì toàn bộ cách phân chia và lập đồ biểu sẽ phải khác đi.

Ngoài ra, có một số phương diện hoạt động của Thánh Đoàn lại ảnh hưởng đến giới động vật, chẳng hạn; công việc này cần hoạt động của những sinh linh, những phụng sự viên và các Chân sư hoàn toàn khác với các phụng sự viên của giới thứ tư, là nhân loại. Do đó, các môn sinh nên nhớ kỹ rằng tất cả các chi tiết này đều tương đối, và rằng công việc và nhân sự của Thánh Đoàn thì vô cùng lớn hơn và quan trọng hơn là những điều có thể xuất hiện khi chỉ hời hợt đọc qua các trang sách này. Chắc chắn rằng chúng ta đang bàn đến những gì có thể xem là công việc chính yếu của Thánh Đoàn, bởi vì trong công việc phụng sự của giới nhân loại, chúng ta đang quan tâm đến sự biểu lộ của ba trạng thái của thiên tính, nhưng các ngành khác đều tùy thuộc lẫn nhau, và công việc tiến triển như một *toàn thể* tổng hợp.

Các phụng sự viên, hay các Chân sư, trông nom cuộc tiến hoá của gia đình nhân loại, gồm sáu mươi ba vị, nếu kể cả ba vị Chúa cao cả, hợp thành chín lần bảy là con số cần thiết cho công việc. Trong số đó có bốn mươi chín vị hoạt động, tạm gọi là, ngoại môn, và mười bốn vị hoạt động nội môn, có quan hệ nhiều với sự biểu lộ nội tại. Công chúng ít biết đến danh hiệu của các Ngài, và trong nhiều trường hợp thật không khôn ngoan mà tiết lộ lai lịch, chỗ ở và trường hoạt động đặc biệt của các Ngài. Một số rất ít các vị, qua

nghiệp quả của nhóm và vì các Ngài tự nguyện hy sinh như vậy, đã xuất hiện công khai trong một trăm năm qua, và do đó mà một số hiểu biết về các Ngài mới được phổ biến.

Có khá nhiều người trên thế giới hiện nay biết về sự hiện diện của các Ngài một cách độc lập với mọi trường phái tư tưởng, và sự nhận thức rằng các Đấng mà cá nhân họ biết được theo cách đó, vốn là [52] các phụng sự viên trong một hệ thống nỗ lực kết hợp vĩ đại, có thể khích lệ các thức giả thực sự này đưa ra bằng chứng về sự hiểu biết của mình, để chứng minh thực tính công việc của các Ngài, vượt qua tất cả các bất đồng tranh cãi. Một số trường phái huyền bí học và nỗ lực của hội Thông Thiên Học đã tuyên bố rằng chỉ có họ là những người duy nhất nắm giữ giáo huấn của các Ngài, và chỉ có họ là phương tiện để thực hiện những nỗ lực của các Ngài, và do thế đã giới hạn những gì họ làm, và đưa ra những giả thuyết mà thời gian và hoàn cảnh không thể chứng minh được. Chắc chắn các Ngài làm việc thông qua các nhóm những nhà tư tưởng như thế, và đổ nhiều mãnh lực của các Ngài vào công việc của các tổ chức đó, tuy nhiên, các Ngài có các đệ tử và những người ủng hộ các Ngài ở khắp nơi, và làm việc thông qua nhiều tổ chức và nhiều phương diện của giáo huấn.

Trên khắp thế giới, những đệ tử của các Chân sư này đã xuống trần trong thời kỳ hiện tại với chủ đích duy nhất là tham gia vào các hoạt động, các công tác và việc phổ truyền chân lý của các giáo hội, các khoa học và các nền triết học khác nhau, và bằng cách này, tạo ra trong chính tổ chức đó một sự triển khai, mở rộng, và một sự phân hủy nếu cần, mà theo cách khác thì không thể có được. Các môn sinh huyền bí học ở khắp nơi nên khôn ngoan nhận ra các sự kiện này, và phát triển khả năng nhận ra được sự rung động của Thánh

Đoàn khi rung động này biểu lộ qua trung gian của các đệ tử ở những nơi và trong các đoàn nhóm bất ngờ nhất.

Cần nêu ra ở đây một điểm liên quan đến công việc của các Chân sư thông qua đệ tử của các Ngài, đó là: Tất cả các trường phái tư tưởng khác nhau được năng lượng của Huyền giai nuôi dưỡng, trong mọi trường hợp, đều do một hay một số các đệ tử thành lập và, chính các đệ tử này chứ không phải Chân sư, chịu trách nhiệm về các kết quả và nghiệp quả của công việc đó. Phương pháp tiến hành phần nào giống như sau:- Chân sư tiết lộ cho một đệ tử biết mục tiêu cần nhắm đến cho một chu kỳ ngắn hạn ngay trước mắt, và gợi ý cho một sự phát triển như thế nào là đáng mong muốn. Công việc của người đệ tử là xác định [53] phương pháp nào tốt nhất để mang lại các kết quả mong muốn, và lập ra các kế hoạch để khả dĩ đạt được một mức độ thành công nào đó. Bấy giờ y mới bắt đầu thực hiện kế hoạch, lập hội hay tổ chức của mình và phổ truyền giáo huấn cần thiết. Y chịu trách nhiệm chọn các cộng sự đúng đắn, giao phó công việc cho những người thích hợp nhất, và diễn giải các giáo huấn trong một hình thức có thể trình bày được. Tất cả những gì Chân sư làm là theo dõi cố gắng này với quan tâm và thiện cảm, ngày nào mà cố gắng này còn giữ được lý tưởng cao cả ban đầu và tiến hành với tư tưởng hoàn toàn vị tha. Chân sư không cần phải trách cứ nếu người đệ tử tỏ ra thiếu phân biện khi chọn những người cộng sự, hoặc tỏ ra thiếu khả năng trình bày chân lý. Nếu y làm việc tốt, và công việc tiến triển như ý muốn, thì Chân sư sẽ tiếp tục ban rải ân điển của Ngài cho cố gắng này. Nếu y thất bại, hoặc người kế nhiệm y tách ra khỏi động lực ban đầu, và do thế gieo rắc một sự sai lầm nào đó, thì với tình thương và lòng thiện cảm của Ngài, Chân sư sẽ thu hồi ân điển đó, giữ lại năng lượng của Ngài, để ngưng

việc kích thích những gì mà tốt hơn là nên chấm dứt. Các hình thức có thể sinh ra và tan biến đi, và mối quan tâm cũng như ân huệ của Chân sư có thể ban rải thông qua vận hà này hay vận hà khác; công việc có thể tiến hành qua trung gian này hay trung gian khác, nhưng mãnh lực của sự sống luôn luôn tồn tại, làm tan rã sắc tướng khi sắc tướng không còn thích hợp, hoặc sử dụng nó khi nó đủ điều kiện đáp ứng được nhu cầu ngay trước mắt.

Một số Chân sư và Công việc của các Ngài

Trong nhóm thứ nhất do Đức Bàn Cổ lãnh đạo, chúng ta thấy có hai Chân sư, là Chân sư Jupiter và Chân sư Morya. Cả hai đều đã hơn năm lần điểm đạo, và Chân sư Jupiter, cũng là vị Nhiếp chính của Ấn Độ, được toàn thể Huyền giai các Chân sư xem là vị kỳ cựu nhất trong các Ngài. Ngài ở trong vùng Đồi núi Nilgherry ở Nam Ấn và không phải là một vị Chân sư [54] thường thu nhận đệ tử, vì trong số các đệ tử Ngài gồm có các điểm đạo đồ cao cấp và một số các Chân Sư. Ngài nắm quyền ngự trị Ấn Độ, gồm cả phần lớn vùng biên giới phía Bắc, và Ngài được giao cho nhiệm vụ khó khăn là cuối cùng hướng dẫn Ấn Độ ra khỏi tình trạng xáo trộn và bất ổn hiện nay, và hàn gắn các dân tộc khác nhau của Ấn thành một khối tổng hợp chung cuộc. Chân sư Morya là một trong các Chân sư Đông phương được biết đến nhiều nhất, và trong các môn đồ của Ngài có một số lớn những người Âu, người Mỹ. Ngài là một ông Hoàng của chủng tộc Rajput, và trong nhiều thập niên đã giữ một địa vị đầy thẩm quyền trong các sự vụ Ấn Độ.

Ngài hoạt động cộng tác chặt chẽ với Đức Bàn Cổ, và rốt cuộc chính Ngài sẽ giữ chức vụ Bàn Cổ của căn chủng thứ sáu. Cũng như vị Huỳnh đệ của Ngài là Chân sư K. H., Ngài

ở tại Shigatse trong vùng núi Hy-mã-lạp-son, và dân chúng trong làng xa xôi hẻo lánh này biết Ngài nhiều. Ngài là một người tầm vóc cao, dáng điệu uy nghi, râu tóc nâu và mắt nâu, và có thể dường như nghiêm khắc nếu không có nét biểu lộ trong đôi mắt Ngài. Ngài và Huynh đệ của Ngài là Chân sư K. H. hoạt động gần như một đơn vị, đã từ nhiều thế kỷ rồi và trong tương lai sẽ vẫn tiếp tục, vì Chân sư K. H. rất có thể sẽ giữ chức vụ Chương Giáo Thế gian khi Đức Chương Giáo hiện nay rời chức vụ này để nhận công việc cao cả hơn, và cần chúng thứ sáu ra đời. Cả hai Ngài ở trong những ngôi nhà gần nhau, và các Ngài dùng phần lớn thì giờ để cộng tác mật thiết với nhau. Vì Chân sư M. thuộc Cung một, là cung Ý chí hay Quyền lực, nên công việc của Ngài phần lớn liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Đức Bàn Cổ hiện nay. Ngài tạo hứng khởi cho các chính khách trên thế giới, Ngài vận dụng các mãnh lực, thông qua Đức Mahachohan, mang lại những điều kiện cần thiết để giúp cuộc tiến hoá của nhân loại phát triển nhiều hơn. Ở cõi trần, Ngài ảnh hưởng đến [55] các đại lãnh tụ quốc gia có tầm nhìn xa rộng và lý tưởng quốc tế; có một số các đại thiên thần của cõi trí cộng tác với Ngài, và ba nhóm lớn các thiên thần làm việc với Ngài trên những cấp độ trí tuệ, có liên quan đến các vị thần cấp thấp hơn đang làm sinh động các hình tư tưởng, để giúp tồn tại những hình tư tưởng của các vị Hướng Dẫn của nhân loại cho phúc lợi của toàn thể loài người.

Chân sư M. giáo huấn một số lớn các đệ tử, và làm việc với nhiều tổ chức thuộc loại huyền bí và nội môn, cũng như thông qua các chính trị gia và các chính khách trên thế giới.

Chân sư Koot Humi cũng được biết nhiều ở Tây phương; Ngài có nhiều môn đồ ở khắp nơi, và gốc người Kashmir, mặc dù nguyên thủy gia đình Ngài đến từ Ấn Độ.

Ngài cũng là một điểm đạo đồ cao cấp và thuộc Cung hai, Cung Bác ái-Minh triết. Ngài là người có đáng quý phái, cao lớn, dù tầm vóc không cường tráng bằng Chân sư M. Ngài có nước da sáng, râu tóc màu nâu vàng, đôi mắt màu xanh thẳm tuyệt diệu, dường như qua đó tuôn tràn nguồn bác ái và minh triết ngàn xưa. Ngài có kinh nghiệm rộng rãi và học vấn uyên bác, xưa kia đã học ở một viện đại học Anh quốc, và nói tiếng Anh lưu loát. Ngài đọc rất rộng và tất cả các tác phẩm cũng như văn phẩm hiện có bằng nhiều thứ tiếng khác nhau đều được đưa đến phòng làm việc của Ngài trong dãy Hymā-lap-son. Ngài quan tâm nhiều đến việc làm sinh động một số các nền triết học lớn và chú ý đến một số cơ quan từ thiện. Ngài được giao phó cho công việc phần lớn là kích thích sự biểu lộ tình thương đang tiềm ẩn trong tâm của tất cả mọi người, và giúp nhân loại nhận thức được sự kiện nền tảng vĩ đại về tình huynh đệ.

Đặc biệt vào thời gian hiện nay, Chân sư M., Chân sư K.H. và Chân sư Jesus đang rất quan tâm đến việc kết hợp, đến mức [56] tối đa, các tư tưởng Đông và Tây, để cho các tôn giáo ở Đông phương, cùng với sự phát triển về sau của tín ngưỡng Thiên Chúa giáo trong tất cả các chi phái, có thể giúp ích lẫn nhau. Bằng cách này, hy vọng rằng cuối cùng sẽ có được Giáo hội Đại đồng duy nhất.

Chân sư Jesus là tụ điểm của năng lượng lưu chuyển qua nhiều giáo hội Thiên Chúa giáo khác nhau, Ngài hiện đang sống trong một thể xác người Syria, và ở một nơi nào đó trong vùng Thánh Địa. Ngài du hành rất nhiều và thường lưu lại nhiều xứ khác ở Âu châu. Ngài đặc biệt hoạt động với quần chúng hơn là với các cá nhân, dù Ngài đã qui tụ quanh Ngài một số lớn các môn đồ. Ngài thuộc về Cung sáu, Sùng tín hoặc Lý tưởng Trừu tượng, và các môn đồ của Ngài

thường có tính cuồng tín và sùng tín rõ rệt, đã biểu lộ trong các thánh tử đạo vào những thời gian đầu của Thiên Chúa giáo. Chính Ngài là một nhân vật khá hùng dũng, một người rất có kỷ luật, có uy quyền lớn lao và ý chí sắt đá. Ngài cao lớn và mảnh khảnh, khuôn mặt mảnh mai và dài, tóc đen, nước da trắng xanh và mắt xanh sắc sảo. Công việc của Ngài hiện nay mang trách nhiệm rất nặng, vì Ngài được giao phó vấn đề lèo lái tư tưởng Tây phương ra khỏi tình trạng bất ổn hiện nay đến các tầm mức an bình, xác tín và hiểu biết, và dọn đường ở Âu châu và Mỹ châu để cuối cùng Đức Chương Giáo Thế Gian giáng lâm. Ngài rất nổi tiếng trong lịch sử Kinh Thánh, xuất hiện lần đầu tiên dưới tên Joshua Con trai của Nun, rồi lại là Jeshua vào thời Ezra, được điểm đạo lần thứ ba dưới tên Joshua như được đề cập trong sách của Zechariah, và trong câu chuyện Phúc Âm, Ngài được biết với hai cuộc hy sinh lớn, trong đó Ngài trao thể xác cho Đức Christ sử dụng, và sự từ bỏ lớn lao vốn là đặc trưng của cuộc điểm đạo thứ tư. Với tên Appollonius [57] người Tyana, Ngài được điểm đạo lần thứ năm và đã trở thành một Chân sư Minh triết. Từ đó trở đi, Ngài đã ở lại làm việc với Giáo hội Thiên Chúa, bồi dưỡng mầm mống của sự sống tinh thần thực sự, có trong các thành viên của tất cả các chi phái, môn phái, và cố gắng hết sức hoá giải những sai lạc, lỗi lầm của các giáo sĩ và các nhà thần học. Rõ ràng Ngài là nhà Lãnh đạo Vĩ đại, là vị Giáo trưởng, là nhà Hành pháp khôn ngoan, và trong các vấn đề của giáo hội, Ngài cộng tác chặt chẽ với Đức Christ, gánh vác cho Đức Christ nhiều công việc, và đóng vai trò trung gian cho Đức Christ bất cứ khi nào có thể được. Không ai hiểu biết một cách minh triết như Ngài về các vấn đề của Tây phương, không ai liên lạc mật thiết như Ngài với những người tiêu biểu cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trong

các giáo huấn Thiên Chúa giáo, và không ai biết rõ bằng Ngài về nhu cầu của thời buổi hiện nay. Một số vị đại giám mục của các giáo hội Anh và Công giáo là các nhân viên sáng suốt của Ngài.

Chân sư Djwhal Khul, hay Chân sư D.K. như người ta thường gọi, là một Chân sư khác thuộc Cung hai Bắc á-Minh triết. Ngài là vị Chân sư được điểm đạo gần đây nhất, Ngài được điểm đạo lần thứ năm vào năm 1875, và do thế còn đang giữ thể xác Ngài khoác lúc được điểm đạo; phần lớn các Chân sư khác đã được điểm đạo lần thứ năm khi ở trong các hiện thể trước kia. Ngài là một người Tây Tạng và thể xác Ngài không còn trẻ nữa. Ngài rất tận tụy với Chân sư K. H., và ở trong một ngôi nhà nhỏ không xa ngôi nhà lớn hơn của Sư phụ Ngài, và do sốt sắng phục vụ cũng như sẵn sàng làm bất cứ điều gì cần phải làm, mà Ngài đã được gọi là “Sứ giả của các Chân sư.” Ngài có kiến thức uyên bác, và hiểu biết về các cung và các Huyền giai hành tinh trong thái dương hệ nhiều hơn bất cứ vị nào khác trong hàng ngũ các Chân sư. Ngài làm việc với các nhà trị liệu, và cộng tác một cách vô danh và vô hình với những người tìm kiếm chân lý trong các phòng thí nghiệm lớn trên thế giới, tất cả những người dứt khoát nhắm đến việc chữa lành, an ủi thể gian, và với các phong trào [58] từ thiện lớn trên thế giới như Chử Thập Đò. Ngài chăm nom những môn đồ nào của các Chân sư khác ích dụng được giáo huấn của Ngài, và trong vòng mười năm qua Ngài đã gánh vác cho cả Chân sư M. và Chân sư K. H. nhiều công tác giáo huấn, và vào những thời khoảng nhất định Ngài đã nhận lãnh một số môn đồ và đệ tử của hai vị này. Ngài cũng làm việc nhiều với một số nhóm thiên thần dĩ thái, là các thiên thần chữa bệnh, và do thế họ hợp tác với Ngài trong việc chữa trị một số bệnh thể xác của nhân loại. **Chính**

Ngài đã đọc cho viết phần lớn bộ sách quan trọng là *Giáo Lý Bí Nhiệm*, Ngài đã cho H. P. Blavatsky nhiều bức ảnh và cung cấp cho bà nhiều dữ liệu có ghi trong bộ sách này.

Chân sư Rakoczi là Vị đặc biệt lo cho việc phát triển tương lai của các sự vụ chủng tộc Âu châu và sự tăng trưởng trí tuệ ở Mỹ châu và Úc châu. Ngài là người Hungary, có nhà trong vùng núi Carpath, có lúc Ngài đã là một nhân vật nổi tiếng ở triều đình Hungary. Các sách xưa có đề cập đến Ngài, và Ngài đã đặc biệt xuất hiện trước công chúng khi Ngài là Bá tước St. Germain, và trước hơn nữa khi Ngài vừa là Roger Bacon và sau đó là Francis Bacon. Thật là thú vị mà ghi nhận rằng với vai trò là Chân sư R., ở các cõi bên trong, Ngài đảm nhận các sự vụ Âu châu, thì tên tuổi Ngài là Francis Bacon lại xuất hiện trước mắt công chúng trong cuộc tranh cãi Bacon-Shakespeare. Ngài là một người hơi nhỏ nhắn, mảnh khảnh, chòm râu nhọn đen nhánh, tóc đen mượt, và Ngài không thu nhiều môn đồ như các Chân sư được đề cập ở trước. Hiện nay, kết hợp với Chân sư Hilarion, Ngài lo cho phần đông các môn đồ thuộc cung ba, ở Tây phương. Chân sư R. thuộc Cung bảy, Cung Nghi lễ Huyền thuật hay Trật tự, và Ngài làm việc phần lớn thông qua nghi lễ và nghi thức nội môn. Ngài rất quan tâm đến hiệu quả, [59] cho đến nay còn chưa được nhận thấy, về nghi lễ của các Hội Tam Điểm, các giáo phái và các Giáo hội khác nhau ở khắp nơi. Trong Huyền giai, Ngài thường được gọi là “Bá tước,” và ở Mỹ và Âu châu, Ngài hành động thực sự như là vị tổng quản trị cho việc thực hiện các kế hoạch của hội đồng chấp pháp của Huyền giai. Một số các Chân sư hợp thành một nhóm nội môn chung quanh ba Đức Chủ Quản Cao Cả, và rất thường nhóm họp hội đồng.

Trên Cung năm, Kiến thức Cụ thể hay Khoa học, có

Chân sư Hilarion, trong một kiếp trước Ngài là Paul người Tarsus. Ngài đang khoác một xác thân người Crete, nhưng phần lớn thời gian Ngài ở Ai Cập. Chính Ngài đã trao cho thế giới bộ luận huyền môn “*Ánh Sáng Trên Đường Đạo*”, và công việc của Ngài đặc biệt thú vị đối với đại chúng trong cuộc khủng hoảng hiện tại, vì Ngài làm việc với những ai đang phát triển trực giác, điều hành và thăng hoá các phong trào lớn có khuynh hướng vén bức màn che thế giới vô hình. Thông qua các đệ tử, Ngài là năng lượng đang kích thích các nhóm đang Khảo cứu Tâm linh ở khắp nơi, và chính Ngài đã phát khởi phong trào Thông thần (Spiritualism). Ngài quan sát tất cả những người có thần thông cấp cao, giúp họ phát triển các quyền năng của họ vì lợi ích tập thể, và kết hợp với một số thiên thần ở cõi cảm dục, Ngài làm việc để mở ra cho những người tìm chân lý thấy được thế giới nội tại ẩn sau thế giới vật chất thô trực.

Chỉ có thể đưa ra đôi điều về hai vị Chân sư người Anh. Không vị nào thu đệ tử giống như cách thu đệ tử của Chân sư K. H. hay Chân sư M. Một trong hai Vị, sống ở Anh, thực sự giữ việc hướng dẫn giống dân Anglo-Saxon, và Ngài làm việc với các kế hoạch phát triển tương lai và cuộc tiến hoá của giống dân này. Ngài đứng đằng sau phong trào Lao động trên toàn thế giới, [60] chuyển hoá và lèo lái nó, và trong trào lưu dân chủ hiện nay đang dâng cao có bàn tay dìu dắt của Ngài. Từ sự bất ổn của nền dân chủ, từ tình trạng xáo trộn, hỗn loạn hiện nay, sẽ nảy sinh điều kiện của thế giới tương lai mà chủ âm sẽ là hợp tác chứ không cạnh tranh, không phải tập trung mà là phân phối.

Ở đây chúng ta có thể đề cập ngắn gọn về một vị Chân sư khác là Chân sư Serapis, Ngài thường được gọi là Chân sư Ai Cập. Ngài là vị Chân sư thuộc Cung bốn, và các phong

trào nghệ thuật lớn của thế giới, sự tiến triển của âm nhạc, và hội họa, kịch nghệ đều nhận được sức thúc đẩy mạnh mẽ của Ngài. Hiện nay, Ngài dành phần lớn thì giờ và chú tâm vào công việc của giới thiên thần hay cuộc tiến hoá của họ, cho đến khi công việc của giới này giúp thực hiện được cuộc hiển lộ lớn lao trong lãnh vực âm nhạc và hội họa sắp đến. Không thể nói thêm điều gì về Ngài, và chỗ ở của Ngài cũng không thể được tiết lộ.

Chân sư P. làm việc dưới quyền của Chân sư R. ở Bắc Mỹ. Chính Ngài đã có nhiều liên hệ với các khoa học khác nhau về trí tuệ như Khoa học Công giáo và Tư tưởng Mới, cả hai đều là những nỗ lực của Huyền giai cố gắng dạy người đời biết sự thật về thế giới vô hình, và quyền năng sáng tạo của trí tuệ. Vị Chân sư này khoác thể xác người Ái Nhĩ Lan, thuộc Cung bốn, và chỗ ở của Ngài không được phép tiết lộ. Ngài đảm nhiệm phần lớn công việc của Chân sư Serapis khi vị này tập trung chú ý vào cuộc tiến hoá của giới thiên thần.

Công việc hiện nay

Một sự kiện liên quan đến các Chân sư này, đến công việc của các Ngài trong hiện tại và tương lai, có thể được trình bày thích hợp ở đây. Trước hết, công tác huấn luyện các môn sinh và đệ tử của các Ngài để họ có đủ điều kiện trở nên hữu dụng khi [61] hai biến cố vĩ đại xảy ra, một là sự giảng lâm của Đức Chương Giáo Thế Gian vào khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ này, và sự kiện kia là huấn luyện để họ có thể hữu ích cho việc thành lập phân chúng mới thứ sáu và tái tạo các điều kiện thế giới hiện tại. Giống dân hiện nay là phân chúng thứ năm của căn chúng thứ năm, và áp lực của công việc rất lớn trên năm cung thuộc trí tuệ do Đức Mahachohan kiểm soát. Các Chân sư đang gánh vác công việc nặng nề quá mức,

và phần lớn việc giáo huấn đệ tử của các Ngài đã được giao phó cho các điểm đạo đồ, các đệ tử cao cấp, và một số Chân sư thuộc cung một và cung hai đã tạm thời đảm nhận các môn sinh trong ngành của Đức Mahachohan.

Hai là, chuẩn bị thế giới trên qui mô lớn cho cuộc giảng lâm của Đức Chưởng Giáo, và thực hiện một số bước cần thiết trước khi chính các Chân sư xuất hiện giữa mọi người, như nhiều Vị chắc chắn sẽ làm thế vào cuối thế kỷ này. Hiện một nhóm chuyên trách đang được lập ra trong các Ngài, gồm những vị đang chuẩn bị rõ rệt cho công việc này. Chân sư M., Chân sư K. H. và Chân sư Jesus sẽ chuyên lo về phong trào hướng đến phần tư cuối thế kỷ này. Các Chân sư khác cũng sẽ tham gia, nhưng đây là ba vị mà tên tuổi và chức vụ của các Ngài quần chúng cần nên biết đến càng nhiều càng tốt. Hai Chân sư khác, đặc biệt quan tâm đến cung bảy hay cung nghi lễ mà công việc của hai Vị này là giám sát việc phát triển một số hoạt động trong vòng mười lăm năm tới đây, và làm việc dưới quyền Chân sư R. Ở đây có thể bảo đảm chắc chắn là trước khi Đức Christ giảng lâm, sẽ có những điều chỉnh sao cho đúng đắn tất cả các tổ chức lớn sẽ có hoặc là một vị Chân sư, hoặc một điểm đạo đồ đã được ba lần điểm đạo. Sẽ có các điểm đạo đồ hay các Chân sư cầm đầu một số các đoàn thể huyền môn lớn, các Hội Tam Điểm trên thế giới, nhiều môn phái khác nhau của Giáo hội, và có mặt trong nhiều [62] nước lớn. Công việc này của các Chân sư hiện đang được tiến hành, và tất cả nỗ lực của các Ngài đang hướng đến việc hoàn thành mục đích. Ở khắp nơi, các Ngài đang qui tụ những người mà bằng cách nào đó đã tỏ ra có khuynh hướng ứng đáp với các rung động cao, tìm cách giúp họ tăng cường rung động, đủ điều kiện để có thể hữu ích vào thời gian Đức Christ giảng lâm. Thật là những ngày tháng

đây cơ hội tốt đẹp, bởi vì đến thời gian đó, qua mãnh lực phi thường của sức rung động bấy giờ được ban rải cho những người con nhân loại, những ai hiện nay đang làm công việc cần thiết sẽ có thể tiến tới một bước dài và vượt qua cửa điểm đạo. [63]



Chương 7

CON ĐƯỜNG DỰ BỊ

Chuẩn bị cho Điểm đạo

Con Đường Dự Bị (thử thách) có trước Con Đường Điểm Đạo hay là Thánh Đạo, và đánh dấu thời kỳ của cuộc sống một người khi y dứt khoát đứng về phía các lực tiến hoá, và làm việc để xây dựng đức hạnh. Y tự chủ trị, vun bồi các đức tính y còn thiếu, và chuyên cần ra sức chế ngự phạm nhân của mình. Y chủ tâm xây dựng thể nguyên nhân, lấp đầy các khoảng còn trống, và tìm cách biến nó thành nơi chứa thích hợp cho nguyên khí Christ. Sự tương đồng giữa thời kỳ trước khi sinh trong cuộc đời con người và giai đoạn tương tự trong sự phát triển của tinh thần nội tạng, thì thật là thú vị.

Chúng ta có thể xét vấn đề theo cách này:-

1. Lúc thụ thai, tương ứng với lúc biệt lập ngã tính.
2. Chín tháng mang thai, tương ứng với vòng sinh tử luân hồi.
3. Cuộc điểm đạo lần thứ nhất, tương ứng với giờ sinh.

Con đường dự bị tương ứng với giai đoạn sau của thời kỳ thai nghén, với sự giáng sinh của hài nhi Christ trong tâm hồn. Ở cuộc điểm đạo lần thứ nhất, hài nhi này bắt đầu cuộc hành hương trên Đường Đạo. Cuộc điểm đạo thứ nhất chỉ tượng trưng cho sự khởi đầu. Một cấu trúc sinh hoạt, suy tư

và hạnh kiểm đúng đắn đã được phát triển dần. Chúng ta gọi hình thức này là đức hạnh. Nay, đức hạnh này phải được làm sinh động và có chủ nhân ngự trị. Thackeray đã khéo mô tả quá trình xây dựng này bằng những lời rất thường được trích dẫn:- **[64]**

*“Hãy gieo một tư tưởng và gặt một hành động;
gieo một hành động và gặt một thói quen;
gieo một thói quen và gặt được tính nết;
gieo tính nết và gặt được số phận.”*

Vận mệnh bất tử của mỗi người và tất cả mọi người trong chúng ta là đạt được tâm thức của chân ngã và sau đó là tâm thức của Tinh thần Thiên thiêng liêng. Khi hình thể đã sẵn sàng, khi ngôi đền Solomon đã được xây dựng bằng nguồn vật liệu của cuộc sống phạm nhân, bấy giờ sự sống Christ giáng nhập, và vinh quang của Chúa phù trợ ngôi đền của Ngài. Hình thể trở nên sinh động mạnh mẽ. Ở đây ta thấy sự khác biệt giữa lý thuyết và việc thực hiện lý thuyết nơi chính bản thân. Người ta có thể đưa ra một bức tranh hay hình ảnh hoàn hảo, nhưng nó thiếu sự sống. Sự sống có thể được nắm đức theo kiểu mẫu thiêng liêng hết sức có thể; nó có thể là một bản sao xuất sắc nhưng thiếu nguyên khí Christ ngự bên trong. Mầm sống đã có ở đó nhưng vẫn còn yên ngủ. Giờ đây nó được nuôi dưỡng cho đến mức chào đời và đạt được cuộc điểm đạo thứ nhất.

Trong khi hành giả ở trên Đường Dự Bị, y được chỉ dạy chính yếu là để tự biết mình, để xác định được các khuyết điểm của mình và để sửa đổi chúng. Lúc đầu, y được dạy để làm việc như một người cứu trợ vô hình, và thường được giữ làm loại công việc này trong khá nhiều kiếp sống. Về sau, khi tiến bộ hơn, y có thể được chuyển đến những công việc chọn lọc hơn. Y được dạy những điều sơ đẳng của Minh triết

Thiên liêng và bước vào các cấp chót trong Phòng Học Tập. Y được một vị Chân sư lưu ý, và được sự trông nom (để được giáo huấn cụ thể) của một vị đệ tử của Chân sư này hoặc một điểm đạo đồ, nếu y có nhiều triển vọng đặc biệt.

Mỗi đêm trong khoảng từ mười giờ tối đến năm giờ sáng trên khắp thế giới, có các lớp học được những điểm đạo đồ cấp một và cấp hai tổ chức cho các đệ tử nhập môn (accepted disciples) và các đệ tử dự bị, để việc giáo huấn được hoàn toàn liên tục. Họ qui tụ trong Phòng Học Tập và phương pháp rất giống như trong các trường Đại học lớn, — các lớp theo thời khoá, công việc thực nghiệm, thi [65] cử, tuần tự được lên lớp và tiến tới khi vượt qua được các cuộc trắc nghiệm. Một số Chân nhân trên Đường Dự Bị theo học ngành tương tự như trường Trung học; những người khác thì được thu nhận ngay vào Đại học. Tốt nghiệp khi được điểm đạo, và vị điểm đạo đồ chuyển sang Phòng Minh Triết.

Các Chân nhân tiến bộ và những người có khuynh hướng tinh thần nhưng chưa ở trên Đường Dự Bị, thì dự các buổi giảng huấn của các đệ tử, và đôi khi các điểm đạo đồ cũng tổ chức những lớp học lớn để giúp ích họ. Công việc của họ có tính sơ đẳng hơn, dù vẫn là huyền môn theo quan điểm thể gian, và họ được trông nom học tập để trở thành các vị cứu trợ vô hình. Các vị cứu trợ vô hình thường được tuyển chọn trong số các Chân nhân tiến bộ. Những người rất tiến hoá, những người đang trên Đường Dự Bị và gần được điểm đạo, thường làm việc nhiều hơn trong những việc có thể gọi là công tác ngành, họ thành một nhóm trợ lý cho các thành viên của Thánh Đoàn.

Phương pháp giảng huấn.

Ba ngành giảng huấn trông nom ba thành phần phát triển của con người.

Thứ nhất: Đưa ra giáo huấn theo hướng áp dụng giới luật trong đời sống, tăng tiến đức hạnh, và phát triển tiêu vũ trụ theo các đường hướng vũ trụ. Hành giả được chỉ dạy ý nghĩa của chính mình; y đến mức tự biết mình là một đơn vị toàn vẹn, phức hợp, một hình ảnh thu nhỏ của thế giới bên ngoài. Khi học hỏi các luật của sự sống nơi chính mình, y đến mức thấu hiểu được Đại Ngã, và nhận thức được các định luật cơ bản của thái dương hệ.

Thứ nhì: Đưa ra giáo huấn về đại vũ trụ, mở rộng sự am hiểu trí thức của y về vận hành của vũ trụ. Kiến thức về các giới trong thiên nhiên, giáo huấn về những định luật của các giới ấy, và y được truyền dạy sự vận hành của các luật đó trong tất cả [66] các giới và trên mọi cõi. Y hoạch đắc một nguồn sâu xa các kiến thức tổng quát, và khi đã đến mức giới hạn của mình, y được gặp những người giúp y tiếp tục tiến tới kiến thức bách khoa. Khi đã đạt được mục tiêu, y có thể không biết hết mọi chi tiết còn cần phải biết trong toàn bộ ba cõi, nhưng y đã thủ đắc phương cách để hiểu biết, các nguồn kiến thức và những kho chứa các thông tin. Một vị Chân sư bất cứ lúc nào cũng có thể tìm ra bất cứ điều gì trong mọi vấn đề nào, không chút khó khăn.

Thứ ba: Đưa ra giáo huấn về những điều có thể gọi là *tổng hợp*. Người môn sinh chỉ có thể nhận được kiến thức này khi thể trực giác của y đã điều hợp. Đó là khả năng lãnh hội thực sự nội môn về định luật trọng trường hay hấp dẫn (luật căn bản của thái dương hệ này, là hệ thứ hai) với tất cả các hệ luận của nó. Người đệ tử học ý nghĩa của sự cố kết huyền bí và sự thống nhất nội tại đang giữ thái dương hệ thành một đơn vị đồng nhất. Phần lớn giáo huấn này thường được

truyền thụ sau cuộc điếm đạo thứ ba, nhưng phần sơ khởi đã có trong các giai đoạn đầu của cuộc huấn luyện.

Chân sư và Đệ tử

Các đệ tử và các Chân nhân tiến hoá cao trên Đường Dự Bị nhận giáo huấn vào thời gian đặc biệt này nhằm hai mục đích nhất định:-

(a) Để trắc nghiệm mức thích ứng của họ cho công tác đặc biệt trong tương lai, loại công việc mà chỉ có các vị Hướng Dẫn nhân loại biết rõ. Họ được thử nghiệm khả năng sinh hoạt cộng đồng để nhằm chọn những người thích hợp đưa vào nhóm phân chủng thứ sáu. Họ được thử nghiệm trong các đường hướng công tác khác nhau, nhiều việc hiện nay chúng ta không thể hiểu, nhưng theo thời gian sẽ trở nên các phương pháp phát triển bình thường. Các Chân sư cũng trắc nghiệm để tìm những người mà trực giác đã đạt đến một mức phát triển cho thấy thể bồ-đề bất [67] đầu phối kết, hoặc—nói đúng hơn—đã đến lúc các phân tử thuộc phân cảnh thứ bảy của cõi bồ-đề có thể được nhận thấy trong hào quang của Chân nhân. Khi được như vậy, các Ngài mới có thể tin tưởng tiến hành công tác giáo huấn, và biết rằng môn sinh sẽ thấu hiểu một số sự kiện truyền đạt cho họ.

(b) Hiện nay giáo huấn đang được truyền cho một nhóm đặc biệt, họ đã đầu thai vào thời kỳ hệ trọng này của lịch sử thế giới. Họ đã đến, tất cả đều cùng một lúc, trên khắp thế giới, để làm công việc *nối liền hai cõi hồng trần và cảm dục, qua các phân cảnh dĩ thái*.

Hãy xem xét câu này một cách nghiêm chỉnh, vì nó bao gồm công việc mà một số người trong thế hệ mới đã đến để thực hiện. Trong việc nối liền hai cõi này cần có những người đang an trụ trong thể trí của họ (hoặc nếu không an trụ trong

đó thì cũng đã phát triển khá đầy đủ và thẳng bằng) và do đó có thể làm loại công việc này một cách an toàn và thông minh. Chính yếu là cần có những người mà các thể của họ có chứa một tỷ lệ nhất định vật chất của phân cảnh nguyên tử, để có thể thực hiện sự truyền thông trực tiếp giữa cấp cao và cấp thấp, qua mặt cắt nguyên tử (atomic cross-section) của thể nguyên nhân. Điều này không dễ gì giải thích cho rõ ràng, nhưng việc xem xét sơ đồ trong cuốn "*Khảo cứu về Tâm thức*" của Bà Besant, trang 27, có thể giúp giải rõ một số vấn đề dễ gây rối trí.

Chúng ta phải nhận ra hai điều khi suy gẫm chủ đề về Chân sư và Đệ tử của các Ngài. Một là, trong Thánh Đoàn không điều gì bị mất đi do thiếu sự nhận thức về luật tương tác hài hòa. Mọi sự chi dụng thần lực của vị Chân sư hay Huấn sư đều do dự kiến sáng suốt và phân biện khôn ngoan. Giống như chúng ta không để cho các giáo sư đại học dạy những học viên sơ cấp, chính các Chân sư cũng không làm việc với cá nhân mọi người cho đến khi họ đạt được một trình độ tiến hoá nào đó và sẵn sàng để ích dụng được giáo huấn của các Ngài. [68]

Hai là, chúng ta phải nhớ rằng mỗi người trong chúng ta đều được nhận biết do độ chói rạng của ánh sáng nơi chính mình. Đây là một sự kiện huyền môn. Khi cấp độ vật chất kiến tạo các thể của chúng ta càng tinh tế thì ánh sáng nội tại sẽ càng chiếu rục rõ. Ánh sáng là rung động, và qua sự đo lường rung động, người ta xác định được trình độ của các môn sinh. Vì thế, không điều gì có thể ngăn cản hành giả tiến tới nếu y quan tâm thanh luyện các hiện thể của mình. Ánh sáng bên trong sẽ chói rạng và ngày càng rục rõ hơn, khi tiến trình thanh luyện tiếp tục, cho đến khi – khi chất liệu nguyên tử chiếm đa số – sự vinh quang của con người nội tâm sẽ rất

lớn lao. Do đó, có thể nói rằng tất cả chúng ta đều được xếp hạng tùy theo cường độ ánh sáng, tùy theo mức độ rung động, tùy theo sự thanh khiết của âm điệu và sự trong sáng của màu sắc. Bởi vậy, vị Huấn sư của chúng ta là ai sẽ tùy theo trình độ của chúng ta. Bí quyết là sự tương đồng rung động. Người ta thường bảo rằng khi sự yêu cầu đã đủ mạnh mẽ thì vị Huấn sư sẽ xuất hiện. Khi chúng ta đã tạo được các rung động đúng đắn, và tự hoà hợp được với âm giai đúng đắn, thì không điều gì có thể ngăn cản việc chúng ta tìm được Chân sư.

Các nhóm Chân nhân được thành lập:-

1. Tùy theo cung của họ.
2. Tùy theo cung phụ của họ.
3. Tùy theo mức độ rung động của họ.

Họ cũng được xếp thành nhóm để phân loại:

1. Với tư cách là Chân nhân, tùy theo cung của Chân nhân.
2. Với tư cách là phạm nhân, tùy theo cung phụ đang ngự trị phạm nhân.

Tất cả đều được xếp hạng và ghi vào đồ biểu. Các Chân sư có những Phòng Hồ sơ, với một hệ thống các bảng biểu mà chúng ta không hiểu do quá lớn lao và tất nhiên là phức tạp, trong đó có giữ các đồ biểu nói trên. Tất cả đều ở dưới sự trông nom của [69] một vị Đế quân của một Cung, và mỗi Cung có bộ sưu tập các đồ biểu của riêng họ. Các đồ biểu này, ở trong nhiều phân bộ (liên quan đến Chân nhân đang giáng trần, đã từ trần và đã hoàn thiện), và tất cả lại được những vị phụ tá trông nom gìn giữ. Các Đấng Nghiệp Quả Tinh Quân, với đoàn phù trợ đông đảo của các Ngài, rất thường sử dụng các đồ biểu này. Nhiều Chân nhân đã bỏ xác đang chờ đầu thai hoặc vừa mới từ trần, hy sinh thì giờ của

họ ở cõi trên để giúp vào việc này. Những Phòng Hồ sơ này hầu hết ở các cấp thấp nhất của cõi trí và các cấp cao nhất của cõi cảm dục, vì ở đó các hồ sơ này có thể được sử dụng nhiều nhất và dễ tiếp cận nhất.

Các điểm đạo đồ nhận giáo huấn trực tiếp từ các Chân sư hay từ một số đại thiên thần. Các giáo huấn này thường được truyền đạt ban đêm trong những nhóm nhỏ hoặc cho từng cá nhân (nếu cần) trong phòng làm việc riêng của Chân sư. Điều trên áp dụng cho các điểm đạo đồ đang đầu thai hay ở các nội giới. Nếu ở trên các phân cảnh nguyên nhân, thì họ nhận giáo huấn vào bất cứ lúc nào Chân sư thấy đáng nên truyền trực tiếp cho Chân nhân ở các cấp này.

Các vị đệ tử được dạy theo từng nhóm trong đạo viện của Chân sư hoặc trong lớp học vào ban đêm nếu họ đang sống ở cõi trần. Ngoài những cuộc nhóm họp đều đặn này, để nhận được giáo huấn trực tiếp từ Chân sư, vì một lý do cụ thể, một người đệ tử có thể được gọi đến phòng làm việc của Chân sư để tham vấn riêng. Việc này xảy ra khi Chân sư muốn gặp đệ tử để khen ngợi, khuyến cáo hoặc để quyết định xem y đáng được điểm đạo hay không. Phần lớn việc giáo huấn một đệ tử được giao phó cho một điểm đạo đồ hay một đệ tử tiến hoá hơn, vị này trông nom vị huynh đệ nhỏ hơn của mình, chịu trách nhiệm đối với Chân sư về sự tiến bộ của y, và gởi cho Ngài các phúc trình đều đặn. Hầu như nghiệp quả là nhân tố quyết định trong quan hệ này.

Hiện nay, do nhu cầu lớn lao của thế giới, người ta thực hiện một phương sách hơi khác hơn. Một số đệ tử được huấn luyện cấp tốc [70] bởi một số vị Chân sư từ trước đến nay chưa hề thu đệ tử. Các Chân sư đảm nhận thu đệ tử đang bị áp lực công việc nặng nề đến nỗi các Ngài đã giao phó một số đệ tử triển vọng nhất của các Ngài cho vài Chân sư khác, tạm

thời tập hợp họ thành những nhóm nhỏ. Cuộc thí nghiệm đang nhằm thử tăng cường giáo huấn, và đặt các đệ tử, chứ không phải các điểm đạo đồ, dưới sự rung động mạnh mẽ thường xuyên của Chân sư. Điều này có hàm chứa nguy cơ, nhưng nếu thí nghiệm tỏ ra thành công thì sẽ mang lại sự trợ giúp lớn lao hơn cho nhân loại. [71]



Chương 8

CON ĐƯỜNG ĐỆ TỬ

Mô tả người đệ tử

Trước hết, một người đệ tử thế nguyện làm ba điều:-

1. Phụng sự nhân loại.
2. Cộng tác với kế hoạch của các Đấng Cao Cả theo mức y thấy được, và làm hết khả năng mình.
3. Phát triển các quyền năng của Chân nhân, mở rộng tâm thức cho đến khi có thể hoạt động trên ba cõi trong tam giới và trong thể nguyện nhân, và tuân theo sự hướng dẫn của chân ngã chứ không theo mệnh lệnh của sự biểu lộ của ba thể thấp.

Một đệ tử là người đang bắt đầu hiểu được công tác tập thể, và bắt đầu đổi trung tâm hoạt động từ chính mình (như một trụ cột để mọi sự xoay quanh theo đó) đến trung tâm của nhóm.

Một đệ tử là người đồng thời nhận thức được sự tương đối vô nghĩa của mỗi đơn vị tâm thức cũng như tầm quan trọng lớn lao của nó. Ý thức tỉ lệ của y được điều chỉnh, và y thấy được thực tính của sự vật; y thấy được thực tính của mọi người; y thấy được chân tính bản sinh của chính mình và tìm cách thực hiện chân tính đó.

Người đệ tử nhận thức được sự sống hay phương diện mãnh lực của thiên nhiên, và hình thể không còn hấp dẫn được y. Y làm việc với mãnh lực và bằng mãnh lực; y nhận thấy chính mình là [72] một trung tâm lực bên trong một

trung tâm mãnh lực vĩ đại hơn, và y có trách nhiệm lèo lái những năng lượng nào có thể tuôn đổ qua mình, vào các vận hà để mang phúc lợi cho tập thể.

Người đệ tử tự biết mình—dù ở mức độ nhiều hay ít—là một tiền đồn của tâm thức của Chân sư, và quan niệm Chân sư trong một ý nghĩa lưỡng phân:

a. Là Chân ngã thức của chính y.

b. Là trung tâm của nhóm y; là mãnh lực làm sinh động các đơn vị trong nhóm và gắn bó họ thành một toàn thể đồng nhất.

Một đệ tử là người đang chuyển tâm thức ra khỏi cuộc sống riêng tư để nhập vào cuộc sống vô kỷ, và trong giai đoạn chuyển tiếp tất nhiên là phải chịu nhiều khó khăn đau khổ. Các khó khăn này nảy sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

a. Phàm ngã của người đệ tử chống đối việc bị chuyển hoá.

b. Tập thể thân cận người này, bạn bè, hay gia đình, chống đối việc y ngày càng trở nên vô kỷ. Họ không thích được thừa nhận là một với y về phương diện sự sống mà lại tách biệt với y về các quan tâm và những điều ham muốn. Tuy nhiên, định luật bao giờ cũng đúng, và tính duy nhất đích thực có thể được nhận thức trong cuộc sống chính yếu của linh hồn. Trong khi khám phá ra thực chất của hình hài sắc tướng, người đệ tử phải chịu nhiều đau khổ, nhưng rốt cuộc con đường đạo sẽ đưa đến sự hợp nhất hoàn toàn.

Một đệ tử là người nhận thức được trách nhiệm của mình đối với tất cả những người đến với ảnh hưởng của y—một trách nhiệm cộng tác với kế hoạch tiến hành cho họ, để mở mang tâm thức họ và dạy họ sự khác biệt giữa điều thật và điều giả, giữa sự sống và hình thể. Y làm điều này rất dễ

dàng bằng cách thể hiện trong cuộc sống về mục tiêu, chủ đích và tâm điểm tâm thức của chính y. [73]

Công việc phải thực hiện.

Do đó, người đệ tử có nhiều việc để nhắm tới:-

Đáp ứng nhạy bén với rung động của Chân sư.

Thực sự thanh khiết trong cuộc sống, chứ không chỉ thanh khiết trên lý thuyết.

Không còn lo lắng. Ở đây nên nhớ rằng sự lo lắng vốn căn cứ trên cá nhân, và là kết quả của việc thiếu hạnh vô dục và quá sẵn sàng đáp ứng với các rung động của những cõi thấp.

Hoàn thành bốn phận. Điều này gồm việc thân nhiên hoàn thành tất cả các nghĩa vụ, và quan tâm thích đáng đến các món nợ nghiệp quả. Tất cả những người đệ tử đều nên đặc biệt chú trọng đến giá trị của hạnh vô dục. Hiện nay, do sự phát triển trí tuệ, nên việc thiếu phân biệt không quá thường gây trở ngại cho các đệ tử như thiếu hạnh vô dục. Đây có nghĩa là đạt đến một trạng thái tâm thức cân bằng, trong đó lạc thú và đau khổ đều không chế ngự, vì chúng được thay thế bằng sự hoan hỉ và chân phúc. Chúng ta có thể suy gẫm kỹ điều này, vì phải cần nhiều cố gắng mới đạt được hạnh vô dục.

Người đệ tử phải nghiên cứu thể trí cảm (Kama-manasic body). Điều này có tầm quan trọng rất thực, vì, theo nhiều cách, đây là thể quan trọng nhất trong thái dương hệ, ở đó con người trong tam giới có liên quan. Trong thái dương hệ sắp tới, thể trí của các đơn vị hữu ngã thức sẽ có vị thế tương tự, cũng như vị thế của xác thân trong thái dương hệ trước đây.

Y cũng phải làm việc, có thể gọi là một cách khoa học,

để kiến tạo thể xác. Y phải cố gắng thế nào để cho trong mỗi kiếp sống y có thể tạo được một thể xác là một vận cụ phục vụ tốt hơn cho các mãnh lực. Bởi vậy, không có điều gì thiếu thực tế trong việc truyền đạt kiến thức về điểm đạo, như một số người có [74] thể nghĩ. Không có giây phút nào trong ngày mà người đệ tử không thể tưởng nghĩ đến mục tiêu đó và không thể tiến hành việc chuẩn bị. Một trong những khí cụ quan trọng nhất cho việc phát triển thực sự, nằm trong tay của mọi người từ thấp đến cao, là LỜI NÓI. Người nào biết giữ gìn lời nói của mình, và chỉ nói với mục đích vị tha, để dùng ngôn ngữ làm trung gian truyền năng lượng Bác ái, là người đang nhanh chóng đạt được các bước đầu cần thực hiện để chuẩn bị cho điểm đạo. Lời nói là biểu lộ huyền bí nhất đang hiện hữu; nó là phương tiện của sự sáng tạo và vận cụ của các mãnh lực. Hiểu theo nghĩa nội môn, trong việc giữ gìn lời nói ẩn chứa việc bảo toàn sức mạnh; trong việc sử dụng lời nói, được chọn kỹ và được thốt ra đúng đắn, ẩn chứa sự phân phối mãnh lực bác ái của thái dương hệ,—là lực bảo toàn, tăng cường và kích thích. Chỉ có người phần nào hiểu được hai khía cạnh này của lời nói, mới có thể được tín nhiệm để đứng trước Đấng Điểm Đạo, và từ sự Hội kiến với Ngài có thể thực hiện một số âm thanh và các bí mật được truyền đạt cho y với lời thệ nguyện giữ im lặng.

Người đệ tử phải học cách giữ im lặng trước những gì độc ác xấu xa. Y phải học cách giữ im lặng trước những sự đau khổ của thế giới, không phỉ thì giờ để phàn nàn vô ích và tỏ ra buồn rầu, mà chăm lo nâng đỡ gánh nặng của thế gian; làm việc, và không phí năng lượng trong lời nói. Tuy nhiên, y lại nên nói khi cần để khích lệ, dùng lời nói cho mục tiêu xây dựng; phát biểu mãnh lực yêu thương của thế giới, theo mức có thể lưu chuyển qua y, khi nào nó phụng sự tốt nhất để làm

nhẹ đi một trọng trách hay nâng đỡ một gánh nặng, và nhớ rằng khi nhân loại tiến bộ thì tình yêu giữa hai giới tính và sự biểu lộ của nó sẽ được chuyển hoá lên một cõi cao hơn. Bây giờ, qua lời nói, chứ không qua biểu lộ trên cõi hồng trần như hiện nay, người ta sẽ nhận thức được tình thương chân chính, kết hợp những người đồng nhất trong phụng sự và nguyện vọng tìm đạo. Bây giờ, tình thương giữa các thành viên của gia đình nhân loại sẽ biểu lộ dưới hình thức sử dụng [75] lời nói để sáng tạo trên mọi cõi, và năng lượng mà hiện nay, trong đa số người, tìm thấy sự biểu lộ qua các bí huyệt thấp hay bí huyệt sinh dục, sẽ được chuyển lên bí huyệt cổ họng. Đây là một lý tưởng cho đến nay hãy còn xa vời, nhưng ngay cả hiện nay một số người có thể hình dung lý tưởng đó, và tìm cách định hình tạo dạng cho nó — thông qua việc phụng sự đoàn kết, sự hợp tác đầy yêu thương, và thống nhất trong nguyện vọng, tư tưởng và nỗ lực— dù rằng vẫn còn chưa đầy đủ.

Các quan hệ tập thể.

Con đường của người đệ tử là một con đường chông gai; gai góc cản trở mỗi bước đi, và ở mỗi khúc quanh y phải gặp các khó khăn. Tuy nhiên, khi dần bước trên đường đạo, vượt qua các trở ngại, một lòng gắn bó với phúc lợi tập thể, quan tâm đúng mức đến các cá nhân và sự phát triển tiến hoá của họ, rốt cuộc sẽ mang lại thành quả và giúp đạt được mục tiêu. Một NGƯỜI PHỤNG SỰ của nhân loại đang trở bước. Y là người phụng sự vì y không có các mục đích riêng tư khi phụng sự, và các hạ thể của y không phát ra rung động nào có thể khiến y đi lệch con đường đã chọn. Y phụng sự, bởi vì y biết được tính chất của con người, và vì trong nhiều kiếp sống y đã làm việc với các cá nhân và các tập thể, từ từ mở

rộng phạm vi cố gắng của mình cho đến khi y đã qui tụ được quanh mình các đơn vị tâm thức mà y có thể trợ lực, sử dụng, và thông qua họ, y có thể thực thi các kế hoạch của thượng cấp. Đó là mục đích, nhưng các giai đoạn trung gian lại đầy những nỗi khó khăn cho những người sắp sửa tự biết mình, và sắp trở thành chính Con Đường Đạo.

Ở đây, tưởng cũng hữu ích mà đưa ra một vài lời khuyên thiết thực:-

Hãy nghiên cứu kỹ ba cuốn đầu của Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita). Vấn đề khó khăn của Arjuna là vấn đề của tất cả các đệ tử và giải pháp thì bao giờ cũng vậy. [76]

Hãy sẵn sàng và quán xét tâm hồn mình. Trong việc chuyển lửa từ bí huyệt nhật tùng đến bí huyệt tim gây ra nhiều đau khổ. Không dễ gì mà thương yêu như các Đấng Cao Cả thương yêu, với tình thương thuần khiết, không đòi hỏi điều gì đáp lại; một tình thương vô tư, hân hoan khi được đáp ứng, nhưng không tìm kiếm sự đáp ứng, và liên tục yêu thương, thâm trầm, sâu sắc qua tất cả các dị biệt ở bề ngoài, vì biết rằng khi mỗi người đã tìm thấy con đường về nhà của y, thì y sẽ nhận thấy nhà đó là nơi nhất quán.

Hãy sẵn sàng để đón nhận sự cô đơn. Đó là định luật. Khi hành giả tự tách rời khỏi tất cả những gì liên quan đến các thể hồng trần, cảm dục và trí tuệ của y, và tự tập trung trong Chân nhân, thì điều đó gây nên một sự chia cách tạm thời. Người đệ tử phải chịu đựng và trải qua tình trạng này, nó đưa đến một mối liên kết chặt chẽ hơn về sau với những người cộng sự với y do nghiệp quả của các tiền kiếp, qua công tác tập thể, và qua hoạt động của y (lúc đầu được tiến hành hầu như vô thức) để qui tụ lại những người mà sau này y sẽ làm việc thông qua họ.

Hãy vun trồng hạnh phúc, vì biết rằng sự ngã lòng, sự

khảo xét quá bệnh hoạn về động cơ nội tâm, và sự nhạy cảm quá đáng đối với những lời chỉ trích của người khác, sẽ đưa đến một tình trạng khiến người đệ tử gần như vô dụng. Hạnh phúc vốn dựa trên niềm tin vào Thượng Đế nội tâm, do đánh giá đúng đắn được thời gian, và hoàn toàn quên đi bản ngã. Hãy nhận lấy tất cả những điều vui vẻ có thể đến với bạn, xem đó là những điều được uỷ thác cho bạn để bạn rải niềm vui; đừng chống đối hạnh phúc và niềm vui, và đừng xem đó là dấu hiệu của những gì không lành mạnh. Đau khổ nảy sinh khi phạm ngã nổi loạn. Hãy kiểm soát phạm ngã, loại trừ dục vọng, và tất cả sẽ là niềm vui.

Hãy kiên nhẫn. Nhẫn nại là một đặc tính của Chân nhân. Chân nhân *kiên trì* vì tự biết nó bất tử. Phạm nhân trở nên thối chí vì biết rằng thời gian thì ngắn ngủi. [77]

Đối với người đệ tử, không có gì xảy ra ở ngoài kế hoạch, và khi động cơ và nguyện vọng duy nhất ở nội tâm là nhằm thực hiện ý muốn của Chân sư và phụng sự nhân loại, thì thành quả sẽ có mang mầm mống của công tác kế tiếp và tạo điều kiện cho bước tiến tiếp theo. Vị thế này giải rõ được nhiều điều, và đây có thể là cơ sở để người đệ tử an trụ vào đó khi tâm nhìn bị che án, khi sự rung động bị hạ thấp hơn mức cần có, và khi trí phán đoán bị phủ mờ bởi ảnh hưởng xấu xa nổi lên từ các tình huống ở cõi trần. Đối với nhiều người, phần lớn những điều nảy sinh trong thể cảm dục đều dựa trên các rung động cũ kỹ và không có cơ sở thực tế, và bãi chiến trường là nhằm kiểm soát trạng thái cảm dục, sao cho từ những băn khoăn lo lắng hiện tại có thể phát triển niềm tin và sự bình an, và từ hành động và sự tương tác bạo lực, có thể phát sinh sự thanh bình.

Chúng có thể đạt đến mức mà không điều gì xảy ra có thể làm xáo trộn được sự an tĩnh nội tâm; trong đó ta biết và

trải nghiệm sự bình an vượt quá sự hiểu biết, bởi vì tâm thức được tập trung trong Chân nhân, mà Chân nhân chính là bình an, là phạm vi của sự sống bờ-đề; trong đó ta cảm biết được chính sự điềm tĩnh, và sự quân bình ngự trị, bởi vì trung tâm của sự sống ở trong Chân nhân, mà Chân nhân cốt yếu là thăng bằng; trong đó sự an tịnh chế ngự, không hề bị xáo trộn và lay chuyển, và vị Thức giả (Knower) thiêng liêng cầm quyền ngự trị, không cho phép có sự khuấy rối nào từ phàm ngã; trong đó chúng ta đạt đến chân phúc, vốn không dựa vào các hoàn cảnh trong tam giới mà căn cứ vào nhận thức nội tâm về sự tồn tại độc lập với phi ngã, một sự tồn tại vẫn duy trì khi thời gian và không gian, và tất cả những gì được chứa trong đó không còn hiện hữu; đó là điều chúng ta biết được khi đã kinh nghiệm, trải qua, chuyển hoá và vượt lên khỏi tất cả các ảo tưởng của những cõi thấp; đó là điều vẫn thường tồn khi thế giới bé nhỏ của nỗ lực con người đã tiêu tan, [78] trước mắt hành giả không còn giá trị; và là điều căn cứ trên sự hiểu biết rằng TÔI LÀ CÁI ĐÓ.

Một thái độ và kinh nghiệm như thế dành cho những ai kiên trì trong nỗ lực cao thượng, xem tất cả mọi sự đều không đáng kể, miễn sao có thể đạt được mục tiêu, tiến tới liên tục qua mọi hoàn cảnh, chăm chú vào viễn ảnh trước mắt, tai lắng nghe tiếng nói của Thượng Đế nội tại, vang lên trong sự tĩnh lặng của tâm hồn, dấn bước vững vàng trên con đường đưa đến Cửa Điểm Đạo, đôi tay sẵn sàng trợ giúp thế gian, và trọn cả cuộc đời phụ thuộc vào tiếng gọi phụng sự. Bấy giờ, tất cả những gì xảy đến đều nhằm mang lại điều tốt đẹp nhất—bệnh tật, cơ hội, thành công, thất bại, những lời chế nhạo và các mưu đồ đen tối của kẻ thù, việc thiếu sự thông cảm về phía những người chúng ta thương yêu—tất cả đều được sử dụng, tất cả đều hiện hữu chỉ để được chuyển hoá.

Sự liên tục của linh thị, của nguyện vọng và của sự tiếp xúc nội tâm được xem là quan trọng hơn tất cả các điều trên. Đó là sự liên tục cần nhắm tới, mặc dù và bất chấp các hoàn cảnh có thể nào.

Khi người tìm đạo tiến bộ, không những y cân bằng được các cặp đối lập, mà điều bí mật trong tâm hồn của người huynh đệ cũng được tiết lộ cho y. Y trở thành một sức mạnh được thừa nhận trên thế giới và được công nhận là một người đáng tin cậy trong phụng sự. Mọi người hướng về y để được phù trợ và giúp đỡ theo đường lối được công nhận của y, và y bắt đầu phát ra âm điệu của mình để được nghe thấy trong hàng ngũ các thiên thần và nhân loại. Vào giai đoạn này, y thực hiện điều trên bằng ngòi bút trong văn chương, bằng lời nói trong diễn thuyết và giảng dạy, qua âm nhạc, hội họa và nghệ thuật. Bằng cách này hay cách khác, y thấu đến tâm hồn mọi người, và trở thành một người trợ giúp và phụng sự chúng tộc của y. Ở đây có thể kể ra thêm hai đặc điểm của giai đoạn này:-

Người tìm đạo ý thức được giá trị huyền bí của tiền bạc trong phụng sự. Y không tìm kiếm điều gì cho riêng mình, trừ những [79] gì có thể giúp y thực hiện được công việc cần phải làm, và y xem tiền bạc cũng như những gì tiền bạc có thể mua được là những điều cần được sử dụng cho người khác, và là một phương tiện để hoàn thành những kế hoạch của Chân sư, theo mức y cảm nhận được các kế hoạch đó. Ý nghĩa huyền bí của tiền bạc ít được mọi người thấu hiểu, tuy nhiên, một trong những thử thách lớn nhất đối với vị thế của hành giả trên Đường Dự Bị liên quan đến thái độ và cách hành xử của y đối với những gì mà mọi người đều tìm kiếm để thỏa mãn lòng ham muốn. Chỉ người nào không ham muốn gì cho riêng mình mới có thể nhận được tài chánh dồi dào, và làm

người phân phối nguồn phong phú của vũ trụ. Trong các trường hợp khác, khi tài sản gia tăng, chúng không mang lại điều gì ngoài nỗi buồn rầu, đau khổ, bất mãn và sự lạm dụng.

Cũng vào giai đoạn này cuộc sống của người tìm đạo trở thành một khí cụ hủy diệt, hiểu theo nghĩa huyền bí của từ ngữ đó. Bất cứ nơi nào y đi đến, mãnh lực lưu chuyển qua y từ các cõi cao và từ Thượng Đế nội tâm của chính y, đôi lúc tạo ra những kết quả đặc biệt lên môi trường chung quanh. Nó tác động như một lực kích thích cho cả điều thiện lẫn điều ác. Các Nguyệt thần, hay là các sinh linh bé nhỏ tạo thành các thể của huỳnh đệ y và của chính y đều cùng bị kích thích, hoạt động của chúng bị gia tăng, và năng lực của chúng được tăng cường mạnh mẽ. Sự kiện này được các Đấng làm việc ở nội giới sử dụng để mang lại một số mục tiêu mong muốn. Đây cũng là điều thường gây nên sự sa ngã tạm thời của các linh hồn tiến hoá. Họ không thể chịu đựng nổi các mãnh lực tuôn đổ vào họ hay trên họ, và trở nên bất lực do các luân xa và các hiện thể của họ tạm thời bị kích thích quá độ. Chúng ta có thể thấy điều này xảy ra trong các đoàn thể cũng như các cá nhân. Nhưng trái lại, nếu các Nguyệt thần, hay các sinh linh của phàm ngã đã sớm được khuất phục và chế ngự, thì bấy giờ các mãnh lực và năng lực tiếp xúc được sẽ có hiệu quả kích thích ý thức của não bộ hồng trần và các luân [80] xa ở đầu để tiếp xúc với Chân nhân. Bấy giờ mãnh lực thay vì có tính hủy diệt lại trở thành một yếu tố cho điều thiện hảo, một sự kích thích hữu ích, và có thể sử dụng bởi các Đấng biết phương cách, để đưa con người tiếp tục tiến xa hơn trên đường giác ngộ.

Tất cả các bước này đều phải thể hiện trên cả ba cõi thấp, trong ba hạ thể, và được thực hiện tùy theo cung và cung phụ của riêng từng người. Theo lối này, công việc của

người đệ tử được xúc tiến, việc thử thách và huấn luyện y được thực hiện. Do thế, thông qua việc lèo lái năng lượng đúng đắn và vận dụng khôn ngoan các dòng mãnh lực, y được đưa đến Cửa Điểm Đạo và tốt nghiệp từ Phòng Học Tập sang Phòng Minh Triết. Trong phòng này y dần dần trở nên “ý thức” được các mãnh lực và các quyền năng tiềm tàng trong chính Chân nhân và nhóm chân nhân của y; trong phòng này, mãnh lực của nhóm chân nhân được trao cho y sử dụng, bởi vì giờ đây y được tin cậy để vận dụng mãnh lực đó chỉ cho việc trợ giúp nhân loại, và cũng trong phòng này, sau lần điểm đạo thứ tư, y được dự vào, và được uỷ thác một phần năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và nhờ thế mà có khả năng xúc tiến các kế hoạch tiến hoá của Ngài.

Chúng ta nên nhớ rằng các đệ tử thuộc Cung một hiểu con đường đạo phần lớn dưới dạng năng lượng, mãnh lực hay hoạt động, trong khi các đệ tử thuộc Cung hai hiểu con đường đạo nhiều hơn dưới dạng tâm thức hay điểm đạo. Vì thế mà có sự khác biệt trong những lối phát biểu thường dùng và thiếu sự thông cảm giữa các nhà tư tưởng. Hẳn là hữu ích khi chúng ta phát biểu ý niệm về con đường đệ tử trong phạm vi các cung khác nhau—theo đó cho thấy ý nghĩa của con đường đệ tử như nó biểu hiện trong cuộc phụng sự trên cõi hồng trần:

Cung 1....Lực..... Năng lượng..... Hành động...

Nhà Huyền bí

Cung 2....Tâm thứcMở rộng Điểm đạo...

Nhà Tâm thông (Psychic) đích thực

Cung 3....Tính thích nghiPhát triển Tiến hoá ...

Thuật sĩ (Magician)

Cung 4....Rung động..... Đáp ứng..... Biểu lộ ...

Nghệ sĩ.

Cung 5....Trí năngKiến thứcKhoa học...

Nhà khoa học.

Cung 6....Sùng tínTrừu tượng.....Lý tưởng...

Người sùng tín (Devotee)

Cung 7....Thần chú.....Pháp thuật.....Nghĩ thức...

Nhà nghi thức (Ritualist)

[81] Hãy nhớ kỹ rằng ở đây chúng ta đang bàn đến các đệ tử. Về sau, khi họ tiến bộ, thì nhiều đường lối khác nhau sẽ trở nên tương tự và hoà hợp. Có một thời tất cả đã là thuật sĩ vì mọi người đều đã trải qua cung ba. Vấn đề này hiện nay liên quan đến nhà thần bí và nhà huyền bí, và sự tổng hợp chung cuộc của họ. Khi nghiên cứu kỹ các điều nói trên, chúng ta sẽ nhận biết rằng sở dĩ có những nỗi khó khăn giữa các nhà tư tưởng và giữa những người đệ tử trong tất cả các nhóm, vì họ tự đồng hoá với một hình thức nào đó, và vì họ không thể thông cảm được các quan điểm khác của người khác. Theo thời gian, khi họ liên lạc mật thiết hơn với hai vị Chân sư mà họ có quan hệ (vị Thượng Đế nội tâm của chính họ và Chân Sư riêng của họ), thì việc thiếu khả năng cộng tác và hoà hợp quyền lợi của họ trong lợi ích tập thể sẽ không còn, và nỗ lực chung, mục đích giống nhau, cùng nhau hợp tác, sẽ thay thế cho sự dị biệt, là những gì quá thường thấy hiện nay. Chúng ta có thể suy gẫm kỹ điều này vì nó nắm giữ bí quyết cho nhiều điều đang gây nan giải và đau khổ cho biết bao người.



[82]

Chương 9

CON ĐƯỜNG ĐIỂM ĐẠO

Sau một thời gian ngắn hoặc dài, người đệ tử sẽ đứng trước Cửa Điểm Đạo. Chúng ta phải nhớ rằng khi hành giả tiến đến Cửa này và đến gần Chân sư hơn, thì đó là lúc bàn chân của y thấm máu của trái tim, như lời diễn đạt trong “Ánh Sáng trên Đường Đạo”. Mỗi bước đi lên bao giờ cũng thông qua sự hy sinh tất cả những gì mà lòng ta quyến luyến trên cõi này hay cõi khác, và sự hy sinh này phải luôn luôn là tự nguyện. Kẻ tiến bước trên Đường Dự Bị và Thánh Đạo là người đã tính tới cái giá phải trả, mà ý thức về giá trị của nó đã được điều chỉnh lại, và do đó y không xét đoán sự việc như cách xét đoán của thế nhân. Y là người đang cố chiếm “thiên giới bằng bạo lực (violence)”, và trong sự cố gắng được chuẩn bị cho hậu quả là đau khổ. Y là người thà mất tất cả để đạt mục tiêu, và trong khi chiến đấu để chân ngã chế ngự phàm ngã thì y sẵn sàng hy sinh dù phải đi đến cái chết.

Hai cuộc điểm đạo đầu tiên.

Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, việc Chân nhân chế ngự thể xác phải đạt đến mức cao. “Các tội lỗi của xác thịt”, theo cách nói của Thiên Chúa giáo, phải được thống trị; tính tham ăn tục uống và lối sống buông thả phải không còn có ảnh hưởng. Hành giả không còn chiều theo các đòi hỏi của tinh linh hồng trần; sự chế ngự phải hoàn toàn và sự cảm dỗ phải chấm dứt. Phải đạt được một thái độ tuân thủ chung đối với

Chân nhân và [83] *sự tự nguyện* vâng lời phải rất mạnh mẽ. Vận hà giữa Chân ngã và phàm ngã được mở rộng và sự tuân phục của thân xác là tự động trên thực tế.

Sự kiện rằng không phải mọi điểm đạo đồ đều đạt tiêu chuẩn này có thể được quy cho nhiều lý do, tuy nhiên cái âm điệu họ phát ra cần phải ở trên phương diện ngay chánh; họ sẽ tỏ ra thành thật và công khai nhìn nhận các khuyết điểm của chính mình, và người ta sẽ biết rằng họ đang phấn đấu để tuân thủ tiêu chuẩn đến mức cao nhất, dù có thể là chưa đạt được sự hoàn thiện. Các điểm đạo đồ có thể, và đã sa ngã, và do thế phải gánh lấy tác động trừng phạt của định luật. Do sự sa ngã này, họ có thể, và đã thực sự làm tổn thương cả nhóm và vì thế phải gánh chịu nghiệp quả điều chỉnh, phải đền bù sự tổn hại bằng việc phụng sự kéo dài về sau, trong đó chính các thành viên của nhóm áp dụng định luật, dù rằng một cách vô thức; sự tiến bộ của họ bị trở ngại nghiêm trọng, và họ phải mất nhiều thì giờ để giải quyết nghiệp quả với các phần tử bị tổn thương. Việc một người trở thành một điểm đạo đồ khiến y trở thành vận hà cho mãnh lực mạnh mẽ hơn. Do đó mỗi sự sa ngã, chệch hướng đều có những hậu quả tai hại hơn so với những người kém tiến hoá hơn y, và như thế sự trừng phạt và nghiệp quả cũng tương ứng như thế. Tất nhiên là y phải trả giá cho các lỗi lầm, trước khi được phép tiến xa hơn trên Đường Đạo. Về phần tập thể y bị làm tổn thương, thái độ của họ sẽ như thế nào? Một sự nhận thức về mức nghiêm trọng của lỗi lầm, một sự khôn ngoan chấp nhận các sự kiện trong trường hợp này, một sự kiềm chế việc chỉ trích thiếu tình huynh đệ, và một sự tuôn đổ tình thương cho người anh em lầm lỗi—tất cả những điều trên, cùng với hành động sao cho sẽ làm rõ ràng trước mắt công chúng rằng các tội lỗi và những vi phạm định luật như thế không được tha

thứ. Thêm vào đó, nhóm phải có thái độ trí tuệ để giúp cho huynh đệ sai phạm nhận biết được lỗi đã phạm, trang trải phần nghiệp quả phải trả, và sau đó, phục hồi cho y [84] sự quan tâm và sự tôn trọng của nhóm khi những sự đền bù thích đáng đã được thực hiện.

Không phải tất cả mọi người đều phát triển theo cùng đường lối, hay theo các đường lối song hành, và do thế không thể ấn định các qui luật cứng nhắc về tiến trình chính xác cho mỗi cuộc điểm đạo, ấn định đúng các luân xa nào cần được khơi hoạt, hoặc linh thị nào cần ban cho họ. Có quá nhiều điều tùy thuộc vào cung của người đệ tử, hoặc sự phát triển của y theo một chiều hướng nào đó (vì mọi người thường không phát triển đồng đều), tùy theo nghiệp quả riêng của y, và cũng tùy các nhu cầu cấp thiết của từng thời kỳ. Tuy nhiên, có thể đề nghị như thế này: Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, ứng với cuộc giáng sinh của Đức Christ, *luân xa tim* là luân xa thường được khơi hoạt, để nhằm chế ngự thể cảm dục hữu hiệu hơn, và phụng sự nhân loại lớn lao hơn. Sau cuộc điểm đạo này, điểm đạo đồ được dạy dỗ chính yếu về các sự kiện của cõi cảm dục; y phải ổn định thể tình cảm của mình và học cách làm việc trên cõi cảm dục cũng dễ dàng như trên cõi hồng trần; y được phép tiếp xúc với các thiên thần cõi cảm dục; y học cách chế ngự các tinh linh của cõi cảm dục; y phải hoạt động dễ dàng trên các phân cảnh thấp, và giá trị và tính chất của công việc y làm trên cõi hồng trần càng tăng. Ở cuộc điểm đạo này, y chuyển từ Phòng Học Tập sang Phòng Minh Triết. Vào thời gian này, sự phát triển thể cảm dục được liên tục chú trọng, dù rằng thể trí của y vẫn tăng trưởng đều đặn.

Giữa các cuộc điểm đạo thứ nhất và thứ nhì có thể hành giả phải trải qua nhiều kiếp sống. Có thể phải cần nhiều kiếp

tái sinh trước khi hoàn toàn chế ngự thể cảm dục, và điểm đạo đồ sẵn sàng cho bước kế tiếp. Có sự tương đồng thú vị trong cuộc đời của vị điểm đạo đồ Jesus trong Kinh Tân Ước. Nhiều năm trôi qua giữa Sự Giáng sinh và Sự Rửa tội, nhưng ba bước còn lại đã được thực hiện trong ba năm. Một khi đã được điểm đạo lần thứ hai, [85] sự tiến bộ của điểm đạo đồ sẽ mau lẹ, cuộc điểm đạo thứ ba và thứ tư có thể theo sau trong cùng kiếp sống, hay kiếp kế tiếp.

Cuộc điểm đạo thứ nhì tạo nên sự *khủng hoảng* trong việc chế ngự thể cảm dục. Giống như ở cuộc điểm đạo thứ nhất mà việc chủ trị thể xác đã được chứng tỏ, thì trong cuộc điểm đạo này, việc chủ trị thể cảm dục cũng được chứng tỏ tương tự. Sự hy sinh và chấm dứt dục vọng là mục tiêu của nỗ lực. Chính dục vọng đã được Chân nhân chế ngự, và hành giả chỉ còn mong muốn những gì tốt đẹp cho toàn thể, phù hợp với ý chí của Chân nhân và của Chân sư. Tinh linh cảm dục được chế ngự, thể tình cảm trở nên tinh khiết và trong sáng, phàm tính tàn lụi nhanh chóng. Bấy giờ, Chân nhân lại chế ngự hai hạ thể và uốn nắn chúng theo ý chí của mình. Hoài bão và mong muốn phụng sự, yêu thương, tiến bộ trở nên mạnh mẽ đến nỗi thường thấy có phát triển nhanh chóng. Đó là lý do tại sao lần điểm đạo này và lần điểm đạo thứ ba, thường (nhưng không phải luôn luôn) nối tiếp nhau trong chỉ một kiếp sống. Vào thời kỳ hiện nay của lịch sử thế giới, cuộc tiến hoá đã được kích thích mạnh mẽ đến nỗi các linh hồn chí nguyện—cảm biết được nhu cầu lớn lao và khẩn thiết của nhân loại—đang hy sinh tất cả để đáp ứng nhu cầu đó.

Ngoài ra, chúng ta không nên hiểu lầm rằng toàn cả tiến trình này đi theo cùng những bước vào những giai đoạn bất biến, kế tiếp nhau. Nhiều điều được thực hiện trong sự kết

hợp đồng thời, bởi vì công việc lao nhọc để kiểm soát thì chậm chạp và khó khăn; nhưng trong khoảng thời gian giữa ba cuộc điểm đạo đầu tiên, một số mức độ tiến hoá nhất định của mỗi thể trong ba hạ thể phải được đạt đến và được duy trì, trước khi vận hà có thể được phép mở rộng thêm một cách an toàn. Nhiều người trong chúng ta hiện đang tác động trên cả ba hạ thể, khi chúng ta bước lên Con Đường Dự bị.

Ở cuộc điểm đạo này, nếu theo đường lối thông thường, (là điều cũng không có gì chắc chắn) thì *luân xa cố hòng* sẽ được khơi hoạt. Nó tạo khả năng sử dụng [86] các thành đạt của hạ trí vào công việc phụng sự Chân sư và trợ giúp nhân loại. Nó cũng tạo khả năng cho ra và phát ra những gì hữu ích, có thể bằng lời nói, nhưng *chắc chắn* là bằng một lối phụng sự nào đó. Hành giả cũng được cho thấy nhu cầu của thế giới, và thấy thêm một phần của Thiên Cơ. Bây giờ, việc phải làm trước khi được điểm đạo lần thứ ba là hoàn toàn hoà nhập quan điểm của cá nhân vào trong nhu cầu của toàn thể. Nó bao gồm việc Chân nhân hoàn toàn chế ngự thể trí cụ thể.

Hai cuộc điểm đạo tiếp theo.

Sau cuộc điểm đạo thứ hai, giáo huấn chuyển lên một cõi. Điểm đạo đồ học cách chế ngự thể trí của mình; y phát triển khả năng vận dụng chất liệu tư tưởng, và học các luật xây dựng tư tưởng sáng tạo. Y hoạt động tự do trên bốn phân cảnh thấp của cõi trí, và trước cuộc điểm đạo thứ ba—dù hữu thức hay không—y phải hoàn toàn làm chủ bốn phân cảnh thấp của mỗi cõi trong tam giới. Kiến thức của y về tiểu vũ trụ trở nên sâu xa, và về mặt lý thuyết cũng như thực hành, y đã thành thạo, đến mức cao, các luật của bản tính nơi chính y; do đó, về mặt thực nghiệm, y có khả năng chế ngự được bốn

phân cảnh thấp của cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí. Điều sau cùng này rất đáng quan tâm. Việc chế ngự ba phân cảnh cao hơn vẫn chưa hoàn tất, và đây là một trong những lý do tại sao có các thất bại và những lầm lẫn của các điểm đạo đồ. Họ vẫn chưa hoàn toàn chủ trị được vật chất của ba phân cảnh cao, và các loại vật chất này còn cần được chế ngự.

Ở cuộc điểm đạo thứ ba, đôi khi được gọi là sự Biến dung, toàn thể phàm nhân chìm ngập trong ánh sáng từ trên xuống. Chỉ sau cuộc điểm đạo này, Chân Thần mới dứt khoát hướng dẫn Chân nhân và ngày càng tuân đở sự sống thiêng liêng của Ngài vào trong vận hà đã được chuẩn bị và thanh luyện; giống như trong dãy hành tinh thứ ba là Dãy Nguyệt Cầu, Chân nhân đã giúp phàm nhân biệt lập ngã tính [87] qua sự tiếp xúc trực tiếp, một phương pháp khác với phương pháp biệt lập ngã tính được thấy trong dãy thứ tư này. Nếu được áp dụng ở đây, luật tương ứng có thể tỏ ra rất rõ ràng, và có thể cho thấy một sự tương đồng thú vị giữa các phương pháp cá nhân hoá trong các dãy hành tinh khác nhau, và những sự mở rộng tâm thức xảy ra ở các cuộc điểm đạo khác nhau.

Ngoài ra, điểm đạo đồ được cho thấy trước những gì sẽ xảy ra, luôn luôn ở vị thế nhận biết các thành viên khác của Thánh Đoàn, và các quan năng thần thông của y được kích thích bằng cách làm sinh động các *luân xa trên đầu*. Không cần thiết và không nên phát triển các quan năng tổng hợp, hoặc thần nhĩ và thần nhãn, cho đến khi sau cuộc điểm đạo này. Mục đích của toàn cuộc phát triển là khơi dậy trực giác tinh thần; khi điều đó đã được thực hiện, khi thể xác thanh khiết, thể cảm dục ổn định vững vàng và thể trí được chế ngự, thì bấy giờ điểm đạo đồ có thể an toàn vận dụng và khôn ngoan sử dụng được các quan năng thần thông để trợ giúp nhân

loại. Không những y có thể sử dụng các quan năng này mà giờ đây y còn có khả năng sáng tạo và làm sinh động các hình tư tưởng rõ rệt và chính xác, rung động với tinh thần phụng sự và không bị chế ngự bởi hạ trí hay dục vọng. Các hình tư tưởng này sẽ không (như các hình tư tưởng tạo bởi đại chúng) có tính rời rạc, không liên kết, không liên quan với nhau, mà sẽ đạt một mức độ tổng hợp khá cao. Hành giả phải làm việc khó nhọc, không ngừng trước khi có thể thực hiện được điều này, nhưng khi bản tính dục vọng đã được ổn định và thanh lọc, thì việc chế ngự thể trí sẽ trở nên dễ dàng hơn. Vì thế, con đường của người sùng tín, trong vài phương diện, thì dễ dàng hơn con đường của nhà trí thức, bởi vì y đã học được các biện pháp thanh lọc dục vọng và tiến lên theo các giai đoạn cần thiết.

Nay phàm nhân đã đạt đến một mức rung động rất cao, vật chất trong cả ba hạ thể tương đối thanh khiết, và mức thấu hiểu của phàm nhân về công việc phải làm trong tiểu vũ trụ, cũng như về phần chia sẻ [88] công tác của đại vũ trụ đều rất tiến bộ. Vì thế, chúng ta mới hiểu rõ tại sao chỉ đến cuộc điểm đạo thứ ba thì vị Đại Giáo Trưởng, Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, mới đích thân làm chủ lễ. Đó là lần đầu tiên Ngài tiếp xúc với điểm đạo đồ và điều này không thể sớm hơn. Trong hai cuộc điểm đạo đầu tiên, vị Chủ lễ là Đức Christ, Đức Chương Giáo, Người Anh Cả trong nhiều vị huynh trưởng, là một trong những người được điểm đạo sớm nhất của nhân loại. Browning đã diễn tả tư tưởng này thật đẹp đẽ bằng những lời lẽ trong bài thơ "Saul" của ông:—

. Đó sẽ là

Một khuôn mặt giống khuôn mặt tôi đón tiếp bạn;

Một người giống như tôi mà bạn sẽ yêu mến

Và một người sẽ yêu mến bạn mãi mãi;

Một bàn tay giống như bàn tay này
Sẽ mở ra những cánh cửa của cuộc sống mới cho bạn!
Trông kìa Đức Christ đang chờ!

Nhưng khi điểm đạo đồ đạt được sự tiến bộ còn xa hơn nữa và đã được hai lần điểm đạo, thì có sự thay đổi. Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, Đấng Thái Cổ, Đấng Thánh Đế siêu việt, đích thân Ngài điều hành cuộc điểm đạo thứ ba. Tại sao điều này có thể xảy ra? Bởi vì nay thể xác được hoàn toàn hiển dương có thể an toàn chịu đựng các rung động của hai thể kia khi chúng trở lại chỗ trú sau khi diện kiến Đấng THÁNH ĐẾ; bởi vì nay thể cảm dục được thanh lọc và thể trí được chế ngự có thể an toàn đứng trước NGÀI. Khi được thanh lọc và chế ngự, chúng *chịu đựng* được và lần đầu tiên *hữu thức* rung động theo Cung của Chân thần; bấy giờ, với các thể được chuẩn bị sẵn sàng, y được ban cho và được đạt đến khả năng thấy và nghe trên mọi cõi, và sử dụng an toàn năng lực đọc và hiểu các ký ảnh, bởi vì có kiến thức đầy đủ hơn tức là có thêm quyền năng. Tâm hồn y nay đã đủ thanh khiết và yêu thương, và trí tuệ đã đủ vững vàng để chịu được sức căng thẳng của *hiểu biết*.

Trước cuộc điểm đạo thứ tư, việc [89] huấn luyện được tăng cường, và việc gấp rút tích lũy kiến thức phải mau lẹ không thể tưởng. Điểm đạo đồ thường đến thư viện có chứa sách huyền bí, và sau cuộc điểm đạo này, không những y có thể giao tiếp với vị Chân sư mà y được liên kết và đã làm việc hữu thức với Ngài từ lâu, mà y còn có thể tiếp xúc và phần nào trợ giúp các vị Đế quân, Đức Bồ-tát và Đức Bàn Cổ.

Y cũng phải dùng trí hiểu thấu các luật của ba cõi thấp, đồng thời vận dụng chúng để trợ giúp cơ tiến hoá. Y nghiên cứu các kế hoạch vũ trụ và phải quán triệt các biểu đồ; y trở nên thành thạo các thuật ngữ huyền bí và phát triển linh thị

thuộc bề đo thứ tư nếu y đã chưa làm điều này. Y học cách điều khiển những hoạt động của các thiên thần xây dựng, và đồng thời làm việc liên tục để phát triển bản tính tinh thần của mình. Y bắt đầu mau chóng điều hợp thể bồ-đề, và trong sự điều hợp này, y phát triển năng lực tổng hợp, lúc đầu ở mức độ nhỏ, và dần dần đầy đủ hơn.

Ở thời gian được điểm đạo lần thứ tư, điểm đạo đồ đã phải hoàn toàn làm chủ được phân cảnh thứ năm, và do đó trở nên toàn thông (adept)—dùng một cụm từ chuyên môn,—trên năm phân cảnh thấp của cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí, và đang trên đà làm chủ phân cảnh thứ sáu. Thể bồ-đề của y có thể hoạt động trên hai phân cảnh thấp của cõi bồ-đề. Cuộc đời của người được điểm đạo lần thứ tư, hay lá cuộc điểm đạo Thập giá hình, là một cuộc đời hy sinh lớn lao và đầy đau khổ. Đó là cuộc sống của người thực hiện hạnh Đại Từ Bỏ, và ngay cả ở phương diện ngoại môn cũng có vẻ gian lao, khó khăn và đầy đau khổ. Y đã đặt tất cả, ngay đến phạm nhân đã hoàn hảo của mình, trên bàn thờ hy sinh, và không còn gì nữa. Tất cả đều bị từ bỏ, bạn bè, tiền bạc, danh vọng, tiếng tăm, địa vị trong đời, gia đình, và ngay cả chính sự sống. [90]

Các cuộc Điểm đạo cuối cùng.

Sau cuộc điểm đạo thứ tư, không còn nhiều điều phải làm. Việc ngự trị phân cảnh thứ sáu tiến hành nhanh chóng, và vật chất của các phân cảnh cao của cõi bồ-đề được phối kết. Điểm đạo đồ được nhận vào vòng liên giao mật thiết hơn trong Huyền giai và tiếp xúc hoàn hảo hơn với các thiên thần. Y đang mau chóng học hết các nguồn giáo huấn của Phòng Minh Triết và thấu đáo được các kế hoạch và đồ biểu phức tạp nhất. Y trở nên thành thạo ý nghĩa của màu sắc và âm

thanh, có thể vận dụng định luật trong tam giới, và có thể tiếp xúc với Chân Thần của mình dễ dàng hơn là phần đông nhân loại có thể tiếp xúc với Chân Nhân của họ. Y cũng được giao phó công tác lớn lao là giáo huấn nhiều môn sinh, trợ giúp nhiều kế hoạch, và qui tụ quanh y những người sẽ trợ giúp y trong tương lai. Đây là chỉ đề cập đến những vị ở lại để giúp đỡ nhân loại trên hành tinh này; về sau chúng ta sẽ bàn đến một số đường lối công tác mở ra trước vị Chân sư khi Ngài không còn phục vụ trên địa cầu.

Sau cuộc điểm đạo thứ năm, hành giả đạt mức hoàn thiện cao nhất của hệ thống hành tinh này, dù rằng nếu muốn thì Vị này có thể nhận hai cuộc điểm đạo cao hơn.

Để đạt được cuộc điểm đạo thứ sáu, vị Chân sư phải dự một khoá đặc biệt về huyền bí học hành tinh. Một vị Chân sư vận dụng định luật trong tam giới, trong khi một vị Đế quân được điểm đạo lần thứ sáu vận dụng định luật trên mọi cấp độ của dãy hành tinh; một vị Đế quân được điểm đạo lần thứ bảy vận dụng định luật trong thái dương hệ.

Sẽ hiển nhiên là nếu khảo xét kỹ các vấn đề này để áp dụng, người môn sinh sẽ tìm thấy nhiều điều liên quan đến cá nhân y, dù rằng y còn cách xa chính cuộc lễ điểm đạo. Nhờ nghiên cứu tiến trình và mục đích, y có thể biết được sự kiện cơ bản lớn lao rằng phương pháp điểm đạo là phương pháp của sự: —[91]

a/ Sự nhận thức mãnh lực.

b/ Việc áp dụng mãnh lực.

c/ Việc sử dụng mãnh lực.

Điểm đạo đồ ở mọi cấp, từ vị khiêm tốn ở cấp thứ nhất, lần đầu tiên tiếp xúc với một loại mãnh lực chuyên biệt, lên đến vị Phật được giải thoát ở cấp thứ bảy, đều đang vận dụng một loại năng lượng nào đó. Có thể trình bày các giai

đoạn phát triển của người chí nguyện được diễn đạt như sau:—

1. Nhờ tính phân biệt, y phải trở nên ý thức được năng lượng hay mãnh lực của chính phàm ngã y.

2. Y phải áp đặt lên nhịp điệu mạnh mẽ đó một nhịp điệu cao hơn, cho đến khi nhịp điệu thấp được thay thế bởi nhịp điệu cao, và phương pháp biểu lộ năng lượng theo lối cũ hoàn toàn mất đi.

2. Sau đó, nhờ các nhận thức dần dần phát triển, y được phép tiếp xúc và được hướng dẫn sử dụng một số năng lượng tập thể, cho đến khi đạt vị thế vận dụng được mãnh lực hành tinh một cách khoa học. Khoảng thời gian cần cho giai đoạn cuối cùng này hoàn toàn tùy thuộc sự tiến bộ của y trong việc phụng sự nhân loại và phát triển các quyền năng của linh hồn, là trình tự đương nhiên của sự khai mở tinh thần.

Việc áp Điểm đạo Thần tượng bởi Đức Bồ-tát trong hai cuộc điểm đạo đầu tiên giúp điểm đạo đồ có thể kiểm soát và sử dụng mãnh lực của phàm ngã, năng lượng được thánh hoá thực sự của phàm nhân trong phụng sự; vào cuộc điểm đạo thứ ba, việc áp dụng Điểm đạo Thần tượng bởi Đấng Điểm Đạo Duy Nhất giúp y có thể sử dụng mãnh lực của Chân ngã hay Chân nhân một cách rộng rãi hơn rất nhiều, và đem vận dụng ở cõi trần toàn bộ năng lượng tích lũy qua nhiều kiếp sống [92] trong thể nguyên nhân. Ở cuộc điểm đạo thứ tư, năng lượng của nhóm Chân nhân được giao cho y sử dụng để trợ giúp cuộc tiến hoá hành tinh, và vào cuộc điểm đạo thứ năm, y được tùy nghi sử dụng mãnh lực và năng lượng hành tinh (hiểu theo nghĩa nội môn, chứ không chỉ là mãnh lực hay năng lượng của bầu vật chất). Trong suốt năm cuộc điểm đạo, hai Đấng Cao Cả—trước hết là Đức Bồ-tát và

sau đó là Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, hay Đức Sanat Kumara—là những Đấng điều hành hay là các Chủ lễ (hierophants). Sau các cuộc lễ này, nếu điểm đạo đồ quyết định nhận hai cuộc điểm đạo cuối cùng khả dĩ nhận được trong thái dương hệ này, thì một loại năng lượng còn cao hơn nữa biểu lộ Đại ngã Duy nhất bắt đầu tác động, và chỉ có thể được gián tiếp đề cập đến. Ở cuộc điểm đạo thứ bảy, Đấng mà Đức Sanat Kumara là biểu lộ, là Đức Thượng Đế của hành tinh chúng ta trên cõi riêng của Ngài, trở thành Đấng Điểm Đạo (Hierophant). Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, sự biểu lộ của Đấng này trên một cõi trung gian—một Đấng mà hiện còn được giữ kín danh hiệu—vận dụng Thần trượng, nhận lời thệ nguyện và truyền bí nhiệm. Trong ba biểu lộ này của chính phủ huyền giai—Đức Sanat Kumara ở chu vi của tam giới, Đấng Vô Danh ở trên các ranh giới của các cõi cao của cuộc tiến hoá nhân loại, và chính vị Tinh Quân của địa cầu ở giai đoạn cuối—chúng ta có ba sự biểu lộ vĩ đại của chính Đức Hành Tinh Thượng Đế. Ở cuộc điểm đạo cuối cùng, năng lượng của Đức Thái Dương Thượng Đế lưu chuyển qua Hành Tinh Thượng Đế, và chính Ngài tiết lộ cho điểm đạo đồ biết rằng Đấng Tuyệt Đối là tâm thức ở mức biểu lộ viên mãn nhất, dù rằng ở giai đoạn hiện tồn của nhân loại, thì Đấng Duy Nhất phải được xem như là vô thức (unconsciousness).

Mỗi cuộc điểm đạo lớn thực ra chỉ là tổng hợp của các cuộc điểm đạo nhỏ hơn, và chỉ khi nào hành giả liên tục tìm cách mở rộng tâm thức trong các vấn đề của cuộc sống hằng ngày thì y mới mong đạt được các giai đoạn sau, mà chẳng gì khác hơn là các thành quả của nhiều giai đoạn trước. Các môn sinh phải loại bỏ cái ý tưởng rằng nếu họ “thật tốt và vị tha” thì vào một ngày bất ngờ nào đó [93] họ sẽ đến trước

Đức Chúa Vĩ Đại. Suy nghĩ như thế là đặt cái quả trước cái nhân. Đức tốt và lòng vị tha là kết quả của nhận thức và phụng sự, và sự thánh thiện của tính cách là thành quả của những sự mở rộng tâm thức mà hành giả mang lại trong chính y, nhờ cố gắng và nỗ lực vất vả. Bởi vậy chính ở đây và ngay bây giờ, chúng ta có thể tự chuẩn bị cho điểm đạo, và làm điều này, không phải dựa trên khía cạnh nghi lễ, như nhiều người thiết tha mong mỏi, mà bằng cách làm việc có hệ thống, kiên trì liên tục phát triển thể trí, bằng quá trình khó nhọc và miệt mài của việc kiểm soát thể cảm dục để nó trở nên đáp ứng với ba loại rung động:—

a. Rung động đến từ Chân nhân.

b. Rung động đến từ Chân sư.

c. Các rung động đến từ các huynh đệ của y ở khắp nơi chung quanh y. Y trở nên nhạy cảm đối với tiếng nói của Chân ngã, và do thế tất toán nghiệp quả dưới sự hướng dẫn khôn ngoan của Chân nhân chính y. Qua Chân nhân, y trở nên ý thức được rung động phát ra từ Chân sư y; y học cách ngày càng cảm nhận được rung động đó và đáp ứng lại ngày càng đầy đủ hơn; cuối cùng, y trở nên ngày càng nhạy cảm với những sự hân hoan, đau thương và buồn khổ của những người y tiếp xúc hằng ngày; y cảm thấy đó là những hân hoan, đau thương và buồn khổ của y, nhưng không vì đó mà mất đi năng lực.



[94]

Chương 10

TÍNH ĐẠI ĐỒNG CỦA ĐIỂM ĐẠO

Trong các giáo huấn huyền bí, đã có nhiều lần nhấn mạnh rằng tiến trình điểm đạo, như người ta thường hiểu, vốn không bình thường mà là một tiến trình khác thường. Mọi sự tiến triển trong lãnh vực tâm thức đương nhiên là do một loạt các giác ngộ tăng dần, nhưng điều này hẳn sẽ phải diễn tiến một cách tuần tự hơn rất nhiều và qua một thời kỳ lâu dài hơn là theo các điều kiện hiện nay của hành tinh chúng ta. Phương cách phát triển tâm thức đặc biệt này của gia đình nhân loại đã được Thánh Đoàn mở ra trong căn chủng Atlantis, vào giai đoạn cuối của phụ chủng thứ tư, và sẽ kéo dài cho đến giữa vòng tiến hoá sắp tới. Đến chừng đó, sức kích thích cần thiết đã được truyền đạt, và bây giờ, khi ba phần năm gia đình nhân loại đã “đặt chân trên đường đạo” về mặt nội môn, và một số lớn họ đang trong tiến trình trở thành chính Đường Đạo, thì thủ tục bình thường hơn sẽ lại được phục hồi.

Điểm đạo trên các hành tinh khác nhau

Tiến trình kích thích các Chân nhân trong nhân loại bằng các giáo huấn tăng dần, và bằng việc áp dụng điện lực năng động của Thần tượng đang được dùng trên ba hành tinh của thái dương hệ chúng ta. Tiến trình này được lập ra trong chính vòng tiến hoá thứ tư, và điều thú vị đặc biệt là trong mỗi dãy hành tinh và bầu thứ tư của vòng tiến hoá thứ

tư, sự chú trọng của huyền giai sáng tạo thứ tư được đặt vào cuộc điểm đạo thứ tư, là cuộc điểm đạo Thập giá hình. Huyền giai Sáng tạo thứ tư là sự biểu lộ vĩ đại của ý chí hữu thức [95] và sự hy sinh của Đức Thái Dương Thượng Đế, và là biểu tượng vĩ đại của sự hợp nhất thông minh giữa tinh thần và vật chất. Do thế, cuộc điểm đạo thứ tư có vị thế nổi bật, vì trình bày các chân lý vũ trụ, và tóm tắt mục đích của sự hy sinh cơ bản này.

Người môn sinh cần nên nhớ rằng các hệ thống hành tinh khác, dù về cơ bản vẫn giống như hệ thống thứ tư của chúng ta, nhưng khi biểu hiện có những dị biệt sâu xa, do các đặc tính biến thiên và nghiệp quả riêng của vị Hành Tinh Thượng Đế hay Cung đang lâm phạm. Các dị biệt này ảnh hưởng đến:-

1. Tiến trình điểm đạo, cả trong các phương diện nghi lễ và vị tha.

2. Việc áp dụng Thần tượng, bởi vì loại mãnh lực nó thể hiện, khi được liên kết với loại mãnh lực được biến phân của hành tinh, thì tạo nên những kết quả có tính chất và mức độ khác nhau.

3. Những thời kỳ điểm đạo. Các Chân nhân đang lâm phạm trên một hành tinh nào—tùy theo cung—sẽ được kích thích dễ dàng hay không là tùy trường hợp, theo những điều kiện chiêm tinh, và việc này sẽ khiến có các thời kỳ phát triển ngắn hay kéo dài hơn, trước hoặc giữa mỗi cuộc điểm đạo.

4. Các hiện tượng điện được tạo ra trên những cõi cao, khi ngày càng thêm nhiều người trong nhân loại “rực sáng” về mặt bí truyền. Chúng ta nên nhớ rằng toàn thể thái dương hệ, với tất cả những gì bao hàm trong đó, đều tự biểu hiện dưới dạng *ánh sáng*, và vì thế tiến trình điểm đạo có thể được xem là một tiến trình mà trong đó những điểm sáng khác

nhau (hay các điểm linh quang nhân loại) được kích thích; mức chói rạng, nhiệt độ của họ được tăng cường, và phạm vi ảnh hưởng của mỗi tia sáng được nói rộng. [96]

Ba hệ thống hành tinh mà trong đó cuộc thí nghiệm quan trọng về mặt điểm đạo đang được tiến hành là Địa cầu, Kim tinh, và một hành tinh khác. Kim tinh là bầu thứ nhất được thí nghiệm, và sự thành công của cố gắng này cũng như mãnh lực phát ra đã khiến có một nỗ lực tương tự đang được thực hiện trên hành tinh chúng ta. Không có hành tinh nào gia tăng dự trữ mãnh lực, và do đó gia tăng phạm vi ảnh hưởng của mình mà không gánh thêm các nghĩa vụ và không ảnh hưởng đến các hệ thống khác; sự trao đổi mãnh lực và năng lượng giữa hai hành tinh này, là Địa cầu và Kim tinh, vẫn liên tục. Chỉ mới gần đây, một tiến trình tương tự đã được phát khởi trong một hệ thống hành tinh khác, và trong vòng tiến hoá tới, khi Địa cầu chúng ta đạt mức tiến hoá tương tự với trình độ của hệ Kim tinh vào thời gian mà chúng ta đã cảm thấy ảnh hưởng của hệ này, thì bấy giờ chúng ta sẽ giúp kích thích thêm một nhóm Chân nhân hành tinh khác; chúng ta sẽ giúp thiết lập một tiến trình tương tự, trong những người con nhân loại của một hệ thống khác.

Trên ba hệ hành tinh lớn, Hải vương tinh, Thiên vương tinh và Thổ tinh, phương pháp điểm đạo sẽ không được dùng. Các hệ này sẽ là nơi tiếp nhận những người “đã được cứu rỗi” (“saved”) về mặt nội môn từ trong các hệ hành tinh khác. Điều này có nghĩa là tất cả những ai, trong một hệ thống nào đó, đã đạt mức mở rộng tâm thức cần thiết (như phần đông nhân loại sẽ đạt được trước giữa đại chu kỳ hay vòng tiến hoá tới) thì sẽ được xem là “đã được cứu rỗi”, trong khi những người còn lại sẽ bị xem là thất bại, và sẽ bị giữ lại để phát triển thêm trong các thời kỳ sau, hoặc chuyển sang

các hệ hành tinh mà theo quan điểm thời gian thì không tiến hoá bằng hệ Địa cầu chúng ta. Ba hệ lớn này là những tác nhân hấp thu và tổng hợp năng lượng của các hệ kia.

Điểm đạo và các Thiên thần

Câu hỏi đặt ra là liệu các thiên thần có được điểm đạo không, và ở đây chúng ta có thể vấn tắt bàn qua điều này.

[97]

Điểm đạo liên quan đến sự phát triển hữu thức của bản ngã, và liên quan đến phương diện minh triết của Đại Ngã Duy Nhất. Điểm đạo cần có sự phát triển của nguyên khí thông tuệ, và bao gồm việc con người lãnh hội được mục đích và ý chí, và sự tham dự sáng suốt vào đó qua bác ái và phụng sự. Các Thiên thần chưa có ngã thức, ngoại trừ các thiên thần cao cả hơn trong các chu kỳ trước đã trải qua giới nhân loại và hiện đang cộng tác trong cuộc tiến hoá của con người. Họ tăng trưởng và phát triển nhờ *cảm giác* chứ không qua năng lực tư tưởng hữu thức. Tuy nhiên, con người lại tăng trưởng nhờ các sự mở rộng nhận thức về ngã thức, tự phát khởi và tự áp đặt. Đó là đường lối của hoài bão và của nỗ lực hữu thức, và là đường lối phát triển khó khăn nhất trong thái dương hệ, vì nó không đi theo con đường ít trở ngại nhất, mà tìm cách phát khởi và áp đặt một nhịp điệu cao hơn. Các thiên thần thì đi theo con đường ít trở ngại nhất, tìm cách chiếm lấy và trải nghiệm, trong trào lưu đầy đủ nhất của cảm giác và cảm thức, sự rung động của các sự vật đúng thực tính của chúng. Vì thế, phương pháp của họ là sự tăng cường luôn gia tăng của việc đánh giá cảm giác của khoảnh khắc, chứ không phải, như trong con người, là ngày càng xem nhẹ các sự vật như chúng là, và phương diện vật chất, vốn đưa đến một cố gắng đạt đến và bao gồm trong tâm thức của y cái thực tại chủ

quan, hay những điều tinh thần— vốn trái ngược với cái phi thực tại khách quan, hay những gì thuộc về vật chất. Các thiên thần tìm cách cảm giác, trong khi con người tìm cách hiểu biết. Bởi vậy, đối với thiên thần thì không có những sự mở rộng tâm thức mà chúng ta gọi là Điểm đạo, trừ trường hợp những vị tiến hoá cao, đã trải qua giai đoạn nhân loại, vừa cảm giác vừa hiểu biết, và theo luật tiến hoá họ ngày càng mở mang kiến thức nhiều hơn. [98]

Những ảnh hưởng vũ trụ và các cuộc điểm đạo trong thái dương hệ.

Khi bàn về chủ đề sâu xa này thì tất cả những gì có thể làm ở đây là vắn tắt kể ra một số ảnh hưởng vũ trụ tác động rõ rệt đến địa cầu chúng ta, tạo những kết quả trong tâm thức của con người ở khắp nơi, và mang lại một số hiện tượng cụ thể trong suốt tiến trình điểm đạo.

Trước hết là năng lượng hay mãnh lực phát ra từ *mặt trời Sirius*. Nếu có thể diễn tả như thế thì năng lượng của tư tưởng, hay mãnh lực trí tuệ, trong tổng thể của nó, từ một trung tâm vũ trụ xa xăm đến thái dương hệ thông qua Sirius. Sirius tác động như là tác nhân truyền chuyển hay là trung tâm hội tụ, từ đó phát xuất các ảnh hưởng tạo nên ngã thức nơi con người. Trong thời gian điểm đạo, nhờ Điểm đạo Thần trượng (tác động như một vật truyền chuyển phụ và một nam châm mạnh mẽ), năng lượng này nhất thời được tăng cường, và được áp dụng vào các luân xa của điểm đạo đồng với mãnh lực phi thường; nếu Đấng Điểm Đạo và hai vị bảo trợ cho điểm đạo đồng không để cho mãnh lực này đi qua cơ thể của các Ngài trước, thì điểm đạo đồng sẽ không chịu nổi nó. Việc tăng cường năng lượng trí tuệ này giúp mở mang tâm thức, thấu hiểu được chân lý đích thực, và có các hiệu quả lâu

bền. Nó chủ yếu được cảm nhận trong luân xa cổ họng, là cơ quan sáng tạo quan trọng qua âm thanh.

Một loại năng lượng khác đến với con người từ *chòm sao Pleiades*, đi qua hệ Kim tinh đến với chúng ta, cũng như năng lượng của Sirius đi qua Thổ tinh vậy. Nó có hiệu quả rõ rệt đối với thể nguyên nhân, và dùng để kích thích luân xa tim.

Một loại năng lượng thứ ba được áp dụng cho điểm đạo đồ, và ảnh hưởng đến luân xa đầu. Năng lượng này phát xuất từ một trong bảy ngôi sao của *chòm sao Đại Hùng*, Đấng phú linh (ensouling) cho chòm sao này có quan hệ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta giống như Chân nhân đối với phàm nhân. Do vậy, năng lượng này là thất phân và khác biệt tùy theo cung hay loại người. [99]

Ở đây không thể nêu rõ thứ tự của việc áp dụng các loại năng lượng khác nhau này, hay cuộc điểm đạo nào mà trong đó hành giả tiếp xúc với những loại năng lượng khác nhau. Các sự kiện này bao gồm những bí mật của các bí pháp, và việc tiết lộ chúng ra không dùng cho mục đích gì. Những loại mãnh lực khác từ một số hệ hành tinh cũng như từ các trung tâm vũ trụ, được Đấng Điểm Đạo đưa vào tác động và truyền qua trung gian của Thần tượng đến các luân xa khác nhau trong ba thể của điểm đạo đồ, là các luân xa của thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái. Ở cuộc điểm đạo thứ tư, một loại mãnh lực chuyên biệt từ một trung tâm còn phải giữ kín tên, được áp dụng vào thể nguyên nhân, và là một trong các nguyên nhân làm cho thể này cuối cùng phải tan rã.

Khi suy gẫm về vấn đề thành đạt này của những người con nhân loại, chúng ta phải nhận thức rằng khi nhân loại hoàn tất một sự thống nhất này đến một sự thống nhất khác, thì các Đấng “Thiên Nhân” trên các cấp độ trực giác và tinh thần cũng được hoàn thiện, và đến lượt các vị này hình thành

những luân xa trong các Đấng “Thiên Nhân” vĩ đại của thái dương hệ. Mỗi Chân thần của con người và mỗi thiên thần đều ở trong cơ thể của bảy vị Thiên Nhân này, các vị hình thành bảy luân xa trong cơ thể của Thái Dương Thượng Đế. Đến lượt Ngài hình thành luân xa Tim (vì Thượng Đế là Bác ái) của một Đấng còn cao cả hơn nữa. Đối với thái dương hệ này, sự thành tựu viên mãn của tất cả sẽ là khi Đức Thái Dương Thượng Đế được điểm đạo lần thứ năm. Khi tất cả những người con nhân loại được điểm đạo lần thứ năm, thì Ngài sẽ đạt được mục đích. Đây là một bí nhiệm vĩ đại mà chúng ta còn chưa có thể hiểu. [100]



Chương 11

CÁC ĐĂNG THAM DỰ VÀO CÁC BÍ NHIỆM

Thường thì mọi người đều biết được các Đăng tham dự vào các bí nhiệm và không cần giữ bí mật về về nhân sự và phương pháp chung. Ở đây chúng ta chỉ tìm cách làm cho các sự kiện đã được đưa ra có ý nghĩa thực tế lớn hơn, bằng cách trình bày đầy đủ hơn và đề cập rõ rệt hơn về các phần hành của những vị đó trong suốt cuộc lễ. Ở giai đoạn này, người môn sinh nên khôn ngoan ghi nhớ một số điều khi suy gẫm về các bí nhiệm được bàn đến ở đây:—

Phải thận trọng diễn giải tất cả những điều được truyền đạt ở đây trong phạm vi tinh thần chứ không thuộc về vật chất hay hình tướng. Chúng ta đang bàn hoàn toàn về phương diện tâm thức hay khía cạnh nội tại của cuộc biểu hiện, và với những gì ẩn trong hình tướng ở bên ngoài. Nhận thức này sẽ giúp môn sinh tránh được nhiều lầm lẫn về sau.

Chúng ta đang xét đến các sự kiện có thực trên *cõi trí tuệ*—cõi mà trên đó diễn ra tất cả các cuộc điểm đạo chính yếu—nhưng không được thể hiện trên cõi hồng trần và không phải là các hiện tượng trên cõi hồng trần. Mối liên kết giữa hai cõi này hiện hữu trong sự liên tục tâm thức mà bấy giờ điểm đạo đồ đã phát triển, sẽ giúp y có thể đưa vào não bộ hồng trần các sự kiện và những diễn biến trên các cõi nội tại của sự sống.

Sự Chứng Thực Của Điểm Đạo

Các Đăng tham dự vào các Bí Nhiệm

Sự chứng thực của các diễn biến này và bằng chứng về tính chính xác của kiến thức được truyền đạt sẽ thể hiện như sau: [101]

Trong và xuyên qua các luân xa dĩ thái. Các luân xa này sẽ được kích thích mạnh mẽ và, nhờ năng lượng nội tại của chúng được gia tăng, điểm đạo đồ có thể hoàn tất nhiều hơn trên đường phụng sự so với trước đây y đã từng mơ tưởng có thể làm. Các ước mơ và lý tưởng của y không còn là những khả năng mà là các sự kiện thực tế đang thể hiện trong sự biểu lộ.

Các trung tâm của thể xác, như tuyến tụy và tuyến yên, sẽ bắt đầu phát triển nhanh chóng, và y sẽ trở nên ý thức được sự thức tỉnh của các “siddhis” hay các quyền năng của linh hồn, hiểu theo nghĩa cao siêu của từ này. Y sẽ biết được tiến trình chế ngự hữu thức và tùy ý vận dụng các quyền năng này. Y sẽ biết các phương pháp tiếp xúc với chân ngã và điều khiển các mãnh lực đúng cách.

Hệ thần kinh, qua đó thể tình cảm hay bản chất cảm dục tác động, sẽ trở nên rất bén nhạy và mạnh mẽ. Não bộ sẽ ngày càng mau chóng trở nên một phương tiện truyền đạt chính xác cho các xung lực nội tâm. Sự kiện này có tầm quan trọng thực sự và khi ý nghĩa của nó trở nên rõ rệt, sẽ mang lại một cuộc cách mạng trong thái độ của các nhà giáo dục, các y sĩ và những người khác, đối với sự phát triển của hệ thần kinh và việc chữa trị các bệnh thần kinh.

Ký ức huyền bí. Cuối cùng, điểm đạo đồ trở nên ngày càng ý thức được sự tăng trưởng của hồi ức nội tâm, hay là “ký ức huyền bí,” liên quan đến công tác của Thánh Đoàn và chính yếu là phần hành của y trong kế hoạch chung. Khi điểm đạo đồ hồi ức về mặt huyền bí một sự kiện của cuộc lễ, trong ý thức tinh táo, và nhận thấy *nơi chính mình* tất cả các

biểu hiện này của sự phát triển tăng dần và nhận thức sáng tỏ, thì bấy giờ niềm xác tín ở nội tâm được chứng minh và chứng thực đối với y.

Hãy nên nhớ rằng sự chứng thực nội tâm này không có giá trị cho bất cứ ai ngoài điểm đạo đồ. Y phải chứng tỏ chính y cho thế giới bên ngoài qua cuộc sống phụng sự của y và công tác được hoàn thành, và bằng cách đó khơi dậy nơi tất cả [102] những người cùng cộng tác quanh y một sự nhận thức, vốn sẽ tự biểu lộ chính nó trong một trạng thái thi đua được thánh hóa, và một nỗ lực vất vả để dần bước trên cùng một con đường, luôn luôn được thúc đẩy bởi cùng một động cơ—là động cơ phụng sự và tình huynh đệ, chứ không phải tính tự cao tự đại và sự hoạch đắc ích kỷ. Cũng cần nên nhớ rằng nếu các điều trên là đúng liên quan đến công việc, thì nó còn đúng hơn nữa đối với bản thân điểm đạo đồ. *Việc Điểm đạo là một vấn đề hoàn toàn cá nhân với một ứng dụng phổ biến.* Nó dựa trên sự thành đạt nội tâm của y. Điểm đạo đồ sẽ tự biết được khi nào sự kiện này xảy ra, và không cần phải có ai nói cho y biết điều đó. Sự mở mang tâm thức gọi là điểm đạo phải bao gồm não bộ hồng trần, nếu không thì chẳng có giá trị gì cả. Giống như các triển khai tâm thức nhỏ hơn mà bình thường chúng ta trải qua mỗi ngày, và gọi là “việc học” một điều này hay điều khác, có liên quan đến việc não bộ hồng trần thấu hiểu được một sự kiện được truyền đạt hay một trường hợp đã được lĩnh hội, thì cũng thế với những sự mở rộng tâm thức lớn hơn, là thành quả của nhiều sự mở rộng nhỏ này.

Đồng thời, hoàn toàn có thể xảy ra đối với những người đang hoạt động ở cõi trần, được tích cực sử dụng trong việc phụng sự thế giới, vốn không có ký ức nào về việc đã trải qua quá trình điểm đạo, dù rằng có thể là họ đã được điểm đạo

lần thứ nhất hay thứ nhì trong một tiền kiếp hay kiếp vừa qua. Đây chỉ đơn giản là do thiếu “việc bắc cầu” giữa các kiếp sống, hoặc có thể là do một quyết định dứt khoát của Chân nhân. Có thể hành giả sẽ có khả năng tốt hơn để thanh toán một nghiệp quả nào đó và thực hiện một công tác nhất định cho Huyền giai nếu y không có các chú ý huyền môn và quan tâm thần bí, trong một kiếp sống nào đó ở trần gian. Trong nhân loại hiện nay có nhiều người như thế, kiếp trước họ đã được điểm đạo lần thứ nhất, và một số ít đã được điểm đạo lần thứ hai, nhưng họ hoàn toàn không biết điều đó, dù rằng các luân xa và hệ thần kinh của họ có mang những bằng chứng mà người có nội nhãn thông thấy được. Nếu hành giả được điểm đạo [103] lần đầu tiên trong một kiếp sống nào đó, thì hồi ức về điểm đạo mở rộng đến bộ óc hồng trần.

Tính tò mò, hoặc ngay cả cuộc sống tốt đẹp bình thường, không bao giờ đưa hành giả đến Cửa Điểm Đạo. Khi khơi dậy một rung động mạnh trong phạm ngã của con người, tính hiếu kỳ chỉ đẩy cách xa, thay vì giúp y tiến gần mục tiêu mà y quan tâm đến; trong khi đó, nếu chỉ sống tốt đẹp bình thường mà không tiến xa hơn bằng một đời sống hoàn toàn hy sinh vị tha, bằng sự dè dặt, khiêm tốn, và bất vị kỷ đến mức phi thường, thì cũng có thể tạo được các vận cụ tốt lành sẽ hữu ích trong một kiếp khác, nhưng sẽ không giúp dẹp tan các chướng ngại ở ngoại cảnh và nội tâm, và khắc phục được các lực, các năng lượng đối nghịch, ngăn cách giữa một người “tốt” và cuộc lễ điểm đạo.

Con Đường Đệ Tử là con đường khó đi, và Con Đường Điểm Đạo còn gian nan hơn nữa; mỗi điểm đạo đồ đúng là một chiến sĩ mang nhiều thương tích, là người chiến thắng trong nhiều cuộc chiến rất gian lao; y không nói đến các thành tích của mình, vì quá bận rộn với công tác quan trọng

đang đảm nhận; y không hề lưu tâm đến bản thân hay tất cả những điều y đã hoàn thành, trừ việc tiếc rằng y đã làm quá ít. Tuy nhiên, đối với thế gian, y luôn luôn là một người có ảnh hưởng lớn, là người vận dụng quyền năng tinh thần, là hiện thân của lý tưởng, là người phục vụ nhân loại, luôn luôn mang lại những kết quả mà hậu thế sẽ công nhận. Dù với tất cả các thành tựu như vậy, y ít khi được người đương thời thông cảm. Y thường làm bia cho tiếng đòi đàm tiếu, và thường những điều y làm bị diễn giải sai lạc; y đặt mọi thứ của y—thì giờ, tiền bạc, ảnh hưởng, danh tiếng, cùng tất cả những điều mà người đời xem là giá trị—lên bàn thờ phụng sự vị tha, và thường hiến dâng sự sống của mình như món quà tặng cuối cùng, để rồi thấy rằng những người y đã phụng sự ném trả món quà trở lại, khinh miệt sự xả thân của y, và gán cho y những cái tên bất hảo. Nhưng điểm đạo đồ không bận tâm, vì y có đặc ân nhìn thấy được phần nào [104] vào tương lai, và do đó biết rằng mãnh lực mà y đã phát ra, đến đúng lúc, sẽ giúp hoàn thành kế hoạch; y cũng biết rằng tên tuổi và nỗ lực của y được ghi vào văn khố của Huyền giai, và “Đấng Trông Nom Im Lặng” các sự vụ nhân loại đã lưu ý.

Các Đấng Hành Tinh

Giờ đây, khi xét đến những Vị tham dự các cuộc lễ điểm đạo, trước hết nên đề cập đến những Đấng cao cả được gọi là các Đấng Hành Tinh. Từ này chỉ về những Đấng cao cả che chở hay ở lại với nhân loại chúng ta, cho một thời kỳ biểu lộ của hành tinh. Các Đấng này không nhiều lắm, vì lẽ phần đông các Đấng cao cả ngày càng liên tục chuyển sang công tác khác cao siêu hơn, khi địa vị và chức vụ của các Ngài có thể được đảm nhận và các hoạt động của các Ngài được tiếp

tục bởi các thành viên từ trường tiến hoá địa cầu, cả sự tiến hoá thiên thần và nhân loại.

Trong các Đấng liên kết trực tiếp với Huyền giai các Chân sư của chúng ta trong nhiều phân bộ khác nhau trên hành tinh, có thể kể ra các Đấng sau đây:-

“*Đấng Trông Nom Im Lặng*” (The “*Silent Watcher*”), là Đấng Cao Cả vốn là sự sống làm linh hoạt hành tinh này; địa vị của Ngài đối với Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, Đức Sanat Kumara, cũng như Chân nhân đối với phạm ngã của con người. Chúng ta có thể hiểu được phần nào trình độ tiến hoá cao siêu của Đấng Cao Cả này tương tự như sự khác biệt trình độ tiến hoá giữa một người thường và một Chân sư toàn thiện. Theo quan điểm của hệ thống hành tinh chúng ta, thì Đấng này là cao cả nhất, và trong chừng mực liên quan với chúng ta, Ngài tương ứng với Đấng Thượng Đế cá nhân (personal God) của người Thiên Chúa giáo. Ngài hoạt động thông qua đại diện của Ngài ở cõi trần là Đức Sanat Kumara, là tụ điểm cho năng lượng và sự sống của Ngài. Ngài giữ thế giới trong hào quang của Ngài. Chỉ có bậc hoàn thiện đã được [105] điểm đạo lần thứ năm và đang tiến lên để nhận hai cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy mới tiếp xúc trực tiếp được với Đấng Cao Cả này. Mỗi năm một lần, vào cuộc Lễ Wesak, được sự chuẩn y của Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, Đức Phật mang đến cho tập thể nhân loại một dòng mãnh lực nhị phân, phát xuất từ Đấng Trông Nom Yên Lặng, được bổ sung bằng năng lượng tập trung hơn của Đức Chúa Tể Hoàn Cầu. Ngài phóng rải năng lượng nhị phân này khi ban ân huệ cho dân chúng tụ tập tại cuộc lễ ở Hy-mã-lạp-son, và từ họ mãnh lực đó lần lượt lưu chuyển đến mọi người, các ngôn ngữ, và các chủng tộc. Có lẽ tất cả chúng ta thường không thể biết rằng ở một cuộc khủng hoảng nhất định trong Đại Thế Chiến

thứ I, Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta đã cho rằng hầu như cần phải thỉnh cầu sự trợ giúp của Đấng Trông Nom Im Lặng (the Silent Watcher) — bằng cách sử dụng đại thần chú để thấu đến Đức Phật – kêu gọi Ngài chú ý— và nhờ Ngài làm trung gian tiếp xúc với Hành Tinh Thượng Đế. Trong cuộc tham vấn giữa Hành Tinh Thượng Đế, Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, một trong các vị Hoạt Động Phật, Đức Phật, Đức Văn Minh Đại Đế, và Đức Bàn Cổ (các danh xưng này được đưa ra theo thứ tự trình độ tiến hoá tương đối của các Ngài) đã có quyết định theo dõi các diễn biến thêm một thời gian ngắn trước khi can thiệp vào xu thế các sự vụ, vì nghiệp quả hành tinh hẳn sẽ bị trì hoãn nếu cuộc xung đột đã được kết thúc quá sớm. Sự tin cậy của các Ngài vào khả năng con người có thể điều chỉnh đúng đắn các tình trạng đã được chứng minh, và việc can thiệp đã tỏ ra không cần thiết. Cuộc hội nghị này đã diễn ra ở Shamballa. Điều này được nêu lên để cho thấy rằng các Đấng Hành Tinh quan tâm xem xét kỹ đối với mọi điều liên quan đến các sự vụ của con người. Theo một ý nghĩa huyền bí, đúng thực là “không một con chim sẽ nào rơi xuống” mà sự chết của nó không được lưu ý đến.

Người ta có thể hỏi tại sao Đức Bồ-tát đã không tham dự hội nghị. Lý do là vì chiến tranh thuộc ngành của Đức Bàn Cổ, và các thành viên của Thánh Đoàn quan tâm đến những gì hoàn toàn là phần việc của các Ngài; Đức Văn Minh Đại Đế, vì là hiện thân [106] của nguyên khí thông tuệ hay trí tuệ, nên tham dự tất cả các cuộc hội nghị. Trong cuộc xung đột lớn sắp đến, ngành tôn giáo sẽ liên hệ, và Đức Bồ-tát sẽ có liên quan mật thiết. Bấy giờ, Đạo Huynh của Ngài là Đức Bàn Cổ sẽ tương đối được miễn tham dự, và sẽ tiếp tục công việc riêng của Ngài. Tuy nhiên, vẫn có sự hợp tác chặt chẽ nhất giữa các ngành mà không hề bị hao hụt năng lượng. Do sự

hợp nhất tâm thức của những vị đã tự do đối với ba cõi thấp, nên những gì xảy ra trong một ngành đều được các ngành kia hiểu biết.

Vì Đức Hành Tinh Thượng Đế chỉ liên quan đến hai cuộc điểm đạo cuối cùng, vốn không có tính bắt buộc như năm cuộc điểm đạo đầu, nên không ích gì mà nói thêm về công việc của Ngài. Hai cuộc điểm đạo này được nhận trên cõi bờ-đề và niết-bàn, trong khi năm cuộc điểm đạo đầu diễn ra trên cõi trí.

Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, trong Kinh Thánh gọi là “Đấng Thái Cổ” (“The Ancient of Days”), và trong Thánh kinh Ấn giáo gọi là Đệ Nhất Kumara, Ngài chính là Đức Sanat Kumara, từ ngôi của Ngài ở Shamballa trong sa mạc Gobi, Ngài chủ trì Huyền giai các Chân sư, và giữ quyền quản trị cả ba ngành. Một số Thánh kinh gọi Ngài là “Đấng Đại Hy Sinh” vì Ngài đã chọn việc trông nom cuộc tiến hoá của nhân loại và thiên thần cho đến khi tất cả đã “được cứu độ” về mặt huyền bí. Chính Ngài quyết định “sự thăng tiến” trong các ngành, và định đặt ai sẽ thế vào các chỗ khuyết. Chính Ngài, mỗi năm bốn lần, dự hội nghị với tất cả các vị Đế quân và Chân sư, và chuẩn y những gì sẽ được thực hiện để đẩy nhanh các mục tiêu tiến hoá.

Đôi khi Ngài cũng hội kiến với các điểm đạo đồ cấp thấp hơn, nhưng chỉ vào những thời gian có các khủng hoảng lớn, khi một cá nhân được ban cho cơ hội mang lại hòa bình từ cuộc xung đột, và đốt lên ngọn lửa để các hình thể đang mau chóng kết tinh sẽ bị hủy diệt, và do đó sự sống bị giam hãm bên trong sẽ được tự do.

Vào khoảng thời gian nhất định trong năm, Huyền giai nhóm họp, và vào [107] Lễ Wesak, Huyền Giai tụ hội dưới thẩm quyền của Ngài, nhằm ba mục đích:

1. Tiếp xúc với mãnh lực hành tinh qua trung gian của Đức Phật.

2. Tổ chức cuộc hội nghị chính của mỗi quí.

3. Nhận vào lễ điểm đạo những người đã đủ điều kiện, ở mọi cấp.

Ba lễ điểm đạo khác diễn ra trong năm:-

1. Đối với các cuộc điểm đạo thứ yếu, do Đức Bồ-tát hành lễ, tất cả đều ở trong ngành của Đức Văn Minh Đại Đế, và thuộc một trong bốn cung phụ, tức là các cung thuộc tính.

2. Đối với các cuộc điểm đạo chính yếu thuộc một trong ba cung chính, là các cung trạng thái, do Đức Bồ-tát hành lễ, và do đó, là hai cuộc điểm đạo đầu tiên.

3. Đối với ba cuộc điểm đạo cao hơn, trong đó Đức Sanat Kumara vận dụng Thần trượng.

Đức Chúa Tể Hoàn Cầu vẫn hiện diện trong tất cả các cuộc điểm đạo, nhưng ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên, Ngài giữ vị thế tương tự như vị thế của Đấng Trông Nom Im Lặng, khi Đức Sanat Kumara nhận lời tuyên thệ vào các cuộc điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm. Quyền năng của Ngài tuôn tràn và sự chói rạng của ngôi sao trước điểm đạo đồ là dấu hiệu Ngài chấp thuận, nhưng mãi đến lần điểm đạo thứ ba điểm đạo đồ mới tận mặt diện kiến Ngài.

Hoạt động của *ba vị Kumara*, hay ba vị Hoạt Động Phật, trong cuộc điểm đạo, thật thú vị. Các Ngài là ba trạng thái của trạng thái duy nhất, và là các môn đồ của Đức Sanat Kumara. Dù rằng các Ngài có nhiều hoạt động khác nhau, chính yếu liên quan đến các mãnh lực và năng lượng của thiên nhiên, và điều hành [108] các lực (agencies) kiến tạo, nhưng các Ngài có mối liên kết thiết yếu với ứng viên điểm đạo, vì mỗi Vị là hiện thân của mãnh lực hay năng lượng của một trong ba phân cảnh cao của cõi trí. Vì thế, vào cuộc điểm

đạo thứ ba một trong các Vị này truyền một loại năng lượng vào thể nguyên nhân của điểm đạo đồ, làm tiêu hủy vật chất của phân cảnh thứ ba, khiến cho thể này bị hủy hoại một phần; vào cuộc điểm đạo thứ tư, một vị Phật khác truyền mãnh lực phân cảnh thứ nhì, và đến cuộc điểm đạo thứ năm, mãnh lực của phân cảnh thứ nhất cũng được đưa vào các nguyên tử còn lại của thể này, khiến có được sự giải thoát chung cuộc. Công việc do vị Kumara thứ nhì dùng lực của phân cảnh thứ nhì thực hiện, trong thái dương hệ này là quan trọng nhất đối với thể của Chân nhân, khiến nó hoàn toàn tan rã, trong khi việc áp dụng lần cuối làm tan rã chính các nguyên tử (tạo nên thể này).

Trong cuộc lễ điểm đạo, khi điểm đạo đồ đứng trước Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, thì ba Đấng cao cả này hợp thành một tam giác mà điểm đạo đồ ở bên trong các đường thần lực của tam giác đó. Trong hai cuộc điểm đạo đầu tiên, khi Đức Bồ-tát giữ phần hành của Đấng Điểm Đạo, thì Đức Văn Minh Đại Đế, Đức Bàn Cổ và một vị Đế quân tạm thời đại diện cho ngành thứ hai cũng thực hiện nhiệm vụ tương tự. Ở hai cuộc điểm đạo cao nhất, ba vị gọi là “các Kumara nội môn” hợp thành một tam giác mà điểm đạo đồ đứng trong đó, khi đối diện với Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Các sự kiện này được truyền đạt nhằm giáo huấn hai điều, một là sự đồng nhất trong phương pháp, hai là, chân lý hiển nhiên rằng “trên sao dưới vậy” là một điều thực tế trong thiên nhiên.

Nhiều thành viên trong Thánh Đoàn—có thể nói là ngoại hành tinh, và hoạt động bên ngoài bầu vật chất trọng trực và dĩ thái của hành tinh chúng ta—có tham dự vào hai cuộc điểm đạo cuối cùng, nhưng không cần nêu rõ thêm. Đức Sunat Kumara vẫn là Đấng Điểm Đạo (Hierophant), dù trong

[109] một ý nghĩa rất nội môn thì chính Đức Hành Tinh Thượng Đế mới hành lễ. Vào lúc đó, các Ngài hoà hợp thành một Đấng Duy Nhất, biểu hiện các trạng thái khác nhau.

Để kết thúc phần trình bày ngắn gọn này, có thể nói rằng việc đào tạo một điểm đạo đồ là một sự vụ có hiệu quả hai mặt, vì bao giờ điều này cũng bao gồm việc một vị Chân sư hay điểm đạo đồ chuyển lên một cấp cao hơn hay một công tác khác, và việc gia nhập theo luật định của một con người đang trong tiến trình thành đạt. Thế nên, đây là một điều rất quan trọng, bao gồm hoạt động tập thể, lòng trung thành với tập thể, nỗ lực kết hợp, và nhiều điều có thể tùy thuộc vào sự minh triết khi nhận một người vào chức vụ cao cấp, và một địa vị trong các hội đồng của Thánh Đoàn.

Các vị Trưởng Ngành

Đức Bàn Cổ

Đức Bồ-tát.

Đức Văn Minh Đại Đế.

Như đã trình bày, ba Đấng Cao Cả này tượng trưng cho tam nguyên của toàn cuộc biểu hiện, và có thể được diễn tả dưới hình thức sau đây, xin lưu ý rằng toàn bộ vấn đề này liên quan đến phương diện chủ quan, và do đó đến sự tiến hoá của tâm thức, và chính yếu là ngã thức nơi con người.

Tâm thức

Đức Bàn Cổ Đức Bồ-tát Đức Văn Minh Đại Đế

Trạng thái vật chất... Trạng thái tinh thần.... Trạng thái thông tuệ.

Hình tướng Sự sống..... Trí tuệ.

Phi-ngã Ngã Sự liên lạc giữa.

Con người Tinh thần..... Linh hồn.

[110]

Hoặc bằng lời lẽ hoàn toàn đề cập đến sự nhận thức về

ngã thức:-

Chính trị..... Tôn giáo Khoa học.

Chính quyền..... Tín ngưỡng..... Văn minh.

Các chủng tộc..... Niềm tin Giáo dục.

Tất cả mọi người đều thuộc về một trong ba ngành này, và tất cả đều có tầm quan trọng ngang nhau, vì Tinh thần và vật chất là một. Tất cả đều tùy thuộc lẫn nhau, chỉ là các biểu lộ của sự sống duy nhất, nên khi cố gắng trình bày những chức năng của ba ngành trong hình thức bảng biểu, thì có thể đưa đến sai lầm.

Ba Đấng Cao Cả này cộng tác chặt chẽ trong công việc, vì đó là công việc duy nhất, cũng như con người, dù là một tam nguyên (triplicity), nhưng vẫn là một đơn vị cá nhân. Con người là một hình tướng mà qua đó sự sống hay thực thể tinh thần đang biểu hiện, sử dụng trí thông tuệ theo luật tiến hoá.

Do đó, các Đấng Cao Cả này có liên quan mật thiết với các cuộc điểm đạo của một con người. Các Ngài quá bận rộn với những sự vụ lớn lao hơn và các hoạt động tập thể nên không có mối quan hệ nào với một người cho đến khi người đó đứng trên con đường dự bị. Một khi y đã tiến đến Con đường Đệ Tử qua nỗ lực của chính mình, thì vị Chân sư đặc biệt vốn giám sát y, sẽ báo cáo lên vị trưởng của một trong ba ngành (điều này tùy theo cung của một người) rằng y đang đến gần Cửa Điểm Đạo, và có thể sẽ sẵn sàng bước tiến quan trọng này trong một kiếp sống như thế, như thế. Cứ mỗi kiếp sống, và về sau thì cứ mỗi năm, lại có bản báo cáo, cho đến năm cuối cùng trên Đường Dự Bị, khi ngày càng có các báo cáo tỉ mỉ hơn và thường xuyên hơn. Cũng trong năm cuối này, tên của ứng viên được đệ trình cho Huyền giai, và sau khi Chân sư của chính y đã phúc trình về y, và hồ sơ của y đã

được tóm tắt, thì tên y được bỏ phiếu, và các vị bảo trợ được sắp xếp. [111]

Các nhân tố quan trọng trong cuộc lễ điểm đạo là:-

1. Đấng Điểm Đạo.
2. Tam giác lực tạo bởi ba vị Chân sư hay ba Vị Kumaras.
3. Các vị bảo trợ.

Ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên, hai vị Chân sư đứng mỗi vị mỗi bên của ứng viên, bên trong tam giác; vào các cuộc điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, Đức Văn Minh Đại Đế và Đức Bồ-tát là các vị bảo trợ; vào cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, thì hai Đấng cao cả, còn ẩn danh, đứng trong tam giác huyền bí này. Phần việc của các vị bảo trợ là để cho mãnh lực hay điện năng phát ra từ Điểm đạo Thần tượng đi qua thánh thể các Ngài. Qua sự bức xạ, mãnh lực này luân chuyển quanh tam giác và được bổ sung bằng mãnh lực của ba vị bảo hộ; kể đó nó đi qua những luân xa của các vị bảo trợ, và được truyền sang điểm đạo đồ bằng một tác động của ý chí.

Ở những phần khác trong sách này, đã có trình bày khá đủ về Huyền giai các Chân sư và mối quan hệ của các Ngài với ứng viên điểm đạo, trong khi công việc của chính điểm đạo đồ cũng đã được đề cập. Công việc này không phải là các con của nhân loại ở khắp nơi không biết đến, nhưng cho đến nay vẫn là một lý tưởng và là một khả năng còn xa vời. Tuy nhiên, khi một người nỗ lực để đạt đến lý tưởng đó, khiến nó thành một sự kiện thể hiện nơi chính mình, thì y sẽ thấy rằng lý tưởng đó trở nên không chỉ là một khả năng, mà là một điều có thể đạt được, miễn là y phấn đấu thích đáng. Cuộc điểm đạo thứ nhất ở trong tâm tay của nhiều người, nhưng sự nhất tâm cần thiết và niềm tin vững chắc vào thực tại

trước mắt, cùng với một sự sẵn lòng hy sinh tất cả hơn là quay trở lại, là những điều làm nản lòng nhiều người. Nếu sách này không phục vụ mục đích nào khác hơn là khích lệ một người nào đó có thêm nỗ lực tin tưởng trở lại, thì nó đã được viết ra không phải là unction vậy. [112]



Chương 12

HAI SỰ KHẢI THỊ

Giờ đây, chúng ta có thể xét đến các giai đoạn của cuộc lễ điểm đạo, tất cả có năm giai đoạn như sau:-

1. Sự khai thị “Bản tính Thiên liêng.”
2. Thấy được “Linh ảnh.”
3. Việc áp Thần tượng, ảnh hưởng đến:-
 - a. Các thể.
 - b. Các luân xa.
 - c. Thể nguyên nhân.
4. Sự tuyên thệ.
5. Truyền thụ “Bí nhiệm” và Linh từ.

Các điểm này được đưa ra theo đúng thứ tự, và chúng ta nên nhớ rằng thứ tự này không phải được sắp xếp không mục đích, mà nhằm đưa điểm đạo đồ tiến tới từ sự khai thị này đến sự khai thị khác, cho đến giai đoạn kết thúc, khi y được truyền một trong các bí nhiệm và một trong năm quyền lực từ để mở ra cho y các cõi khác nhau, với tất cả những trường tiến hoá trong đó. Những gì trình bày ở đây đều nhằm nêu lên năm phần chính mà lễ điểm đạo vốn dĩ phân chia, và người môn sinh cần ghi nhớ rằng chính mỗi giai đoạn trong năm giai đoạn này, trong chính nó, là một nghi lễ đầy đủ, và có thể có sự phân chia chi tiết hơn.

Giờ đây chúng ta hãy xét đến các điểm khác nhau này, vấn tắt bàn qua mỗi điểm, và nhớ rằng ngôn từ chỉ làm cho thực nghĩa bị giới hạn. [113]

Sự hiển lộ “Bản tính Thiên liêng”

Qua các giai đoạn sau của chu kỳ luân hồi, khi hành giả dao động với các cặp đối lập, và nhờ phân biện, trở nên ý thức được điều chân, lẽ giả, trong trí y có sự nhận thức ngày càng tăng, rằng y chính là Sự Sống bất tử, một vị Thượng Đế vĩnh cửu, và là một phần của Sự Vô Cùng Tận (Infinity). Mỗi liên kết con người ở cõi trần và vị Chủ Thể nội tâm ngày càng sáng tỏ hơn cho đến khi sự khai thị quan trọng xảy ra. Bây giờ, đến một lúc trong cuộc sống, hành giả hữu thức đối diện với Bản Ngã thực sự của y và biết y chính thực là Bản Ngã đó chứ không chỉ trong lý thuyết; y trở nên ý thức được Thượng Đế nội tâm, không phải qua thính giác, hoặc nhờ sự chú ý vào tiếng nói nội tâm điều khiển và kiểm soát, và được gọi là “tiếng nói của lương tâm.” Lần này, sự nhận thức qua *thị giác* và *linh thị trực tiếp*. Giờ đây, y không chỉ đáp ứng với những gì được nghe, mà còn đáp ứng với những gì mà y thấy.

Chúng ta biết rằng các giác quan đầu tiên được phát triển nơi đứa trẻ là thính giác, xúc giác, và thị giác; đứa bé sơ sinh nhận biết âm thanh và quay đầu về hướng đó, nó cảm giác và sờ soạng; cuối cùng nó nhìn thấy một cách ý thức, và phàm ngã được phối kết trong ba giác quan này. Đây là ba giác quan thiết yếu. Vị giác và khứu giác phát triển sau, nhưng chúng ta có thể sống mà không có hai giác quan này, và nếu thiếu chúng, con người vẫn thực sự không bị trở ngại trong các giao tiếp ở cõi trần. Trên đường phát triển nội tâm, trình tự cũng giống như vậy.

Thính giác – đáp ứng với tiếng nói của lương tâm, khi nó

hướng dẫn, điều khiển và kiểm soát. Điều này bao gồm thời kỳ tiến hoá hoàn toàn bình thường.

Xúc giác – đáp ứng với sự kiểm soát hay rung động, và sự nhận thức những gì ở bên ngoài con người riêng biệt [114] trên cõi hồng trần. Điều này bao gồm thời kỳ khai mở tinh thần dần dần, Con Đường Dự Bị và Con Đường Đệ Tử, thăng lên đến cửa điểm đạo. Hành giả tiếp xúc ngắt quãng với những gì cao siêu hơn chính y; y trở nên ý thức “sự tiếp xúc” với Chân sự, với rung động của chân nhân và với rung động của tập thể, và qua xúc giác huyền bí này, y làm quen với những điều nội tại và tinh tế. Sau đó y vươn ra những gì liên quan đến chân ngã, và nhờ tiếp xúc với những gì vô hình, y trở nên quen thuộc với chúng.

Cuối cùng là *Thị giác* – là linh thị bên trong được tạo ra qua tiến trình điểm đạo, tuy nhiên đó vẫn chỉ là việc nhận thức một quan năng luôn luôn hiện hữu nhưng chưa được biết. Như đứa trẻ từ lúc mới sinh đã có đôi mắt hoàn toàn tốt và trong sáng, nhưng phải đến một ngày nào đó lần đầu tiên nó mới hữu ý nhận thức, ghi nhận được những điều nó thấy, thì cũng thế với con người trải qua sự khai mở tinh thần. Phương tiện của nội nhãn vẫn luôn luôn hiện hữu, và những điều có thể được thấy vẫn luôn luôn có sẵn, nhưng cho tới nay sự nhận thức của đa số người vẫn chưa có.

Sự “nhận thức” này của điểm đạo đồ là bước quan trọng đầu tiên trong cuộc lễ điểm đạo, và tất cả các giai đoạn khác đều phải đợi cho đến khi đã qua được bước này. Trong các cuộc điểm đạo khác nhau, cái được nhận thức cũng khác nhau, và có thể tóm tắt khái quát như sau:-

Chân nhân, là phản ánh của Chân thần, trong chính nó là một tam nguyên, như mọi người khác trong thiên nhiên, và phản ánh ba trạng thái thiêng liêng, cũng như trên cõi cao,

Chân thần phản ánh ba trạng thái—ý chí, bác ái-minh triết, và thông tuệ linh hoạt—của Thượng Đế. Thế nên:

Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, điểm đạo đồ ý thức được trạng thái thứ ba, thông tuệ linh hoạt, là trạng thái thấp nhất của Chân nhân. Y được đưa tới mặt đối mặt với sự biểu lộ đó của *Thái Dương Thiên Thần* cao cả (Pitri) vốn là chính y, là bản ngã thực sự (real self). [115] Giờ đây, không còn mọi bối rối, y biết rằng sự biểu lộ đó của trí thông tuệ là Thực Thể vĩnh cửu mà, qua bao thời đại, đã đang thể hiện các quyền năng của nó trên cõi trần, qua các kiếp sống liên tiếp của y

Ở cuộc điểm đạo thứ hai, y thấy Sự Hiện Diện vĩ đại này là một nhị nguyên, và một trạng thái khác chói rạng trước y. Y trở nên ý thức rằng Sự Sống quang huy này, được đồng nhất với chính y, không chỉ là sự thông tuệ đang tác động, mà còn có nguồn gốc là bác ái-minh triết. Y hoà hợp tâm thức của y với Sự Sống này và trở nên hợp nhất với Nó sao cho, ở cõi trần, qua trung gian của bản ngã cá nhân, chúng ta thấy Sự Sống này là bác ái sáng suốt (intelligent love) tự biểu lộ chính nó.

Ở cuộc điểm đạo thứ ba, Chân nhân đứng trước điểm đạo đồ như một tam nguyên (triplicity) hoàn thiện. Không những y biết Đại Ngã (the Self) là bác ái thông tuệ, linh hoạt mà Nó cũng được tiết lộ như là một ý chí hay chủ đích cơ bản, y lập tức tự đồng nhất với Đại Ngã này, và biết rằng trong tương lai, ba cõi thấp đối với y không còn có quyền gì nữa, mà chỉ dùng như là một phạm vi phụng sự tích cực, được thể hiện trong bác ái, hướng đến việc hoàn thành một chủ đích đã được ẩn tàng trong tâm của Đại Ngã qua nhiều thời đại. Giờ đây, chủ đích này được tiết lộ, có thể được cộng tác với một cách thông minh, và như thế được hoàn thiện.

Những khai thị thâm sâu này chói rạng trước điểm đạo

đồ theo ba cách:—

Như một vị thiên thần sáng ngời. Nội nhãn thấy được vị này với sự chính xác như nhau về cái thấy và sự phán đoán, như khi một người đứng mặt đối mặt với một thành viên khác trong gia đình nhân loại. Vị Thái Dương Thiên Thần cao cả, hiện thân cho Chân nhân và là biểu lộ của Chân nhân trên cõi thượng trí, theo sát nghĩa là tổ phụ thiêng liêng của y, “Vị Trông Nom,” mà qua các chu kỳ luân hồi lâu dài, đã tuôn đổ chính Ngài ra trong sự hy sinh, để con người có thể HIỆN TỒN (BE). **[116]**

Như một khối cầu lửa chói rạng, được nối kết với điểm đạo đồ đứng trước nó bởi sợi dây từ lực bằng lửa, sợi dây này đi xuyên qua tất cả các thể của y, và tận cùng ở trung tâm của não bộ hồng trần. Sợi “chi bạc” này (như được gọi phần nào thiếu chính xác trong Kinh Thánh, khi mô tả nó tách rời thể xác và sau đó rút khỏi thể này) phát ra từ luân xa tim của Thái Dương Thiên Thần, như vậy liên kết tim và não,—là nhị nguyên vĩ đại của bác ái và trí thông tuệ, biểu lộ trong thái dương hệ này. Khối cầu lửa này cũng được liên kết với nhiều khối cầu khác thuộc cùng nhóm và cung, và do thế nói rằng trên cõi cao chúng ta là một, là một sự kiện thực tế. Sự sống duy nhất đập nhịp và lưu chuyển qua tất cả, xuyên qua những tao dây bằng lửa. Đây là một phần của sự khai thị xảy ra cho người trụ vào “Chân Thần” (the “Presence”) với đôi mắt mở rộng về mặt huyền bí.

Như một Hoa Sen Chín Cánh đa sắc. Các cánh hoa sen này được xếp thành ba vòng quanh một bộ ba cánh hoa khép kín ở trung tâm, che chở cho “Bảo Ngọc trong Hoa Sen” như tên gọi trong các kinh sách Đông phương. Hoa Sen này là một vật có vẻ đẹp hiếm có, đập nhịp với sự sống và chói rạng với mọi màu sắc của cầu vồng, và trong ba cuộc điểm đạo đầu

tiên, ba vòng này được mở ra theo thứ tự, cho đến cuộc điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ đứng trước một sự khai thị còn lớn lao hơn nữa, và học được sự bí mật của điều nằm trong nụ hoa ở trung tâm. Về phương diện này, cuộc điểm đạo thứ ba hơi khác với hai cuộc điểm đạo trước, vì nhờ quyền năng của một Vị Đạo Trưởng còn cao cấp hơn Đức Bồ-Tát, lần đầu tiên điểm đạo đồ được tiếp xúc với lửa điện của Tinh thần thuần khiết tiềm tàng ở tâm của Hoa sen.

Trong tất cả các từ này, “Thái Dương Thiên Thần,” “khối cầu lửa,” và “hoa sen,” che giấu một trạng thái nào đó của bí nhiệm trung tâm của sự sống con người, nhưng nó sẽ chỉ hiển nhiên đối với những ai có mắt thấy được. Ý nghĩa huyền nhiệm của các nhóm từ hình tượng này sẽ chỉ tỏ ra là một cái bẫy hay là một cơ sở cho sự hoài nghi đối với người nào [117] tìm cách cụ thể hoá chúng một cách quá mức. Trong các thuật ngữ này có ẩn chứa ý tưởng về một sự hiện tồn bất tử, về một Thực Thể thiêng liêng, về một trung tâm vĩ đại của hỏa năng (fiery energy), và về sự bùng nổ toàn vẹn của cuộc tiến hoá, và ta phải xem xét chúng theo các ý nghĩa đó.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ được đưa vào sự Hiện Hữu của trạng thái của chính y, vốn được gọi là “Cha ở trên Trời.” Y được đối diện với Chân Thần của chính y, cái tinh hoa tinh thần thuần khiết đó trên cõi cao siêu thứ nhì, mà đối với Chân nhân hay chân ngã của y thì nó có cùng vị trí như Chân nhân đối với phàm nhân hay phàm ngã vậy.

Chân Thần này đã tự biểu lộ trên cõi trí qua Chân nhân (Ego) theo ba kiểu, nhưng giờ đây, tất cả những trạng thái của trí tuệ, như chúng ta hiểu về nó, không còn nữa. Vị Thái Dương Thiên Thần mà từ trước đến giờ y tiếp xúc, nay đã tự triệt thoái, và hình tướng mà qua đó vị này hoạt động (chân ngã thể hay thể nguyên nhân) đã mất, không còn lại gì trừ

bác ái-minh triết và ý chí năng động vốn là đặc trưng chủ yếu của Tinh Thần. Phạm ngã đã phục vụ cho các mục đích của Chân Nhân, và đã bị loại bỏ; Chân Nhân cũng đã phục vụ cho các mục đích của Chân thần và không còn được cần đến nữa; và điểm đạo đồ trở nên tự do đối với cả hai, hoàn toàn được giải thoát, và có thể tiếp xúc với Chân Thần, như trước kia y đã học cách tiếp xúc với Chân Nhân vậy. Sự hiện diện còn lại của y trong ba cõi thấp, y chỉ chịu sự chi phối của ý chí và mục đích, được tự khởi xướng (self-initiated), và tạo ra thể biểu lộ của y, và như thế kiểm soát các thời cơ và thời gian hoạt động của riêng y (trong các giới hạn nghiệp quả). Nghiệp quả đề cập ở đây là nghiệp quả hành tinh, chứ không phải nghiệp quả cá nhân.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư này, y tiếp xúc với trạng thái bác ái của Chân thần, và với trạng thái ý chí vào cuộc điểm đạo thứ năm, và như thế hoàn tất các tiếp xúc của y, đáp ứng với tất cả các rung động cần thiết, và là chủ nhân trên năm cõi tiến hoá của nhân loại.

Ngoài ra, chính ở các cuộc điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, mà y cũng trở nên ý thức được “Đấng Hiện Diện” (“Presence”) vốn bao gồm ngay cả Thực Thể tinh thần, là Chân Thần của chính y. [118] Y thấy Chân thần của mình hợp nhất với Đức Hành Tinh Thượng Đế. Qua vận hà của Chân Thần của riêng y, y thấy những trạng thái giống hệt (mà Chân thần đó hiện thân) trên một qui mô rộng lớn hơn, và Đức Hành Tinh Thượng Đế, Đấng phú linh (ensouls) cho tất cả các Chân Thần trên cung của Ngài, được tiết lộ theo cách đó. Chân lý này hầu như không thể diễn tả bằng lời, và liên quan đến mối liên hệ của điểm lửa điện, là Chân thần, với ngôi sao năm cánh, vốn tiết lộ sự Hiện Diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế cho điểm đạo đồ. Đây là điều thực sự không

thể hiểu được đối với người độc giả bình thường, là đối tượng của sách này.

Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, điểm đạo đồ hoạt động một cách hữu thức như là trạng thái bác ái của Chân thần, (xuyên qua “Cha” của y) được đưa vào một sự nhận thức còn rộng lớn hơn nữa, và biết được Ngôi Sao vốn bao trùm ngôi sao hành tinh của y, cũng như trước đây y đã thấy ngôi sao hành tinh bao trùm “Điểm Linh Quang” nhỏ bé của riêng y. Bằng cách này y hữu thức tiếp xúc với Đức Thái Dương Thượng Đế, và nhận thức bên trong chính y tính Duy nhất của toàn bộ sự sống và cuộc biểu lộ.

Sự nhận thức này được mở rộng vào cuộc điểm đạo thứ bảy, sao cho hai trạng thái của Sự Sống Duy Nhất trở thành các hiện thực đối với vị Phật đã giải thoát.

Như vậy, nhờ một loạt các bước tiến tăng dần, điểm đạo đồ được đối mặt với Chân lý và Sự Hiện Tồn (Truth and Existence). Các môn sinh biết suy tư sẽ hiểu rõ tại sao sự tiết lộ này về Đấng Hiện Diện (the Presence) phải có trước mọi sự khái thị khác. Nó tạo ra trong thể trí của điểm đạo đồ các nhận thức cơ bản sau đây:-

Đức tin của y qua nhiều thời đại được chứng minh, và hy vọng và niềm tin hoà hợp lại thành một thực tế xác định. Đức tin bị mất đi trong năng lực thấy, và những gì vô hình thì được thấy và biết. Y không thể còn nghi ngờ nữa, mà thay vào đó, nhờ sự nỗ lực của riêng y, y đã trở thành một *người hiểu biết (knower)*.

Y được chứng tỏ cho thấy là một với các huynh đệ, và nhận biết được mối liên hệ bất diệt ràng buộc y với đồng loại của y ở khắp nơi. Tình huynh đệ không còn là lý thuyết mà là một sự [119] kiện khoa học được chứng minh; không còn điều gì được bàn cãi ngoài tính chia rẽ của con người ở cõi

trần sẽ được bàn cãi.

Y được xác định và chứng minh cho thấy tính bất tử của linh hồn và thực tại của các thế giới vô hình. Trong khi, trước cuộc điếm đạo, niềm tin này chỉ căn cứ trên linh thị ngắn ngủi và thoáng qua, và các tin tưởng mạnh mẽ ở nội tâm (là kết quả của suy luận hợp lý và của trực giác phát triển dần), thì nay nó được căn cứ trên thị giác và trên một sự nhận thức về bản chất bất tử của chính y, không cách nào phủ nhận được.

Y nhận thức được ý nghĩa và nguồn cội của năng lượng, và có thể bắt đầu vận dụng quyền lực với sự lèo lái chính xác khoa học. Nay y biết rút năng lượng từ đâu, và thoáng thấy những tài nguyên năng lượng khả dụng. Trước kia, y đã biết rằng năng lượng vốn hiện hữu, và sử dụng nó một cách mù quáng và đôi khi thiếu khôn ngoan; nay y thấy nó theo sự hướng dẫn “của trí tuệ rộng mở” và có thể cộng tác một cách thông minh với các mãnh lực của thiên nhiên.

Như thế, theo nhiều lối, sự khái thị về Chân Thần (the Presence) tạo nên các kết quả rõ rệt nơi điếm đạo đồ, và do đó được Thánh Đoàn xem là phần mở đầu cần thiết cho mọi sự khái thị về sau.

Sự Tiết Lộ Linh thị

Sau khi đã đưa điếm đạo đồ đối diện với Đấng Duy Nhất mà từ vô số thời đại y đã có liên quan, và sau khi đã khơi dậy nơi y một sự nhận thức không thể lay chuyển về tính duy nhất của sự sống nền tảng khi nó biểu hiện qua tất cả những sự sống nhỏ bé hơn, thì sự khái thị quan trọng kế tiếp là sự khái thị về Linh thị. Sự khái thị thứ nhất liên quan đến cái không thể định nghĩa, không thể giới hạn, và (đối với thể trí hữu hạn) là vô hạn trong tính trừu tượng và tuyệt đối

của nó. Sự khái thị thứ nhì liên quan đến thời gian và không gian, và bao hàm sự nhận thức của điểm đạo đồ—nhờ thị giác huyền bí mới được khai mở—về [120] vai trò mà y đã đóng và phải đóng trong Thiên Cơ, và về sau thì là sự nhận thức về chính Thiên Cơ, trong chừng mực nó liên quan đến:-

1. Chân nhân của y.
2. Nhóm Chân nhân của y.
3. Nhóm thuộc cung của y.
4. Đức Hành Tinh Thượng Đế của y.

Trong bốn mức thấu hiểu này, bạn đã miêu tả sự nhận thức tăng dần của điểm đạo đồ trong quá trình của bốn cuộc điểm đạo, trước sự giải thoát cuối cùng.

Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, y trở nên ý thức rõ rệt về vai trò, tương đối không dễ thấy, mà y phải thi hành trong đời sống cá nhân của y, trong khoảng thời gian kế tiếp, giữa thời điểm khái thị và cuộc điểm đạo thứ nhì. **Điều này có thể** cần thêm một hay nhiều kiếp sống. Y biết được chiều hướng mà các kiếp sống này nên theo, phần nào nhận thức được phận sự của mình trong việc phụng sự nhân loại; y thấy Thiên Cơ là toàn thể, trong đó y là một miếng khảm nhỏ bé bên trong mô hình tổng quát; y trở nên ý thức cách thức mà y – với loại thể trí cụ thể của y, tập hợp các năng khiếu, về trí tuệ và loại khác, và các khả năng khác nhau của y – có thể phụng sự, và điều mà y phải hoàn tất trước khi y lại có thể đứng trong Chân Thần (the Presence) và nhận một sự khái thị mở rộng .

Ở cuộc điểm đạo lần thứ hai, y được cho thấy phần hành mà nhóm chân ngã của y thực hiện trong đại cuộc. Y ngày càng hiểu biết nhiều hơn về các thành viên của nhóm mà y đương nhiên liên kết; y nhận biết cá nhân họ là ai, nếu họ đang lâm phạm, và phần nào thấy được những mối quan hệ nghiệp quả giữa các nhóm, các thành viên và chính y; y

được ban cho một sự thấu hiểu về mục đích cụ thể của nhóm, và mối quan hệ của nhóm với các nhóm khác. Giờ đây, y có thể làm việc một cách tự tin hơn, và có quan hệ vững chắc hơn với mọi người ở cõi trần; y có thể vừa giúp họ và chính mình điều chỉnh nghiệp quả, và do thế giúp họ tiến nhanh hơn [121] đến mức giải thoát cuối cùng. Các mối quan hệ tập thể được củng cố, các kế hoạch và mục đích có thể được tiến hành một cách thông minh hơn. Khi các quan hệ tập thể này thêm củng cố, chúng tạo nên hành động hợp tác ở cõi trần và sự hợp nhất sáng suốt trong mục đích, giúp hiện thực hóa các lý tưởng cao siêu, và sự thích nghi của lực trong việc xúc tiến khôn ngoan các mục tiêu tiến hoá. Khi điều này đã đạt đến một giai đoạn nhất định, những thành viên hợp thành các nhóm đã học được cách làm việc với nhau, và do đó đã kích thích nhau; giờ đây họ có thể tiến tới một sự mở rộng kiến thức nhiều hơn, tạo ra một khả năng trợ giúp nhiều hơn.

Ở cuộc điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ được tiết lộ mục đích của cung phụ của cung của y, là cung của Chân nhân. Mọi Chân nhân đều ở một cung phụ nào đó của cung Chân thần. Hiểu biết này được ban cho điểm đạo đồ để giúp y rút cuộc có thể tự tìm thấy cung Chân thần của mình (theo con đường ít trở ngại nhất). Cung phụ này mang trong dòng năng lượng của nó nhiều nhóm Chân nhân, và do đó điểm đạo đồ được cho biết không những nhóm Chân nhân của y và mục đích sáng suốt của nhóm, mà còn biết được nhiều nhóm khác có thành phần tương tự. Năng lượng hợp nhất của họ đang hoạt động hướng đến một mục đích được xác định rõ ràng.

Sau khi đã học được phần nào các mối quan hệ tập thể, và đã phát triển khả năng làm việc với các thành viên trong việc hình thành nhóm, giờ đây điểm đạo đồ học đến bí quyết

để cả nhóm phục vụ cho lợi ích của toàn thể các nhóm. Điều này sẽ biểu thị ở cõi trần thành một khả năng làm việc khôn ngoan, thông minh và hoà hợp với nhiều mẫu người khác nhau, có thể cộng tác trong các kế hoạch lớn và vận dụng ảnh hưởng rộng rãi.

Một phần các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế được tiết lộ cho y, và linh thị bao gồm sự tiết lộ Thiên Cơ và Thiên Ý dành cho hành tinh này, dù rằng cho đến nay [122] linh thị liên quan đến các kế hoạch đó trong mối quan hệ hành tinh của chúng chưa rõ ràng.

Điều này đưa điểm đạo đồ qua một loạt các nhận thức tăng dần đến các cửa của cuộc điểm đạo thứ tư. Qua việc điểm đạo đồ được nói lỏng hoàn toàn khỏi mọi chướng ngại trong ba cõi thấp và phá vỡ các xiềng xích của nghiệp quả gây hạn chế, lần này linh thị của y được mở rộng rất nhiều, và có thể nói rằng lần đầu tiên y trở nên ý thức được mức độ của mục đích và nghiệp quả của hành tinh bên trong hệ thống. Nghiệp quả cá nhân không quan trọng của riêng y nay đang được điều chỉnh, y có thể chú ý đến việc trang trải nghiệp quả của hành tinh và các kế hoạch rộng lớn của Đấng Cao Cả vốn bao gồm mọi sự sống nhỏ bé. Y không chỉ nhận thức đầy đủ về các mục đích và kế hoạch dành cho tất cả những trường tiến hoá trong hệ thống hành tinh của chính y, là địa cầu, mà còn có khả năng hiểu được hệ thống hành tinh bổ túc hay đối cực của địa cầu chúng ta. Y nhận thức mối tương quan tồn tại giữa hai hệ thống, và mục đích rộng lớn của hai hệ thống được tiết lộ cho y. Y cũng được cho thấy cách mà mục đích kép này phải trở thành một kế hoạch hợp nhất, và từ đó về sau y dồn hết mọi năng lượng của y vào sự hợp tác hành tinh khi nó được xúc tiến bằng cách hoạt động với và qua hai trường tiến hoá lớn trên hành tinh chúng ta, là

nhân loại và giới thiên thần. Việc làm này liên quan đến việc thực hiện các điều chỉnh, và việc áp dụng dần năng lượng trong việc kích thích các giới khác nhau trong thiên nhiên, sao cho nhờ sự kết hợp mọi mãnh lực trong thiên nhiên, mà sự tương tác năng lượng giữa hai hệ thống có thể được đẩy nhanh. Theo cách này, các kế hoạch của Đức Thái Dương Thượng Đế, đang được hai vị Hành Tinh Thượng Đế thực hiện, có thể thành tựu. Do đó, giờ đây y có đặc quyền vận dụng năng lượng thái dương trên một qui mô nhỏ bé, và không những y được nhận vào các phòng hội đồng của Thánh Đoàn của chính y, mà cũng được phép tham dự khi các sứ giả từ những hệ hành tinh khác đến hội nghị [123] với Đức Chúa Tể Hoàn Cầu và hai Đấng Cao Cả trưởng ngành.

Ở cuộc điểm đạo thứ năm, linh thị mang cho điểm đạo đồ một tầm nhìn còn rộng lớn hơn nữa và thấy được một hệ hành tinh thứ ba, hợp với hai hệ hành tinh kia thành một trong những tam giác lực cần thiết để thực hiện cuộc tiến hoá thái dương. Giống như toàn cuộc biểu lộ tiến triển qua lưỡng nguyên và tam nguyên trở lại đến mức tổng hợp cuối cùng, thì cũng thế, các hệ thống này, vốn chỉ là các trung tâm lực trong cơ thể của Đức Thái Dương Thượng Đế, trước hết hoạt động như những đơn vị riêng rẽ, sống cuộc sống trọn vẹn của riêng chúng, sau đó hoạt động như những lưỡng nguyên, nhờ sự tương tác lực qua bất kỳ hai hệ thống nào đó, như thế trợ giúp, kích thích và bổ túc lẫn nhau, và cuối cùng hoạt động như một tam giác thái dương, lưu chuyển lực từ điểm này đến điểm khác, và từ trung tâm này đến trung tâm khác, cho đến khi năng lượng được hoà hợp và được tổng hợp, và cả ba hệ thống cùng hoạt động hợp nhất.

Khi vị Chân sư của cuộc điểm đạo thứ năm có thể làm việc phù hợp với các kế hoạch của ba vị Hành Tinh Thượng

Để có liên quan, cộng tác với các Đấng này với khả năng ngày càng lớn, khi thời gian trôi qua, thì Ngài trở nên sẵn sàng để được điểm đạo lần thứ sáu, được nhận vào các hội đồng còn cao cấp hơn nữa. Ngài trở nên một thành viên tham gia trong các mục đích của thái dương hệ chứ không chỉ các mục đích của hành tinh.

Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, Ngài có được linh thị kỳ diệu nhất trong tất cả các linh thị. Ngài thấy thái dương hệ là một đơn vị, và có một sự tiết lộ ngắn ngủi, vốn mở ra trước sự hiểu biết đầy ngạc nhiên của Ngài, về mục đích cơ bản của Đức Thái Dương Thượng Đế; lần đầu tiên Ngài thấy toàn bộ các kế hoạch với tất cả các chi tiết của chúng.

Ở cuộc điểm đạo thứ bảy, tầm mắt của Ngài vượt xa hơn vòng giới hạn thái dương, và Ngài thấy được điều mà từ lâu Ngài đã nhận thức là sự kiện lý thuyết cơ bản, rằng Đức Thái Dương Thượng Đế của chúng ta được bao gồm trong các kế hoạch và các mục đích của một Đấng còn vĩ đại hơn nữa, và thái dương hệ chỉ là một trong nhiều trung tâm lực mà qua đó một Thực thể vũ trụ cao siêu vĩ đại hơn [124] Đức Thái Dương Thượng Đế của chúng ta, đang tự biểu lộ chính Ngài. Trong các linh thị này có một mục đích vĩ đại duy nhất nằm dưới tất cả chúng, — sự khai thị về sự thống nhất cơ bản và sự phô bày các mối quan hệ nội tại, mà khi được biết, sẽ có xu hướng chuyển điểm đạo đồ ngày càng hoàn toàn vào đường lối xả thân phụng sự, và sẽ làm cho y thành người làm việc hướng đến sự tổng hợp, hướng đến sự hài hòa, và hướng đến một sự thống nhất cơ bản.

Trong lễ điểm đạo, việc mở mắt cho điểm đạo đồ để thấy và hiểu, tự chia thành ba phần, nhưng vẫn thuộc về một tiến trình:

1. *Quá khứ* diễn ra trước mắt điểm đạo đồ, y thấy bản thân y đóng nhiều vai trò, và hiểu rằng tất cả chỉ đang từ từ đưa các mãnh lực và năng lực của y đến mức có thể phụng sự cho nhóm và cùng với nhóm. Tùy theo từng cuộc điểm đạo, y nhìn thấy và tự đồng nhất y với

a. Chính y trong nhiều kiếp trước.

b. Nhóm của y trong các nhóm của các kiếp trước.

c. Cung Chân nhân của y khi nó tuôn đổ qua nhiều chu kỳ thời gian.

d. Đức Hành Tinh Thượng Đế của y khi Ngài hoạt động trong quá khứ qua nhiều cuộc tiến hoá và giới trong toàn hệ thống,

và cứ thế cho đến khi y tự đồng nhất với quá khứ của sự sống duy nhất lưu chuyển qua tất cả các hành tinh hệ và các trường tiến hoá trong thái dương hệ. Điều này khiến y quyết tâm trả sạch nghiệp quả, và (nhờ thấy được các nguyên nhân quá khứ) y biết cách phải thanh toán thế nào.

2. *Hiện tại*. Y được tiết lộ cho biết công tác cụ thể cần phải thực hiện trong suốt chu kỳ ngắn hạn mà y đang sống. Điều này có nghĩa là y không chỉ thấy được những gì liên quan đến chính y trong bất kỳ một kiếp sống nào, mà y cũng biết đâu là phần việc [125] ngay trước mắt của Thiên Cơ—có lẽ bao gồm nhiều chu kỳ nhỏ bé được gọi là những kiếp sống của y—mà Đức Hành Tinh Thượng Đế muốn thấy được hoàn tất. Bấy giờ có thể nói là điểm đạo đồ đã hoàn toàn biết được công việc của y vượt qua mọi sự chối cãi, và có thể chuyên tâm vào nhiệm vụ của y, với một sự hiểu biết rõ lý do, cách thức và thời cơ.

3. *Tương lai*. Rồi y được khích lệ bằng cách cho thấy hình ảnh sự thành tựu chung cuộc về một sự vinh quang khôn tả, với một số điểm nổi bật, chỉ rõ các bước chính yếu để

đi đến đó. Trong một giây ngắn ngủi, y thấy sự vinh quang tiền định, và con đường của sự mỹ lệ quang huy vốn ngày càng thêm chói rạng cho đến ngày hoàn mãn. Trong các giai đoạn đầu, y thấy được sự vinh quang của nhóm Chân nhân hoàn thiện của y; về sau là sự rạng rỡ tuôn ra từ cung vốn đùm bọc những người con hoàn thiện của nhân loại thuộc một kiểu mẫu hay màu sắc riêng biệt; về sau nữa, y lại thoáng thấy sự hoàn thiện của Đấng Cao Cả là Đức Hành Tinh Thượng Đế của y, cho đến khi cuối cùng sự hoàn thiện với tất cả vẻ mỹ lệ, và sự rạng rỡ vốn bao gồm mọi tia sáng khác được tiết lộ—mặt trời chiếu sáng trong sức mạnh của y, Đức Thái Dương Thượng Đế ở thời điểm hoàn thành mục đích.

[126]



Chương 13

CÁC ĐIỂM ĐẠO THẦN TRƯỢNG

Có bốn loại Điểm đạo Thần Trượng:-

1. *Cấp vũ trụ*, được một vị Thượng Đế cấp vũ trụ dùng để điểm đạo cho một vị Thái Dương Thượng Đế và ba vị Hành Tinh Thượng Đế chính yếu.

2. *Cấp thái dương*, được một vị Thái Dương Thượng Đế dùng để điểm đạo cho một vị Hành Tinh Thượng Đế. Chúng ta không bàn đến điểm đạo cấp vũ trụ, vì nó liên quan đến các nhận thức ở ngoài tầm hiểu biết của ngay cả vị điểm đạo đồ cao cấp nhất trong thái dương hệ chúng ta. Chúng ta chỉ đề cập khái quát về các cuộc điểm đạo trong thái dương hệ, vì chúng có qui mô rộng lớn đến nỗi trí tuệ người bình thường chưa thể tưởng tượng được. Con người chỉ đánh giá được các cuộc điểm đạo này ở mức chúng tạo ra các hiệu quả trong hệ hành tinh mà y có thể có liên quan. Điều này đặc biệt là thế, nếu hệ thống mà y đang có vai trò bé nhỏ của y trong đó lại là trung tâm trong cơ thể Thượng Đế đang nhận kích thích. Trong trường hợp đó, việc điểm đạo của vị Hành Tinh Thượng Đế của chính y đang diễn ra, và do thế (với tư cách một tế bào) y cùng với những người con khác của nhân loại, nhận được một sự kích thích bổ sung.

3. *Cấp hành tinh*, được một vị Hành Tinh Thượng Đế dùng cho các mục đích điểm đạo, và cho các cuộc điểm đạo lớn thứ ba, thứ tư và thứ năm, với hai cuộc điểm đạo cao hơn.

Ở cuộc điểm đạo hành tinh, Quyền Lực Thần trượng, do Đức Thái Dương Thượng Đế vận dụng, được nạp điện lực thuần khiết từ Sirius, và đã được Thái Dương Thượng Đế chúng ta tiếp nhận trong thời kỳ sáng tạo thứ nhì, từ tay Đấng Cao Cả vốn là Đấng chủ trì các vị Nghiệp Quả Tinh Quân. Ngài là Đấng chấp chương thiên luật trong suốt cuộc biểu hiện, và chính Ngài là vị đại diện trong [127] thái dương hệ này của Sirius Anh Em vĩ đại, có các Huyền giai (Lodges) được nhận thấy đang hoạt động như là những Thánh Đoàn (Hierarchies) huyền bí trên các hành tinh khác nhau. Ngoài ra, với sự trợ giúp của Đức Thái Dương Thượng Đế, chính Ngài trao quyền năng cho các Đấng Điểm Đạo, truyền linh từ bí mật để các Vị này có thể rút xuống điện lực thuần khiết mà các thần trượng chuyên dụng của các Ngài phải được nạp vào, và giao cho các Ngài giữ bí mật đặc biệt của hệ hành tinh của chính các Ngài.

4. *Cấp Thánh Đoàn*, được một Thánh Đoàn huyền bí sử dụng trong các cuộc điểm đạo nhỏ, và cho hai cuộc điểm đạo đầu tiên trên cõi trí do Đức Bồ-tát chủ trì.

Khi con người biệt lập ngã tính vào thời kỳ Lemuria, thì chính qua việc áp Điểm đạo Thần trượng cho vị Thượng Đế của dãy địa cầu chúng ta, đã đưa vào hoạt động một số trung tâm lực, với các nhóm tương ứng của chúng, trong cơ thể Ngài. Việc áp này theo sát nghĩa đã tạo ra việc đánh thức sự sống vào hoạt động sáng suốt trên cõi trí. Người thú đã có ý thức ở cõi trần và cõi cảm dục. Do sự kích thích được tạo ra bởi cây trượng mang điện, người thú đã thức tỉnh với tâm thức trên cõi trí. Nhờ thế ba thể đã được điều hợp, và Chủ thể Tư Tưởng đã có thể hoạt động trong chúng.

Tất cả các Điểm đạo Thần trượng đều gây nên những hiệu quả nhất định:-

a. Kích thích các lửa tiềm tàng cho đến khi chúng bùng lên.

b. Nhờ một hoạt động huyền bí, tổng hợp các lửa và mang chúng vào phạm vi bán kính của nhau.

c. Gia tăng rung động của một luân xa nào đó, dù trong con người, một vị Thiên Nhân, hay một vị Thái Dương Thượng Đế.

d. Mở rộng tất cả các thể, nhưng chính yếu là mở rộng thể nguyên nhân.

e. Khởi dậy luồng lửa Kundalini (hay là lửa ở chót xương sống), và hướng dẫn nó tiến lên trên. Lửa này và lửa của [128] trí tuệ được điều khiển theo những đường nhất định—hay là các tam giác—bằng cách đi theo Thần trượng khi nó di chuyển theo một cách đặc biệt. Theo các định luật về điện, có một lý do huyền bí rõ rệt đằng sau sự kiện đã biết là mỗi điểm đạo đồ khi được trình diện trước Đấng Điểm Đạo đều có hai vị Chân sư kèm theo, mỗi Vị đứng một bên điểm đạo đồ. Cả ba Vị hợp thành một tam giác, khiến cho công việc có thể được thực hiện.

Mãnh lực của Thần trượng vốn lưỡng phân và quyền năng của nó thật phi thường. Nếu đứng tách rời một mình, điểm đạo đồ không thể tiếp nhận điện thế của Thần trượng mà không bị nguy hại nghiêm trọng, nhưng khi được truyền qua tam giác thì an toàn. Ở đây, chúng ta cần nên nhớ rằng hai vị Chân sư bảo trợ tất cả các ứng viên điểm đạo và tiêu biểu cho hai cực của Hệ thống điện. Một phần chức năng của các Ngài là đứng cùng với các ứng viên điểm đạo khi họ đến trước Đấng Điểm Đạo cao cả.

Khi các thần trượng được nắm trong tay của Đấng Điểm Đạo ở vị trí quyền lực của Ngài, và ở vào những thời điểm đã định, thì chúng tác động như vật truyền điện lực từ các cấp

độ rất cao, thực sự cao siêu đến đôi, ở một số cuộc điểm đạo cuối cùng, lần thứ sáu và thứ bảy, “Viên Kim Cương Cháy Rực” truyền lực xuyên qua Đức Thái Dương Thượng Đế, hoàn toàn từ bên ngoài thái dương hệ. Thần tượng chính yếu này là thần tượng được dùng trên hành tinh chúng ta, nhưng trong thái dương hệ còn có nhiều Quyền Lực Thượng như thế, và chúng được nhận thấy ở ba cấp – nếu có thể được diễn tả như thế.

Một Điểm đạo Thần tượng được dùng cho hai cuộc điểm đạo đầu tiên và do Đức Chương Giáo vận dụng. Nó được từ hoá nhờ việc áp “Viên Kim Cương Cháy Rực” và việc từ hoá được lặp lại cho mỗi vị Chương Giáo mới. Vào lúc một vị Chương giáo mới nhận chức vụ, có cử hành một cuộc lễ kỳ diệu, trong đó Ngài nhận Quyền Thượng của Ngài—chính là Thần tượng được dùng kể từ khi thành lập Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta—và trình nó lên Đức [129] Chúa Tể Hoàn Cầu, để Ngài dùng Thần tượng mạnh mẽ của Ngài chạm vào nó gây ra một sự tái nạp điện năng mới cho nó. Cuộc lễ này diễn ra ở Shamballa.

Điểm đạo Thần tượng được biết như là “Viên Kim Cương Cháy Rực” được Đức Sanat Kumara là Đấng Điểm đạo Duy Nhất, sử dụng. Thần tượng này được che giấu “ở phương Đông,” có chứa lửa tiềm tàng soi sáng Tôn giáo Minh triết. Thần tượng này được Đức Chúa Tể Hoàn Cầu mang đến từ Kim tinh, và cứ mỗi thời kỳ của thế giới một lần, nó được tích điện lại theo tiến trình tương tự như được áp dụng cho Thần tượng thứ yếu, chỉ có điều nó được tái nạp điện do chính Đức Thượng Đế của thái dương hệ chúng ta. Chỉ có Đức Chúa Tể Hoàn Cầu và các vị Đế quân của các cung mới biết được vị trí chính xác của Thần tượng này, và vì nó là linh phù của cuộc tiến hoá này nên vị Đế quân của cung

hai—dưới quyền của Đức Chúa Tể Hoàn Cầu—là vị quản thủ chính, với sự trợ giúp của vị Chúa của các Thiên thần ở cõi thứ nhì. Các vị Hoạt động Phật chịu trách nhiệm trông nom thần tượng này, và dưới quyền các Ngài là vị Đế quân của cung. Nó chỉ được đưa ra vào những thời gian đã định, khi có công tác cụ thể cần thực hiện. Nó không chỉ được dùng để điểm đạo cho con người, mà còn dùng cho một số chức năng hành tinh mà hiện nay chúng ta chưa biết được. Nó có vai trò và chức năng của nó trong một số cuộc lễ liên quan đến vòng tiến hoá nội tại (inner round), và tam giác hợp bởi Địa cầu, Hoả tinh và Thủy tinh.

Mục đích của các Quyền Trượng.

Trong vương trượng của một vị vua đang trị vì hiện nay có ấn biểu tượng của các loại Thần tượng này. Các thần tượng được công nhận đúng mức như là các biểu tượng của chức vụ và quyền lực, nhưng nói chung chúng không được đánh giá là có nguồn gốc điện, và ý nghĩa đích thực của chúng liên quan đến sự kích thích mạnh mẽ tất cả các thuộc cấp đương nhiệm, khi họ tiếp xúc với chúng, để truyền cảm hứng cho họ, gia tăng hoạt động và việc phụng sự nhân loại.

[130] Quyền Trượng vĩ đại của chính Đức Thái Dương Thượng Đế được che giấu trong mặt trời.

Tóm lại, vị trí nội môn của các loại thần tượng như sau:-

1. Thần tượng của Đức Bồ-tát được che giấu trong “tâm của minh triết” tức là ở Shamballa.
2. Thần tượng của Đấng Điểm Đạo Duy Nhất được giữ kín ở “Phương Đông,” một địa điểm xác định trên hành tinh này.

3. Thần tượng của Đức Thái Dương Thượng Đế được che giấu trong “tâm mặt trời,” là khối cầu chủ quan huyền bí nằm sau ngôi mặt trời vật chất của chúng ta, và ngôi mặt trời vật chất chỉ là tấm chắn bảo vệ và lớp bao xung quanh nó.

4. Thần tượng của Đấng Thượng Đế cấp vũ trụ được kết hợp với Đức Thái Dương Thượng Đế của chúng ta, được giữ kín ở một vị trí trung tâm trên trời mà thái dương hệ chúng ta xoay quanh đó, được gọi là “ngôi mặt trời tinh thần trung ương.”

Một thần tượng được nạp lại ở Shamballa cho mỗi vị Chương Giáo mới; Thần tượng của Đức Sanat Kumara được nạp lại vào mỗi thời kỳ thế giới mới, và vì thế được nạp bảy lần trong lịch sử của một hệ hành tinh. Quyền Trượng của Đức Thái Dương Thượng Đế được tích điện vào lúc tái diễn một thời kỳ sáng tạo mới, hay là cho mỗi thái dương hệ mà Ngài biểu lộ thông qua đó, như một con người biểu lộ thông qua cuộc sống thân xác hồng trần. Hai cuộc lễ đầu tiên diễn ra ở Shamballa, địa điểm linh thánh của sự biểu lộ hành tinh, là địa điểm trung ương của hành tinh vật chất này, tương ứng với trái tim của con người. Ví dụ như có nhiều địa điểm trên mặt địa cầu trở nên nổi tiếng vì có những đặc tính chữa bệnh, và được lưu ý vì chúng là những địa điểm được từ hoá, với các đặc tính từ lực toả ra những ảnh hưởng chữa bệnh. Việc con người nhận ra các đặc tính này chỉ là bước đầu cho sự nhận biết rõ rệt hơn về sau sẽ có khi nhân thông dĩ thái của y được phát triển bình thường. [131]

Các điểm từ lực này được từ hoá theo ba cách:-

1. Bởi Đức Sanat Kumara hoạt động qua Đức Bàn Cổ. Việc này xảy ra khi cần lập nên một điểm từ lực trung tâm, để nhờ quyền năng hấp dẫn của nó làm cho một chủng tộc, quốc gia hay tổ chức lớn trở thành một toàn thể cố kết. Mỗi quốc

gia đều có “điểm từ lực” của mình, được tạo nên trong chất dĩ thái, nhờ áp “Viên Kim cương Cháy rực” vào các chất dĩ thái; đó là tâm của quốc gia và là cơ sở của quốc tính. Thường thì thành phố chính của một nước được xây dựng chung quanh điểm này, nhưng không phải bao giờ cũng vậy.

2. Bối Đức Sanat Kumara hoạt động qua Đức Bồ-tát. Trong trường hợp này, điện lực của Thần tượng được vận dụng để kết hợp chặt chẽ các ảnh hưởng biểu lộ trong các tôn giáo lớn trên thế giới. Ở đây, Quyền Trượng thứ yếu được dùng phối hợp với Quyền Trượng cấp cao hơn. Nhờ các phương tiện này mà có thể khơi động phẩm tính hấp dẫn hay chủ âm của một tôn giáo, và của một tổ chức có căn bản tôn giáo.

3. Bối Đức Sanat Kumara hoạt động qua Đức Văn Minh Đại Đế. Bằng cách vận dụng Quyền Trượng, các tụ điểm từ lực của các tổ chức lớn ảnh hưởng đến nền văn minh và văn hoá của dân chúng, được đưa vào hoạt động kết hợp.

Tất cả các tổ chức ở cõi trần—thuộc chính quyền, tôn giáo hay văn hoá—đều là sự thể hiện của các mãnh lực và những nguyên nhân nội tại, và trước khi các tổ chức này biểu hiện rõ rệt ở cõi trần thì có thể nói là sự hội tụ của các ảnh hưởng và năng lượng đã xảy ra ở các cấp dĩ thái. Tổ chức Tam Điểm là một trường hợp điển hình. Tổ chức này có hai trung tâm từ lực, mà một ở Trung Âu. Trong tất cả trường hợp vừa kể, Đức Chúa Tể Hoàn Cầu đều là vị chủ trì, cũng như trong trường hợp thành lập [132] các phong trào lớn và quan trọng. Trong tất cả các phong trào nhỏ hơn khởi xướng bởi các Chân sư, hoạt động thông qua đệ tử của Ngài để giúp đỡ nhân loại, thì Đức Bồ-tát được thỉnh cầu trợ giúp và Quyền Trượng thứ yếu được sử dụng.

Khi các đệ tử phát khởi phong trào có qui mô tương đối nhỏ, thì vị Chân sư mà họ cộng tác, có thể giúp họ theo cách tương tự, và dù không vận dụng Quyền Trượng, Ngài có những phương pháp để có thể kích thích và cố kết nỗ lực yếu ớt của các môn đệ trung thành. Theo cách này, các Điểm đạo Thần trượng và các Quyền lực từ được sử dụng trong mọi lãnh vực của đời sống nhân loại. Chính quyền toàn cầu hoạt động theo định luật và trật tự, và toàn hệ thống đều phụ thuộc lẫn nhau.

Trở lại vấn đề điểm đạo trong nhân loại, và các Quyền Trượng. Vào thời gian lễ Điểm đạo, sau hai sự khai thị lớn, có một khoảnh khắc hoàn toàn yên lặng, và trong thời gian chuyển tiếp, điểm đạo đồ nhận thức trong chính y ý nghĩa của “*Sự An Tĩnh*” (“*Peace*”). Có thể nói là y đứng trong một khoảng không, hay trong một chân không, nơi mà chừng như không có gì đến được với y; trong giây phút ngắn ngủi, y đứng giữa đất và trời; không ý thức điều gì ngoài thực nghĩa của sự vật, nhận thức được thiên tính chính yếu nơi mình, và phần việc y phải thực hiện, khi từ Phòng Hội đồng ở Thiên giới y trở lại phụng sự thế gian. Y không còn thấy lo âu, sợ hãi, hay nghi ngờ. Y đã tiếp xúc được với “*Bản Lai Diện Mục*” (Chân Thần) thiêng liêng, và đã thấy được linh thị. Y biết phải làm những gì và làm cách nào, và tâm y tràn ngập niềm an tịnh và hân hoan khôn tả. Đây là một thời khoảng yên tĩnh trước một thời kỳ hoạt động đổi mới, bắt đầu vào lúc áp thần trượng. Trong khi y đã rút vào nội tâm như thế, với tất cả các mãnh lực của y được tập trung vào tâm của y, thì Huyền giai các Chân sư tham dự đã thực hiện một số nghi lễ và xướng lên một số linh từ, chuẩn bị cho sự xuất hiện của Đấng Điểm Đạo trên ngôi của Ngài, và việc vận dụng [133] Thần trượng. Đấng Điểm Đạo đã hiện diện từ lúc đầu, nhưng

công việc đã được đảm nhận bởi Huyền giai và các vị Bảo Trợ. Giờ đây Ngài đến với địa vị quyền lực, và Thần tượng được những vị quản thủ chính thức đưa đến cho Ngài.

Ở đây không thể công bố các chi tiết của giai đoạn kế tiếp, ngoài việc mô tả bằng những lời “lửa từ trên trời giáng xuống.” Nhờ xướng lên một số từ và nhóm từ, vốn là một trong những bí mật của điểm đạo và thay đổi theo từng cuộc điểm đạo, mà điện lực cần được sử dụng giáng xuống trên Thần tượng, truyền qua tim và bàn tay của Đấng Điểm Đạo, đến *Ba Đấng* đứng trong quan hệ tam giác với ngài chức vụ. Các Vị này lần lượt nhận điện lực và bằng tác động của ý chí lưu chuyển nó qua tim các Ngài, rồi chuyển nó sang các vị Bảo Trợ. Các vị Bảo trợ lại bằng một tác động của ý chí, chuẩn bị chuyển mãnh lực đó đến luân xa sẽ nhận sự kích thích trong cơ thể Điểm Đạo Đờ (tùy từng cuộc điểm đạo). Kế đến là một thời khoảng trung gian đáng chú ý, trong đó các ý chí thống nhất của Thánh Đoàn được hoà hợp để truyền mãnh lực mà Thần tượng đã làm lưu chuyển. Đấng Điểm Đạo xướng lên linh từ, và mãnh lực theo sát nghĩa được phóng vào các thể và các luân xa của điểm đạo đờ, tuôn xuống qua các luân xa trên cõi trí, qua các luân xa cảm dục, đến các luân xa ở các phân cảnh dĩ thái, vốn cuối cùng hấp thụ nó. Đây là khoảnh khắc tuyệt diệu đối với điểm đạo đờ, giúp y thấu hiểu chân lý tuyệt đối thực sự của câu nói “Thượng Đế là một ngọn lửa thiêu rụi”. Không còn chút nghi ngờ, y biết rằng hoả năng và điện lực tạo thành toàn thể vạn hữu. Y thực sự được tắm trong các lửa thanh luyện; y thấy lửa ở mọi phía, tuôn đổ ra qua Thần tượng, lưu chuyển quanh Tam giác, và đi qua các thể của hai vị Chân sư bảo trợ. Trong một giây ngắn ngủi, toàn thể Huyền giai các Chân sư và các điểm đạo đờ đứng ở các vị trí hành lễ bên ngoài Tam

giác, đều bị che khuất bởi một bức tường [134] lửa thuần khiết. Điểm đạo đồ không thấy ai ngoài Đấng Điểm Đạo, và không biết gì hơn là sự bùng cháy mãnh liệt của ngọn lửa trắng xanh, thuần khiết, nó thiêu đốt nhưng không hủy diệt, nó tăng cường hoạt động của mỗi nguyên tử trong cơ thể y mà không làm tan rã, và thanh luyện toàn bộ bản thể của y. Lửa thử thách công việc của y, dù nó thuộc loại nào, và y đi qua Ngọn lửa thiêng.

Hiệu Quả của việc Áp Thần Trượng.

A. Trên các thể của Điểm đạo đồ: Hiệu quả này gồm bốn phần và lâu bền nhưng thay đổi tùy theo cuộc điểm đạo. Tác động của Thần trượng được điều chỉnh một cách hết sức khoa học và cẩn thận, và vào mỗi cuộc điểm đạo kế tiếp điện thế được tăng gia, và tác động của lửa và nhiệt do đó được tăng cường. Nhờ việc áp Thần trượng, điểm đạo đồ thấy rằng:-

1/ Hoạt động của mỗi nguyên tử trong các thể khác nhau đều được tăng cường, mang lại một mức độ năng lượng thần kinh lớn lao hơn và một tính linh hoạt và sức đề kháng vốn sẽ dùng để giúp y trong cuộc sống phụng sự tích cực phía trước.

2/ Loại vật chất bất hảo trong các thể của y được tách rời, và thành của nguyên tử bị hủy diệt một phần, làm cho chúng có tính phóng xạ – nếu có thể diễn tả như thế – và do thế dễ bị loại bỏ hơn.

3/ Các loại lửa của cơ thể được kích thích, và toàn bộ năng lượng của phạm ngã tam phân được kết hợp, để cho ít có sự hao phí năng lượng hơn, và có sự cố kết và thống nhất lớn hơn trong hành động.

4/ Sự chinh hợp của các thể khác nhau liên quan với thể nguyên nhân hay Chân Ngã thể được trợ giúp, và như thế sự liên tục tâm thức và sự tiếp nhận các mệnh lệnh của Chân nhân trở nên có thể xảy ra. [135]

Khi y trở lại từ cuộc lễ và đảm nhiệm công tác của y ở thế gian, điểm đạo đồ sẽ thấy rằng sự kích thích đã nhận được sẽ mang lại trong các thể y một thời kỳ hoạt động lớn lao, và cũng là thời kỳ của sự xung đột. Sự xung đột này, kéo dài cho đến khi y chiến thắng, sẽ có kết quả loại bỏ vật chất bất hảo ra khỏi cơ thể y, và việc gắn vào các vật liệu mới tốt đẹp hơn; y sẽ thấy rằng các năng lực phụng sự của y được gia tăng lớn lao, và năng lượng thần kinh của y được tăng cường, sao cho trong việc phụng sự, y có thể rút ra những dự trữ lực mà từ trước đến nay y không ngờ. Y cũng sẽ thấy rằng sự đáp ứng của não bộ hồng trần đối với tiếng nói của Chân ngã, và tính thụ cảm của nó đối với các ấn tượng cao siêu và tinh tế hơn được tăng tiến rất nhiều. Rốt cuộc, nhờ công việc này được thực hiện, y sẽ thành công trong việc loại bỏ được toàn bộ vật chất có một tính cách hạ nguyên tử (subatomic), và sau đó sẽ kiến tạo các thể bằng chất liệu của phân cảnh cao nhất trên mỗi cõi; y sẽ trở nên ý thức rằng y có thể kiểm soát tất cả các năng lượng của y một cách hữu thức và xây dựng, biết được thực nghĩa của sự liên tục tâm thức, và có thể hoạt động đồng thời trên ba cõi với nhận thức nội tâm đầy đủ.

B. Trên thể nguyên nhân hay Chân Ngã thể.

Chỉ có thể bàn thật vắn tắt về hiệu quả của việc áp Thần trượng đối với thể nguyên nhân của điểm đạo đồ. Chủ đề này rất rộng, và sẽ được đề cập đầy đủ hơn trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Chỉ có hai cách để truyền đạt một ý niệm nào đó về chân lý nền tảng đến thể trí của môn sinh, mà chúng ta có thể xem xét ở đây.

Thứ nhất, môn sinh nên ghi nhớ sự kiện có ý nghĩa thú vị rằng y là một phàm nhân đang hoạt động ở cõi trần, với [136] các đặc tính được biết và được nhận thức, và tuy vậy, đồng thời y là một Sự Sống thuộc chủ quan, sử dụng phàm nhân này làm một trung gian để biểu lộ, và – nhờ tác dụng của thể xác, thể tình cảm và thể trí vốn hợp thành phàm nhân tam phân – y tiếp xúc với cõi trần và phát triển bằng cách đó. Cùng ý tưởng phát triển tổng quát này giờ đây phải được mở rộng đến Bản Ngã cao, là Chân nhân trên cõi riêng của nó. Chân nhân này là một Thái Dương Thiên Thần cao cả, làm phương tiện biểu lộ cho Chân Thần hay tinh thần thuần khiết, giống như phàm nhân làm phương tiện cho Chân nhân ở mức độ thấp hơn. Theo quan điểm của con người trong ba cõi thấp, Chân nhân, hay Thần Thái Dương, là vĩnh cửu; Chân nhân tồn tại trong toàn chu kỳ của các kiếp luân hồi, giống như phàm nhân tồn tại trong suốt chu kỳ sống ngắn ngủi ở cõi trần. Tuy nhiên, thời kỳ hiện tồn này chỉ trường cửu tương đối, và sẽ đến lúc sự sống tự biểu lộ qua trung gian của Chân nhân, là Chủ Thể Tư Tưởng, Thần Thái Dương hay Thần Trí Tuệ (Manasadeva), tìm cách thoát khỏi ngay cả giới hạn này, và quay về với nguồn cội, nơi xuất phát nguyên thủy của nó.

Sự sống, vốn được biểu lộ như một Thái Dương Thiên Thần, và nhờ năng lượng cố hữu, đã gắn bó với hình tướng Chân nhân qua những thời đại lâu dài, bấy giờ tự rút lui dần, và hình tướng từ từ tan rã; các sinh linh bé nhỏ vốn đã tạo nên hình thể này, bèn quay về nguồn chung của chất liệu thiên thần, cộng với tâm thức và hoạt động được gia tăng mà chúng đã hoạch đắc nhờ kinh nghiệm của việc được gắn vào trong một hình tướng và được sử dụng bởi một trạng thái hiện tồn còn cao siêu hơn nữa. Tương tự, trong trường hợp

của phàm nhân, khi sự sống Chân nhân triệt thoái, thì phàm ngã tam phân tan rã; các sinh linh nhỏ bé tạo nên cơ thể của cái được gọi là bản ngã thái âm (lunar self, khác với bản ngã thái dương, solar self, mà nó chỉ là phản ánh), được hấp thu vào kho chứa chung của chất liệu thiên thần có một rung động thấp hơn so với loại chất liệu tạo thành thể chân nhân. Tương tự, sự tiến hoá của chúng [137] cũng đã được tăng thêm nhờ đã được gắn vào một hình tượng cho Chân ngã sử dụng.

Nhờ việc áp Điểm đạo Thần trượng, việc tách rời linh ngã tinh thần (spiritual self) khỏi chân ngã (higher self) được tiến triển, và sự sống bị giam hãm từ từ thoát ra, trong khi thể nguyên nhân bị hấp thu hay tan biến dần.

Điều này đã dẫn đến sự diễn đạt, đôi khi được dùng trong các sách huyền bí, về “sự rạn nứt của thể nguyên nhân” ở mỗi cuộc điểm đạo, và tới ý tưởng về ngọn lửa nội tại trung tâm từ từ đi qua và phá hủy các bức tường giới hạn, và cũng về sự hủy hoại Ngôi Đền Solomon do sự triệt thoái của Shekinah. Tất cả những cụm từ này là những lối nói biểu tượng, và là những cố gắng truyền đạt tới thể trí của con người chân lý cơ bản từ các góc độ khác nhau.

Vào thời gian đạt được cuộc điểm đạo thứ tư, việc tiêu hủy được hoàn tất, Thái Dương Thiên Thần sau khi đã làm xong phận sự và quay về nơi chốn riêng của Ngài, và các sinh linh thái dương tìm kiếm điểm xuất phát của chúng. Bấy giờ sự sống bên trong hình tượng leo lên trong sự khải hoàn đến sự đùm bọc của “Cha trên Trời”, giống như vào lúc chết, sự sống bên trong thể xác tìm kiếm cội nguồn của nó, là Chân ngã, và điều này cũng theo bốn giai đoạn:-

1. Bằng việc rút lui khỏi thể xác trọng trọng.
2. Bằng việc rút lui khỏi thể dĩ thái.

3. Bằng một sự bỏ trống thể cảm dục sau đó.

4. Một sự rời bỏ cuối cùng thể hạ trí.

Một cách khác để nhấn mạnh cùng một chân lý này là xem thể của chân nhân như một trung tâm lực, một luân xa năng lượng, hoặc một hoa sen, và hình dung nó như một hoa sen có chín cánh, che giấu bên trong các cánh hoa này một đơn vị trung tâm gồm ba cánh hoa; các cánh này đến lượt chúng, cất giấu sự sống trung tâm, hay là “bảo ngọc trong hoa sen.” Khi cuộc tiến hoá tiếp diễn, ba vòng với mỗi vòng có ba cánh hoa này khai mở dần, có một hiệu quả đồng thời trên một trong ba [138] cánh hoa ở trung tâm. Ba vòng này được gọi lần lượt là các cánh hoa Hy sinh, Bác ái, và Kiến thức. Vào lúc điểm đạo, Thần tượng được áp vào các cánh hoa một cách khoa học, và được điều chỉnh theo cung và khuynh hướng của điểm đạo đồ. Việc này làm khai mở nụ hoa ở trung tâm, giúp viên ngọc ra khỏi lớp vỏ từ lâu đã bao bọc nó, và như nó được gọi một cách huyền bí, là được chuyển đến “ngai vàng” (“the crown”), tức là trở về với Chân thần là cội nguồn của nó.

Chúng ta phải nhận thức rõ rằng tất cả những điều trên đây chỉ là một cố gắng, dùng ngôn từ giới hạn, để mô tả phương pháp và các nghi thức mà nhờ đó cuối cùng đạt được sự giải thoát tinh thần trong chu kỳ này; trước hết, nhờ phương pháp khai mở tiến hoá, hay sự phát triển dần dần, và sau đó nhờ Điểm đạo Thần tượng trong các giai đoạn cuối cùng.

C. Trên các luân xa.

Vào thời gian điểm đạo, tất cả các luân xa đều linh hoạt, và bốn luân xa thấp (tương ứng với phạm nhân) đang bắt đầu tiến trình chuyển lửa vào ba luân xa cao. Việc quay kép

trong các luân xa thấp được thấy rõ rệt, và ba luân xa cao đang bắt đầu hoạt động tương tự. Việc áp Điểm đạo Thần trượng trong thời gian hành lễ điểm đạo, tạo ra những kết quả rõ rệt liên quan đến các luân xa, có thể kể ra như sau:-

Lửa ở chót xương sống được hướng rõ rệt đến luân xa nào là mục tiêu chú ý đặc biệt. Việc này thay đổi tùy theo cung, hay công tác chuyên biệt của điểm đạo đồ.

Luân xa này được tăng cường hoạt động, gia tăng vận tốc quay, và một số nan hoa ở trung tâm bánh xe được đưa vào sự chói rạng linh hoạt hơn. Các nan hoa này [139] của bánh xe, hay là các cánh hoa sen, có liên quan mật thiết với những loa tuyến (spirillae) khác nhau trong các nguyên tử trường tồn, chẳng hạn, và trong việc kích thích chúng, một hay nhiều loa tuyến tương ứng trong các nguyên tử trường tồn ở ba cõi thấp đi vào hoạt động. Sau cuộc điểm đạo thứ ba, một sự kích thích tương ứng xảy ra trong các nguyên tử trường tồn của Tam Thượng Thể, đưa đến một sự phối kết của thể bồ-đề, và việc chuyển sự an trụ thấp vào sự an trụ cao.

Bằng việc áp Điểm đạo Thần trượng, dòng lực tuôn xuống từ Chân nhân đến phàm nhân được tăng gấp ba, việc điều khiển lực đó tùy theo các luân xa nhận được sự chú ý thuộc thể dĩ thái hay thể cảm dục ở các cuộc điểm đạo thứ nhất và thứ nhì, hoặc điểm đạo đồ có đứng trước Đức Chúa Tể Hoàn Cầu hay không. Trong trường hợp sau, các luân xa thể trí của y, hoặc các xoáy lực tương ứng của chúng ở các phân cảnh cao sẽ nhận sự kích thích. Khi Đức Chương Giáo Thế Gian thực hiện các cuộc điểm đạo thứ nhất và thứ nhì, thì lực của Tam Thượng Thể được điều khiển chuyển sang làm linh hoạt các luân xa tim và cổ họng trong vị thế của chúng là tổng hợp các luân xa thấp hơn. Khi Đấng Điểm Đạo Duy

Nhất áp Quyền Trọng của Ngài, thì dòng tuôn xuống là từ Chân thân, và dù luân xa tim và cổ họng tăng cường rung động để đáp ứng, hướng chính của lực này là đến đến bảy luân xa ở đầu, và cuối cùng (vào lúc giải thoát) đến luân xa chói rạng trên đỉnh đầu, tổng hợp bảy luân xa đầu thứ cấp này.

Lúc điểm đạo, các luân xa nhận được một sự truy cập khả năng rung động và năng lực mới, và điều này có kết quả trong đời sống ngoại môn là:-

1. Một sự nhạy cảm và tinh luyện các thể, lúc đầu có thể khiến điểm đạo đồ phải chịu nhiều sự đau đớn, nhưng tạo được một khả năng đáp ứng, đền bù rất nhiều cho nỗi đau kèm theo này. [140]

2. Một sự phát triển khả năng tâm thông, cũng có thể tạm thời gây đau đớn, nhưng rốt cuộc giúp điểm đạo đồ nhận biết bản ngã duy nhất trong mọi cái ngã, là mục tiêu cố gắng của y.

3. Một sự đốt cháy lưới dĩ thái, nhờ việc dần dần khơi dậy kundalini, và việc nó tiến lên theo đúng dạng hình học, và kết quả là một sự liên tục tâm thức, giúp điểm đạo đồ có thể hữu ý sử dụng *thời gian* như một yếu tố trên các cõi tiến hoá.

4. Điểm đạo đồ dần dần thấu hiểu được luật rung động, là phương diện của luật cơ bản về xây dựng, luật hấp dẫn, và một cách hữu thức học cách kiến tạo, vận dụng chất liệu tư tưởng để hoàn thiện các kế hoạch của Thượng Đế; học cách làm việc trong tinh chất trí tuệ, và áp dụng định luật trên các phân cảnh trí tuệ, và qua đó ảnh hưởng đến cõi trần. Trong đại vũ trụ, sự vận động bắt nguồn từ các cấp độ vũ trụ, và trong tiểu vũ trụ ta sẽ thấy điều tương tự. Ở đây có một ngụ ý huyền bí mà khi được suy gẫm kỹ, nó sẽ tiết lộ nhiều điều.

Ở cuộc điếm đạo, vào lúc áp Thần thượng, điếm đạo đồ *hữu thức* nhận thức ý nghĩa của Luật Hấp Dẫn trong việc kiến tạo hình tướng, và trong sự tổng hợp ba loại lửa. Năng lực tiến bộ của y tùy theo khả năng của y để duy trì sự nhận thức đó và bản thân y áp dụng định luật.

5. Đấng Điếm Đạo truyền năng lượng thượng trí cho điếm đạo đồ, khiến y có thể hữu thức biết và nhận thức kế hoạch dành cho trung tâm nhóm của y, nhờ sức kích thích được gia tăng lớn lao. Mãnh lực này giáng xuống từ nguyên tử trường tồn thượng trí, qua antahkarana, và được hướng đến luân xa mà Đấng Điếm Đạo – xét theo định luật – thấy cần được kích thích.

6. Đấng Điếm Đạo làm ổn định lực và điều hoà dòng của nó, khi nó lưu chuyển qua chân ngã thể, sao cho khi việc khai mở được hoàn tất, nguyên khí thứ bảy [141] ở Tâm Hoa Sen có thể được tiết lộ. Sau mỗi cuộc điếm đạo, hoa sen này được khai mở nhiều hơn, và ánh sáng ở trung tâm bắt đầu tỏa rực – một ánh sáng hay ngọn lửa cuối cùng đốt cháy ba cánh hoa thiêng liêng, phô bày hoàn toàn sự vinh quang bên trong, và lửa điện của tinh thần được biểu lộ. Khi điều này được thực hiện trên phân cảnh thứ nhì của cõi trí (nơi hoa sen chân ngã giờ đây được an trú) thì một sự kích thích tương ứng xảy ra trong chất liệu trọng trực hình thành các cánh hoa hay các bánh xe của những trung tâm lực trên các cấp độ cảm dục và dĩ thái.



Các Điếm Đạo Thần Thượng

[142]

CHƯƠNG 14

THỰC HIỆN TUYÊN THỆ

Công việc của Huyền giai trong cuộc Điểm đạo.

Bây giờ chúng ta bàn đến phần trang nghiêm nhất của lễ điểm đạo. Theo một quan điểm thì cuộc lễ này tự phân chia thành ba phần:

Thứ nhất: Phần liên quan đến điểm đạo đồ, trong đó y nhận thức được Đại ngã uy nghiêm của chính y, là Bản Lai Diện Mục (Chân Thần), và thấy được linh ảnh và Thiên Cơ.

Thứ nhì: Phần liên quan đến Đấng Điểm Đạo, trong đó Ngài vận dụng Hóa Thần trượng, và tạo ra một số kết quả rõ rệt trong cơ thể của ứng viên.

Thứ ba: Đấng Điểm Đạo truyền một số linh từ và công thức cho điểm đạo đồ gìn giữ trong tâm thức để thực hiện tốt hơn phần việc trong Thiên Cơ có liên quan đến y.

Trong suốt cuộc lễ, Huyền giai các Chân sư, tụ họp ở bên ngoài Tam giác lực, bận rộn với một công việc gồm ba phần này. Mục tiêu của các Ngài là tạo ra một số kết quả trong tâm thức của điểm đạo đồ, và như thế trợ giúp Đấng Điểm Đạo trong cố gắng tích cực của Ngài. Chúng ta nên nhớ rằng theo luật tương tác hài hòa, khi nào có một sự áp dụng hay một sự truyền chuyển lực từ một trung tâm lực này đến một trung tâm lực khác thì do đó có một sự giảm thiểu ở trung tâm triệt thoái. Đây là căn bản để ấn định thời gian thuận tiện cho cuộc lễ điểm đạo. Mặt trời [143] là cội nguồn của mọi năng lượng và sức mạnh, và công việc của Đấng

Điểm Đạo được dễ dàng hơn khi lợi dụng được các điều kiện thuận tiện từ mặt trời. Những thời điểm thích hợp được xác định nhờ khoa chiêm tinh nội môn cấp thái dương và vũ trụ; việc này dĩ nhiên là dựa trên những con số chính xác, quan niệm toán học đích thực, và một kiến thức thực tiễn về những sự kiện cơ bản liên quan đến các hành tinh và thái dương hệ. Cũng phải lập lá số chiêm tinh của điểm đạo đồ để xem xét ngày giờ cho một cuộc điểm đạo cá nhân, và chỉ khi nào các cung hoàng đạo của cá nhân đó phù hợp và trùng hợp với giản đồ nghi lễ dùng làm tài liệu hướng dẫn cho Đấng Điểm Đạo, thì bấy giờ mới có thể hành lễ. Đây là lý do tại sao đôi khi phải dời cuộc điểm đạo đến một kiếp sau, cho dù điểm đạo đồ đã thực hiện công tác cần thiết.

Có thể mô tả công việc gồm ba phần của Huyền giai trong suốt cuộc lễ như sau:-

Thứ nhất: Xướng lên một số câu thần chú để giải phóng năng lượng từ một trung tâm hành tinh nhất định. Ở đây, chúng ta nên nhớ rằng mỗi hệ hành tinh là một trung tâm trong cơ thể của Đức Thái Dương Thượng Đế, và thể hiện một loại năng lượng hay mãnh lực đặc biệt. Tùy theo loại năng lượng cần cho một cuộc điểm đạo nhất định mà năng lượng này được chuyển từ trung tâm hành tinh đó đến điểm đạo đồ, qua mặt trời, với tiến trình như sau:-

a. Năng lượng được khởi động từ trung tâm hành tinh nhờ quyền năng của Hành Tinh Thượng Đế, với sự trợ giúp bởi kiến thức khoa học của Huyền giai, và việc sử dụng một số quyền lực từ.

b. Từ đó nó chuyển đến mặt trời và kết hợp với năng lượng thái dương thuần túy.

c. Nó được truyền từ mặt trời đến dãy hành tinh đặc biệt trong hệ Địa cầu chúng ta có tương ứng về số với hệ hành tinh đặc biệt phát xuất ra nó. [144]

d. Từ đó, nó được chuyển đến bầu hành tinh tương ứng, rồi đến hành tinh vật chất hồng trần trọng trực. Bằng cách sử dụng một câu thần chú đặc biệt, bấy giờ Đấng Điểm Đạo hội tụ năng lượng đó trong cơ thể của chính Ngài, dùng thánh thể này làm một trạm vừa thu vừa truyền. Cuối cùng, nó đến điểm đạo đồ, qua Tam giác và các vị Bảo trợ. Như vậy, người môn sinh sẽ thấy rõ rằng khi Đấng Điểm Đạo là Đấng Chúa Tế Hoàn Cầu, tức là phản ảnh hồng trần của Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ địa cầu của chúng ta, thì mãnh lực đến với điểm đạo đồ trực tiếp hơn là ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên, khi Đức Bồ-tát là vị Chủ lễ. Chỉ đến cuộc điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ mới đủ điều kiện nhận được *trực tiếp* mãnh lực của hành tinh.

Thứ hai: Sự tập trung do Huyền giai đảm trách giúp điểm đạo đồ nhận thức được ở nội tâm y những tiến trình khác nhau mà y đã trải qua. Điều này được hoàn tất bằng cách tác động rõ rệt vào thể trí y, để kích thích tất cả các nguyên tử, qua quyền năng tư tưởng kết hợp của các Chân sư. Do đó, y được trực tiếp trợ giúp để thấu hiểu. Sự tập trung này không hề giống như ám thị thôi miên, hoặc sự áp đặt mãnh liệt của những trí tuệ mạnh mẽ đối với trí tuệ yếu hơn. Đó là một hình thức tham thiền chuyên chú của tập thể các Chân sư và các điểm đạo đồ về những thực tại liên hệ và về Đại Ngã; mãnh lực được giải phóng như thế giúp điểm đạo đồ có thể chuyên tâm thức y dễ dàng hơn ra khỏi phi-ngã đến những điều thiết yếu thiêng liêng mà y có liên quan trực tiếp. Quyền năng tư tưởng của các Chân sư thành công trong việc đóng lại rung động của ba cõi thấp, và giúp cho ứng viên

theo sát nghĩa là “bỏ lại phía sau y” tất cả quá khứ, và có tầm nhìn xa trông rộng, vốn thấy được cái chung cuộc ngay từ lúc đầu, và thấy những sự vật của thời gian như thể chúng không hiện hữu.

Thứ ba: Huyền giai trợ giúp rất nhiều cho công tác điểm **[145]** đạo, qua một số tác động nhịp nhàng theo nghi lễ. Giống như trong cuộc Lễ Wesak, kết quả là việc thể hiện lực được tạo ra nhờ xướng lên các câu thần chú và sử dụng các bước tới lui, đan chéo của đám đông được tập hợp trong việc hình thành các hình ảnh hình học, thì cũng thế, trong cuộc lễ điểm đạo người ta cũng theo cách tiến hành tương tự. Các dạng hình học này khác nhau, thích hợp với các cuộc điểm đạo khác nhau, và đây là một trong những cách bảo vệ cho cuộc lễ. Người điểm đạo đồ chỉ biết được các dạng hình học dành cho cuộc lễ của chính y, mà không biết nhiều hơn.

Tập hợp các Chân sư và các điểm đạo đồ của Huyền giai chú tâm vào cả ba phương diện này của công việc cho đến khi Thần trượng đã được áp. Qua việc áp Thần trượng, điểm đạo đồ đã trở nên một thành viên của Huyền giai, và bấy giờ toàn bộ các nghi thức đều thay đổi, trước khi thực hiện tuyên thệ và sự khải thị Linh từ và Bí nhiệm.

Các vị Bảo trợ rời vị trí hai bên điểm đạo đồ và trở về hàng ngũ của mình, trong khi ba vị Hoạt Động Phật (hay đại diện của các Ngài ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên) đến vị trí phía sau vị trí chức vụ của Đấng Điểm Đạo. Các thành viên của Huyền giai được sắp xếp khác đi, và các điểm đạo đồ cùng cấp bậc với ứng viên mới được thu nhận đứng chung quanh y, và trợ giúp phần cuối của cuộc lễ; các điểm đạo đồ và các vị Chân sư khác thì đứng theo đẳng cấp.

Ba giai đoạn đầu của lễ điểm đạo đều giống nhau trong mọi cuộc điểm đạo. Vào hai giai đoạn cuối, những thành viên

không ngang cấp với tân điểm đạo đồ (như các điểm đạo đồ cấp một ở cuộc điểm đạo cho thành viên cấp ba) lui về phía sau của Phòng Điểm Đạo ở Shamballa, và một “bức tường im lặng” được dựng lên giữa hai nhóm bằng năng lượng thần chú; có thể nói là một khoảng cách chân không được tạo ra, và bấy giờ không điều gì có thể truyền từ [146] nhóm bên trong đến nhóm bên ngoài. Nhóm bên ngoài tự giới hạn trong trạng thái tham thiền sâu xa và xướng lên một số công thức, và ở nhóm bên trong chung quanh Đấng Điểm Đạo, có hai điều đang được thực hiện:-

- a. Tân điểm đạo đồ đang tuyên thệ.
- b. Một số linh từ và Bí nhiệm được trao truyền cho y.

Hai loại Tuyên thệ.

Tất cả những lời tuyên thệ liên quan đến Thánh Đoàn có thể được chia làm hai nhóm:-

1. *Tuyên thệ điểm đạo.* Điểm đạo đồ tự cam kết bằng những lời thệ nguyện trân trọng nhất không bao giờ tiết lộ—nếu vi phạm sẽ chịu những hình phạt rất đau khổ—bất cứ điều bí mật nào của huyền môn, hoặc nói ra ở bên ngoài Phòng Điểm Đạo, về những điều đã ủy thác cho y.

2. *Tuyên thệ nhậm chức,* được thực hiện khi một thành viên của Huyền giai nhận một chức vụ nhất định trong công tác của Thánh Đoàn. Lời thề đó đề cập đến các chức năng và các mối quan hệ của vị này với

- a. Đức Chúa Tể Hoàn Cầu,
- b. Thượng cấp trực tiếp của vị này,
- c. Các bạn đồng sự trong Huyền giai,
- d. Thế giới con người mà vị này sẽ phục vụ

Ở đây không cần phải nói thêm về loại tuyên thệ thứ nhì, vì nó chỉ liên quan đến các giới chức của Thánh Đoàn.

Tuyên thệ Điểm đạo.

Lời Tuyên thệ điểm đạo, mà chúng ta đang bàn đến, được chia thành ba phần, và do Đấng Điểm Đạo truyền cho điểm đạo đồ đệ y lặp lại từng câu một theo Ngài [147] ; nó được ngắt quãng ở nhiều chỗ khi các điểm đạo đồ cùng cấp bậc xướng lên những lời bằng tiếng Sensar, tương đương với câu “Xin được như thế.”

Có thể mô tả đại khái ba phần của lời tuyên thệ như sau:-

1. Một cụm từ long trọng thể hiện thiên ý kích hoạt điểm đạo đồ, một sự cam đoan về thái độ-ý chí không dòi dối của y, và một sự long trọng xác nhận về nhận thức của y cùng với một lời hứa không tiết lộ điều gì về thiên ý được nhận thức, ngoại trừ trong chừng mực đời sống hằng ngày của y trong thế giới con người và việc phụng sự nhân loại sẽ tuyên bố về nó. Điều này bao hàm một lời thề về việc giữ bí mật liên quan đến phần Thiên Cơ được tiết lộ cho y thấy trong “sự khải thị linh thị.”

2. Một sự cam kết hết sức trang nghiêm về mối quan hệ của y đối với những cái ngã khác của y, với Huyền giai mà y là một thành viên, và với những cái ngã của con người ở khắp nơi. Cam kết này bao gồm thái độ của y đối với các huynh đệ của y thuộc mọi trình độ, và cũng bao gồm một lời cam kết trân trọng không bao giờ tiết lộ thực tính của trạng thái Đại Ngã (Self) như y đã được cho thấy trong cuộc điểm đạo. Cam kết này gồm một lời thề giữ kín mối quan hệ được tiết lộ của Đức Thái Dương Thượng Đế với Đức Hành Tinh Thượng Đế, và mối quan hệ của Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ thống chúng ta với chính hệ thống này.

3. Việc thốt lên lời cam kết trang nghiêm không bao giờ tiết lộ cho bất kỳ ai những điều y đã biết về các nguồn năng lượng và lực mà y đã được tiếp xúc. Đây là lời thệ nguyện gồm ba điểm: hoàn toàn giữ kín thực tính của năng lượng, các luật vận dụng năng lượng, và thề chỉ dùng mãnh lực mà qua cuộc điểm đạo y được giao quyền sử dụng để phụng sự nhân loại và xúc tiến các kế hoạch của Đức Hành Tinh Thượng Đế. [148]

Lời tuyên thệ trọng đại này được diễn đạt theo những dạng khác nhau tùy từng cuộc điểm đạo, và, như đã nói trước đây, được thực hiện trong ba phần với một khoảng xen giữa giữa mỗi phần để nhóm điểm đạo đồ chung quanh người huynh đệ mới được thu nhận thực hiện một số công việc nghi thức .

Ở đây, chúng ta có thể lưu ý rằng, mỗi phần tuyên thệ đều thực sự liên quan đến một trong ba trạng thái của sự biểu lộ thiêng liêng, và khi điểm đạo đồ tuyên thệ thì một trong ba vị Trưởng các Ngành hợp tác với Đấng Điểm Đạo trong việc điều hành. Theo cách này, có thể sử dụng năng lượng với bản tính tam phân, tùy theo những phần khác nhau khi tuyên thệ. Ở hai cuộc điểm đạo đầu tiên, năng lượng này từ ba cung chính tuôn xuống, qua Đấng Điểm Đạo và vị Trưởng Ngành tương ứng, đến với điểm đạo đồ, qua nhóm điểm đạo đồ cùng cấp bậc, do đó mỗi cuộc điểm đạo là một phương tiện kích thích và phát triển cho tất cả. Ở năm cuộc điểm đạo sau cùng, mãnh lực lưu chuyển qua ba vị Hoạt Động Phật thay vì các vị Trưởng Ngành.

Ở đây, tưởng cũng thú vị mà nêu ra rằng trong phần này của cuộc lễ, cả nhóm được tắm trong màu sắc, tương ứng với loại năng lượng và hệ hành tinh xuất phát của nó, và công việc của Đấng Điểm Đạo là giúp điểm đạo đồ tiếp xúc với

năng lượng này. Từ thời điểm đã có sự chia tách, năng lượng này tuôn xuống trên nhóm và được Đấng Điểm Đạo tạo ra bằng cách sử dụng một số linh từ và đưa cao Quyền Trượng của Ngài. Ba vị Hoạt Động Phật, là các trung tâm năng lượng vĩ đại trên hành tinh chúng ta, bấy giờ mới dùng gậy chức vụ của các Ngài chạm vào đầu Thần trượng, cùng xướng lên một Linh từ huyền bí, và năng lượng bắt đầu tuôn đổ, tiếp tục cho đến hết cuộc lễ.

Câu hỏi đặt ra là liệu có điểm đạo đồ nào bội thệ hay không. Rất hiếm khi, vì chúng ta nên nhớ rằng không [149] có cuộc điểm đạo nếu hành giả không đạt đến một giai đoạn nào đó. Một ít trường hợp đã xảy ra, nhưng vì Đức Chúa Tể Hoàn Cầu biết rõ tất cả những gì xảy ra trong tương lai, cũng như hiện tại và quá khứ, nên điểm đạo đồ không bao giờ có được cơ hội tiết lộ những điều ẩn giấu. Có thể y có ý định nhưng sẽ không có cơ hội. Người điểm đạo đồ cố ý phạm tội như thế sẽ bị làm cho câm, và đôi khi chết, trước khi bội thệ. [150]



Chương 15

TRUYỀN THỤ LINH TỬ

Linh tử Thái dương.

Cơ sở của mọi hiện tượng biểu lộ là âm thanh được phát ra, hay Linh tử được xướng lên với quyền lực, nghĩa là với mục đích đầy đủ của ý chí nằm sau nó. Như chúng ta biết, giá trị của tham thiên nằm ở điểm này, vì tham thiên cuối cùng tạo ra mục đích và ký ức năng động bên trong, hay sự tạo thành ý tưởng bên trong vốn bao giờ cũng phải có trước việc phát ra bất kỳ âm thanh sáng tạo nào. Khi nói rằng Đức Thái Dương Thượng Đế đã tạo nên các bầu thế giới qua tham thiên thì điều đó có nghĩa là ở trong chính tâm thức của Ngài đã có một thời kỳ Ngài suy tư và tham thiên về các chủ đích và các kế hoạch mà Ngài đã nhắm đến; trong thời kỳ đó Ngài đã hình dung cho Ngài thấy trọn cả diễn trình của thế giới như một toàn thể hoàn tất, thấy được chung cuộc ngay từ đầu và biết được các chi tiết của phạm vi thành tựu. Bây giờ, khi đã kết thúc tham thiên và thấy hình ảnh toàn thể hoàn tất trước nội nhãn thông, Ngài mới sử dụng một Quyền Lực Tử đã được giao phó cho Ngài bởi *Đấng Bất Khả Tư Nghị*, là Thượng Đế của hệ vũ trụ mà thái dương hệ chúng ta chỉ là một thành phần trong đó. Chúng ta không liên quan đến các cuộc điểm đạo cho các vị Thượng Đế và cấp vũ trụ, ngoại trừ mức phản ánh những nguyên kiểu huy hoàng của các cuộc điểm đạo này trong các cuộc điểm đạo của nhân loại, nhưng

thật là điều thú vị khi người môn sinh biết rằng, giống như ở cuộc điếm đạo, một Quyền Lực Từ được giao phó cho điếm đạo đồ, thì Đức Thái Dương Thượng Đế cũng được giao phó cho Quyền Lực Từ vĩ đại [151] đã tạo nên thái dương hệ chúng ta, gọi là “Thánh ngữ” hay là AUM. Ở đây chúng ta nên nhớ rằng âm thanh AUM là cố gắng của con người nhằm phỏng theo, trên qui mô vô cùng nhỏ, âm thanh tam phân cấp vũ trụ đã giúp cho cuộc sáng tạo có thể thực hiện. Các Quyền lực Từ ở mọi cấp đều có một trình tự tam phân.

Thứ nhất. Chúng được phát ra bởi một thực thể *hữu ngã thức* đầy đủ, và điều này luôn luôn xảy ra sau một thời kỳ xem xét thận trọng hay tham thiền, trong đó toàn bộ chủ đích được hình dung.

Thứ hai. Chúng ảnh hưởng đến giới thiên thần và mang lại sự sáng tạo các hình thể. Hiệu quả này có tính lưỡng phân:-

a. Các thiên thần trên đường tiến hoá thăng thượng, các vị kiến tạo vĩ đại của thái dương hệ, và những thuộc cấp đã trải qua giai đoạn nhân loại, đáp ứng với âm thanh của Linh từ, cộng tác một cách hữu thức và hiểu biết với vị đã phát ra Linh từ, và công việc được thực hiện theo cách đó.

b. Các thiên thần trên cung tiến hoá giáng hạ, các vị kiến tạo hạ đẳng chưa trải qua giai đoạn nhân loại cũng đáp ứng với âm thanh này, nhưng một cách vô thức, hoặc không thể tránh được, và kiến tạo các hình thể cần thiết bằng chất liệu của chính họ, qua năng lực của các rung động được phát khởi.

Thứ ba. Chúng đóng vai trò một yếu tố ổn định, và chừng nào mãnh lực của âm thanh còn duy trì, thì các hình thể vẫn còn cố kết. Ví dụ như, khi Đức Thái Dương Thượng Đế chấm dứt việc phát ra Linh từ AUM, và sự rung động

ngưng lại, thì sau đó các hình thể sẽ tan rã. Điều này cũng đúng với Đức Hành Tinh Thượng Đế và như thế tiếp tục xuống mức độ.

Các Quyền Lực Từ hay là các hoán vị của AUM, có trong mọi âm độ, mọi âm phụ, mọi âm phần tư, và công tác sáng tạo và việc duy trì nó được xây dựng trên các sắc thái âm thanh này. Có vô số âm thanh khác nhau trong mỗi âm lớn hơn, và chúng ảnh hưởng đến nhiều nhóm khác nhau. **[152]** Cũng phải nhớ rằng, nói chung và đại cương, thì các âm thanh trong thái dương hệ gồm hai nhóm:-

1. *Các âm thanh phát khởi (initiatory sounds)*, hay những âm thanh tạo ra sự biểu lộ hoặc đủ loại hiện tượng trên mọi cõi.

2. *Các âm thanh hệ quả (Eventuating sounds)*, hay những âm thanh được tạo ra từ bên trong chính các hình thể trong suốt diễn trình tiến hoá, và là toàn bộ các âm điệu của mỗi hình thể trong một giới nào đó của thiên nhiên. Mỗi hình thể cũng đều có một âm điệu được tạo ra bởi các âm thanh bé nhỏ của những nguyên tử hợp thành hình thể đó. Các âm thanh này vượt ra ngoài nhóm và ảnh hưởng các nhóm hay các giới hạ đẳng, nếu từ “hạ đẳng” (“inferior”) có thể dùng để nói về một ngành nào đó của sự biểu lộ thiêng liêng. Ví dụ như, giới nhân loại (Huyền giai sáng tạo thứ tư) đã được sinh ra bởi một từ AUM tam phân, được kết hợp phát ra trong một chủ âm đặc biệt bởi ba ngôi của Tam Vị Nhất Thể—Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần, hay là Shiva, Vishnu, và Brahma. Âm thanh này vẫn còn ngân vang; sự tương tác và phối hợp của nhiều nốt nhỏ bé của mỗi con người tạo nên một âm thanh kết hợp lớn lao có thể nghe được ở các cõi cao, và chính âm thanh đó đang có một hiệu quả rõ rệt trên giới động vật. Đây là một trong những yếu tố tạo ra

các hình hài động vật cho con người và loài thú trú ngụ, vì chúng ta nên luôn luôn nhớ rằng con người liên kết loài vật với sự sống thiêng liêng.

Không thể và cũng không thích hợp để liệt kê các Quyền Lực Từ, nhưng có thể đưa ra một số chỉ dẫn tổng quát để giúp môn sinh nhận thức được phần nào mức lớn lao và tính phức tạp của vấn đề. **[153]**

1. Đại Linh từ được Đức Thái Dương Thượng Đế phát ra, và do thượng cấp của Ngài truyền đạt cho Ngài.

2. Ba Linh từ được Đức Thái Dương Thượng Đế giao phó cho ba vị Hành Tinh Thượng Đế như sau:-

a. Âm A linh thánh dành cho Shiva, Đấng hiện thân cho trạng thái tinh thần hay ý chí. Đó là Linh từ mà Đức Chúa Cha hoạt động.

b. Âm U cho Vishnu, là Đức Chúa Con. Ngài là Đấng kiến tạo hình hài và cung ứng cơ thể cho tinh thần trú ngụ, qua đó làm cho sự lâm phạm thiêng liêng có thể xảy ra. A là âm thanh của sự sống, U là âm thanh của hình tướng.

c. Âm M cho Brahma, mà trong công việc của Ngài là tác nhân cung cấp năng lượng, Ngài liên kết tinh thần và hình tướng, hay ngã và phi-ngã trong sự thông tuệ linh hoạt.

Ở đây có thể nêu ra rằng người môn sinh nào khôn ngoan suy gẫm về các chức năng này sẽ nhận được nhiều thông tin về ba ngành của Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta.

3. Bảy Đại Linh Từ, lại căn cứ trên ba âm thanh kinh thánh của AUM. Các Linh từ này giúp sự sáng tạo hay biểu hiện của bảy cõi của thái dương hệ chúng ta. Chúng không được giao phó cho con người, mà cho bảy đại Thiên thần hay các Raja-Lords, các Ngài là các sự sống phú linh (ensouling) của một cõi; vì thế, trong các cuộc điểm đạo khác nhau, rất

cần có sự cộng tác của các Ngài, trước khi các Linh từ then chốt này có thể được giao phó cho điểm đạo đồ.

4. Bốn mươi chín Linh từ liên quan đến bốn mươi chín phân cảnh hay Lửa. Các Linh từ này lại được giao phó cho bốn mươi chín vị Kiến Tạo của các Lửa Thiêng.

Hai nhóm Linh từ nói trên thuộc thẩm quyền của trạng thái thứ ba, và được Brahma ban ra.

5. Cũng có năm đại Linh từ với các thiên tượng thuộc ngành của Vishnu, hay Đức Chúa Con, [154] và do Ngài phát ra. Nhờ các linh từ này mà năm giới của Thiên nhiên trên cung tiến hoá thăng thượng đã ra đời:-

- a. Giới khoáng vật.
- b. Giới thực vật.
- c. Giới động vật.
- d. Giới nhân loại.
- e. Giới tinh thần.

Năm giới này là các hoán vị của âm U hay được phát triển dựa trên âm U, cũng như các nhóm kể trên được phát triển dựa trên âm M.

Liên quan với ba giới đầu tiên, tương cũng thú vị khi ghi nhận rằng chúng dựa trên hai âm, âm U được phát ra trên chủ âm cơ bản của M. Trong giới thứ tư, âm M đang tắt dần và hai nốt trỗi lên là U và A. Trong giới thứ năm, âm M đã chìm xuống thành một sắc thái xa xôi, âm U hoà lẫn với nó đến mức không thể phân biệt, và âm A, nốt của Shiva đang vang lên mạnh mẽ và thực tế là nốt duy nhất nghe được. Bằng cách ngân lên nốt này, —nốt của Shiva, là Đấng Hủy Diệt, —phi-ngã bị vô hiệu hoá, và tất cả những gì không thuộc tinh thần đều chuyển vào sự tan rã. Chính sự xuất hiện của âm A ảnh hưởng sự tách rời hay giải thoát điểm đạo đồ ra khỏi ba cõi thấp.

6. Cũng có một số Linh từ được giao phó cho mỗi vị Hành Tinh Thượng Đế, và là cơ bản của cuộc biểu hiện hành tinh. Như chúng ta đã rõ, âm của trạng thái Brahma, hay trạng thái thứ ba của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta, là một nốt FA, và điều này cho thấy trình độ tiến hoá của Ngài, vì rõ ràng là âm A đang thấu đến ngay cả cõi hồng trần trọng trực.

7. Bên trong Thánh Đoàn của chính chúng ta có một số Linh từ dựa trên Đại Linh Từ của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và các Linh Từ này được giao phó cho các vị Trưởng Ngành, [155] rồi các Ngài lần lượt tiếp tục chuyển chúng theo thứ tự có sắp xếp cho các cấp điểm đạo đồ. Ở đây, người môn sinh nên khôn ngoan phân biệt cẩn thận trong trí của y giữa *các từ* và *các âm thanh*, bởi vì từ ngữ che đậy tư tưởng, hay ý định hay mục đích được dự định, và âm thanh khiến cho chủ đích đó có thể biểu lộ trong một loại vật chất nào đó trên một trong bảy cõi.

Ở đây, chúng ta không thể truy theo sự mở rộng của các linh từ căn bản, từ việc chúng được phát ra bởi các Đấng ở cấp độ vũ trụ xuống đến các biến phân vô cùng nhỏ được tạo ra trong lời nói của con người, tiếng của loài vật, và tiếng hót của loài chim. Mỗi loại đều là một sự biểu lộ tâm thức ở mức độ nào đó, và mỗi loại đều tạo nên một hiệu quả. Những gì mà điểm đạo đồ đang học cách thực hiện là phát ra âm thanh *một cách hữu thức*, và như thế tạo nên một kết quả được nghiên cứu và mong muốn; để thốt ra các linh từ; và hoàn toàn ý thức về hậu quả trên tất cả các cõi; và để sáng tạo các hình tượng và điều khiển năng lượng qua các âm thanh linh thánh, và như thế thúc đẩy các mục tiêu tiến hoá.

Trước khi tiếp tục nói về việc truyền thụ các linh từ cho điểm đạo đồ, cần phải bàn ngoài đề như thế để nhấn mạnh

đến tầm quan trọng cơ bản của vấn đề, và như thế giải thích cho việc giữ gìn cẩn thận phương diện này của công tác thiêng liêng.

Việc sử dụng các Linh từ.

Chúng ta đã đề cập vắn tắt đến ý nghĩa của các Quyền Lực Từ. Giờ đây chúng ta có thể tóm lược một số các định đề suy ra từ đó, rồi bàn phần nào về cuộc lễ điểm đạo và các Linh từ được giao phó cho điểm đạo đồ. Ở đây có nêu ra chín định đề, nếu được người chí nguyện suy gẫm kỹ, sẽ tiết lộ cho y nhiều điều về tiến trình sáng tạo và quyền năng của lời nói.

1. Tất cả các Quyền Lực Từ đều bắt nguồn từ Đại Linh Từ đã được giao phó cho Đức Thái Dương Thượng Đế vào lúc bình minh của sự biểu lộ. **[156]**

2. Tất cả Quyền Lực Từ đều là các hoán vị hay các mở rộng của ba âm thanh cơ bản, và gia tăng dần trường độ liên quan đến các cõi, cho đến khi trở thành các câu và lời nói của đơn vị hữu hạn, là con người, trong vô số biến phân của chúng.

3. Vì thế, trên con đường phân bốn hoàn nguyên, lời nói trở nên ngày càng ngắn gọn, ngôn từ được dùng một cách tiết chế hơn, cho đến khi rốt cuộc vị Chân sư sử dụng các trình bày lời nói chỉ khi cần để thực hiện các mục đích cụ thể theo hai đường hướng: —

a. Các tiến trình sáng tạo nhất định.

b. Sự điều khiển cụ thể năng lượng.

Dĩ nhiên là điều này được thực hiện trong ba cõi thấp.

4. Vì thế người chí nguyện chủ yếu có ba điều phải làm khi chuẩn bị cho điểm đạo: —

a. Kiểm soát mỗi hoạt động của phàm ngã tam phân. Điều này bao gồm việc áp dụng năng lượng thông minh vào mỗi nguyên tử trong ba thể của y—thể hồng trần, thể cảm dục và thể trí. Theo sát nghĩa thì đó là sự chói rạng của Brahma, hay trạng thái thứ ba, của Thượng Đế nội tâm.

b. Hằng ngày kiểm soát lời nói của y trong từng phút. Điều này dễ nói nhưng rất khó thực hành, và người nào đạt được sẽ mau chóng đến gần mức giải thoát. Điều này không áp dụng cho tính ít nói, tính ủ rũ, tính nín thính, không biết nói, thường là đặc trưng cho bản tính kém tiến hoá, và thực ra chỉ là tình trạng thiếu khả năng diễn đạt. Điều này đề cập đến việc sử dụng ngôn ngữ có kiểm soát để thực hiện một số mục tiêu, và giữ lại năng lượng lời nói khi không cần thiết,— là một vấn đề khác hẳn. Điều này bao gồm sự nhận thức về chu kỳ; về các thời điểm và thời cơ; nó đòi hỏi một kiến thức về quyền năng của âm thanh, và [157] về các hiệu quả do lời nói tạo ra; nó bao gồm một sự thấu hiểu các mãnh lực kiến tạo của thiên nhiên, và việc vận dụng chúng thỏa đáng, và dựa trên một khả năng vận dụng vật chất trí tuệ, và phát động nó để tạo trong vật chất hồng trần các kết quả phù hợp với mục đích được xác định rõ ràng của Thượng Đế nội tâm. Đó là sự chói rạng của trạng thái thứ hai của Đại Ngã, là Vishnu hay phương diện kiến tạo hình tướng, vốn là đặc tính chủ yếu của Chân nhân trên cõi riêng của nó. Nên suy gẫm về điều này.

c. Tham thiền, và nhờ đó đạt tới mục đích của Chân nhân. Nhờ tham thiền như vậy, trạng thái thứ nhất ngày càng trở nên nổi bật, và ý chí hữu thức của Thượng Đế nội tâm có thể làm cho nó được cảm nhận ở cõi trần.

Ba hoạt động này của người chí nguyện phải song hành với nhau, và chúng ta sẽ lưu ý rằng hoạt động thứ nhì là kết

quả của hoạt động thứ nhất, và sẽ biểu hiện như là năng lượng ở cõi trần. Chỉ khi nào người chí nguyện đã thực sự tiến bộ trong ba đường lối cố gắng này thì Linh Từ đầu tiên của các Đại Linh Từ mới được truyền thụ cho y.

5. Mỗi Đại Linh Từ bao gồm trong nó các biến phân của nó, các mở rộng và các hoán vị của nó, và khi xướng nó lên, điểm đạo đồ khởi động cái nhỏ hơn qua rung động của cái lớn hơn. Đó là trách nhiệm lớn lao và tầm quan trọng của các kết quả được đạt đến. Mỗi Linh từ được uỷ thác cho điểm đạo đồ bằng khẩu truyền và bằng mắt thấy. Trước hết nó được phát âm cho y nghe dưới hình thức bảy vần, mỗi vần y phải nhớ như một từ riêng biệt. Sau đó y được chỉ cách phối hợp bảy vần này thành một âm thanh ba vần, và như thế tạo được các kết quả thống nhất hơn và sâu rộng hơn. Cuối cùng ba vần được phối hợp thành một Linh từ duy nhất và truyền cho y. Bảy từ tạo thành Đại Linh Từ vào một cuộc điểm đạo được truyền cho điểm đạo đồ bởi các điểm đạo đồ ngang cấp với y. Nhóm này tự phân thành bảy nhóm, tùy theo sự hình thành của [158] cung hay phụ cung, và bảy giờ mỗi nhóm mau chóng thay phiên nhau xướng lên một từ. Đồng thời, các màu sắc và các biểu tượng của những âm thanh khác nhau đi qua trước mắt y, do đó y nghe và thấy những gì được giao phó cho y. Nhóm cao cấp hơn chung quanh ngôi vị Chủ lễ (là ba vị Trưởng Ngành trong hai cuộc điểm đạo đầu tiên, và các vị Hoạt Động Phật trong các cuộc điểm đạo cuối cùng) bảy giờ mới xướng lên cho y Linh từ tam phân kết hợp bảy từ trên, và y lại thấy được trước nội nhãn của y. Sau cùng, Đấng Điểm đạo xướng lên Linh từ và điểm đạo đồ trở nên ý thức được âm thanh lớn duy nhất bên trong chính mình với kinh nghiệm thực tế, và biết được rung động của nó trong một luân xa đặc biệt. Như chúng ta đã biết, mỗi luân xa liên kết

với một cõi, một hệ hành tinh, một cung nào đó và những thất phân khác, và do đó ý nghĩa của phản ứng nội tại của nó sẽ rõ ràng.

6. Trong công tác trợ giúp cuộc tiến hoá trong tam giới của các Ngài, các Chân sư và các điểm đạo đồ chủ yếu quan tâm đến bảy vầng của Linh từ thuộc cấp điểm đạo của Ngài. Ba Linh từ hoà hợp bảy từ thì ít khi được sử dụng trừ khi được sự chuẩn y trực tiếp của một trong các vị Trưởng Ngành (tùy theo vầng liên hệ mà mỗi Linh từ được kết hợp trực tiếp với Linh từ AUM tam phân, và do đó kết hợp với trạng thái Brahma, Vishnu, hay Shiva mà ba vị Trưởng Ngành là đại diện cấp hành tinh).

Khi một điểm đạo đồ nào muốn sử dụng toàn bộ Linh từ như một đơn vị cho các mục đích tiến hoá thì phải được sự chuẩn y của toàn thể Huyền giai, bởi vì một Linh từ như thế ảnh hưởng đến vật chất toàn cả một cõi bên trong một hệ hành tinh, và do đó ảnh hưởng đến vật chất của các cõi phụ thuộc cõi liên hệ. Ví dụ như, một điểm đạo đồ cấp ba khi phát ra Linh từ của cấp y, ảnh hưởng đến vật chất của các phân cảnh thấp cõi trí, và do đó ảnh hưởng đến vật chất cõi cảm dục và cõi trần. Tương tự, một điểm đạo đồ cấp hai ảnh hưởng đến cõi cảm dục, [159] và do đó ảnh hưởng đến cõi trần. Bằng cách này có thể đạt được những kết quả sâu rộng và ảnh hưởng đến công việc của nhiều sinh linh.

7. Mỗi Linh từ, được biến phân hay được tổng hợp, đều ảnh hưởng đến giới thiên thần, và do đó ảnh hưởng đến các phương diện kiến tạo hình thể trong cuộc biểu lộ. Không âm thanh nào được phát ra mà không tạo nên một sự ứng đáp tương ứng trong chất liệu của thiên thần, và khiến cho rất nhiều sự sống nhỏ bé khoác lấy những hình thể nhất định. Các hình thể này vẫn tồn tại và thực hiện chức năng của

chúng ngày nào âm thanh tạo ra chúng còn được kéo dài, và năng lượng ý chí xác định của vị phát khởi âm thanh đó vẫn hướng đến hình thể sinh động này. Điều này cũng đúng với việc Đức Thái Dương Thượng Đế phát ra Linh từ AUM để tạo nên thái dương hệ; với việc một Hành Tinh Thượng Đế phát ra Linh từ hành tinh của Ngài và tạo nên một hành tinh hệ; với một vị Chân sư tạo các kết quả để trợ giúp nhân loại ở cõi trần; và cũng đúng với một thường nhân—bằng ngôn ngữ biến phân rất đa dạng—phát biểu một mục đích hay trạng thái trí tuệ nội tại để kiến tạo một hình thể hay vận cụ bằng chất liệu thiên thần. Đa số nhân loại vẫn còn kiến tạo một cách vô thức và hình thể tạo được thì hoặc là một phương tiện tốt lành hay xấu xa tai hại, tùy theo mục đích hay động cơ tiềm ẩn của người đó, và sẽ thực hiện ý chí của y ngày nào nó còn tồn tại.

8. Mỗi Linh từ khi được xướng lên, được phân biệt bởi:-

a. Một màu sắc nhất định.

b. Một âm thanh riêng biệt

c. Một hình thể đặc biệt.

d. Một mức độ của năng lượng hay hoạt động.

e. Bản tính của sự sống làm linh động nó, ngã thức, hữu thức hay vô thức, Thượng Đế, con người, hay thiên thần.

Ngoài ra, người môn sinh sẽ thấy điều này cũng đúng với một thái dương hệ, một hành tinh hệ, một con người, một hình tư tưởng được làm linh động bởi một sự sống tinh linh, và một nguyên tử của nhà vật lý hay hoá học. Nhà huyền bí học đích thực có thể biết những sự kiện này [160] và có sự nhận thức hữu thức về chúng. Đức Thái Dương Thượng Đế đã xướng lên một Linh từ, hình thể của thái dương hệ chúng ta đã xuất hiện, màu sắc của nó là màu xanh dương, và nốt của nó là một nhạc điệu vũ trụ đặc biệt. Mức độ hoạt động

của nó có một ký hiệu toán học xác định ở ngoài tầm hiểu biết của trí tuệ con người ở trình độ phát triển hiện nay; và bản tính của Sự Sống phú linh vĩ đại của nó, là Sự sống của Thượng Đế ba ngôi, là Bác ái thông tuệ, linh hoạt.

9. Đại Linh từ của thái dương hệ chúng ta có thể nói là hài hoà với các Linh từ khác, và chỉ là một Linh từ trong Linh từ thất phân, được biết bởi Đấng vĩ đại có quan hệ với Thái Dương Thượng Đế, giống như quan hệ của Ngài với Hành Tinh Thượng Đế vậy. Các Linh từ của bảy thái dương hệ (mà hệ của chúng ta chỉ là một) hợp thành âm thanh thất phân này, hiện đang ngân lên trong các bầu vũ trụ.

Trong chín phát biểu này được tóm tắt sơ lược các chân lý chính yếu về các tiến trình sáng tạo trong thái dương hệ. Trong chúng có che giấu bí mật của huyền thuật chân chính, và sự thấu đáo về chúng sẽ đến cho người có trực giác tinh thần, có sự thanh khiết của đời sống và động cơ, có mục đích vị tha, và có lòng can đảm và tính tự chủ nghiêm ngặt, có năng lực xúc tiến các mục đích của Chân nhân, người đó là cộng tác viên hữu thức trong công cuộc tiến hoá, và là người chia sẻ phần nào các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế của hệ chúng ta. Những điều đó được đưa ra trong hình thức văn tắt này vừa để bảo vệ các chân lý được giữ kín và tuy vậy vẫn tiết lộ chúng cho những ai sẵn sàng.

Bảy linh từ này của thái dương hệ, hợp thành linh từ của Thượng Đế mà chúng ta chỉ biết trong hình thức tam phân của nó là AUM, được tiết lộ trong bảy cuộc điểm đạo.

Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, Linh từ dành cho cõi trần được ban ra. **[161]**

Ở cuộc điểm đạo thứ nhì, Linh từ dành cho cõi cảm dục được ban ra.

Ở cuộc điểm đạo thứ ba, Linh từ dành cho cõi hạ trí

được ban ra.

Ở cuộc điểm đạo này, như trước đây đã nói, Đấng Điểm Đạo là Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, và không những điểm đạo đồ được truyền linh từ dành cho cõi hạ trí, mà còn được giao phó một Linh từ tổng hợp ba Linh từ dùng cho ba cõi thấp. Y được truyền Linh Từ này để làm chủ đề tham thiền cho đến khi được điểm đạo lần thứ tư, nhưng y bị cấm sử dụng nó cho đến sự giải thoát cuối cùng, vì nó cung cấp sự kiểm soát hoàn toàn trên ba cõi thấp.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư, Linh từ dùng cho cõi thượng trí được truyền thụ.

Ở cuộc điểm đạo thứ năm, Linh từ dùng cho cõi bờ-đề được truyền thụ.

Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, Linh từ dùng cho cõi của atma (niết-bàn) được truyền thụ.

Ở cuộc điểm đạo thứ bảy, Linh từ dùng cho cõi của Chân thần được truyền thụ.

Ở cuộc điểm đạo thứ sáu, Đấng Điểm Đạo truyền Linh từ vốn tổng hợp các Linh Từ thứ tư, thứ năm và thứ sáu, và nhờ thế điểm đạo đồ vận dụng sự kiểm soát hoàn toàn, nhờ quyền năng của âm thanh, vật chất trên năm cõi tiến hoá của nhân loại. Ở cuộc điểm đạo thứ bảy, vị Phật giác ngộ được tiết lộ Linh từ AUM tam phân trong đặc tính đích thực của nó, và bấy giờ Ngài có thể vận dụng năng lượng trên sáu cõi giới hay sáu cõi.

Có thể có hai cuộc điểm đạo nữa, nhưng chúng ít được nói đến trên hệ địa cầu chúng ta, vì lý do là hệ hành tinh của chúng ta không phải là một hệ "thánh thiện," và nếu có thì cũng ít có người nào trong nhân loại chúng ta đạt được các cuộc điểm đạo thứ tám và thứ chín. Muốn được như thế, trước hết họ phải chuyển sang một hệ thống khác để phụng

sự và học tập trong một thời gian dài. Tất cả những gì có thể gợi ý là [162] tính lưỡng nguyên của linh từ AUM tam phân được mang lại ở cuộc điểm đạo thứ tám, cuộc điểm đạo thứ chín tiết lộ âm thanh duy nhất của Đấng Tuyệt Đối và điểm đạo đồ nghe và thấy được ý nghĩa của nó. Âm thanh này đưa vào tâm thức của điểm đạo đồ phần nào năng lượng và quyền năng của “*Đấng Bất Khả Tư Nghị*,” hay là Thượng Đế của Đức Thái Dương Thượng Đế của chúng ta. Bây giờ, đơn vị tâm thức được hoàn thiện như Thượng Đế được hoàn thiện, và chuyển sang công việc song hành với công việc của Đức Thái Dương Thượng Đế. Đó là chương trình vĩ đại và là cơ hội rộng mở trước những người con nhân loại, đúng vậy, và trước mỗi nguyên tử ở khắp nơi.



[163]

Chương 16

TRUYỀN THỤ CÁC BÍ NHIỆM

Giờ đây chúng ta xem xét các bí nhiệm được truyền cho điểm đạo đồ trong cuộc lễ điểm đạo. Dĩ nhiên, rõ ràng là chỉ có *sự thật* của bí nhiệm, và một biểu thị về vấn đề mà nó có liên quan, mới có thể được đề cập đến, và ngay cả điều này sẽ không được đề cập đến nếu nó không phải là một kiến thức của phác thảo tổng quát của chủ đề vốn có thể truyền cảm hứng cho ứng viên điểm đạo tới một nghiên cứu cẩn thận hơn về một chủ đề như vậy, và tới một sự chăm chỉ trang bị thông tin hơn cho thể trí của y. Nhờ đó (khi vào đúng lúc đúng trước Đấng Điểm Đạo) y sẽ không mất thì giờ khi sử dụng điều bí nhiệm được giao.

Bí nhiệm Thất phân.

Sau khi tuyên thệ giữ kín điều bí nhiệm và không vi phạm, tân điểm đạo đồ một mình tiến đến gần vị Chủ lễ, rồi đặt tay lên phần dưới của Điểm đạo Thần tượng mà vị Chủ lễ cầm ở phần giữa. Bấy giờ, ba Vị đứng chung quanh ngôi chủ lễ mới đặt tay các Ngài lên viên kim cương chói rạng gắn trên đầu Thần tượng, và khi cả năm vị được liên kết theo cách này bởi năng lượng luân chuyển phát ra từ Thần tượng, thì Đấng Điểm Đạo giao phó bí nhiệm cho điểm đạo đồ. Lý do của điều này là: Mỗi một trong năm cuộc điểm đạo trực tiếp liên quan đến chúng ta (hai cuộc điểm đạo cao hơn không có tính bắt buộc, nên chúng ta không xét đến) đều ảnh

hưởng đến một trong năm luân xa nơi con người, [164]

1. Luân xa đầu,
2. Luân xa tim,
3. Luân xa cổ họng.
4. Luân xa nhật tùng,
5. Luân xa chót xương sống,

và tiết lộ cho y kiến thức về các loại mãnh lực và năng lượng khác nhau làm sinh động thái dương hệ, và đến với y qua một luân xa dĩ thái đặc biệt. Khi áp Thần tượng, các luân xa của y được ảnh hưởng một cách đặc biệt. Qua việc truyền thụ Bí nhiệm, y được cho biết lý do của nó và cho thấy nó đồng nhất với lý do nhất thiết tạo nên một sự biểu lộ hành tinh đặc biệt, và gây nên một chu kỳ đặc biệt lớn hơn.

Có thể nói rằng:-

1. Mỗi bí nhiệm liên quan đến một trong bảy cõi lớn của thái dương hệ.

2. Mỗi bí nhiệm liên quan đến và là sự phát ra, một trong bảy định luật thiên nhiên. Vì thế chúng liên quan đến một trong các cuộc tiến hoá cơ bản của mỗi hành tinh hệ. Mỗi hệ hiện thân cho một trong các định luật với vai trò là luật chính yếu của nó, và tất cả những tiến hoá của nó đều có khuynh hướng thể hiện sự hoàn thiện của định luật đó với sáu biến thái phụ của nó, sáu biến thái này khác nhau trong một chi tiết trong mỗi trường hợp, tùy theo định luật chính được biểu lộ.

3. Mỗi bí nhiệm truyền đạt một bí quyễn cho bản tính của một vị Hành Tinh Thượng Đế cụ thể nào đó, và do đó đưa ra manh mối cho những đặc tính của các Chân thần thuộc cung hành tinh đặc biệt đó. Hiển nhiên là sự hiểu biết như thế rất cần cho vị Chân sư đang tìm cách làm việc với các con của

nhân loại, và vận dụng các dòng lực đang ảnh hưởng đến họ và do họ phát ra. [165]

4. Mỗi bí nhiệm liên quan đến một cung hay một màu sắc nào đó và cho biết con số, nốt và rung động tương ứng.

Bảy bí nhiệm này chỉ là những công thức ngắn, không có giá trị của thần chú, như trong trường hợp của Linh từ, mà có một bản chất toán học, được nói lên một cách chính xác để truyền đạt chính xác ý định của người nói. Đối với người chưa được điểm đạo thì các bí nhiệm này trông có vẻ và nghe giống như các công thức đại số, ngoại trừ mỗi bí nhiệm được bao gồm (khi thấy bằng nhãn thông) một hình bầu dục với một màu nhất định, tùy theo bí nhiệm được truyền đạt, có chứa năm chữ tượng hình hay biểu tượng đặc biệt. Một biểu tượng chứa công thức của định luật có liên quan, một biểu tượng khác cung cấp âm điệu (key) và quãng trường (tone) của hành tinh, biểu tượng thứ ba đề cập đến rung động, trong khi biểu tượng thứ tư cho thấy con số và ngành của cung có liên quan chịu ảnh hưởng. Chữ tượng hình cuối cùng đưa ra một trong bảy chìa khoá của Thánh Đoàn mà nhờ đó các thành viên của Thánh Đoàn hành tinh chúng ta có thể liên kết với Thánh Đoàn thái dương. Đây hiển nhiên là thông tin rất mơ hồ và tối nghĩa, nhưng nó sẽ dùng để cho thấy rằng, như trong trường hợp các Linh từ, phải dùng hai giác quan để hiểu, vì thế, muốn nhận thức được các bí nhiệm cũng phải sử dụng hai giác quan, và bí nhiệm vừa được nghe và xuất hiện một cách biểu tượng đối với nội nhãn.

Giờ đây sẽ rõ ràng là tại sao phải đặt nhiều chú trọng đến việc nghiên cứu các biểu tượng, và tại sao các môn sinh được thôi thúc suy gẫm và tham thiền về các dấu hiệu vũ trụ và thái dương hệ. Điều đó chuẩn bị họ cho việc hiểu rõ và việc sử dụng bên trong các biểu tượng và các công thức tiêu

biểu cho kiến thức mà nhờ đó cuối cùng họ có thể hoạt động. Các công thức này dựa trên chín biểu tượng được biết hiện nay:-

1. Thập tự giá trong các hình thức khác nhau của nó.
2. Hoa sen.
3. Tam giác.
4. Khối vuông. [166]
5. Hình cầu và điểm.
6. Tám hình tượng động vật: dê, bò mộng, voi, người, rồng, gấu, sư tử, và chó.
7. Đường thẳng.
8. Một số dấu hiệu Hoàng đạo, do đó cần phải nghiên cứu khoa chiêm tinh.
9. Cái ly (cup) hay chén thánh.

Tất cả các biểu tượng này được liên kết, được xen lẫn nhau, hoặc được dùng một phần, được kết hợp để biểu lộ một trong bảy Bí nhiệm. Điểm đạo đồ phải nhận ra chúng bằng thị giác cũng như thính giác, và dùng nỗ lực của ý chí để khắc ghi chúng trong trí nhớ không thể xoá nhoà. Có ba cách giúp y thực hiện điều này: *Thứ nhất*, bằng việc rèn luyện trước đó trong một thời gian dài; tất cả những người chí nguyện đều có thể bắt đầu làm việc ngay từ bước hiện tại, và khi học cách ghi khắc chính xác các chi tiết vào trí nhớ, họ đặt nền tảng cho sự lãnh hội chính xác được ngay những điều Đấng Điểm Đạo bày tỏ cho họ; *thứ hai*, nhờ đã tự phát triển năng lực hình dung lại những điều đã có lần họ thấy. Ở đây, chúng ta thấy rõ tại sao các bậc thầy minh triết về thiên đã chú trọng vào khả năng kiến tạo thận trọng các hình tư tưởng. Mục đích này có hai mặt:-

- a. Dạy người môn sinh hình dung chính xác các hình tư tưởng của y, để khi bắt đầu sáng tạo hữu thức, y có thể

không bị mất thì giờ do sự biến đổi thiếu chính xác.

b. Giúp y có thể hình dung lại chính xác bí nhiệm y đã được truyền đạt, để bất cứ khi nào cần y có thể sử dụng được ngay.

Cuối cùng, nhờ sự mạnh mẽ áp dụng ý chí của bốn Vị đang cầm [167] Thần trượng cùng một lúc với điểm đạo đồ. Sự định trí kiên cường lão luyện của các Ngài giúp y lãnh hội hết sức dễ dàng.

Trong trường hợp tiến hoá của nhân loại, một số loại mãnh lực được tạo ra, được xử lý, được đồng hoá và được sử dụng, lúc đầu thì vô thức và cuối cùng thì với trí thông minh đầy đủ.

1. Trong *Phòng Vô Minh*, mãnh lực hay năng lượng của Brahma (sự hoạt động và trí thông tuệ của vật chất) được xử lý nhiều nhất, và con người phải học hỏi ý nghĩa của hoạt động dựa trên:-

a. Năng lượng cố hữu.

b. Năng lượng được hấp thụ.

c. Năng lượng tập thể.

d. Năng lượng vật chất, hay năng lượng ẩn trong vật chất hồng trần.

2. Trong *Phòng Học Tập*, y trở nên ý thức được, và sử dụng năng lượng của trạng thái thứ nhì trong việc kiến tạo hình thể, trong các quan hệ xã hội và trong các liên hệ gia đình. Y đi đến sự nhận thức về giới tính và các quan hệ giới tính, nhưng cho đến bây giờ vẫn còn xem mãnh lực này là điều phải được kiểm soát, chứ không thấy nó cần được sử dụng một cách hữu thức và có tính xây dựng.

3. Trong *Phòng Minh Triết*, y đi đến kiến thức về trạng thái thứ nhất của năng lượng, công dụng năng động của ý chí trong sự hy sinh, và y được giao phó chìa khoá của bí nhiệm

tam phân của năng lượng. Trong hai phòng kia y đã biết được trạng thái tam phân của năng lượng này. Ở cuộc điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, y được trao cho ba chìa khoá của ba bí nhiệm.

Y được trao cho chìa khoá của bí nhiệm mà y đã cảm thấy trong Phòng thứ nhất, bí nhiệm của Brahma, và bấy giờ y có thể mở ra các năng lượng ẩn tàng của chất liệu nguyên tử. [168] Chìa khoá của bí nhiệm giới tính, hay là các cặp đối lập, được trao vào tay y, và bấy giờ y có thể khai mở các mãnh lực ẩn tàng của trạng thái ý chí. Có thể nói là y được cho thấy bộ máy phát điện của thái dương hệ, và được tiết lộ cho biết những sự phức tạp của cơ cấu này.

Ba Bí nhiệm Thái dương

Ba bí nhiệm của thái dương hệ là:-

1. *Bí nhiệm về Điện*. Bí nhiệm của Brahma. Bí mật của trạng thái thứ ba. Nó tiềm tàng trong mặt trời hồng trần

2. *Bí nhiệm của Cực (Polarity)*, hay của xung lực tính dục vũ trụ. Bí mật của trạng thái thứ hai. Nó tiềm tàng trong Tâm Mặt trời, hay Mặt trời chủ quan.

3. *Bí nhiệm của chính Ngọn Lửa*, hay là lực năng động trung ương của thái dương hệ. Bí mật của trạng thái thứ nhất. Nó tiềm tàng trong Mặt trời Tinh thần Trung ương.

Sự Khải thị Tuần tự các Bí nhiệm.

Các bí nhiệm được tuần tự truyền đạt cho điểm đạo đồ, nói chung gồm có ba, dù trong đó có thể có những bí nhiệm thứ yếu được tiết lộ sớm hơn. Ở cuộc điểm đạo thứ ba, bí nhiệm đầu tiên trong ba bí nhiệm cơ bản của thái dương hệ được truyền cho điểm đạo đồ, ngay sau khi đã tuyên thệ. Chúng ta có thể gọi đây là “Bí nhiệm về điện,” vì thiếu thuật

ngữ. Nó liên quan đến những hiện tượng biểu lộ khách quan của Thượng Đế. Ở đây, người môn sinh nên sáng suốt nhớ rằng ba cõi của tam giới, là cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí, hợp thành thể xác trọng trước của [169] Đức Thái Dương Thượng Đế, còn bốn cõi cao hơn hợp thành thể dĩ thái của Ngài. Các môn sinh thường quên rằng bảy cõi của chúng ta là bảy phân cảnh của cõi hồng trần vũ trụ. Điều này có liên hệ rõ rệt đến bí nhiệm về điện. Đây là lý do tại sao bí nhiệm này không được tiết lộ trước cuộc điểm đạo thứ ba và được chuẩn bị bằng việc truyền đạt hai bí nhiệm thứ yếu liên hệ đến cõi trần và cõi cảm dục, do Đức Bồ-tát truyền đạt vào hai cuộc điểm đạo đầu tiên.

Khoa học công nhận các hiện tượng điện là có bản tính lưỡng phân, nhưng tính tam phân cố hữu của điện cho đến nay chỉ là một vấn đề phỏng đoán đối với khoa học hiện tại. Ở cuộc điểm đạo thứ nhất, điểm đạo đồ được cho thấy tính tam phân của điện, và được tiết lộ cho biết bí nhiệm của cách làm cân bằng các lực ở cõi trần, để nhờ đó tạo được sự quân bình. Bí nhiệm này cũng giúp y tiếp xúc được với một số vị Kiến tạo ở cõi trần—tức là trên các cấp dĩ thái—và bấy giờ y có thể tạo ra các hiện tượng ở cõi trần, nếu y thấy đó là điều khôn ngoan. Y ít khi làm điều này, vì những kết quả đạt được qua đó trên thực tế là không quan trọng, và y không phí năng lượng như vậy. Những kẻ làm việc với các mãnh lực giáng hạ tiến hoá, là các huynh đệ bóng tối, sử dụng phương pháp này để làm kinh ngạc và mê hoặc những người bất cẩn. Các vị huynh đệ của nhân loại không làm như thế.

Bí nhiệm về sự kết hợp của nguyên tử được tiết lộ cho điểm đạo đồ, và bấy giờ y ở vị thế nghiên cứu tiểu vũ trụ theo luật tương ứng, một cách mới mẻ và sáng tỏ hơn. Tương tự, qua sự khải thị này liên quan đến phần trọng trước nhất

của cơ thể Thượng Đế, y có thể xác định được nhiều điều về thái dương hệ trước, và các sự kiện về vòng tiến hoá thứ nhất của hành tinh hệ chúng ta. Bí nhiệm này cũng được gọi là “bí nhiệm của vật chất.”

Ở cuộc điểm đạo thứ nhì “bí nhiệm của biển” được mở ra cho y, và qua sự hiển lộ này hai vấn đề rất đáng quan tâm trở [170] nên sáng tỏ với nội nhãn của y. Đó là:-

a. Bí nhiệm của ánh sáng cảm dục (Astral Light).

b. Luật Nghiệp Quả.

Sau đó, y có khả năng làm được hai điều, mà nếu không, y không thể dẹp tan các chướng ngại để đạt giải thoát; y có thể đọc được các tiên thiên ký ảnh và xác định được quá khứ, qua đó y có thể làm việc một cách sáng suốt trong hiện tại, có thể bắt đầu cân bằng nghiệp quả của y, thanh toán các nghĩa vụ của y, và hiểu cách mà nghiệp quả trong ba cõi thấp có thể được vô hiệu hóa. Mối quan hệ của huyền giai các sinh linh tinh thần có liên quan với Luật Nhân Quả khi nó ảnh hưởng đến con người được thể hiện cho y; y cũng trực tiếp biết rằng các vị Nghiệp Quả Tinh Quân không phải là chuyện thần thoại hay chỉ có tính cách tượng trưng, mà là những Đấng rất thông tuệ, vận dụng định luật vì lợi ích của nhân loại, để giúp mọi người trở nên có ngã thức đầy đủ và độc lập theo nghĩa huyền bí, và trở thành những vị sáng tạo nhờ kiến thức hoàn toàn.

Ở cuộc điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ được trao cho “bí nhiệm của fohat,” và bây giờ y biết được bí nhiệm của cơ thể tam phân của Thượng Đế ba ngôi, và nguyên do của các hiện tượng trong các thể đặc, lỏng, và hơi của Đấng Tối Cao mở ra trước tầm mắt ngạc nhiên của y. Hai bí nhiệm trước được truyền đạt và kiến thức mà chúng cung cấp đã được sử dụng, và giờ đây điểm đạo đồ ở trong vị thế lợi dụng được nhờ sự

khải thị lớn lao này, và hiểu được phần nào các sự kiện sau:-

1. Tiến trình sáng tạo trong việc tạo hình tư tưởng.
2. Việc truyền năng lượng từ Chân nhân đến thể xác qua các trung tâm lực trên các cõi khác nhau. [171]
3. Sự đi lên của Kundalini, theo đường hình học và làm sinh động tất cả các luân xa.

Nhờ kiến thức được truyền đạt, và tiến bộ trong việc nghiên cứu luật tương đồng, điểm đạo đồ có thể biết cách vận dụng các lực tương tự trên qui mô rộng lớn hơn, trong hành tinh hệ và trong thái dương hệ. Y được tiết lộ cho biết phương pháp phát triển trong ba vòng tiến hoá trước, và y hiểu được các giai đoạn đầu của diễn trình tiến hoá, về mặt thực hành cũng như lý thuyết. Y nắm trong tay bí quyết của ba giới thấp trong thiên nhiên, và bắt đầu ý thức được một số ý niệm về chủ đề phân cực (polarity), về sự nhất quán và sự hợp nhất cơ bản, chỉ chờ đến cuộc điểm đạo thứ tư để được tiết lộ hoàn toàn.

Bí nhiệm về điện này, về căn bản có bản chất tam phân, liên quan đến Brahma hay trạng thái thứ ba, và đôi khi được gọi bằng những tên sau đây:-

1. Bí mật của Brahma.
2. Sự tiết lộ của Mẹ.
3. Bí mật của Lực Fohat.
4. Bí nhiệm của Đấng Tạo Hoá.
5. Bí mật của Ba phát xuất từ cái thứ Nhất (thái dương hệ),
và cũng được gọi bằng bốn cụm từ thần bí, mang nhiều ánh sáng đến cho trực giác:
6. Con Tàu Bí Nhiệm vượt Đại dương.
7. Chìa khoá của Kho tàng Thiêng liêng.

8. Ánh sáng Hướng dẫn đi qua ba động U minh (Darkness).

9. Manh Mỗi đưa đến Năng lượng kết hợp Lửa và Nước. [172]

Trong tất cả các tên gọi này có nhiều thông tin sẽ đến cho người môn sinh suy gẫm chúng cẩn thận, nhớ rằng chúng bàn về trạng thái Brahma ở sự biểu lộ thấp nhất của nó, và về ba cõi nỗ lực của nhân loại; khi tham thiền như thế, người môn sinh phải liên hệ thái dương hệ hiện nay với thái dương hệ trước, mà trong đó trạng thái Brahma chế ngự, cũng như trạng thái tâm thức hay Vishnu chế ngự trong thái dương hệ này.

Qua kiến thức được truyền đạt, giờ đây điểm đạo đồ ở một vị thế hiểu được phạm tính tam phân của chính y, và do đó làm nó thăng bằng trong mối quan hệ với chân ngã, đọc được các ký ảnh và hiểu được vị trí của y trong tập thể, vận dụng các mãnh lực trong ba cõi thấp và nhờ đó giải thoát cho chính y, như vậy trợ giúp các mục tiêu tiến hoá, và cộng tác một cách thông minh với các kế hoạch của Đức Hành Tinh Thượng Đế, khi các kế hoạch đó có thể được tiết lộ cho y trong từng giai đoạn. Giờ đây y có thể vận dụng quyền lực, và trở nên một trung tâm năng lượng ở một mức độ được gia tăng lớn lao, có thể phân phối hay thu hồi các dòng mãnh lực. Khi một người trở nên mạnh mẽ một cách hữu thức trên cõi trí, thì năng lực hành thiện của y gia tăng gấp trăm lần.

Ở cuộc điểm đạo thứ tư, một bí nhiệm trọng đại khác nữa được tiết lộ cho y, được gọi là “bí nhiệm về sự phân cực,” và y được trao manh mỗi đối với ý nghĩa của giới tính trong mọi bộ môn của thiên nhiên trên tất cả các cõi. Không thể nói nhiều theo các đường hướng này. Điều có thể làm là liệt kê một vài chủ đề mà bí nhiệm này cho manh mỗi, thêm vào đó

thông tin là trong hệ hành tinh chúng ta, bí nhiệm này quan trọng nhất, do trình độ tiến hoá của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Ngài đang ở giai đoạn mà trong đó Ngài đang tìm kiếm, một cách hữu thức, sự nhất quán với đối cực của Ngài, [173] là một vị Hành Tinh Thượng Đế khác.

Các chủ đề mà bí nhiệm này soi sáng là:-

a. Tính dục ở cõi trần. Nó cho chúng ta chìa khoá của bí nhiệm về sự phân chia các giới tính vào thời kỳ Lemuria.

b. Sự cân bằng các mãnh lực trong mọi bộ môn của thiên nhiên.

c. Manh mối mà Hệ Hành Tinh hình thành với hệ của chúng ta thành một lưỡng nguyên.

d. Danh hiệu thật của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta và mối quan hệ của Ngài với Thái Dương Thượng Đế.

e. “Cuộc Hôn phối của con Chiên” (Lamb) và vấn đề của cô dâu ở thiên giới. Một manh mối của vấn đề này ở trong thái dương hệ S.... vốn phải được giải về mặt chiêm tinh.

f. Bí nhiệm của chòm sao Song Nam, và sự liên kết của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với chòm sao đó.

Trên qui mô nhỏ hơn, và liên quan với tiểu vũ trụ, những chủ đề sau đây được soi sáng khi điếm đạo đồ nhận đại bí nhiệm thứ nhì, hoặc bí nhiệm thứ tư bao gồm các bí nhiệm thứ yếu trước đó:-

g. Các tiến trình nhất quán trong các giới khác nhau của thiên nhiên. Y được cho thấy sự bắc cầu giữa các giới, và thấy sự thống nhất của hệ hành tinh.

h. Y được tiết lộ cho thấy rõ phương pháp nhất quán với Chân nhân, được cho thấy antahkarana trong bản chất thực của nó, và khi đã được tiết lộ như thế, thì nó không còn được cần nữa.

i. Y thấy được sự thống nhất căn bản giữa Chân nhân và phàm nhân.

j. Mỗi quan hệ giữa hai cuộc tiến hoá, nhân loại và thiên thần, không còn là một bí nhiệm nữa, và y thấy vị trí của hai giới này trong cơ thể của Đấng Thiên Nhân (Hành Tinh Thượng Đế) là một sự thật. [174]

Chúng ta có thể tiếp tục nhấn mạnh nhiều vấn đề mà bí nhiệm phân cực, khi được tiết lộ, sẽ giúp điểm đạo đồ hiểu rõ, nhưng những điều nói trên là đủ. Bí nhiệm này chủ yếu liên quan đến Vishnu, hay trạng thái thứ nhì. Nó tóm tắt trong một cụm từ ngắn toàn bộ kiến thức có được trong Phòng Minh Triết, như các bí nhiệm trước đó đã tóm lược tổng số được đạt đến trong Phòng Học Tập. Nó bàn về tâm thức và sự phát triển của tâm thức nhờ và thông qua khía cạnh vật chất. Theo sát nghĩa, nó liên quan đến sự thống nhất của ngã và phi-ngã cho đến khi chúng thực sự và quả thật là một.

Ở cuộc điểm đạo thứ năm, đại bí nhiệm về lửa hay trạng thái tinh thần được tiết lộ cho vị Chân sư đang ngạc nhiên, thắc mắc, và Ngài nhận thức theo một ý nghĩa mà người phàm không thể hiểu được, sự kiện là tất cả đều là lửa và lửa là tất cả. Có thể nói là bí nhiệm này tiết lộ cho Điểm Đạo Đờ những điều giúp Ngài hiểu rõ:-

a. Danh hiệu bí mật của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và như thế tiết lộ một vần trong danh hiệu của Thái Dương Thượng Đế.

b. Công tác và phương pháp của trạng thái hủy diệt của thiên tính.

c. Các tiến trình qua đó tạo nên sự mờ khuất hay sự hoàn nguyên (pralaya).

d. Công thức toán học tóm tắt mọi chu kỳ biểu lộ.

e. Bản chất tam phân của lửa, và ảnh hưởng của ngọn lửa lớn lên trên ngọn lửa nhỏ.

Vì trạng thái Shiva hay trạng thái thứ nhất này sẽ đạt được mức hoàn thiện, hay đúng ra là đến mức có thể hiểu được trong thái dương hệ sắp tới, nên không có lợi gì khi tiếp tục xem xét bí nhiệm này. Bảng kê sau đây có thể giúp cho thể trí của người môn sinh hiểu rõ toàn bộ vấn đề:- **[175]**

<i>Bí nhiệm về</i>	<i>Cuộc Điểm đạo</i>	<i>Ngôi Thượng Đế có liên quan</i>	<i>Nguồn năng lượng</i>	<i>Các cõi</i>
Fohat	Ba	Brahma – Đấng Sáng Tạo	Mặt trời Vật chất	Bảy, Sáu, Năm
Sự Phân cực	Bốn	Vishnu – Đấng Bảo Tồn	Mặt trời Chủ Quan	Bốn, Ba
Lửa	Năm	Shiva – Đấng Hủy Diệt	Mặt Trời Tinh Thần Trung Ương	Hai

Như người môn sinh sẽ nhận thấy, nguồn của năng lượng cụ thể có liên quan là một trạng thái của mặt trời. Ở các cuộc điểm đạo thứ sáu và thứ bảy thêm hai bí nhiệm được tiết lộ, một – một bí nhiệm thứ yếu – mở đường cho sự tiết lộ bí nhiệm thứ tư. Chỉ có bốn bí nhiệm có một cấp độ chính yếu được tiết lộ cho điểm đạo đồ trên hành tinh này, và đây là manh mối cho vị thế chúng ta trong hệ thống tiến hoá thái dương. Tất cả chỉ có năm bí nhiệm thuộc loại chính yếu được tiết lộ trong thái dương hệ này, do sự kiện đây là một hệ

thống mà trong đó, một cách vượt trội, nguyên khí thứ năm, là trí tuệ, tạo thành cơ sở cho sự khai mở. Sự khái thị thứ năm này chỉ được truyền thụ cho những vị nào chuyển sang các Hệ (Schemes) tổng hợp. [176]



[176]

Chương 17

CÁC LOẠI ĐIỂM ĐẠO KHÁC NHAU

Các cuộc Điểm đạo Chính yếu và Thứ yếu.

Khi bàn về các cuộc điểm đạo khác nhau, người môn sinh nên nhớ rằng phút giây trọng đại khi con người ra khỏi giới động vật để nhập vào nhân loại, mà nhiều sách huyền bí gọi là “lúc biệt lập ngã tính,” chính là một trong các cuộc điểm đạo vĩ đại nhất. Biệt lập ngã tính là khi cái ngã có sự thấu hiểu hữu thức về mối quan hệ của nó với tất cả những gì thuộc về phi-ngã, và trong đại tiến trình điểm đạo này, cũng như trong mọi tiến trình về sau, sự thức tỉnh của tâm thức xảy ra sau một thời kỳ phát triển dần dần; sự thức tỉnh xảy ra tức khắc vào lúc tự nhận thức lần đầu tiên, và luôn luôn sau đó là một thời kỳ tiến hoá dần dần khác. Đến lượt thời kỳ tiến hoá dần dần này, về sau lại đưa đến một cuộc khủng hoảng được gọi là Điểm Đạo. Trường hợp đầu là cuộc điểm đạo vào sự sống có ngã thức, còn trường hợp sau là cuộc điểm đạo vào sự sống tinh thần.

Những nhận thức này, hay các sự mở rộng tâm thức được hiểu rõ, đều theo định luật thiên nhiên, và xảy đến đúng lúc với mọi linh hồn, *không ngoại trừ ai cả*. Ở mức độ nhỏ hơn, chúng xảy ra hằng ngày cho mỗi người, khi sự hiểu biết trí tuệ của y về cuộc sống và kinh nghiệm từ từ tăng trưởng, nhưng chúng chỉ trở nên những cuộc điểm đạo vào

minh triết (khác với các sự mở rộng kiến thức) khi kiến thức có được là do:- [177]

- a. Được hữu ý tìm kiếm.
- b. Được tự áp dụng vào đời sống một cách hy sinh.
- c. Được tự nguyện sử dụng trong việc phụng sự tha nhân.
- d. Được sử dụng một cách thông minh trên phương diện tiến hoá.

Chỉ những linh hồn có một mức độ kinh nghiệm và phát triển nhất định mới thực hiện được cả bốn điều này một cách kiên trì, đều đặn, để chuyển hoá kiến thức thành minh triết, và kinh nghiệm thành tính chất. Người thường thì chuyển hoá vô minh thành hiểu biết, và kinh nghiệm thành năng khiếu. Thật là hữu ích khi tất cả chúng ta suy gẫm về sự khác nhau giữa tính chất cố hữu và năng khiếu bẩm sinh; một đằng là chính bản chất bồ đề hay minh triết, và đằng kia có bản chất của manas, hay trí tuệ. Sự kết hợp cả hai, qua nỗ lực hữu thức của một người, dẫn đến một cuộc điểm đạo chính yếu.

Các kết quả này được mang lại theo hai cách:

– Thứ nhất, bằng sự tự nỗ lực của chính hành giả, vào đúng lúc sẽ đưa y tìm thấy trung tâm tâm thức của chính y, được sự dẫn dắt hoàn toàn của vị chủ tể ở nội tâm, là Chân nhân, và nhờ nỗ lực mạnh mẽ và cố gắng khó nhọc, làm sáng tỏ bí nhiệm của vũ trụ được ẩn giấu trong chất liệu vật chất được truyền năng lượng bởi Fohat.

– Thứ hai, bằng những nỗ lực của hành giả, được hỗ trợ bởi sự cộng tác yêu thương và sáng suốt của các bậc Thức giả (Knowers) của nhân loại, là các Chân sư Minh triết. Trong trường hợp này tiến trình sẽ nhanh hơn, vì, nếu muốn, hành giả sẽ được giáo huấn, và do đó, nếu phần y đã có được

những điều kiện đúng đắn, thì y sẽ được phép sử dụng kiến thức và sự giúp đỡ của các Đấng đã thành đạt. Để sử dụng được sự trợ giúp này, y phải làm việc với vật chất của cơ thể chính mình, kiến tạo loại vật chất đúng đắn thành hình thể có trật tự, vì thế phải học cách phân biệt khi chọn lựa vật chất, và phải hiểu các định luật rung động và kiến tạo. Điều này bao gồm sự thấu đáo phần nào những định luật quản trị [178] các trạng thái Brahma và Vishnu; nó có nghĩa là khả năng rung động chính xác ở cấp nguyên tử, và phát triển tính chất thu hút, vốn là cơ sở của việc kiến tạo, hay trạng thái Vishnu.

Y cũng phải trang bị thể trí của mình để nó có thể là một tác nhân giải thích và là một tác nhân truyền đạt, chứ không phải là một yếu tố gây trở ngại như hiện nay. Y cũng phải phát triển hoạt động tập thể, và học cách làm việc phối hợp với các thành viên khác. Đây là những điều chính yếu mà hành giả phải hoàn tất trên đường điếm đạo; nhưng khi đã thực hiện được chúng, y sẽ tìm thấy Đường Đạo, nó sẽ trở nên rõ ràng đối với y, và bấy giờ y sẽ gia nhập vào các hàng ngũ của các vị Thức giả.

Một điểm khác cần ghi nhớ là nỗ lực này, để làm cho mọi người cộng tác một cách thông minh với Thánh Đoàn, và để huấn luyện họ có thể gia nhập vào các hàng ngũ Huyền giai, như đã nói trước đây, là một nỗ lực đặc biệt—đã được phát khởi vào thời Atlantis và được tiếp tục cho đến ngày nay—do Thánh Đoàn của hành tinh này thực hiện, và phần lớn là có tính chất của một thử nghiệm. Phương pháp mà qua đó một người nhận vị trí *hữu thức* trong cơ thể của một Hành Tinh Thượng Đế khác nhau trong các hệ hành tinh khác nhau. Vị Hành Tinh Thượng Đế sử dụng hệ hành tinh chúng ta làm thể biểu lộ của Ngài, chọn cách làm việc đặc biệt này trong thời kỳ đặc biệt này cho các mục đích cụ thể riêng của

Ngài; đó là một phần của tiến trình làm sinh động một trong các luân xa của Ngài, và liên kết luân xa tim của Ngài với kết nối của nó trong đầu. Khi các luân xa khác của Ngài được làm sinh động và hoạt động đầy đủ, thì có thể theo những phương pháp khác nhau nhằm kích thích các tế bào trong cơ thể Ngài (là các Chân thần của nhân loại và thiên thần), nhưng hiện nay thì Thần trượng Điểm đạo Vũ trụ—được áp cho một Hành Tinh Thượng Đế theo cách gần giống như cách các thần trượng thứ yếu được áp cho con người—đang được sử dụng theo một cách sao cho tạo ra sự kích thích cụ thể vốn thể hiện trong hoạt động của con người trên Đường Dự Bị và trên Đường Điểm Đạo. [179]

Do đó, hành giả phải nhận ra tính chất chu kỳ của điểm đạo, và vị trí của tiến trình này trong thời gian và không gian. Đây là một thời kỳ hoạt động đặc biệt trong chu kỳ của một Hành Tinh Thượng Đế, và nó thể hiện trên hành tinh chúng ta như là *một thời kỳ thử thách rộng lớn hay thử nghiệm điểm đạo*; tuy nhiên, đây cũng là một thời kỳ làm sinh động và của cơ hội.

Chúng ta cũng phải cố gắng nhận thức sự kiện rằng điểm đạo có thể được thấy xảy ra trên ba cõi trong tam giới, và bao giờ cũng phải ghi nhớ giá trị và vị trí tương đối của đơn vị, hay tế bào, trong cơ thể của một Hành Tinh Thượng Đế. Ở đây, điểm cần nhấn mạnh là *các cuộc điểm đạo chính yếu, hay các cuộc điểm đạo của trí tuệ, là những cuộc điểm đạo diễn ra trên cõi trí và trong thể nguyên nhân*. Chúng đánh dấu trình độ tiến hoá mà đơn vị nhận thức trên thực tế, chứ không phải chỉ trên lý thuyết, sự đồng nhất của y với Vị Con của Trí tuệ Manasaputra) thiêng liêng mà y giữ một vị trí trong cơ thể của Ngài. Các cuộc điểm đạo có thể diễn ra ở cõi trần, cõi cảm dục, và cõi hạ trí, nhưng chúng không được xem là các cuộc

điểm đạo chính yếu, và không phải là một sự kích thích hữu thức, có phối hợp và thống nhất, vốn bao hàm toàn thể con người.

Do đó, một người có thể được điểm đạo trên mỗi cõi, nhưng chỉ những cuộc điểm đạo nào đánh dấu sự chuyển di của y từ *bốn cái thấp vào ba cái cao* mới được xem là điểm đạo theo đúng nghĩa, và chỉ những cuộc điểm đạo nào mà trong đó hành giả chuyển tâm thức của y từ *tứ thế hạ vào Tam Thượng Thế* mới là các cuộc điểm đạo chính yếu. Do đó, chúng ta có ba cấp điểm đạo:—

Thứ nhất, các cuộc điểm đạo mà trong đó hành giả chuyển tâm thức của y từ bốn phân cảnh thấp của cõi trần, cõi cảm dục và cõi trí theo thứ tự, vào ba phân cảnh cao. Khi điều này được thực hiện trên cõi trí, thì hành giả được biết như là một đệ tử, một điểm đạo đồ, một vị cao đồ theo nghĩa chuyên môn. Bấy giờ vị [180] này dùng mỗi một trong ba phân cảnh cao của cõi trí như là một điểm mà từ đó tìm cách hoàn toàn ra khỏi ba cõi biểu lộ của nhân loại để vào Tam Thượng Thế. Do đó, rõ ràng là các cuộc điểm đạo được xem là thứ yếu đều có thể được nhận ở cõi trần và cõi cảm dục, trong sự kiểm soát hữu thức của ba phân cảnh cao của các cõi này. Đây là các cuộc điểm đạo thực sự, nhưng không giúp hành giả trở thành một Chân sư Minh triết hiểu theo nghĩa chuyên môn. Y chỉ là một cao đồ ở một cấp thấp.

Thứ hai, các cuộc điểm đạo mà trong đó hành giả chuyển tâm thức từ cõi này đến cõi khác, thay vì từ phân cảnh đến phân cảnh. Đây là một điểm cần được nhận thức cẩn thận. Một vị Chân sư Minh triết thực sự không những đã đạt được các cuộc điểm đạo thứ yếu nêu trên, mà còn đạt được năm bước gồm trong việc chế ngự hữu thức năm cõi tiến hoá của nhân loại. Bấy giờ, Ngài còn phải đạt hai cuộc

điểm đạo cuối cùng, giúp Ngài thành một vị Đế quân ở cấp thứ sáu, và một vị Phật, trước khi sự kiểm soát đó được mở rộng đến hai cõi còn lại của thái dương hệ. Do đó, hiển nhiên là đúng khi nói đến bảy cuộc điểm đạo, nhưng cũng vẫn đúng khi kể ra năm, mười, hay mười hai cuộc điểm đạo. Vấn đề này thật rắc rối đối với môn sinh huyền bí học, vì đương nhiên là họ không biết gì về một số yếu tố huyền bí mà cho đến nay đối với họ vẫn hoàn toàn không thể hiểu. Các yếu tố này được dựa trên cá tính của chính Hành Tinh Thượng Đế, và bao hàm các bí nhiệm như là nghiệp quả riêng của Ngài, mục tiêu mà Ngài có thể có trước mắt cho một chu kỳ đặc biệt nào đó, và sự chuyển hướng chú ý của *Chân nhân* cấp vũ trụ của một Hành Tinh Thượng Đế đến phản ảnh của Ngài, là vị Hành Tinh Thượng Đế đang tiến hoá của một thái dương hệ.

Một yếu tố khác nữa cũng có thể thấy trong một số thời kỳ của sự kích thích, và của việc tiếp sinh lực được gia tăng, như khi một cuộc điểm đạo vũ trụ tạo ra. Các ảnh hưởng ngoại lai này đương nhiên [181] tạo ra những kết quả nơi các đơn vị hay các tế bào trong cơ thể của Hành Tinh Thượng Đế, và thường đưa đến những biến cố bất ngờ và có vẻ không thể giải thích rõ ràng được.

Thứ ba, những cuộc điểm đạo mà trong đó một vị Hành Tinh Thượng Đế có thể nhận một cuộc điểm đạo thứ yếu hay chính yếu, qua đó bao gồm trọn cả bản tính Ngài. Ví dụ như, khi cuộc biệt lập ngã tính xảy ra trong thời kỳ Lemuria, hay căn chủng thứ ba, và gia đình nhân loại đã đứt khoát đi vào biểu lộ trong chu kỳ này; nó đã biểu thị một cuộc điểm đạo chính yếu đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Sự kích thích hiện nay trong nỗ lực của Thánh Đoàn đang đưa đến một cuộc điểm đạo thứ yếu. Mỗi đại chu kỳ nhìn thấy

một cuộc điểm đạo chính yếu của Hành Tinh Thượng Đế, xảy ra trên một trong các bầu hành tinh, và ở đây lại là điều phức tạp, và rất đáng cho chúng ta suy gẫm.

Chúng ta cũng có thể vấn tắt thêm vào ba điểm nói trên về việc đi vào hay việc chuyển ra của một cung cụ thể nào đó. Không thể nói nhiều về điều này, vốn là một điều hết sức khó khăn, và có thể tóm tắt trong ba phát biểu sau đây: Thứ nhất, các cuộc điểm đạo nhận được trên bốn cung thứ yếu không ngang cấp với các cuộc điểm đạo nhận được trên ba cung chính yếu. Điều này hơi khó hiểu do sự kiện là bên trong hệ hành tinh, trong cuộc tiến hoá theo chu kỳ, một cung phụ có thể tạm thời được xem là một cung chính yếu. Ví dụ như, vào lúc đặc biệt này của hệ hành tinh chúng ta, Cung bảy, cung Định luật Nghi lễ hay Trật tự, được xem là một cung chính, là một cung tổng hợp, và là cung mà trên đó Đức Văn Minh Đại Đế đang phối hợp công việc của Ngài. Thứ hai, ba cuộc điểm đạo đầu tiên được nhận trên cung của Chân nhân, và liên kết hành giả với Đại Bạch Giai; hai cuộc điểm đạo sau được nhận trên cung của Chân thần, và có một hiệu quả rõ rệt trên con đường phụng sự mà vị Chân sư chọn về sau. Lời phát biểu này phải được kết hợp với lời phát biểu trước đây, nói [182] rằng cuộc điểm đạo thứ năm giúp hành giả trở nên một thành viên của Huyền Giai Vĩ Đại hay Huynh Đệ Đoàn trên Sirius, và thực sự là cuộc điểm đạo thứ nhất của Sirius. Cuộc điểm đạo thứ tư là tổng hợp các cuộc điểm đạo ở Ngưỡng cửa trong Huyền giai Sirius. Cuối cùng, tùy theo cung mà trên đó hành giả được điểm đạo, mà phần lớn con đường phụng sự về sau thuộc vào đó.

Ngày Cơ hội.

Câu hỏi có thể đặt ra ở đây là liệu thông tin này có giá

trị đối với môn sinh chẳng. Để minh họa cho điều này, các môn sinh nên khôn ngoan suy gẫm kỹ ý nghĩa sự giáng nhập của Cung hiện nay, là cung Định luật Nghi lễ hay Pháp thuật. Đó là cung vận dụng các mãnh lực kiến tạo của thiên nhiên, liên quan đến việc trạng thái sự sống sử dụng hình tướng một cách thông minh. Đây phần lớn là cung của công tác quản trị, với mục tiêu kiến tạo, phối hợp và tạo sự cố kết trong bốn giới thấp của thiên nhiên. Nó được phân biệt phần lớn bởi năng lượng tự biểu hiện trong nghi lễ, nhưng từ nghi lễ này không được thu hẹp đến mức sử dụng hiện nay của nó trong nghi lễ của hội Tam Điểm hay tôn giáo. Áp dụng của nó thì rộng lớn hơn rất nhiều, và gồm các phương pháp tổ chức được thể hiện trong mọi cộng đồng văn minh, như trong giới thương mại hay tài chính, và các tổ chức kinh doanh lớn ở khắp nơi. Trên hết mọi sự, điều thú vị của nó đối với chúng ta ở sự kiện đây là cung mang cơ hội đến cho các giống dân Tây phương, và qua trung gian của mãnh lực sự sống của tổ chức quản trị, của sự cai trị bằng luật lệ và trật tự, bằng tiết điệu và nghi thức, sẽ đến lúc các chủng tộc Tây phương (với trí tuệ cụ thể, tích cực và năng lực làm việc rộng lớn của họ) có thể được điểm đạo— một cuộc điểm đạo mà chúng ta phải nhớ là trên một cung tạm thời được công nhận như là một cung chính. Phần đông các điểm đạo đồ và [183] những vị đã đạt được trình độ Chân sư trong chu kỳ trước, là người Đông phương và trong xác thân người Ấn độ. Chu kỳ đó đã do cung sáu, là cung vừa đi qua, cùng hai cung trước thống ngự. Để duy trì sự quân bình, nay sẽ đến một thời kỳ thành đạt của người Tây phương, và điều này xảy ra trên một cung thích hợp với loại trí tuệ của họ. Thật thú vị khi lưu ý rằng mẫu người Đông phương đạt mục tiêu của họ qua tham thiền, với một số lượng nhỏ về tổ chức quản trị và nghi thức,

còn người Tây phương sẽ thành đạt phần lớn qua sự tổ chức mà hạ trí tạo ra, và một lối tham thiền mà sự định trí cao độ vào công việc có thể xem là một minh họa. Sự áp dụng trí tuệ nhất tâm của một thương gia người Âu hay người Mỹ có thể được xem là một loại tham thiền. Nếu sự thanh khiết của động cơ nằm đằng sau việc áp dụng này, thì thời của cơ hội sẽ đến đối với người Tây phương.

Nếu chính họ tận dụng được thời cơ hiện nay, và tuân thủ các qui luật để tiến bước trên Đường Đạo, nhiều người Tây phương sẽ có cơ hội đạt được các bước tiến xa hơn này. Người nào cũng có thể tìm thấy cơ hội đó nếu họ có đủ điều kiện sẵn sàng, ở ngay nơi họ đang sống, trong các hoàn cảnh quen thuộc của đời thường. Họ sẽ tìm thấy cơ hội đó trong việc chú tâm vào bốn phạm, trong việc vượt qua các trắc nghiệm và thử thách, trong việc tuân thủ bên trong với tiếng nói của Thượng Đế nội tâm, vốn là dấu hiệu của mọi ứng viên điểm đạo. Điểm đạo bao gồm chính điều được thực hiện hết ngày này sang ngày khác bởi bất cứ ai đang hữu thức cố gắng tự rèn luyện:— y sẽ được vị Chủ Nhân (hoặc là Thượng Đế nội tâm, hay là Chân sư của hành giả, nếu y hữu thức biết được Ngài) chỉ rõ điểm kế tiếp cần được đạt đến, phần việc kế tiếp cần được hoàn thành, và lý do được đưa ra. Rồi vị Huấn sư đứng qua một bên và theo dõi mức thành đạt của người chí nguyện. Trong lúc trông nom, Ngài nhận ra các thời điểm khủng hoảng, khi việc áp dụng một bài trắc nghiệm sẽ thực hiện một trong hai [184] việc, là khu biệt (focalise) và xua tan bất cứ điều tà vạy nào còn chưa được chế ngự—nếu thuật ngữ đó có thể được dùng ở đây— và biểu thị cho người đệ cả nhược điểm và ưu điểm của y. Cùng tiến trình này cũng có thể được thấy trong các cuộc điểm đạo lớn, và khả năng của người đệ tử có thể vượt qua được các trắc

nghiệm và các giai đoạn lớn này tùy theo khả năng y đáp ứng và vượt qua các trắc nghiệm nhỏ hơn trong đời thường. “Người nào trung thành trong việc nhỏ nhất thì cũng trung thành trong việc lớn lao,” là một phát biểu huyền bí về thực tế, và nên đặc trưng cho toàn bộ hoạt động thường ngày của người chí nguyện chân chính; cái “lớn lao” được chế ngự và được vượt qua, bởi vì nó được xem chỉ là một sự tăng cường của cái bình thường, và không điểm đạo nào đã từng vượt qua được cuộc trắc nghiệm lớn của điểm đạo mà chưa từng quen vượt qua được các trắc nghiệm nhỏ mỗi ngày trong cuộc sống của y; bây giờ y sẽ xem các thử thách đến là bình thường, và khi gặp phải, y xem chúng là một phần của cấu trúc bình thường trong đời sống của y. Khi y đã đạt và giữ được thái độ trí tuệ này, thì sẽ không có điều ngạc nhiên nào hay sự thất bại nào có thể xảy ra.



Các loại Điểm đạo khác nhau

[185]

Chương 18

BẢY CON ĐƯỜNG

Như chúng ta đã thấy, trong kinh sách ít có đề cập đến bảy Con Đường mở ra trước người đã được điểm đạo lần thứ năm. Hiển nhiên là không thể, và cũng không cần đưa vào trí tuệ chúng ta bất cứ ấn tượng nào về tầm quan trọng của các con đường này, hay các thuộc tính cần có để dẫn bước lên đó. Theo thời gian, và khi nhân loại đạt được trình độ phát triển cao hơn, chúng ta sẽ có thể hiểu biết nhiều hơn, nhưng theo luật tương tác hài hòa thì các Huấn sư của nhân loại không ích gì phải cố gắng dạy chúng ta về các đặc tính cần có để bước lên bảy Con Đường này, trước khi chúng ta đã thấu đáo hay phát triển, cho đến nay, những điều cần thiết để vượt qua Con Đường Dự Bị, chứ đừng nói là Con Đường Điểm Đạo.

Một sự kiện tổng quát mà chúng ta đã biết, đó là trước khi có thể bước lên những Con Đường này, hành giả phải là một Chân sư Minh triết, phải là một Huynh trưởng Từ ái, và phải có khả năng vận dụng định luật, qua sự thông tuệ và bác ái. Phần việc của chúng ta hiện nay là tự chuẩn bị đủ điều kiện để bước vào Con Đường Điểm Đạo, bằng giới luật của Con Đường Dự Bị, bằng cách thận trọng điều hành cuộc sống, bằng việc tuân theo định luật khi được hiểu biết, và bằng việc phụng sự nhân loại. Khi chúng ta đã đạt được sự giải thoát, bấy giờ bảy Con Đường này sẽ mở ra trước mắt, và chúng ta sẽ thấy rõ mình nên bước lên Con đường nào. [186] Trong thái dương hệ này, tất cả đều hoạt động theo đại luật hấp dẫn, do đó, rất có thể sự chọn lựa của chúng ta tùy theo

mức độ rung động, màu sắc và âm điệu của chúng ta. Ý chí tự do vĩ đại hơn của hệ vũ trụ cũng có giới hạn, giống như ý chí tự do của hệ thái dương mà chúng ta là một thành phần, và ý chí tự do của chính con người. Chiều hướng bước tiến tương lai của chúng ta sẽ tùy theo tính chất bẩm sinh.

Có thể kể ra bảy Con Đường này như sau, và có thể đưa ra một số suy diễn, căn cứ trên luật tương ứng, miễn là chúng ta luôn luôn nhớ rằng ngôn từ chỉ dùng để che giấu hơn là minh giải, và chỉ có thể đưa ra những chi tiết vắn tắt nhất.

1. Con Đường Phụng Sự trên Địa Cầu.

Đây là Con Đường khiến hành giả liên kết với Thánh Đoàn, các Ngài thệ nguyện phụng sự và trợ giúp cuộc tiến hóa của hành tinh chúng ta. Nó bao gồm những vị làm việc dưới quyền Đức Chúa Tế Hoàn Cầu, với các Chân sư Minh triết được phân thành bảy nhóm. Không có nhiều Chân sư đi theo Con Đường này như các vị trên những Con Đường khác, và chỉ đủ số vị được phép chọn Con Đường này để xúc tiến thỏa đáng cuộc tiến hóa hành tinh. Chúng ta biết nhiều về Con Đường này hơn các Con Đường khác, và sẽ biết được nhiều hơn khi các thành viên của nhân loại hội đủ điều kiện tiếp xúc với Huynh Đệ Đoàn. Phạm vi các Ngài thu dụng nhân viên, phương pháp các Ngài làm việc, cuối cùng sẽ trở thành kiến thức ngoại môn, và khi bảy nhóm này được nhận thức và được biết đến, thì trình tự hợp lý sẽ là các trường phái phát triển để điền khuyết các chức vụ trong những nhóm này.

2. Con Đường Công Tác Từ Lực.

Những vị nào làm công việc vận dụng các mãnh lực, hay lực điện từ để các Đấng Cao Cả sử dụng trên các cõi, thì

đi theo Con Đường này. Họ điều động năng lượng tạo hình tinh hoa chất; vận dụng vật chất thuộc mọi tỉ trọng và mức độ rung động. [187] Họ vận dụng các đợt sóng tư tưởng lớn, các trào lưu công luận trên các cấp cảm dục, cũng như trên các cấp cao hơn, nơi các Đấng Cao Cả hoạt động. Một số đông những người thuộc cung năm, những người có cung Chân thần là Cung Kiến thức Cụ thể, đi theo đường lối nỗ lực này. Phẩm tính cố hữu của loại Chân thần thường quyết định đường lối hoạt động, và nghiệp quả của cung năm là một trong những yếu tố tạo nên điều này. Các Chân thần này làm việc với Fohat, và phải làm việc cho đến cuối kỳ khai nguyên (manvantara) lớn hơn. Các Ngài có vị trí cuối cùng của các Ngài trên cõi trí vũ trụ, nhưng cho đến nay khả năng suy tư trừu tượng phát triển còn quá ít nên chúng ta không thể hiểu được ý nghĩa lời phát biểu này.

3. Con Đường Đào Tạo các Hành Tinh Thượng Đế.

Đây là Con Đường dành cho các vị sẽ nhận công tác của bảy vị Hành Tinh Thượng Đế của hệ thống tới, và những Phụ tá của các Ngài là bốn mươi chín vị Phó Hành Tinh Thượng Đế, cũng như các Đấng khác làm việc trong ngành đặc biệt này. Sẽ có bảy hệ thống, dù chúng ta chỉ liên quan đến ba hệ thống chính yếu, trong đó thái dương hệ của chúng ta hiện nay là hệ chính yếu thứ nhì. Mỗi vị Đế quân của một cung nhận một số điểm đạo đồ sáu lần điểm đạo và huấn luyện các vị đó đặc biệt cho công tác này; năng khiếu đặc biệt về màu sắc và âm thanh đưa đến sự chọn lựa này, và khả năng làm việc với “tâm” (“psyche”) hay các tinh thần (spirits) đang tiến hóa là đặc điểm của ứng viên cho chức vụ cao cả này. Có thể nói các Hành Tinh Thượng Đế là các nhà tâm lý học thiêng liêng, và do đó, trong việc đào tạo cho chức vụ này thì tâm lý

học là môn căn bản, dù rằng đó là một môn tâm lý học mà cho đến nay chúng ta chưa thể quan niệm được. Trong hành tinh đặc biệt của chính Ngài, mỗi vị Hành Tinh Thượng Đế đều có những trường để phát triển các vị phụ tá Thượng Đế, ở đó huấn luyện các Vị cho chức vụ cao cả này, cho các Vị có cơ hội đạt kinh nghiệm rộng lớn. Ngay cả [188] các vị Thượng Đế cũng tiếp tục tiến tới, và địa vị của các Ngài cần được thay thế.

4. Con Đường đến Sirius.

Rất ít điều gì có thể truyền đạt về Con Đường này, và chỉ có thể nêu lên mối quan hệ mật thiết lạ lùng giữa con đường này và Pleiades (Chòm sao Thất tinh), chứ không thể suy đoán thêm. Đa số những người trong nhân loại đã giải thoát đều đi theo đường này, và triển vọng mang lại những khả năng vinh diệu. Bảy ngôi sao của Pleiades là mục tiêu cho bảy mẫu người, và điều này được ngụ ý bằng những lời lẽ trong Cổ Thư của Job, “Liệu người có thể ràng buộc ảnh hưởng dịu dàng của chòm sao Thất tinh hay không?” Trong bí nhiệm của ảnh hưởng này và trong bí mật của mặt trời Sirius, có che giấu các sự thực về cuộc tiến hóa của vũ trụ chúng ta, và do đó, của thái dương hệ chúng ta.

5. Con Đường của Cung.

Thật khó biết tên nào khác để gọi Con Đường này, vì chúng ta biết về nó quá ít. Đi theo đường này, hành giả tiếp tục ở trên cung của mình, và làm việc theo đó trong các giới khác nhau, trên tất cả các cõi, thi hành các mệnh lệnh của Đức Chúa Tể Hoàn Cầu, và làm việc theo sự điều hành của Ngài. Nó đưa hành giả đến khắp nơi trong thái dương hệ, nhưng vẫn dứt khoát liên kết y với cung tổng hợp. Đây là một con

đường rất khó khăn, phức tạp, vì nó cần một năng lực toán học tinh vi, cao cấp, và khả năng làm việc bằng phương pháp hình học, theo cách mà bộ óc thuộc ba bề đo của chúng ta không thể thấu hiểu. Vị nào chọn con đường này thì thấy luật rung động có tầm quan trọng sâu xa. Trước hết, Ngài làm việc trong phòng hội đồng của Đức Chúa Tể Hoàn Cầu ở Shamballa, vận dụng luật rung động trên cung của chính Ngài. Về sau, Ngài sẽ ở trên một hành tinh tương ứng với cung của chính Ngài, chứ [189] không ở trên địa cầu, trừ khi Ngài có cùng cung với vị Hành Tinh Thượng Đế cai quản địa cầu. Về sau, khi tiến bộ hơn, Ngài lại chuyển đến mặt trời; bấy giờ, khi đã thấu đáo được tất cả những gì liên quan đến sự rung động trong thái dương hệ này, Ngài sẽ chuyển đến một hệ vũ trụ, rời cung của chính Ngài (vốn là một cung phụ của một cung vũ trụ), để tiếp tục chuyển đến cung vũ trụ tương ứng.

Giống như cuộc tiến hóa của con người trong thái dương hệ này có năm giai đoạn, trên đây chúng ta cũng đã kể năm Con Đường chính mà một vị Chân sư phải chọn. Chúng ta chỉ có thể đề cập đến hai con đường còn lại một cách vắn tắt hơn nữa, vì chỉ rất ít những người thật tiến hóa mới bước vào đó, do phải cần mức thành đạt cao khi nhập vào, và vị nào đi vào những con đường đó đều hoàn toàn ra khỏi thái dương hệ. Chúng không đưa đến Sirius như một số con đường khác.

Xin nhớ là bốn nhóm còn lại trong thái dương hệ, cuối cùng sau những kỳ gian lâu dài, xa xăm, sẽ chuyển đến các cõi vũ trụ. Một nhóm chuyển trực tiếp đến Sirius, và hai nhóm còn lại, sau khi được điểm đạo, chuyển trực tiếp đến cõi vũ trụ, không có thời kỳ công tác trung gian trên địa cầu, trong thái dương hệ, hay trên Sirius. Hai Con Đường này là:-

6. Con Đường mà chính Đức Thái Dương Thượng Đế đang đi.

Tất cả các môn sinh huyền bí đã nghiên cứu cẩn thận các tiến trình của thế giới sẽ thấy rõ trong ánh sáng của luật tương ứng, rằng Đức Thái Dương Thượng Đế trên các cõi vũ trụ đang phát triển nội nhân thông vũ trụ, giống như con người ở cấp độ thấp hơn đang nhằm phát triển nhân quan tương tự trong thái dương hệ. Có thể gọi điều này là sự phát triển con mắt thứ ba cấp vũ trụ. Trong cấu trúc của con mắt ở cõi trần có ẩn sự bí mật này, và khi nghiên cứu nó, chúng ta có thể được khai thị phần nào bí nhiệm. [190]

Một bộ phận nhất định của mắt là trung tâm của thị giác, và chính là dụng cụ để nhìn; phần còn lại của mắt giữ vai trò lớp vỏ bảo vệ, cả hai phần đều cần thiết, và không phần nào có thể tồn tại mà thiếu phần kia. Trong trường hợp vĩ đại hơn cũng vậy, nhưng sự tương đồng trên các cấp cao siêu đến đôi nếu dùng ngôn từ diễn tả thì chỉ làm lu mờ chân lý. Một số người con của nhân loại, một nhóm trung tâm đã đạt một cấp điểm đạo rất cao trong thái dương hệ trước, đã hình thành một nhóm nội môn chung quanh Đức Thái Dương Thượng Đế khi Ngài quyết định tiến bước xa hơn. Kết quả là Ngài tạo thành thái dương hệ này, vì ý muốn lâm phạm cấp vũ trụ thúc đẩy Ngài đi tới. Nhóm nội môn này ở lại với Đức Thượng Đế trên cõi nguyên tử, hay cõi thứ nhất của thái dương hệ, trên phương diện chủ quan nội tại, và trong một ý nghĩa huyền bí, nhóm này tương ứng với đồng tử của mắt. Quê hương thật của các Đấng Cao Cả này ở trên cõi bờ-đề vũ trụ.

Dần dần, nhờ nỗ lực lớn lao, một số Chân sư đã hội đủ điều kiện, hoặc đang tự chuẩn bị cho đủ điều kiện để nhận địa vị các thành viên nguyên thủy của nhóm này, cho phép

các Ngài trở về một trung tâm vũ trụ mà thái dương hệ chúng ta và hệ vĩ đại hơn là Sirius đang quay chung quanh. Thịnh thoảng mới có một vị Chân sư hội đủ các điều kiện cần thiết, vì điều này bao gồm sự phát triển một sự đáp ứng nhất định với rung động vũ trụ. Nó hàm ý một sự chuyên biệt hóa về nội nhân thông và sự phát triển nhân thông vũ trụ đến mức nào đó. Nhiều vị trong trường tiến hóa thiên thần đi vào con đường này hơn là nhân loại. Nhân loại đi theo con đường này qua trường tiến hóa thiên thần, mà có thể nhập vào nhờ chuyển đến Con Đường thứ năm, Con Đường của cung. Hai trường tiến hóa trên có thể hợp nhất trên Con Đường thứ năm, và từ Con Đường thứ năm có thể nhập vào Con Đường thứ sáu.

7. Con Đường Địa Vị Chúa Con Tuyệt Đối (Absolute Sonship).

Địa vị Chúa Con này là một tương ứng trên cõi cao nhất của cấp bậc trên Đường Đệ Tứ mà chúng ta gọi là “Con của Chân sư.” [191] Đó là địa vị Chúa Con của một Đấng cao siêu hơn Đức Thái Dương Thượng Đế chúng ta, mà chúng ta không được phép đề cập đến. Đây là Con Đường vĩ đại điều hành Nghiệp Quả. Các vị Nghiệp Quả Tinh Quân ở trên Con Đường này, tất cả những vị nào thích hợp với đường lối làm việc này, và thân cận với Đức Thái Dương Thượng Đế theo nghĩa mật thiết cá nhân, đều chuyển vào Con Đường Địa Vị Chúa Con Tuyệt Đối. Đây là Con Đường của những vị thân thiết đặc biệt với Đức Thượng Đế, và Ngài trao vào tay Họ việc thanh toán nghiệp quả trong thái dương hệ. Họ biết các mong muốn, ý chí và mục đích của Ngài và được giao cho thi hành các mệnh lệnh của Ngài. Nhóm này cộng sự với Đức

Hành Tinh Thượng Đế, tạo thành một nhóm đặc biệt, được liên kết với một vị Thượng Đế còn cao siêu hơn nữa. [192]



Chương 19

CÁC QUI LUẬT DÀNH CHO CÁC ỨNG VIÊN ĐIỂM ĐẠO

Có một số câu châm ngôn và huấn thị mà ứng viên điểm đạo cần nghiên cứu và tuân hành. Giữa các thuật ngữ “người chí nguyện tìm đạo” và “ứng viên điểm đạo” có sự khác biệt rất lớn. Người có chí nguyện và phấn đấu hướng về con đường đệ tử không hề bị ràng buộc có cùng một thái độ hay giới luật đặc biệt như trường hợp ứng viên điểm đạo, và nếu muốn, y có thể đi Con Đường Dự Bị bao lâu cũng được. Người muốn được điểm đạo thì ở trong một vị thế khác hẳn, và một khi đã làm ứng viên, y phải đặt cuộc đời y theo một qui luật nhất định, và một chế độ nghiêm ngặt, mà đối với người đệ tử thì chỉ có tính tùy chọn.

Mười bốn qui luật được đưa ra ở đây, được tập hợp từ một loạt các giáo huấn được biên soạn cho những người muốn được điểm đạo lần thứ nhất.

CÁC QUI LUẬT DÀNH CHO ỨNG VIÊN

Qui luật 1.

Người đệ tử hãy tìm trong chốn sâu thẳm của tâm hồn mình. Nếu ở đó có ngọn lửa cháy sáng, sưởi ấm cho huynh đệ y chứ không sưởi ấm cho chính y, thì đã đến lúc y xin được đứng trước Cửa Đạo.

Khi tình thương dành cho mọi chúng sinh, bất chấp họ có thể là ai, đang bắt đầu là một sự kiện được nhận thức

trong tâm của một người đệ tử, và y không dành tình thương cho chính mình, thì đó là [193] dấu hiệu cho thấy y đang đến gần Cửa Điểm Đạo, và có thể đưa ra những lời cam kết sơ bộ cần thiết. Cần có những điều này, trước khi Chân sư y đưa tên y vào danh sách các thí sinh điểm đạo. Nếu y không bận tâm đến sự khổ đau của phàm ngã, nếu y vẫn điềm nhiên dù hạnh phúc có đến trên đường của y hay không, nếu mục đích duy nhất của đời y là phụng sự và cứu độ thế gian, và nếu y thấy nhu cầu của huynh đệ y là quan trọng hơn của chính mình, thì bấy giờ ngọn lửa bác ái tỏa sáng cuộc sống y, và thế gian có thể ấm áp ở nơi y đến. Tình thương này phải là một sự biểu lộ thực tế, đã được trải nghiệm, chứ không chỉ là lý thuyết, hay chỉ là lý tưởng thiếu thực tế và tình cảm vui thích. Đó là điều đã tăng trưởng qua các thử thách và trải nghiệm của đời sống, để cho xung lực đầu tiên của cuộc sống hướng đến sự xả kỷ và hy sinh phạm tính.

Quy luật 2.

Khi đã thỉnh cầu dưới ba hình thức, bấy giờ người đệ tử hãy rút ra khỏi sự thỉnh cầu đó, và quên là nó đã được làm.

Đây là một trong những trải nghiệm sơ khởi. Thái độ trí tuệ của người đệ tử phải là không bận tâm đến việc y có được điểm đạo hay không. Động cơ vị kỷ không được xen vào. Những lời cầu xin chỉ đến được Chân sư, khi năng lượng được phát khởi bởi động lực vị tha thuần khiết và được Ngài chuyển đến thiên thần lưu trữ hồ sơ của Thánh Đoàn. Chỉ những người đệ tử nào tìm kiếm sự điểm đạo vì muốn được cấp thêm quyền năng để giúp đỡ và ban phúc, mới thấy lời kêu cầu của họ được đáp ứng. Những ai không quan tâm đến điểm đạo thì không nhận được phần thưởng huyền bí này, và những kẻ do ích kỷ hay tò mò, nôn nóng muốn tham dự các

bí nhiệm, thì không vào được cửa Đạo, và phải gõ cửa ở bên ngoài. Những người nào quyết tâm phụng sự, những người nào nặng lòng nghĩ đến nhu cầu của thế giới, do thế khơi dậy [194] trách nhiệm cá nhân, và đã hoàn thành bốn phận theo luật, họ gõ cửa và được đáp ứng, họ cầu xin và được công nhận. Đó là những người phát ra lời kêu cầu được thêm quyền năng để trợ giúp, nó sẽ thấu đến tai các Đấng đang chờ trong im lặng.

Qui luật 3.

Lời kêu gọi phải có ba phần, và phải phát ra trong thời gian lâu dài. Người đệ tử hãy thốt lên lời kêu gọi bằng qua sa mạc, qua biển cả và qua những ngọn lửa chia cách y với cánh cửa bị che kín và ẩn giấu.

Huấn thị đến với người đệ tử dưới biểu tượng này là làm cho sa mạc của cuộc sống ở cõi trần bừng nở như hoa hồng, để cho từ khu vườn của sự sống thấp kém có thể trôi lên những âm thanh và những mùi hương, và một sự rung động đủ mạnh để vượt qua khoảng không gian ở giữa cõi trần và cửa Đạo; làm yên lặng những dòng nước xao động của cuộc sống xúc cảm, sao cho trong bề mặt yên tĩnh trong treo của chúng cửa Đạo có thể được phản chiếu, và cuộc sống phàm nhân phản chiếu được sự sống tinh thần của thiên tính nội tại; chuyển qua lò lửa các động cơ, các lời nói, và các tư tưởng, vốn là nguồn gốc của hoạt động, và có nguồn gốc của chúng trên cõi trí. Khi ba trạng thái này của Chân nhân đang biểu lộ, là vị Thượng Đế nội tại, được chế ngự, được điều hợp và được sử dụng, thì bấy giờ dù rằng chính y chưa ý thức được, tiếng nói của người đệ tử sẽ được nghe thấy, với lời yêu cầu mở cửa Đạo. Khi cuộc sống phàm nhân ở cõi trần trở nên phong phú, sự sống xúc cảm được ổn định và sự sống trí

tuệ được chuyển hóa, bấy giờ không điều gì có thể ngăn cản then gài cửa Đạo được nâng lên cho người đệ tử đi qua. Chỉ nhờ rung động đồng bộ với rung động phía bên kia của Đạo mới khiến nó mở ra, và khi chủ âm của đời sống người đệ tử hòa hợp với sự sống [195] của Thánh Đoàn, thì bấy giờ các cánh cửa sẽ lần lượt mở ra, và không điều gì có thể giữ chúng còn đóng kín.

Qui luật 4.

Người đệ tử hãy trông nom cho ngọn lửa thiêng phát triển, hãy nuôi dưỡng các sinh linh hạ đẳng, và như thế giữ cho bánh xe quay mãi.

Đây là một huấn thị khiến người đệ tử nhớ trách nhiệm của y đối với nhiều sinh linh hạ đẳng mà toàn bộ chúng vốn hợp thành thể biểu lộ tam phân của y. Nhờ thế cuộc tiến hóa có thể thực hiện, và nhờ thế mà mỗi sinh linh trong các giới khác nhau của thiên nhiên, dù hữu thức hay vô thức, đều hoàn thành chức năng của nó là truyền năng lượng đúng cách cho những gì mà đối với nó như là hành tinh đối với mặt trời. Nhờ đó mà việc khai mở Thiên Cơ sẽ tiến hành một cách chính xác hơn. Thiên giới vốn ở nội tâm, và bốn phận của Chủ thể ẩn ở nội tâm gồm hai phần, một là đối với các sinh linh tạo thành thể xác, thể cảm dục và thể trí của y, và kế đó là đối với đại vũ trụ, thể giới mà trong đó tiểu vũ trụ chỉ là một phần vô cùng nhỏ.

Qui luật 5.

Ứng viên hãy thấy rằng Thái Dương Thiên Thần làm lu mờ ánh sáng của các nguyệt thần, chỉ còn lại nguồn sáng duy nhất trên bầu trời tiểu vũ trụ.

Muốn hoàn thành huấn thị này, mọi ứng viên cần thực hiện hai điều, thứ nhất, nghiên cứu nguồn gốc của họ, nhận thức tâm lý thật sự của chính họ được hiểu theo huyền bí, và trở nên ý thức được một cách khoa học về bản chất thực của Chân nhân, hay Chân ngã, đang hoạt động trong thể nguyên nhân. Bấy giờ họ phải khẳng định, ở cõi trần, qua trung gian của ba hạ thể, thiên tính bẩm sinh của họ, và ngày càng thể hiện giá trị căn bản của họ. Thứ hai, nghiên cứu sự cấu tạo của con người, hiểu biết phương pháp [196] hoạt động trong phàm tính, nhận thức được sự tùy thuộc lẫn nhau và mối tương quan của mọi sinh vật, và do đó đưa vào kiểm soát các sinh linh hạ đẳng vốn hợp thành ba thể biểu lộ. Do đó, Vị Thần thái dương, Thực Tại nội tâm, Con của Đấng Cha Lành, và là Chủ thể Tư tưởng trên cõi riêng của y, trở thành trung gian giữa những gì thuộc về trái đất, trần tục, với những gì có nguồn gốc của nó bên trong mặt trời. Có hai câu trong Kinh Thánh che giấu phần nào ý tưởng này trong chúng, và rất hữu ích nếu được các môn sinh Tây phương dùng để tham thiền:- “Các vương quốc trên thế gian này trở thành Vương quốc của Chúa Trời của chúng con và của Đức Christ Con Ngài”. “Lạy Chúa, Đấng Thượng Đế của chúng con, các thần khác bên ngoài Ngài đã thống trị chúng con, nhưng chỉ bởi Ngài mà chúng con sẽ nhắc đến Thánh danh Ngài.” Câu sau đặc biệt thú vị, vì nó thể hiện sự kìm nén âm thanh thấp và lực sáng tạo bởi những gì có nguồn gốc cao siêu.

Qui luật 6.

Những ngọn lửa thanh luyện cháy lò mờ và yếu ớt khi giới thứ ba bị hy sinh cho giới thứ tư. Do đó, đệ tử hãy cố giữ đừng lấy mạng sống, và y hãy nuôi dưỡng phần thấp nhất bằng sản phẩm của giới thứ hai.

Có thể tóm tắt qui luật này bằng giáo huấn thông thường rằng mỗi đệ tử phải là người ăn chay nghiêm ngặt. Phàm tính trở nên trì trệ, nặng nề, và ngọn lửa nội tâm không thể chói rạng khi có thịt trong thực phẩm. Đây là một nghiêm luật đối với các ứng viên và không được phép vi phạm. Người tìm đạo có thể chọn việc ăn thịt hay không tùy thích, nhưng đến một giai đoạn nhất định trên đường đạo thì điều thiết yếu là phải ngưng mọi lối ăn thịt, và phải hết sức nghiêm ngặt chú ý đến thực phẩm. Người đệ tử phải tự giới hạn y vào việc sử dụng rau đậu, ngũ cốc, trái cây và hạt có dầu. Chỉ bằng cách này y mới có thể kiến tạo một [197] loại thể xác có thể chịu đựng nổi sự giáng nhập của Chân nhân vốn đã đứng trong các thể thanh của y trước Đấng Điểm Đạo. Nếu y không thực hiện qui luật này, và nếu y có thể được điểm đạo mà đã không tự chuẩn bị cho y như thế, thì thể xác sẽ bị tan vỡ do năng lượng tuôn đổ qua các luân xa mới được kích thích, và có thể mang lại mối nguy hiểm đáng sợ cho não bộ, cột sống hoặc tim.

Dĩ nhiên ở đây phải công nhận rằng không bao giờ có thể đưa ra những qui luật nào cứng nhắc hay cố định, ngoại trừ qui luật ban đầu là đối với tất cả các ứng viên điểm đạo thì thịt, cá, và tất cả các thức uống có lên men cũng như thuốc lá đều bị tuyệt đối cấm. Những người nào có thể chịu được thì đôi khi tốt hơn nên loại bỏ trứng và phó-mát ra khỏi thực phẩm, nhưng điều này không hề bắt buộc. Luôn luôn có lời khuyên những người đang trong tiến trình phát triển mọi loại quan năng thần thông không nên ăn trứng và rất ít phó-mát. Sữa và bơ thì thuộc loại khác, và hầu hết các điểm đạo đồ và các ứng viên thấy cần phải duy trì chúng trong thực phẩm. Một số ít người ngoại lệ có thể sống và giữ được đầy đủ các năng lượng thể chất bằng chế độ ăn uống nêu trong đoạn

trước, nhưng đó là sự thể hiện có tính cách lý tưởng, và như chúng ta đều biết, điều lý tưởng ít khi đạt được trong thời kỳ chuyển tiếp hiện nay.

Trong vấn đề này, có hai điều cần được chú trọng: Một là, tất cả các ứng viên đều phải có lương tri; yếu tố này thường khi bị thiếu, và các môn sinh nên nhớ rằng những kẻ cuồng tín mất thăng bằng thì không phải là những thành viên đáng mong muốn của Thánh Đoàn. Sự thăng bằng, một ý thức tỉ lệ đúng đắn, một sự xem xét thích đáng các điều kiện xung quanh, và một lương tri lành mạnh, là những dấu hiệu của huyền bí gia chân chính. Khi có thêm một ý thức hài hước thực sự, thì sẽ tránh được nhiều nguy hiểm. Hai là, một sự nhận thức về *thời gian*, và một khả năng tiến hành chậm rãi khi thực hiện các thay đổi trong chế độ ăn uống và trong những thói quen của một kiếp sống. Mọi sự trong thiên nhiên đều tiến triển [198] chậm rãi, và các ứng viên phải học chân lý huyền bí của câu nói: – “Hãy nhanh lên một cách chậm rãi.” Một tiến trình loại bỏ dần dần thường là con đường minh triết, và thời kỳ loại trừ này—vốn ít khi có ở những điều kiện lý tưởng—nên bao gồm giai đoạn mà chúng ta gọi là giai đoạn của người chí nguyện, sao cho khi hành giả trở thành một ứng viên điểm đạo thì y đã thực hiện được sự thanh lọc chuẩn bị cần thiết về chế độ ăn kiêng.

Qui luật 7.

Người đệ tử hãy chuyển sự chú ý của y đến việc phát ra các âm thanh vốn vang dội trong những hành lang mà Chân sư tán bộ. Y chớ nên phát ra những nốt thấp kém vốn đánh thức sự rung động bên trong các phòng Áo ảnh.

Người đệ tử nào muốn vào bên trong các Cửa Điểm Đạo, không thể làm thế cho đến khi y đã học được quyền

năng của lời nói và quyền năng của sự im lặng. Điều này có một ý nghĩa sâu, rộng hơn là có lẽ ở vẻ bề ngoài, bởi vì nếu được diễn giải đúng đắn, nó nắm giữ chìa khóa cho cuộc biểu lộ, manh mối cho các đại chu kỳ, và sự tiết lộ mục đích nằm dưới chu kỳ hoàn nguyên (pralaya). Cho đến khi hành giả thấu hiểu được ý nghĩa của lời được nói ra, và cho đến khi y sử dụng được sự im lặng của những chốn cao siêu để mang lại các kết quả mong muốn trên cõi này hay cõi khác, nếu không thì y không thể được nhận vào các lĩnh vực mà trong đó mỗi âm thanh và mỗi lời được thốt ra đều tạo nên những kết quả mạnh mẽ trong một loại vật chất nào đó, được làm sinh động bởi hai yếu tố chính, (a) ý chí mạnh mẽ, được áp dụng một cách khoa học, và (b) động cơ đúng đắn, được thanh luyện trong các lửa.

Một vị Chân sư là một vị sáng tạo trong vật chất cõi trí, một vị phát khởi các xung lực trên cõi trí, nhờ đó tạo ra các kết quả trong sự biểu lộ cảm dục hay hồng trần. Những kết quả này rất mạnh mẽ và hữu hiệu, do đó vị sáng tạo phải có tư tưởng thanh khiết, lời nói chính xác, và [199] hành động khéo léo. Khi ứng viên nhận thức được các ý niệm này, thì hậu quả tức thời sẽ là những thay đổi quan trọng trong đời sống hằng ngày. Để sử dụng thực tế, chúng ta có thể kể ra những thay đổi này như sau:

a. Các động lực sẽ được xem xét kỹ và các xung lực phát khởi hành động sẽ được kiểm tra nghiêm ngặt. Vì thế, trong năm đầu tiên khi ứng viên hiến dâng y cho công việc chuẩn bị cho điểm đạo, mỗi ngày ba lần, y sẽ viết ra một miêu tả về những nghiên cứu mà y theo đuổi liên quan đến các động cơ của y, hay nguyên nhân chính của hành động.

b. Y sẽ xem chừng lời nói, và cố gắng loại bỏ tất cả những lời bất hảo, không cần thiết và lãng phí. Y sẽ nghiên

cứu các hiệu quả của lời nói, truy trở lại tới các xung lực khởi nguồn mà trong mỗi trường hợp, phát khởi hành động ở cõi trần.

c. Ứng viên sẽ vun bồi sự im lặng, cẩn thận giữ gìn sự im lặng nghiêm ngặt về bản thân, công tác hoặc kiến thức huyền bí của họ, công việc của những người cộng sự, và công tác của nhóm huyền bí của họ. Chỉ trong phạm vi của nhóm hay trong quan hệ với thượng cấp, mới được phép có một mức độ tự do nào đó trong lời nói thật khôn ngoan. Cũng có thời gian cần nói. Đó là khi có thể phục vụ nhóm bằng những lời nói khôn ngoan, bằng cách thận trọng nêu lên những điều kiện, tốt hay xấu, và có những lời, tuy hiếm khi nhưng cần thiết, nói với một huynh đệ về đời sống nội tâm, hoặc với thượng cấp hay một nhóm viên chức, trong những trường hợp một huynh đệ có thể là do một sự sai lầm nào đó mà đang gây trở ngại, hoặc có thể trợ giúp nhóm nếu được đưa vào công tác khác.

d. Y sẽ nghiên cứu hiệu quả của Thánh Ngữ và chuẩn bị các [200] điều kiện để sử dụng nó một cách khôn ngoan. Việc xướng đọc Thánh Ngữ, và hiệu quả của nó trên một trung tâm huyền bí cụ thể (bất luận trường hợp nào cũng không phải là một trung tâm trong thể xác) sẽ được theo dõi, và cuộc sống do đó bị ảnh hưởng và được điều chỉnh.

Ứng viên điểm đạo phải đảm nhiệm toàn bộ vấn đề nghiên cứu về âm thanh và về lời nói, thuộc linh từ hay loại khác. Đây là điều mà mọi nhóm huyền bí phải đối mặt với nỗ lực nhiều hơn để thực hiện.

Quy luật 8.

Khi người đệ tử đến gần Cửa Điểm Đạo, Bảy Cái Lớn phải được đánh thức và mang lại sự đáp ứng từ bảy cái nhỏ trên

vòng kép.

Qui luật này thật rất khó khăn, và hàm chứa các yếu tố nguy hiểm cho người nào đảm nhận quá sớm việc dẫn bước lên con đường cuối cùng. Có thể diễn giải nó sát nghĩa như sau: Vị điểm đạo đồ tương lai phải phát triển phần nào sự rung động của bảy luân xa bên trong đầu, do đó cuốn vào hoạt động rung động gia tăng của bảy luân xa trong thể dĩ thái; qua rung động hồ tương, cũng ảnh hưởng đến bảy trung tâm trong thể xác, chúng không khỏi bị kích thích khi các luân xa dĩ thái gần đến mức rung động tối đa của chúng. Không cần phải mở rộng điểm này ngoài việc nêu ra rằng khi bảy luân xa bên trong đầu trở nên đáp ứng với Chân nhân, thì bảy trung tâm sau đây,

1. Đầu, xem như một đơn vị,
2. Tim,
3. Cổ họng,
4. Nhật tùng,
5. Chót xương sống, **[201]**
6. Lá lách,
7. Các cơ quan sinh dục,

cũng chịu ảnh hưởng, nhưng bị ảnh hưởng về mặt thanh lọc và kiểm soát. Điều này sẽ tạo ra các kết quả trong các cơ quan đứt khoát thuộc về thể xác, mà qua đó con người hoạt động ở cõi trần. Ví dụ: – Bất giờ người ta có thể hữu ý chuyển lửa và năng lượng sáng tạo từ các cơ quan sinh dục đến luân xa cổ họng, hoặc, qua sự kiểm soát hữu thức luân xa tim, khiến thể xác ngưng hoạt động. Điều này không đạt được qua cái gọi là những cách thực hành Hatha Yoga, hoặc do tập trung chú ý vào các cơ quan của thể xác, mà nhờ phát triển sự kiểm soát của Thượng Đế nội tâm, hoạt động qua luân xa đầu và do đó chi phối tất cả các luân xa khác.

Vì thế, ứng viên sẽ hướng mọi năng lượng của mình về việc phát triển sự sống tinh thần, sự phát triển này sẽ là thành quả của suy tư đúng đắn, tham thiền, và phụng sự. Nhờ nghiên cứu sâu xa tất cả những điều cần biết liên quan đến năng lượng và các tụ điểm năng lượng, y sẽ điều hợp cuộc sống của mình để sự sống tinh thần có thể lưu chuyển qua đó. Hiện nay, sự nghiên cứu này chỉ có thể được thực hiện một cách an toàn trong công tác tập thể, dưới sự hướng dẫn của một vị Huấn sư; các môn sinh sẽ tự cam kết không cho phép thí nghiệm trên sự sống của chính họ, và không bắt cần đùa với các loại lửa trong cơ thể. Họ chỉ việc chú tâm vào việc tìm hiểu lý thuyết và một cuộc sống phụng sự.

Bấy giờ, các luân xa sẽ phát triển một cách bình thường, trong khi ứng viên dồn hết chú tâm hoàn toàn thực sự yêu thương huynh đệ mình, hết lòng phụng sự, suy tư một cách thông minh, và luôn luôn xem xét bản thân kỹ lưỡng. Y sẽ ghi lại tất cả những điều gì trong cuộc sống nội tâm của mình có vẻ như liên quan đến sự phát triển của các luân xa. Sự ghi chép này có thể [202] được vị Huấn sư xem xét, bình luận, suy diễn, và phần kiến thức thu hoạch như thế sẽ được lưu trữ cho cả nhóm tham khảo. Theo cách này, có thể lưu trữ nhiều kiến thức để sử dụng.

Ứng viên nào lạm dụng kiến thức, mê theo những lối tập như là “thở để phát triển,” hoặc tập trung vào các luân xa, thì sẽ không khỏi thất bại trong cố gắng đi đến cửa điểm đạo, và sẽ trả giá nơi bản thân bằng triệu chứng điên cuồng, các tình trạng suy nhược thần kinh, và các bệnh tật khác nhau của thể xác.

Qui luật 9.

Người đệ tử hãy tự hòa nhập vào nhóm gồm các bản ngã khác

của y . Hãy để cho chỉ một màu sắc hòa hợp họ, và tính thống nhất của họ xuất hiện. Chỉ khi nào nhóm được biết và được cảm nhận thì năng lượng mới có thể được phát ra một cách khôn ngoan.

Có một điều mà mọi đệ tử và ứng viên điểm đạo phải làm là tìm ra nhóm phụng sự viên cụ thể nào mà họ thuộc vào đó trong nội giới, nhận ra những người đó ở cõi trần, và kết hợp với họ trong công cuộc phụng sự nhân loại. Sự nhận biết này sẽ dựa trên:-

- a. Sự thống nhất mục đích.
- b. Sự rung động duy nhất.
- c. Sự đồng nhất trong mối quan hệ tập thể.
- d. Các liên kết nghiệp quả lâu dài.
- e. Khả năng làm việc trong mối quan hệ hài hòa.

Xem qua, qui luật này có thể có vẻ là một trong những qui luật dễ dàng nhất, nhưng trong thực hành thì không phải vậy. Rất dễ vấp phải những sai lầm, và vấn đề làm việc hài hòa trong sự cộng tác tập thể không phải là điều quá đơn giản như ta có thể thấy ở bề ngoài. Sự rung động và mối quan hệ giữa các Chân nhân có thể hiện hữu, nhưng các phàm nhân bên ngoài có thể không hòa hợp. Vậy, công việc của ứng viên là tăng cường sự chế ngự của Chân nhân y đối với phàm nhân y, sao cho mỗi quan hệ [203] tập thể ở nội môn có thể xảy ra ở cõi trần. Y sẽ làm điều này bằng cách áp dụng giới luật vào phàm nhân của chính y, chứ không phải bằng cách sửa đổi các huynh đệ y.

Qui luật 10.

Đạo quân Âm thanh, là hàng ngũ đông đảo các thiên thần, đang làm việc không ngừng. Người đệ tử hãy chú tâm xem xét các phương pháp của họ; y hãy học các qui luật mà Đạo quân này dùng làm việc bên trong các bức màn Ảo ảnh.

Qui luật này nói về công tác khảo cứu huyền bí, mà đến lúc nào đó mọi ứng viên điểm đạo đều phải theo đuổi. Dù rằng đối với người chưa được điểm đạo thì việc can thiệp vào cuộc tiến hóa song hành của các thiên thần là không an toàn, nhưng điều cần thiết và an toàn là khảo cứu tiến trình mà các thần kiến tạo theo đuổi, và các phương pháp họ đi theo, trong việc sao chép từ mô hình nguyên thủy, xuyên qua các cấp dĩ thái, những gì mà chúng ta gọi là sự biểu lộ trên cõi trần; các âm thanh của họ phải được nhận thức phần nào về mặt lý thuyết, và những âm thanh mà qua đó họ bị cuốn vào hoạt động phải được xem xét. Vì thế, điều này bao gồm việc nghiên cứu có hệ thống của các ứng viên, về:-

1. Mục đích của âm thanh.

2. Ý nghĩa nội môn của các từ ngữ, của ngữ pháp, và cú pháp.

3. Các định luật về rung động và về điện, và nhiều cuộc nghiên cứu phụ thuộc khác, liên quan đến sự biểu lộ của thiên tính và tâm thức qua trung gian của chất liệu thiên thần và hoạt động của các thiên thần kiểm soát. Ứng viên sẽ khảo cứu các định luật của đại vũ trụ, và nhận thức được sự tương ứng giữa các hoạt động của tiểu vũ trụ, và sự biểu lộ linh hoạt của đại vũ trụ. [204]

Qui luật 11.

Người đệ tử hãy chuyển lửa từ tam giác thấp lên tam giác cao, và bảo tồn những gì được tạo ra nhờ lửa của điểm trung gian.

Qui luật này theo sát nghĩa hàm ý là vị điểm đạo đồ phải kiểm soát xung lực giới tính, như chúng ta thường hiểu, và chuyển lửa hiện đang bình thường làm sinh động các cơ quan sinh dục, lên luân xa cổ họng, như vậy dẫn đến sự sáng

tạo trên cõi trí nhờ tác dụng của thể trí. Bấy giờ, những gì được sáng tạo phải được nuôi dưỡng và được bảo tồn bằng năng lượng bác ái của thiên nhiên, phát ra từ luân xa tim.

Tam giác thấp được đề cập đến là:-

1. Nhật tùng.
2. Chót xương sống.
3. Các cơ quan sinh dục.

Trong khi tam giác cao được nêu ra là:-

1. Đầu.
2. Cổ họng.
3. Tim.

Vừa xem qua, độc giả hỏi hột có thể giải thích rằng đây là huấn thị cho đời sống độc thân, và ứng viên phải cam kết kiêng cử mọi biểu hiện của xung lực tính dục ở cõi trần. Không phải thế đâu. Nhiều điểm đạo đồ đã đạt được mục tiêu khi đang tham gia vào quan hệ hôn nhân một cách khôn ngoan và thích đáng. Vị điểm đạo đồ vun bồi một thái độ trí tuệ đặc biệt, nhìn nhận rằng mọi hình thể biểu hiện đều thiêng liêng, và cõi trần cũng là một hình thức biểu lộ thiêng liêng như bất cứ cõi nào cao siêu hơn. Vị này nhận thức rằng sự biểu hiện thấp nhất của thiên tính phải được đặt dưới sự chế ngự hữu thức của thiên tính đó ở nội tâm, và [205] mọi loại hành vi đều nên được điều hòa bằng cách cố gắng hoàn thành mọi bổn phận và nghĩa vụ, kiểm soát mọi hành động và việc làm, sử dụng thể xác để giúp ích cho sự tiến bộ tinh thần của tập thể và hoàn thành định luật một cách hoàn hảo.

Không phủ nhận rằng, ở một số giai đoạn, có thể thật là thích hợp để hành giả hoàn toàn kiểm soát theo một đường lối đặc biệt nào đó nhờ một sự tạm thời kiêng cử, nhưng đó chỉ là một phương tiện để tiến đến một mục đích, và khi đã đạt được sự kiểm soát, thì hành giả thể hiện một cách hoàn

hảo các thuộc tính thiêng liêng qua trung gian của thể xác, và mỗi luân xa sẽ được sử dụng một cách bình thường và sáng suốt, và do đó thúc đẩy các mục đích của nhân loại.

Trong nhiều trường hợp các điểm đạo đồ và các Chân sư vẫn kết hôn, và thực hiện các bổn phận của mình một cách bình thường với tư cách người chồng, người vợ, và người gia trưởng, nhưng tất cả mọi bổn phận đều được kiểm soát và được điều chỉnh bởi mục đích và ý định, và ai bị lôi cuốn bởi đam mê hay dục vọng. Nơi người hoàn thiện ở cõi trần, tất cả các luân xa đều ở dưới sự kiểm soát hoàn toàn, và năng lượng của chúng được sử dụng một cách hợp pháp. Ý chí tinh thần của Đấng Thượng Đế thiêng liêng nội tâm là yếu tố chính, và sẽ có một sự thống nhất nỗ lực được biểu lộ trên mọi cõi qua mọi luân xa để mang lại lợi ích lớn nhất cho tuyệt đại đa số.

Sở dĩ điểm này được bàn đến vì có quá nhiều môn sinh đi lệch trên các vấn đề này, và hoặc là vun bồi một thái độ trí tuệ khiến cho trọn cả bản tính bình thường của thân xác bị suy nhược, hoặc buông thả trong một sự truy hoan bừa bãi, viện có có vẻ hợp lý là để “kích thích các luân xa,” và do đó làm phát triển bản tính cảm dục. Vị điểm đạo đồ đích thực sẽ được nhận biết bởi tính cách bình thường khôn ngoan và thánh thiện, bởi việc y luôn tuân thủ những gì tốt đẹp nhất cho tập thể như được nhấn mạnh bởi các luật tập thể của đất nước, bởi việc y kiểm soát và kiểm chế mọi [206] hình thức thái quá, và bởi y nêu gương cho những người cộng sự chung quanh về sinh hoạt tinh thần và sự chính trực đạo đức, cùng với giới luật của cuộc sống y.

Qui luật 12.

Người đệ tử hãy học cách dùng bàn tay trong việc phụng sự;

y hãy tìm nơi đôi bàn chân mình dấu hiệu của vị sứ giả, và hãy học cách thấy bằng con mắt nhìn ra ngoài từ giữa hai mắt kia.

Khi đọc lần đầu, qui luật này có vẻ dễ giải thích, và dường như dạy điểm đạo đồ hãy dùng đôi bàn tay để phụng sự, dùng đôi chân để đi lo công việc của Thánh Đoàn, và phát triển thần nhãn. Nhưng thực nghĩa huyền bí hơn nhiều. Hiểu theo nghĩa huyền bí, “dùng đôi bàn tay” là sử dụng các luân xa trong lòng bàn tay để:-

- a. Chữa trị các loại bệnh của thể xác.
- b. Ban phúc lành, và do đó chữa trị các loại bệnh tình cảm.
- c. Đưa lên khi cầu nguyện, hoặc dùng các luân xa của bàn tay trong tham thiền để vận dụng vật chất các dòng trí tuệ.

Cần phải xem xét cẩn thận ba điểm này, và các môn sinh Tây phương có thể học hỏi được nhiều khi nghiên cứu cuộc đời của Đức Christ, và xem xét các phương pháp Ngài sử dụng đôi bàn tay. Không thể bàn nhiều hơn ở đây, vì chủ đề này quá rộng lớn nên không thể mở rộng trong phần bình luận vắn tắt này.

“Dấu hiệu của sứ giả” ở đôi bàn chân, là nói đến biểu tượng nổi tiếng về đôi cánh trên gót chân của thần Mercury. Nhiều chi tiết về chủ đề này sẽ được tiết lộ cho những môn sinh nào trong các trường bí giáo muốn thu thập tất cả những gì có thể tìm được liên quan đến vị Sứ giả của các Thần, cũng sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng thông tin mà các môn sinh chiêm tinh đã thu thập được về hành tinh Thủy tinh, và các môn sinh huyền bí đã thu được về vòng tuần hoàn nội tại.

Theo bề ngoài, lời phát biểu “con mắt nhìn ra từ giữa hai mắt” dường như có nghĩa là con mắt thứ ba mà những

nhà nhân thông sử dụng, nhưng ý nghĩa còn sâu xa hơn thế rất nhiều và được che giấu trong các sự việc sau đây:-

a. Nội nhân thông là điều mà mọi sinh linh có ngã thức, từ một vị Thượng Đế đến con người, đều đang trong tiến trình phát triển.

b. Chân nhân, hay Chân ngã, theo sát nghĩa là điều mà đối với Chân thần cũng như con mắt thứ ba là đối với con người, và do đó, một bên là Chân thần, bản ngã tinh thần được mô tả như nhìn ra từ giữa, và bên kia là phàm ngã.

Vì vậy, với ý nghĩa đầy đủ nhất, qui luật này khuyến khích ứng viên phát triển ngã thức, và như vậy học cách hoạt động trong thể nguyên nhân ở các phân cảnh cao của cõi trí, từ đó kiểm soát tất cả các hạ thể, và thấy rõ được tất cả những gì có thể được thấy trong ba cõi thấp, trong quá khứ và trong tương lai.

Qui luật 13.

Có bốn điều người đệ tử phải học và hiểu trước khi y có thể được cho thấy bí nhiệm sâu kín nhất: thứ nhất, các định luật về những gì phát quang; hai là năm ý nghĩa của sự từ hóa; ba là sự chuyển hóa hay là bí nhiệm thất truyền của khoa luyện kim; và sau hết là chữ đầu tiên của Linh từ đã được truyền thụ, hay là danh xưng ẩn giấu của Chân nhân.

Không thể mở rộng qui luật này. Nó liên quan đến các bí nhiệm và những chủ đề quá rộng lớn không thể bàn đầy đủ ở đây. Nó được [208] bao gồm trong các qui luật này sao cho nó có thể trở tạo thành một chủ đề cho tham thiền, cho nghiên cứu, và cho thảo luận tập thể.

Qui luật cuối cùng rất ngắn và chỉ gồm có năm từ.

Qui luật 14.

Lắng nghe, tiếp xúc, thấy, áp dụng, biết.

Các từ này liên quan đến điều mà người Thiên Chúa giáo có thể gọi một cách thích hợp là sự hiến dâng ba giác quan chính yếu, và việc sử dụng chúng trong cuộc tiến hóa của sự sống tinh thần nội tại; sau đó là việc áp dụng được thực hiện về những gì đã được học và được biết chắc, được theo sau bởi thành quả là kiến thức được nhận thức. [209]



VẤN ĐÁP GIÁO HUẤN NỘI MÔN

Sau đây là những lời từ Văn khố XIII, của Hồ sơ của các Chân sư, mang với chúng một thông điệp dành cho người đang phấn đấu trên Đường Đạo. Chúng hơi theo đường lối của một cuốn sách giáo lý vấn đáp cổ xưa, và thường được những người tham dự các bí nhiệm cấp thấp đọc thuộc lòng, trước khi họ chuyển vào các bí nhiệm lớn hơn.

Hỡi Hành giả, bạn thấy gì? Hãy ngược mắt lên và nói cho biết những gì bạn thấy.

Tôi thấy một cái thang, vươn lên trong vòm trời xanh biếc, chân thang bị che khuất trong những đám sương mù bao quanh hành tinh chúng ta.

Hỡi Hành giả, bạn đứng ở đâu? Bạn đang đặt chân lên đâu?

Tôi đang đứng trên một nấc thang, gần đạt được phần thứ tư; phần sau của nó trải dài trước mắt tôi, vào trong bóng tối của đêm giông tố. Cao hơn phạm vi hoàn toàn u tối đó, tôi thấy chiếc thang lại vươn lên, rục rịch và chói lọi ở phần thứ năm của nó.

Điều gì đánh dấu các phần mà bạn mô tả như thể là riêng biệt với một phần khác? Chẳng phải tất cả hợp thành chỉ một cái thang đầy đủ, gồm những phần được đánh dấu rõ rệt hay sao?

Luôn luôn có một khoảng trống xuất hiện trước mắt, mà (khi chúng ta đến gần hơn) nó tự chuyển thành một Thập giá, nhờ đó mà người ta leo lên tới phần kế tiếp. **[210]**

Vậy thì điều gì tạo nên Thập giá này? Nó giúp bạn leo lên như thế nào?

Thập giá được tạo bằng những nguyện vọng tinh thần, được thấm nhuần bởi sự thôi thúc thiêng liêng, cắt ngang qua các dực vọng hạ giới, bị nhiễm bởi cuộc sống được phát triển từ cõi thấp.

Hãy giải thích rõ hơn điều bạn muốn nói, và làm thế nào mà Thập giá ấy trở thành Đường Đạo.

Các cánh tay của Thập giá trở thành đường phân chia lớn được đặt giữa cái thấp và cái cao. Đôi tay bị đóng đinh trên các cánh tay này, – là những bàn tay nắm và giữ, phục vụ cho các nhu cầu thấp thỏi, được huấn luyện như thế qua nhiều thời kỳ lâu dài. Xem kìa, khi đôi tay trở nên bất lực, và không thể nắm và giữ, thì sự sống nội tại thoát khỏi lớp vỏ của nó, leo lên phần chi thẳng đứng. Nó vượt khỏi phần thứ tư thấp kém, và Thập tự giá bắt đầu qua khoảng trống.

Người ta có dễ dàng leo lên phần chi thẳng đứng và để lại phần thứ tư phía sau hay không?

Họ vượt qua qua nước mắt, qua những đám mây và sương mù; họ đau khổ và họ chết. Họ già từ tất cả các bạn bè ở trần gian; họ đơn độc leo lên Đường Đạo; họ bắt đầu qua khoảng trống với những hành động yêu thương được thực hiện trong nỗi đau khổ của cuộc sống; họ đưa một tay lên cao tới Vị đứng ngay phía trên; họ thả một tay xuống cho người đứng kế tiếp bên dưới. Những bàn tay, được thoát khỏi các

cánh tay nằm ngang (của Thập Giá), thì được tự do nhưng bị giữ lại. Chỉ có những bàn tay trống không và có dấu đinh mới có thể giữ cho dây chuyền liên tục.

Chiều dài của cái thang chằm dút ở đâu? Nơi tối tăm nào nó xuyên qua và phần cuối thang phóng đến đâu?

Nó cắt ngang bầu trời trong sáng với vô vàn hình thể trong đó; [211] nó xuyên qua cõi của nước, bị những triều sóng xoáy cuốn trôi; nó đi qua địa ngục sâu thẳm, đắm chìm vào ảo ảnh dày đặc nhất, và tận cùng trong ngọn lửa tiềm ẩn, hồ lửa tan chảy bùng cháy dữ dội, tiếp xúc với các cư dân của lửa, là các hoá thân của nguồn nhiệt đỏ rực.

Cái thang kéo dài đến tận đâu? Đâu là tuyệt đích của nó?

Nó vượt qua các bầu trời chói rạng, qua tất cả sáu phần của chúng. Nó vươn lên đến Ngôi đại hùng trong phần thứ năm cuối cùng, và từ đó đến một Ngôi khác còn cao hơn.

Đấng nào ngự trên Ngôi đại hùng trong phần thứ năm cuối cùng?

Thánh danh Ngài chúng ta không nên đề cập đến, trừ khi với lòng hoàn toàn sùng kính; Đấng Vĩnh Cửu Thanh Xuân, Ánh Sáng của chính Sự Sống, Đấng Kỳ Diệu, Đấng Thái Cổ, vị Chúa Bác Ái của Kim tinh, vị Đại Thiên Tôn với Thanh guom Sáng rực, Đấng Hòa Bình của hoàn cầu.

Ngài ngồi một mình, Đấng Kỳ Diệu, trên ngôi ngọc bích của Ngài hay sao?

Ngài ngồi một mình, nhưng kế bên Ngài trên các bậc cầu vòng có ba vị Chúa khác, đang thu thập thành quả công việc của các Ngài và hiến dâng mọi điều mà các Ngài đạt được để trợ giúp vị Chúa Tế Bác Ái.

Các Ngài có được phù trợ trong công tác của các Ngài hay chẳng? Có phải các Đấng khác có các quyền năng cao cả hơn chúng ta cũng đứng trên cái thang này hay không?

Bốn Đấng Đại Hùng này, là Hành động và Bác ái, trong sự hợp tác sáng suốt với những Huynh đệ cấp thấp của các Ngài, là ba vị Chúa Cao cả mà chúng ta đều biết. **[212]**

Ai trợ giúp những vị Chúa đại hùng này? Ai thực hiện công tác của các Ngài là nối kết cái thấp với cái cao?

Các Huynh đệ của Bác ái Thiên liêng đủ mọi cấp bậc. Các vị này ở bên trong phần thứ năm cuối cùng cho đến khi nó hấp thu tất cả phần thứ tư.

Rồi cái thang vươn lên đến đâu?

Đến Đấng Chúa Tể vĩ đại nhất trong tất cả, trước Ngài, ngay cả Đấng Thái Cổ cũng nghiêng mình tuân phục; trước Ngôi ánh sáng huy hoàng của Ngài, các Thiên thần cao cấp nhất, các Chân sư và các vị Chúa vô cùng Từ Bi đều phủ phục, và nghiêng mình kính cẩn, chờ đợi *Linh từ* trỗi lên.

Khi nào Linh từ đó trỗi lên và điều gì xảy ra khi nó vang dội qua các bầu thế giới?

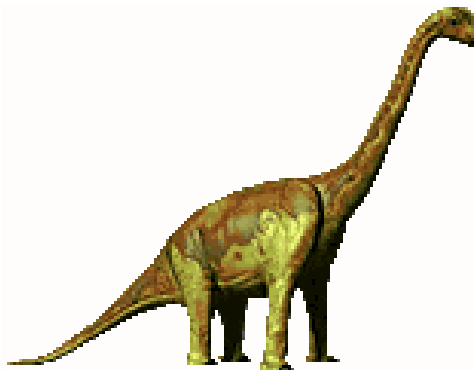
Linh từ đó chỉ ngân lên khi tất cả đã được thực hiện, khi Đấng Chúa Tể Bác ái Vô tận cho rằng công tác đã đúng cách. Bấy giờ Ngài xướng lên một *Linh từ* thứ yếu rung động xuyên qua hệ thống. Đấng Chúa Tể Bác Ái vĩ trụ vĩ đại hơn, nghe thấy âm thanh này xoay quanh, bèn thêm phần hoàn tất cho hòa âm, và thổi vào toàn thể.

Hỡi Hành giả trên Đường Đạo, chúng ta sẽ thấy gì khi hòa âm cuối cùng này ngân lên?

Nhạc khúc của các bầu thế giới vô tận, sự hòa hợp của bảy; sự chấm dứt nước mắt, tội lỗi, tranh chấp, sự tan rã các hình hài; sự kết thúc của cái thang, sự hòa hợp trong Tất cả, sự hoàn thành của các bầu thế giới xoay quanh, và chúng đi vào sự thái bình.

Hỡi Hành giả trên Đường Đạo, bạn đóng vai trò nào trong hệ thống này? Bạn sẽ nhập vào sự bình an bằng cách nào? Làm thế nào để đứng trước Đấng Chúa Tể của bạn?

Tôi thực hiện phần việc của mình với sự quyết tâm cứng rắn, với nguyện vọng thiết tha; [213] tôi hướng về bên trên, tôi giúp đỡ phía dưới; tôi không mơ mộng cũng không ngại ngùng; tôi tận lực làm việc; tôi phụng sự; tôi thu hoạch; tôi cầu nguyện; tôi là Thập giá; tôi là Đường Đạo; tôi dẫn bước trên công trình mà tôi thực hiện; tôi vượt lên trên phạm ngã đã chết của tôi; tôi diệt trừ dục vọng, và tôi phấn đấu, quên hết mọi phần thưởng. Tôi từ bỏ sự bình an; tôi giã từ sự ngại ngùng, và trong sự cố gắng đầy đau khổ, tôi đánh mất phạm ngã của tôi và tìm thấy Chân ngã của tôi và tôi nhập vào sự bình an. [215]



[215]

NGŨ GIẢI

Cao đồ (Adept). Một Chân Sư, hay người đã đi qua con đường tiến hóa và bước vào giai đoạn cuối cùng của Thánh đạo, là Con Đường Điểm Đạo, đã được năm lần điểm đạo và do đó đã chuyển vào Giới Thứ Năm, hay giới Tinh Thần, chỉ còn phải đạt hai Cuộc Điểm Đạo nữa.

Cõi Tội Đại Niết Bàn (Adi). Cõi Thứ Nhất; cõi nguyên thủy; cõi nguyên tử của thái dương hệ; cõi cao nhất trong bảy cõi.

Agni. Hỏa Tinh Quân trong kinh Veda. Là vị thần lâu đời nhất và được tôn kính nhất trong các Thần ở Ấn Độ. Một trong ba vị thần vĩ đại là Agni, Vayu và Surya, và cũng là cả ba, vì Ngài là trạng thái tam phân của lửa; lửa là bản chất của thái dương hệ. Kinh Thánh nói: "Thiên Chúa của chúng ta là một ngọn lửa thiêu hủy." Đó cũng là biểu tượng của cõi trí mà Agni là chúa tể tối cao của cõi đó.

Agnichaitans. Một nhóm các hỏa thần.

Atlantis. Lục địa đã bị chìm trong Đại Tây Dương, theo giáo lý huyền bí và Plato. Atlantis là trú sở của Căn Chủng Thứ Tư, mà bây giờ chúng ta gọi là những người Atlantis.

Antahkarana. Con đường, hoặc cầu nối, giữa thượng trí và hạ trí, dùng như là một phương tiện giao tiếp giữa cả hai. Nó được xây dựng bởi chính người chí nguyện trong vật chất cõi trí.

Đạo Viện (Ashram). Trung tâm mà Chân Sư tập hợp các đệ tử và những người chí nguyện để giáo huấn cá nhân.

Linh Thể (Atma). Tinh Thần Phổ Quát; Chân Thần thiêng liêng; Nguyên Khí thứ bảy; được gọi như vậy trong cấu tạo thất phân của con người. (Xem sơ đồ trong Phần Giới Thiệu.)

Phụ cảnh Nguyên tử (Atomic Subplane). Vật chất của thái dương hệ được các nhà huyền bí chia thành bảy cõi hoặc trạng thái, trong đó cõi cao nhất là cõi nguyên tử. Tương tự, mỗi cõi trong bảy cõi được chia thành bảy phụ cảnh, trong đó phụ cảnh cao nhất được gọi là phụ cảnh nguyên tử. Do đó, có bốn mươi chín phụ cảnh, và trong đó có bảy phụ cảnh nguyên tử.

Hào quang (Aura). Một tinh chất hoặc lưu chất vô hình tinh tế phát ra từ cơ thể người và động vật, và thậm chí từ các đồ vật. Nó là một sự phóng phát tâm linh, có tính chất vừa trí tuệ vừa thể chất. Nó là sinh khí điện, và cũng là trí tuệ điện.

Noãn hào quang (Auric egg). Một tên gọi đã được dành cho thể nguyên nhân do hình thức của nó.

Bồ tát (Bodhisattva). Theo sát nghĩa, Ngài có tâm thức đã trở thành trí thông tuệ, hoặc bồ đề. Những vị này chỉ cần một lần đầu thai nữa để trở thành vị phật hoàn thiện. Khi được sử dụng trong những lá thư này, Bồ tát là tên của chức vụ mà Bồ Tát Di Lặc (Lord Maitreya) hiện đang giữ, mà ở phương Tây, Ngài được biết là Đức Christ. Chức vụ này có thể được diễn giải là chức vụ Chưởng Giáo (World Teacher). Bồ tát là Vị Lãnh Đạo của tất cả các tôn giáo trên thế giới, và là Chân Sư của các Chân Sư và của các thiên thần.

Đức Phật (The Buddha). Tên được đặt cho Phật Gautama. Sinh ra ở Ấn Độ vào khoảng năm 621 trước Công nguyên, Ngài đã trở thành một vị Phật hoàn thiện vào năm 592. Đức Phật là một người "Giác Ngộ" và đã đạt được mức độ hiểu biết cao nhất có thể có đối với con người trong thái dương hệ này. [217]

Bồ Đề (Buddhi). Linh hồn hay Trí Tuệ Phổ Quát. Đó là hồn thiêng trong con người (Nguyên Khí Thứ Sáu), và do đó là hiện thể của Atma, Tinh thần, vốn là Nguyên Khí Thứ Bảy.

Thể Nguyên Nhân. Theo quan điểm của cõi trần, thì thể này không có thể chất, cả chủ quan hoặc khách quan. Tuy nhiên, nó là trung tâm của tâm thức Chân ngã, và được hình thành từ sự kết hợp của bồ đề và chất trí (manas). Nó tương đối trường tồn và tồn tại suốt chu kỳ lâu dài gồm nhiều kiếp luân hồi, và chỉ bị tiêu tan sau cuộc điếm đạo thứ tư, khi nhu cầu cho sự tái sinh thêm nữa của một người không còn tồn tại.

Đế Quân (Chohan). Chúa Tế, Chân Sư, một Cấp cao nhất. Trong cuốn sách này, nó đề cập đến những vị Adepts đã tiếp tục tiến lên và được điếm đạo lần thứ sáu.

Thần (Deva) (hay Thiên thần). Một vị thần. Trong tiếng Phạn là một vị thần sáng chói. Một Thần là một sinh linh cõi trời, dù tốt, xấu hay trung tính. Chư thiên được chia thành nhiều nhóm, và được gọi không chỉ là các thiên thần và các tổng lãnh thiên thần, mà còn là những nhà kiến tạo nhỏ và lớn.

Các Nhóm Chân ngã. Trên phân cảnh thứ ba của cõi thứ năm, là cõi trí, có các thể nguyên nhân của các cá nhân nam và nữ. Những thể này, vốn là biểu lộ của Chân ngã, hoặc của

ngã thức được biệt ngã hóa, được tập hợp lại thành các nhóm theo cung hoặc tính chất của Chân ngã cụ thể có liên quan.

Các Tinh Linh (Elementals). Các Tinh Thần của các nguyên tố; các sinh vật bao gồm bốn giới, hoặc các nguyên tố, Đất, Khí, Lửa, và Nước. Ngoại trừ một số thuộc loại cao hơn và chủ thể cai quản họ, thì họ là các mãnh lực thiên nhiên hơn là những người nam và nữ siêu phàm. [218]

Thể dĩ thái (Etheric double, bản sao dĩ thái). Thể vật lý của một người, theo giáo lý huyền bí, gồm hai phần, thể xác trọng trực và thể dĩ thái. Thể xác trọng trực được hình thành từ vật chất của ba phân cảnh thấp nhất của cõi trần. Thể dĩ thái được hình thành từ bốn phân cảnh cao nhất hoặc các phân cảnh dĩ thái của cõi trần.

Nguyên Khí Thứ Năm. Nguyên khí trí tuệ; là khả năng trong con người vốn là nguyên khí suy tư thông minh, và vốn phân biệt con người với động vật.

Fohat. Điện vũ trụ; ánh sáng nguyên thủy; năng lượng điện hằng hữu; các mãnh lực quan trọng thúc đẩy của vũ trụ, quyền năng hủy diệt và cấu tạo không ngừng; sự tổng hợp của nhiều dạng hiện tượng điện.

Đạo Sư (Guru). Huấn Sư Tâm Linh. Một Chân Sư trong các học thuyết siêu hình và đạo lý.

Huyền Giai (Hierarchy). Nhóm các Đấng tinh thần trên các nội cảnh giới của thái dương hệ, các Ngài là những mãnh lực thông minh của thiên nhiên, và kiểm soát các quá trình tiến hóa. Bản thân các Ngài được chia thành mười hai Huyền

Giai. Trong hệ hành tinh của chúng ta, là hệ địa cầu, có một phản ánh của Huyền Giai này, được nhà huyền bí gọi là Thánh Đoàn Huyền Bí. Thánh Đoàn này được hình thành từ các Đế Quân, các cao đồ, và các điểm đạo đồ làm việc qua các môn đệ của họ, và, bằng phương tiện này, làm việc trên thế gian. (Xem sơ đồ trang 48.)

Các Cuộc Điểm Đạo. Từ gốc Latin có nghĩa là các nguyên tắc đầu tiên của bất kỳ khoa học nào. Quá trình thâm nhập vào những bí nhiệm của khoa học về Chân ngã và về Bản Ngã Duy Nhất trong mọi bản ngã. Con Đường Điểm Đạo là giai đoạn cuối cùng của [219] con đường tiến hóa mà con người bước lên, và được chia thành năm giai đoạn, được gọi là Năm Cuộc Điểm Đạo.

Jiva. Một đơn vị tâm thức riêng biệt.

Thời Hắc Ám (Kali Yuga). "Yuga" là một thời đại hoặc chu kỳ. Theo triết lý Ấn Độ, sự tiến hóa của chúng ta được chia thành bốn yugas hoặc chu kỳ. Kali-yuga là thời hiện nay. Nó có nghĩa là "Thời kỳ Hắc Ám" ("Black Age"), một thời kỳ gồm 432.000 năm.

Nghiệp Quả (Karma). Hành động trên cõi trần. Về mặt siêu hình, là luật quả báo; luật nhân quả, hay quan hệ nhân quả về đạo đức. Có nghiệp quả khen thưởng và nghiệp quả quả phạt. Đó là quyền năng kiểm soát mọi thứ, tổng hợp của hành động đạo đức, hoặc hiệu quả đạo đức của một hành động được thực hiện để đạt được một cái gì đó làm thỏa mãn một mong muốn cá nhân.

Các Kumara. Bảy Đấng hữu ngã thức cao nhất trong thái dương hệ. Bảy vị Kumara này biểu lộ qua trung gian của một hệ hành tinh theo cùng cách như con người biểu lộ qua trung gian của một thể vật lý. Các Ngài được người Ấn Độ gọi là "các con trí-sinh của Brahma", trong số những tên khác. Các Ngài là tổng hợp của trí thông tuệ và minh triết. Trong hệ hành tinh, sự phản ánh của trật tự thái dương hệ cũng được nhìn thấy. Đứng đầu sự tiến hóa của thế giới chúng ta là vị Đệ Nhất Kumara, được hỗ trợ bởi sáu vị Kumaras khác, ba vị công truyền và ba vị bí truyền. Các Ngài là các tiêu điểm phân phối thần lực của các vị Kumaras của thái dương hệ.

Luồng hỏa (Kundalini). Quyền năng của sự sống: một trong những mãnh lực của thiên nhiên. Đó là một quyền năng chỉ được biết đến đối với những người thực hành định trí trong yoga, và được tập trung ở cột sống.

Lemuria. Một thuật ngữ hiện đại lần đầu tiên được sử dụng bởi một số nhà tự nhiên học và hiện được các nhà Thông Thiên Học chấp nhận để chỉ một lục địa, [220] mà theo Giáo Lý Bí Truyền của phương Đông, có trước lục địa Atlantis. Đó là trú sở của căn chủng thứ ba.

Thượng Đế (Logos). Thượng Đế được biểu lộ qua mọi quốc gia và mọi người. Sự biểu lộ ra bên ngoài, hoặc hiệu quả của nguyên nhân vốn luôn được che giấu. Như thế, lời nói là Thượng Đế của tư tưởng, do đó nó được dịch một cách thích hợp bằng "lời nói" và "linh từ" theo nghĩa siêu hình của nó. (Xem John 1: 1-3.)

Vị Chúa Văn Minh (Lord of Civilisation). (Xem Đại Đế Quân, Mahachohan.)

Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame). Một trong những Huyền Giai lớn của những thực thể tinh thần quản lý thái dương hệ. Các Ngài kiểm soát sự tiến hóa của loài người trên hành tinh này khoảng 18 triệu năm trước, ở giữa thời Lemuria hay căn chủng thứ ba.

Đại vũ trụ. Theo sát nghĩa là vũ trụ lớn; hoặc Thượng Đế biểu lộ qua cơ thể của Ngài, là thái dương hệ.

Đại Đế Quân (Mahachohan). Vị Đứng Đầu của bộ môn lớn thứ ba của Thánh Đoàn. Đấng Cao Cả này là Đức Văn Minh Bồ Tát, và là sự phát triển của nguyên khí thông tuệ. Ngài là hiện thân trên hành tinh cho trạng thái thứ ba, hay trạng thái thông tuệ của Thượng Đế trong năm hoạt động của trạng thái đó.

Đại Chu Kỳ Khai Nguyên (Mahamanvantara). Những thời kỳ trung gian lớn giữa hai thái dương hệ. Thuật ngữ này thường được áp dụng cho các chu kỳ thái dương hệ lớn. Nó ngụ ý một thời kỳ hoạt động của vũ trụ.

Trí Tuệ (Manas), hoặc nguyên khí trí tuệ. Theo sát nghĩa, là Thế trí, khả năng trí tuệ; là điều phân biệt con người với động vật đơn thuần. Đó là nguyên khí biệt ngã hóa; là nguyên khí khiến cho con người biết rằng y tồn tại, cảm giác và hiểu biết. Nó được chia, trong một số trường phái, thành hai phần, thượng trí hoặc trí trừu tượng, và hạ trí hoặc trí cụ thể. [221]

Thần chú. Những câu thơ từ kinh Vedas. Theo nghĩa công truyền, thì một câu thần chú (hoặc khả năng hoặc năng lực thần thông truyền chuyển nhận thức hoặc tư tưởng) là phần xưa hơn của kinh Vedas, phần thứ hai bao gồm các

Brahmanas. Trong thuật ngữ bí truyền thì thần chú là linh từ được cụ thể hóa, hoặc thể hiện ra thế giới khách quan qua phép thuật thiêng liêng. Một hình thức các từ hoặc các âm tiết được sắp xếp nhịp nhàng, để khi được xướng lên thì sinh ra những rung động nhất định.

Đức Bàn Cổ (Manu). Tên đại diện của Đấng vĩ đại vốn là Chủ Thể Cai Trị, tổ tiên nguyên thủy và là thủ lĩnh của loài người. Nó xuất phát từ gốc tiếng Phạn "man" – là suy tư.

Chu Kỳ Khai Nguyên (Manvantara). Một thời kỳ hoạt động, ngược lại với một thời kỳ nghỉ ngơi, không liên quan đến bất kỳ độ dài cụ thể nào của chu kỳ. Thường được sử dụng để diễn tả một thời kỳ hoạt động của hành tinh và bảy giống dân của nó.

Ảo Ảnh (Maya). Tiếng Phạn là "Ảo tượng". Thuộc nguyên lý hình tượng hoặc giới hạn. Kết quả của sự biểu lộ. Thường được sử dụng theo một ý nghĩa tương đối cho các hiện tượng hoặc sự xuất hiện khách quan được tạo ra bởi thể trí.

Huyễn Hình (Mayavi rupa). Tiếng Phạn là "Hình tượng hão huyền." Nó là thể biểu lộ được tạo ra bởi vị cao đồ hoặc bởi một tác động ý chí để sử dụng trong ba cõi thấp. Nó không có kết nối vật chất với thể xác. Nó thuộc về tinh thần và siêu phàm, và đi qua khắp mọi nơi mà không có sự ngăn cản hoặc cản trở nào. Nó được xây dựng bởi quyền năng của hạ trí, thuộc loại vật chất cảm dục cao nhất.

Tiểu vũ trụ (Microcosm). Vũ trụ nhỏ bé, hay con người biểu lộ qua cơ thể của y, là thể xác.

Chân Thần. Đấng Duy Nhất. Tinh thần tam phân trên cõi riêng của nó. Trong huyền bí, nó thường có nghĩa là Tam Thượng Thể thống nhất – Linh Thể (Atma), Bồ Đề (Buddhi), Trí Tuệ (Manas); là Ý Chí Tinh Thần, trực giác và thượng trí, [222] – hay phần bất tử của con người vốn tái sinh trong các giới thấp và dần dần tiến lên qua các giới đó đến con người, và từ đó đến mục tiêu cuối cùng.

Đấng Ứng Thân (Nirmanakaya). Những Đấng hoàn thiện từ bỏ Niết bàn (trạng thái chí phúc tinh thần cao nhất) và chọn một cuộc sống tự hy sinh, trở thành các thành viên của những vị vô hình luôn bảo vệ nhân loại trong giới hạn của nghiệp quả.

Nguyên tử thường tồn. Năm nguyên tử, với nguyên tử thường tồn hạ trí, mỗi nguyên tử cho năm cõi tiến hóa của loài người (nguyên tử thường tồn hạ trí cũng nằm trên cõi trí) mà Chân Thần chiếm giữ cho các mục đích biểu lộ. Chúng tạo thành một trung tâm ổn định và tương đối thường tồn. Xung quanh chúng, các vỏ bọc hoặc các thể khác nhau được xây dựng. Theo sát nghĩa thì chúng là những trung tâm lực nhỏ.

Hành Tinh Thượng Đế. Thuật ngữ này thường được áp dụng cho bảy tinh quân cao nhất tương ứng với bảy tổng lãnh thiên thần của người Cơ Đốc giáo. Tất cả các Ngài đã trải qua giai đoạn con người và hiện đang biểu lộ qua một hành tinh và các cuộc tiến hóa của nó, giống như cách mà con người thể hiện qua thể xác của y. Tinh quân hành tinh cao nhất hoạt động qua bất kỳ quả cầu cụ thể nào, trên thực tế, là vị Thượng Đế riêng của hành tinh.

Vật chất Nguyên thủy (Prakriti). Tên của nó xuất phát từ chức năng của nó là nguyên nhân vật chất của sự tiến hóa đầu tiên

của vũ trụ. Nó có thể được cho là bao gồm hai từ gốc, "pra" là biểu lộ và "krita" là tạo ra; có nghĩa là, những gì đã khiến cho vũ trụ tự biểu lộ.

Prana. Nguyên Khí Sự Sống, hơi thở của Sự sống. Nhà huyền bí tin vào phát biểu sau: "Sự sống mà chúng ta xem như là một hình thức tồn tại, biểu lộ trong những gì được gọi là vật chất, hoặc phân tách chúng một cách không chính xác, là những gì mà chúng ta đặt tên là Tinh thần, Linh hồn và Vật chất trong con người. Vật chất là vận cụ cho sự biểu lộ của linh hồn trên cõi hiện tồn này, linh hồn là vận cụ cho sự biểu lộ của tinh thần, và ba điều này như một bộ ba được tổng hợp bởi Sự Sống, vốn thâm nhập tất cả chúng."

Purusha. Bản ngã tâm linh. Bản ngã được hiện thân. Từ này theo sát nghĩa là "Chủ thể ngự trong thành phố" – nghĩa là, trong cơ thể. Nó có nguồn gốc từ tiếng Phạn "pura" có nghĩa là thành phố hoặc cơ thể, và "usha" là một dẫn xuất của động từ "vas", trú ngụ.

Tứ Nguyên (Quaternary). Phạm ngã tứ phân, hay con người, trong ba cõi thấp. Có những phân chia khác nhau về điều này, nhưng có lẽ với mục đích của chúng ta, cách tốt nhất là liệt kê bốn thứ này như sau:

1. Hạ trí.
2. Thể cảm xúc hoặc dục vọng.
3. Prana, hay Nguyên khí Sự Sống.
4. Thể dĩ thái, hoặc bộ phận cao nhất của thể vật lý nhị phân.

Thiên Vương (Raja Lord). Từ "Raja" đơn giản có nghĩa là Vua hoặc ông Hoàng; từ này đã được áp dụng cho những thiên

thần hoặc những thực thể vĩ đại ban linh hồn cho bảy cõi. Đây là những vị đại thiên thần, là tổng số và trí thông tuệ kiểm soát một cõi.

Raja Yoga. Hệ thống thực sự của việc phát triển các quyền năng tâm thông và tinh thần, và hợp nhất với Chân Ngã hoặc Chân Nhân của con người. Nó bao hàm việc rèn luyện, chỉnh đốn và tập trung tư tưởng.

Cung (Ray). Một trong bảy luồng lực của Thượng Đế; bảy nguồn sáng vĩ đại. Mỗi một trong số đó là hiện thân của một thực thể vũ trụ vĩ đại. Bảy Cung có thể được chia [224] thành ba Cung Trạng thái và bốn Cung Thuộc Tính, như sau:

Các Cung Trạng thái

1. Cung Ý Chí, hay Quyền Lực.
2. Cung Bác Ái-Minh triết.
3. Cung Hoạt Động hoặc Thích Nghi.

Các Cung Thuộc Tính

4. Cung Hải Hòa, Mỹ Lệ, Nghệ thuật hay Thống nhất.
5. Cung Kiến Thức Cụ Thể hoặc Khoa Học.
6. Cung Chủ Nghĩa Duy Tâm Trừu Tượng hoặc Sùng Tín.
7. Cung Huyền Thuật Nghi Lễ, hay Định Luật.

Các tên trên chỉ là một số được chọn trong số nhiều tên, và thể hiện các khía cạnh khác nhau của thần lực Thượng Đế biểu lộ qua đó.

Vòng Giới Hạn. Vòng này ở chu vi của thái dương hệ biểu lộ, và là ngoại vi của ảnh hưởng của mặt trời, được hiểu cả về mặt bí truyền và công truyền. Giới hạn của lĩnh vực hoạt động của sinh lực trung tâm.

Căn Chủng. Một trong bảy giống dân của nhân loại, tiến hóa trên một hành tinh trong chu kỳ tồn tại lớn của hành tinh. Chu kỳ này được gọi là một thời kỳ thế giới. Căn chủng Arya, mà chủng tộc Ấn Độ, châu Âu và châu Mỹ hiện đại thuộc về, là căn chủng thứ năm, người Trung Quốc và người Nhật Bản thuộc về căn chủng thứ tư.

Sensa, hoặc Senzar. Tên của ngôn ngữ tăng lữ bí mật, hay "cách nói bí ẩn" của các vị cao đồ được điểm đạo trên khắp thế giới. Nó là một ngôn ngữ phổ quát, và phần lớn là một mật mã thuộc chữ tượng hình. [225]

Bạch Đảo (Shamballa). Thành Phố của các vị Thần, ở phía Tây đối với một số quốc gia, ở phía Đông đối với các quốc gia khác, ở phía Bắc hoặc Nam đối với các quốc gia khác nữa. Đó là hòn đảo linh thiêng trên Sa Mạc Gobi. Đó là quê hương của chủ nghĩa thần bí và Giáo Lý Bí Truyền.

Tam Thượng Thể (Triad). Con Người Tinh Thần; là biểu lộ của Chân Thần. Đó là tinh thần mằm mống chứa đựng các tiềm năng của thiên tính. Những tiềm năng này sẽ được khai mở trong quá trình tiến hóa. Tam Thượng Thể này tạo thành bản ngã được biệt ngã hóa hoặc tách biệt, hoặc Chân Nhân.

Tính Phân Biệt (Viveka). Tiếng Phạn là "sự phân biệt". Bước đầu tiên trong con đường huyền bí là sự phân biệt giữa thực và giả, giữa thực chất và hiện tượng, giữa Ngã và Phi ngã, giữa tinh thần và vật chất.

Lễ Hội Wesak. Một lễ hội diễn ra ở dãy Hy Mã Lạp Sơn vào rằm tháng Năm. Người ta nói rằng ở lễ hội này, tất cả các thành viên của Thánh Đoàn đều có mặt, Đức Phật, trong một

thời gian ngắn ngủi, phục hồi sự tiếp xúc và sự kết hợp của Ngài với công việc của hành tinh chúng ta.

Yoga . 1. Một trong sáu trường phái của Ấn Độ, được cho là do Patanjali thành lập, nhưng thực sự có nguồn gốc sớm hơn nhiều. 2. Việc thực hành Thiền Định như một phương tiện dẫn đến sự giải thoát tâm linh.

Lưu ý : Bảng ngữ giải này không bảo đảm đầy đủ để giải thích tất cả các thuật ngữ ở trên. Nó chỉ là một nỗ lực để chuyển sang tiếng Anh một số từ nhất định được sử dụng trong cuốn sách này, để người đọc có thể hiểu ý nghĩa của chúng. Phần lớn các định nghĩa đã được chọn lọc từ *Ngữ Giải Thông Thiên Học, Giáo Lý Bí Nhiệm và Tiếng Nói Vô Hình*.

